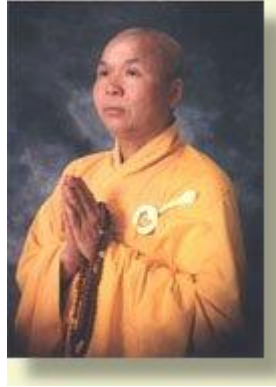


PHÁP NGŨ LỤC



HT Đức Niệm

Phật Học Viện Quốc Tế Xuất Bản

Phật Lịch 2535 - 1991

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 26-05-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

- 01. LỜI ĐẦU SÁCH**
- 02. TÂM Ở ĐÂU**
- 03. TÂM ĐỊA**
- 04. THÁNH PHẠM TẠI TÂM**
- 05. LÀ PHẬT TỬ CHÂN CHÁNH**
- 06. CÔNG ĐỨC BỒ THÍ**
- 07. HỒ THẮM CUỘC ĐỜI**
- 08. THIỀN**
- 09. ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT KHI THAM THIỀN**

10. HUỆ KHẢ CẦU ĐẠO
11. ĐÔNG THẤT THIÊN SƯ VÀ TÂY THẤT THIÊN SƯ
12. CỘI NGUỒN KHỔ LỤY
13. NHÂN QUẢ BÁO ỨNG HIỆN TIỀN
14. CÂY NÀO QUẢ NẤY
15. XẢ THÂN CẦU ĐẠO
16. CÂU CHUYỆN ĐẠO LÝ
17. PHƯỚC BÁO NHIỆM MÀU
18. TỄ TƯỚNG ĐÀU PHẬT
19. Ý NGHĨA LÁ CỜ PHẬT GIÁO
20. NGUỒN GỐC VÕ THIÊU LÂM
21. KỶ NIỆM CHƯA QUÊN
22. NÀO NGỜ
23. PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ
24. BƯỚC VÀO CỬA PHẬT
25. KỂ MÊ NGU CHẤP
26. NẮM TAY TIỀN VÀNG
27. ĐỊNH HƯỚNG THUYỀN ĐỜI
28. TA LÀ AI?

---o0o---

01. LỜI ĐẦU SÁCH

Đức Phật trước giờ vào Niết Bàn, ngài nói với chúng đệ tử rằng: "Suốt 49 năm giáo hóa, thật ra ta chưa từng nói một lời nào". Đủ thấy cái chân lý cao siêu tuyệt đối không thể dùng lời diễn tả được.

Suốt bốn mươi chín năm ròng rã thuyết pháp của Đức Phật đầy như là ngón tay chỉ mặt trăng, còn cái chân lý thuyết vời mà Ngài muốn trao gửi cho người đời thì như mặt trăng. Muốn thấy chân tướng mặt trăng, cần phải nương ngón tay. Nhưng nếu lại chấp chặc vào ngón tay thì muôn đời không thể nào thấy được mặt trăng. Vì thế kinh nói: "Nhứt thiết tu ta la giáo như tiêu nguyệt chỉ". Nghĩa là tất cả kinh điển Phật dạy như ngón tay chỉ mặt trăng là vậy.

Cái chân lý tuyệt diệu thì không thể dùng ngôn ngữ văn tự để diễn bày, cũng như người muốn đạt đạo thì không thể đơn phương dùng ngôn ngữ văn tự mà thể đạt được. Lão Tử cũng đồng quan điểm này, khi ông nói "Đạo khả đạo phi thường đạo". Cái đạo mà dùng lời nói ra được thì đó chưa phải

là cái đạo chơn thường. Thế nên kinh Phật nói "ngôn ngữ đạo đoạn" là ý nghĩa này đây.

Lời nói không thể diễn tả trọn vẹn chân lý đạo. Thảo nào Đạt Ma Thiên Tổ chín năm im lặng xoay mặt vào vách để quán tâm. Tâm quán triệt thì tuệ giác mới có cơ ngơi sáng, thấu đạt lý đạo vi diệu. Muốn diệu tâm chơn tánh hiển bày, không gì hơn là ngày ngày phải chuyên tâm niệm Phật tham thiền để tâm được yên, từ đó tâm tự quán chiếu.

Vậy muốn đạt đạo, không cách nào ngoài vận dụng tâm. Tâm thanh tịnh tức thể nhập đạo. Muốn tâm được thanh tịnh chóng mau không gì bằng dùng nước giáo pháp của Phật gội rửa để cho cấu uế phiền não tiêu sạch. Người muốn được tiến bộ trên đường giác ngộ giải thoát trước hết phải nương vào kinh điển của Phật, theo đó hành trì tu tâm sửa tánh mới mong thân tâm thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh thì huệ nhật phát sanh, Phật tánh hiển lộ. Có thiết tha hành trì, thường hằng đốc chí cầu tiến thánh thiện thân tâm, thì lo gì không thể nhập chân lý, trực chỉ đạt thành đạo quả giác ngộ.

Bởi ý nghĩa này, nên nhà Phật thường gọi người gọi phát tâm hành đạo hướng thượng trên đường giác ngộ giải thoát là hành giả. Hành giả chứ không phải thuyết giả. Thuyết giả là kẻ chỉ biết nói suông. Kẻ miệng thích nói ba hoa, khoa chuông, giống trống, vọng ngôn, trồng cội tội ác. Nói hay mà không thực hành hay thì chỉ là cái máy phát thanh, giống như anh chàng suốt ngày đếm tiền cho chủ, kẻ chặn cừu cho ông trưởng giả, đó cũng là hình ảnh con vẹt nói tiếng người. Trên đời này không thiếu chi kẻ thích nói suông mà không thích thực hành. Hạng người như thế có khác nào người đói ngồi nói thức ăn này này ngon, thức ăn kia dở. Kẻ khát ngồi phân tích rành rẽ nước nọ bổ, nước kia ngọt mà không chịu uống ăn!

Cũng vậy, kẻ hiểu chút ít giáo lý nhà Phật, mang ảo tưởng mình tu cao, thấu hiểu Phật pháp, đến đâu cũng nói khoác ra ta đây thông bác, làm thầy đời, trong lúc đó chính mình lại quên thực hành lời Phật dạy, đời sống hằng ngày không có chút ít gì Phật pháp. Núi tham sân si mạn nghi còn đầy áp cả người. Những kẻ như thế chỉ là trò cười thiên hạ, tự làm hạ phẩm giá của mình, nên có lời kệ khuyên:

*Hãy nhớ sâu những lời Phật dạy,
Để soi mình phản chiếu tự tâm,
Hầu tránh xa muôn kiếp lỗi lầm,
Miễn Cực Lạc thay trầm luân khổ hải.*

Hơn mười năm hành đạo ở Hoa Kỳ, tôi thường đi hoằng pháp đó đây, những lời giảng pháp của tôi tưởng chừng đã hòa tan trong không gian như mây khói. Nào ngờ hôm nay cơ duyên hội tụ, lời giảng pháp năm xưa kết thành trang sách "Pháp Ngữ Lục" này. Những lời đó có đáng giá gì đâu! Vì đây chỉ là lập lại những lời di giáo của Đức Phật ngàn xưa. Nhưng những gì thuộc về dĩ vãng không còn nghĩ nhớ đến, dĩ vãng đã quên mà nay còn tồn tại, ấy là bóng hình của văn hóa. Như nhà ngoại giao Pháp Edouard Herriot nói: "Văn hóa là cái gì còn lại khi người ta đã quên hết tất cả, là cái vẫn thiếu khi người ta vẫn học hết tất cả". (La culture, c'est ce qui reste quand on a toute oubliée, c'est ce qui manque quand on a tout appris). Bản chất của văn hóa không rời đạo đức.

Tôi mang tâm nguyện đem lời dạy của Đức Phật trong kinh điển trình thưa với mọi người, những mong cho ai nấy kết thiện duyên Bồ đề cố gắng thực hành để có được đời sống an lạc, thăng tiến trên quang lộ thánh thiện giác ngộ. Luận Dị Độ Tôn Luân nói: "Tất cả những kết quả tốt đẹp đều thực hiện bởi con người". Kinh Hoa Nghiêm cũng nói: "Con người là hơn cả, có khả năng làm nên các pháp lành". Thánh thiện hay phàm phu, trầm luân hay giải thoát, vô minh hay giác ngộ đều chính con người chủ động. Điều đáng lưu ý cho hành giả là vẫn hay chữ tốt không làm cho chơn tâm hiển lộ. Danh vọng chức tước dù đạo hay đời cũng không thực tế giúp ích gì trên đường giác ngộ giải thoát.

Chân lý duyên sanh tuyệt vời qua lời Phật dạy trong kinh Thủ Lăng Nghiêm: "Nhơn duyên hòa hợp hư vọng hữu sanh. Nhơn duyên biệt ly hư vọng hữu diệt". Các pháp thế gian hiện thành là do lớp lớp duyên sanh duyên diệt nối tiếp nhau. Mọi hiện tượng đều do tương duyên tương sanh mà hình thành vạn pháp. Nên bản chất của thế gian là tương duyên sanh diệt. Nếu không có sanh diệt thì không gọi là thế gian. Nên kinh Lăng Già nói: "Thế gian ly sanh diệt, du như hư không hoa". Nghĩa là thế gian này là hiện tượng sanh diệt ra thì chẳng khác hoa đóm giữa hư không. Hoa đóm có là đối với người nhắm mắt. Vạn vật thế gian có hiện tượng tồn tại là đối với chúng sanh vô minh, tham vọng, tuệ giác còn trong vòng chướng ngại. Bản chất vạn hữu thế gian là huyền ảo thế đó. Nên kinh Kim Cang nói: "Tất cả các pháp thế gian đều như mộng huyễn, như bóng bọt". (Nhứt thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh).

Thân ta cũng là một pháp trong vô lượng pháp thế gian, tán tụ vô thường, tan hoại còn mất, tùy thuộc nhân duyên của tứ đại thuận nghịch mà hình thành tướng trạng hợp tan. Có lẽ tôn giả Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất

khi nghe tỳ kheo Át Bệ, một trong năm người đệ tử xuất gia đầu tiên của Phật trả lời "Thầy tôi là bậc đại sa môn thường dạy rằng: Các pháp do nhân duyên sanh và diệt cũng do nhân duyên diệt" mà liễu ngộ chân tướng vạn pháp, nên hai Ngài bỏ tà đạo, hồi đầu cầu Phật xin được xuất gia làm đệ tử, dốc chí tu hành chẳng bao lâu chứng Thánh, trở thành đệ tử hàng đầu trong tăng đoàn của Phật.

Quyển Pháp Ngũ Lục này sẽ làm thất vọng cho những ai có ý mong tìm những áng văn hay, những tư tưởng kỳ lạ, mới triết lý cao siêu. Vì sách đây vốn là văn nói từ những bài giảng pháp kết thành, và nó cũng không có kỳ vọng cống hiến cho đời cái triết lý viển vông để thỏa mãn trí óc tò mò, xa lìa lý tưởng xây dựng đời sống an lạc thực tế. Nhưng nó có thể đáp ứng cho những hành giả có tâm chí cầu thoát ly quý đạo luân hồi. Nó sẽ là phương tiện, là môi trường thuận lợi trên bước đường hành đạo xây dựng đời sống thánh thiện, an lạc trong ánh sáng giác ngộ giải thoát của Đức Phật. Ấy chính là tâm nguyện của tỳ kheo quê mùa tôi đây vậy.

Hoa Kỳ, Phật Đản Tân Mùi 1991
THÍCH ĐỨC NIỆM

--- oOo ---

02. TÂM Ở ĐÂU

Thưa quý vị,

Người đời thường nói tu tâm. Người Phật tử chúng ta thường nói Phật tại tâm. Phật tại tâm sao ta cứ mãi sai lầm trầm luân phiền khổ thế này! Vậy tâm ở đâu? Hôm nay tôi xin lược trình bày cùng với quý vị, tâm ở đâu.

Thưa quý vị,

Không ít người thắc mắc khi nghe nói đến tâm Phật, tâm chúng sanh. Vậy tâm là cái gì, nó ở đâu? Đó là câu hỏi thường được phát xuất trên miệng người đời. Một cách đơn giản, xin trả lời gọn, hằng ngày chúng ta suy nghĩ, phán đoán, quyết định, thương ghét, vui buồn v.v... tất cả những thuộc về tinh thần nhận thức đều gọi là tâm, là bóng hình của tâm, nhà Phật gọi đó là vọng tâm. Tâm chủ đông hành vi tạo tác suốt cả đời người, và làm cho cuộc đời trở nên an định hay loạn động.

Nhưng đó là câu trả lời tổng quát. Muốn phân biệt một cách rõ ràng, xin quý vị lần lượt theo đây:

Giáo lý của nhà Phật rộng sâu như rừng biển, phương tiện pháp môn của nhà Phật nhiều đến vạn thiên. Bằng cách này hay cách khác, tất cả đều quy về tâm. Tâm có tâm Vương, tâm Sở. Phần này ở Duy thức học phân biệt rất cặn kẽ, rõ ràng. Chỉ thuyết minh về tâm thôi, mà hình thành một tông phái gọi là Duy thức tông hay còn gọi là Pháp tướng tông. Với những bộ kinh Đại thừa như Bát Nhã, Thủ Lăng Nghiêm, Lăng Già, Kim Cang ... đều luận giảng về tâm.

A Nan tôn giả đã bao phen bối rối khi Đức Phật hỏi tâm ở đâu? Đủ thấy "Tâm" mật áo vi diệu đến là dường nào. Nhiều người hằng ngày miệng bô bô nói "tâm tôi", tôi "tu tâm". Nhưng khi hỏi tâm ở đâu chỉ ra xem, thì họ ngẩn người lúng túng. Rồi hỏi thế nào là tu tâm, thì ú ớ ngây người trợn mắt, không có lấy một câu trả lời dứt khoát. Đó là những người quá thờ ơ dễ dãi xem nhẹ phần tâm linh của mình, không thấu hiểu vai trò trọng yếu là, tâm chỉ huy suốt cả đời sống của mình. Thăng trầm, vinh nhục đều do tâm. Biết nhận định, chánh, tà, chân, giả đều là tâm.

Tâm là phần hiểu biết của phàm phu. Chơn tâm là hiểu biết của Phật. Phàm phu sống theo vọng tâm tham lam, sân hận, si mê, ích kỷ, đấm đuôi với danh lợi, ái ân, trần cảnh ngũ dục của thế gian. Được, còn, cảnh thịnh thì vui. Mất, suy, cảnh tàn thì buồn. Buồn vui theo cảnh, bị động theo duyên trần là vọng tâm. Đạt được lẽ sắc không, chẳng tham đắm cảnh trần mộng huyễn, tự tại trước cuộc đời thịnh, suy, tan, hợp, thì đó là chơn tâm. Chơn tâm tức là tâm Phật.

Tâm Phật thì giác ngộ không đắm nhiễm mê chấp. Tâm Phật thì từ bi, hỷ xả, lợi tha, bình đẳng, tự tại giải thoát, an nhiên trước cảnh thịnh suy, còn mất. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: "Nhân duyên hòa hợp hư vọng hữu sanh. Nhân duyên biệt ly hư vọng hữu diệt. Nghĩa là mọi vật ở đời có, đều do nhân duyên sanh. Một khi nhân duyên không hòa hợp thì mọi vật tan rã, hoại diệt. Bát Nhã Tâm Kinh nói: "Người ta khổ lụy vì mê chấp thân này. Thân này do ngũ uẩn hợp thành. Ngài Quán Tự Tại Bồ Tát quán ngũ uẩn đều là không, nên thoát ly mọi sự khổ ách". Thời đại nhà Lý, ngài Đạo Hạnh Thiền sư nói:

*"Tác hữu trần sa hữu
"Vi không nhưt thiết không
"Hữu không như thủy nguyệt*

"Vật trước hữu không không.

Tạm dịch:

*"Có thì có tự mây may
"Không thì cả thế gian này đều không
"Kìa xem bóng nguyệt dòng sông
"Ai hay không có có không là gì.*

Vạn hạnh Thiền sư đã đạt được lẽ sắc không mộng huyền của vạn vật, nên trước khi thị tịch, Ngài làm bài kệ để nhắc nhở chúng tử như sau:

*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.*

Tạm dịch:

*Thân như bóng chớp chiều tà
Cỏ xuân tươi tốt thu qua rụng rời
Sá chi suy thịnh cuộc đời
Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành.*

Nhận định rõ tâm, biết đâu là chơn là vọng, thật sống với chơn tâm là người đã đạt đạo chứng quả. Tâm địa một khi không còn phân biệt đằm nhiễm duyên trần, mà thể nhập với pháp tánh bao la hòa đồng với vũ trụ, không còn hạn hẹp trong giả tướng thịnh suy, còn mất, ấy là chơn tâm. Như sóng hết, biển trong. Hình thức sóng bọt chao động chỉ cho vọng tâm. Tánh nước biển trong sóng, phẳng lặng tạm chỉ chơn tâm. Chơn tâm thì tự tại vô ngại thường hằng. Tâm đã tự tại vô ngại, không còn chấp trước phân biệt nhân ngã, đây kia, mất còn, tốt xấu, thương ghét, đây chính là tâm Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Tâm, Phật, chúng sanh tam vô sai biệt. Mê thị chúng sanh, ngộ tức Phật". Nghĩa là tâm ta, tâm Phật và tâm chúng sanh cả ba đều không sai khác. Mê là chúng sanh, ngộ là Phật.

Tâm mê là tâm vọng động. Tâm ngộ là tâm thanh tịnh. Đủ biết phàm phu tục tử khổ lụy đọa đày cũng do tâm. Mà thánh nhơn từ bi giải thoát tự tại cũng do tâm. Kinh Pháp Hoa, Đức Phật nói: "Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh". Nghĩa là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhưng chúng sanh không thắng nổi dục vọng, không khắc phục loạn động của phàm tâm,

nên Phật tâm bị lu mờ. Chẳng khác nào nước biển vốn trong ngần bị gió chao động mà thành sóng. Chúng sanh tâm vốn thanh tịnh bị nhiễm ngũ dục thế gian mà sanh phiền não buộc ràng.

Tâm Phật như trăng sáng, trăng mờ bởi mây. Tâm Phật như gương sáng, gương lu bởi bụi trần. Gió thổi mây bay, trăng lại sáng. Lau bụi thì gương trong. Mây, bụi có đến đi, còn mất. Tánh sáng của trăng, gương muôn đời vẫn là sáng. Không vì mây, bụi mà bản chất sáng của trăng, gương hoen ố. Phật tâm muôn đời sáng suốt giác ngộ vẫn tồn tại nơi chúng sanh. Nhưng chúng sanh mê chấp lại giống ruồi theo dục tình trần cảnh mà quên đi Phật tâm nơi mình, giống ruồi truy cầu không trở về sống lại với bản tâm Phật tánh thường tại nơi mình. Như đứa con nghe lời dụ dỗ của bạn ác bỏ cha mẹ ra đi sống lang thang thành kẻ cùng tử. Như đứa trẻ được cha mẹ giấu ngọc trong vạt áo mà không biết, lại đi ăn xin đầu đường xó chợ. Cũng vậy, mỗi chúng sanh đều có chơn tâm Phật tánh nơi mình, nhưng không chịu sống với Phật tâm chơn tánh để được tự tại giải thoát an vui, mà lại đắm đuối chạy theo vọng thức bị ngũ dục ái ân, danh lợi, tình đời cuốn lôi nhận chìm trầm luân khổ hải muôn kiếp không dứt.

Thiền sư Trần Thái Tông nhận rõ kiếp luân lưu nổi chìm của phàm nhơn, ông nói:

*"Vĩnh vi lãng đặng phong trần khách,
Nhứt vãng gia hương vạn lý trình".*

Tạm dịch:

*"Một thưở ra đi trong cát bụi,
Ngàn năm mất dấu hướng về quê".*

Đức Phật thương xót kiếp trầm luân của muôn loài, nên Ngài thốt lên lời tâm nguyện trong kinh Pháp Hoa: "Ta ra đời vì một đại sự nhân duyên lớn. Nhân duyên đó là, khai mở chỉ bày cho chúng sanh thấy rõ Phật tánh, chơn tâm để ngộ nhập tri kiến Phật của chính mình, chơn tâm để ngộ nhập tri kiến của chính mình". Nên Đức Phật đã suốt 49 năm cho sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, thức tỉnh người đời giác ngộ, để quay về chơn tánh Phật tâm của chính mỗi người.

Nặng mang tâm nguyện lợi sanh như vậy, nên không ngày nào Ngài nghỉ, không chỗ khó khăn nguy hiểm xa xăm nào mà Ngài không đến, không chúng sanh nào nghiệp chướng sâu dày mà Ngài không phương tiện

đề độ, và không nghịch cảnh gian nguy nào mà Ngài không xông pha vào đề hóa độ.

*Đã nhiều kiếp hy sinh hóa đạo
Đem phép màu giáo hóa quần sanh
Dứt niềm non ngã đua tranh
Thẳng đường Bát chánh đến thành chơn như.*

Suốt đời Đức Phật hy sinh cho chúng sanh nhân loại bằng tu chứng, bằng suốt năm mươi năm rày đây mai đó thuyết pháp, khai mở đủ phương tiện pháp môn để chỉ bày bí quyết, khiến cho chúng sanh trở về cội nguồn bản tánh Phật tâm giác ngộ. Nhờ lời dạy cặn kẽ của Phật mà ta nhận biết được trong ta sẵn có chơn tánh Phật tâm, từ bi, hỷ xả, lợi tha. Nếu ta không cố gắng khắc phục tu tĩnh để trừ bỏ vọng tâm phàm tánh tham lam, sân hận, si mê, đố kỵ, ái tình, danh lợi để trở lại với bản tánh Phật tâm của ta thì không ai cứu nổi ta thoát kiếp trầm luân. Rồi ra sáu nẻo luân hồi tránh sao cho khỏi tiếp tục đọa lạc? Như vậy là vô tình vong ân Phật đã vì ta mà thiết tha chỉ dạy sự tu tĩnh. Như thế là ta đã cô phụ khả năng thánh thiện Phật tâm của ta. Như thế là ta tự đào huyệt trầm luân để đắm chìm trong sanh tử muôn triệu kiếp, và như thế làm sao ta có thể báo ân Phật, đền trả ơn cha mẹ, và cứu giúp chúng sanh?

Chúng sanh chỉ vì đắm mê ngũ dục, sống theo vọng thức, tham lấy cái giả, mà đành xa lìa chơn tâm, bỏ đi cái thường lạc tự tại, nên phải vùi sâu kiếp kiếp trầm luân.

Vậy tâm là gì, ở đâu? Nói một cách ngắn gọn là: Tất cả nhận thức phân biệt hằng ngày của ta là hình bóng của tâm, hay là vọng tâm. Chừng nào đối với ngũ dục lạc không sanh tâm đắm nhiễm, không vui buồn phiền khổ theo sự mất còn, ấy là chơn tâm. Hay nói cách khác, không mê chấp là tâm.

---o0o---

03. TÂM ĐỊA

Thưa quý vị,

Chúng ta thường nói tâm địa để chỉ cho cõi lòng, tâm thức của mỗi con người hiền dữ, tốt xấu. Kỳ này tôi đến đây hướng dẫn quý vị tu tịnh nghiệp và giảng kinh Bát Đại Nhân Giác, tôi muốn lược trình bày về ý nghĩa của chữ Tâm địa.

Sáng hôm nay, tôi đi kinh hành niệm Phật trên đường phố Chicago, trong lúc quý vị tụng thời công phu sáng. Mỗi lần đến thành phố này hoàng pháp, theo thói quen mỗi sáng, tôi đều làm như vậy. Khác với mọi lần trước đây, lần này cảnh vật mùa thu làm cho tôi xúc cảm nhiều.

Nhìn đâu đâu, cây lá cũng đều màu vàng và đang chuyển sang màu đỏ ối. Khắp mặt đường, bãi cỏ gốc cây, đó đây phủ đầy lá vàng khô. Thịnh thoảng có những chiếc lá lia cành rơi bám lên người tôi như mời gọi thăm hỏi để làm quen. Có vài chiếc lá rơi theo nhịp chân kinh hành, mãi đến khi có làn gió nhẹ mới chịu rời tôi, rồi vội lượn đôi ba vòng như để chào tạm biệt, trước khi nằm yên trên mặt đất. Có những chiếc lá lặng lẽ rời cành nhẹ bay như để tìm nơi, rồi im lìm nằm phơi trên mặt đất, một cách thản nhiên an lành. Có những chiếc lá lia cành theo làn gió thoảng, bay lượn mấy vòng trên không, như múa may đùa giỡn với vạn vật cùng chung số kiếp vô thường sanh diệt. Có những chiếc lá rời cành rồi bay ngược lên, như luyến tiếc thời xuân sanh hay muốn bám víu để kéo dài thêm kiếp sống. Có những chiếc lá đã rơi gần mặt đất rồi lại bay bổng lên hư không, nhào lộn quay cuồng mấy vòng, như để chống trả tử thần vào giờ phút chót, cố sức bay giữ cho thăng bằng, tựa hồ lưu luyến, lướt qua ngọn cỏ cành hoa, rồi từ từ kiệt sức mới chịu nằm yên trên mặt đất.

Có những người vui vẻ an nhiên tự tại trước cái lẽ vô thường sanh diệt của kiếp người và vạn vật, nên sự sống chết còn mát giống như một chuyến du lịch trở về quê cũ, không làm cho họ mảy may xúc động. Có những kẻ đau khổ trước sự sanh ly tử biệt. Có những kẻ tham luyến sâu dày, nên dù đến hơi thở cuối cùng của kiếp sống mà lòng tham ái lưu luyến tiếc nuối cũng vẫn trào dâng thúc bách làm cho họ uất ức khổ đau. Có những kẻ do lòng vô minh dày đặc, suốt đời đắm say trên đời với vợ con tiền bạc danh vọng, nên khi quý vô thường đến, mạng sống hấp hối sắp chấm dứt, họ bực tức uất hận phấn đấu với tử thần, vật lộn với thân xác mê mệt rã rời, tâm thức hỗn loạn với hy vọng để được sống thêm. Cây mầm, cây trẻ, cây già. Lá non, lá xanh, lá già, lá héo, lá khô. Hoa nở, hoa úa, hoa tàn. Tất cả đều từ đất (địa) sanh trưởng, và cuối cùng trở về lòng đất.

Người sanh, người trẻ, người già, người chết. Vợ con, nhà cửa, bạc tiền, danh vọng, quyền uy, tất cả đều do tâm tạo. Tâm địa đã tạo ra con người và vạn vật. Vậy con người và vạn vật là bóng hình của tâm. Không có gì ngoài tâm địa mà có thể sanh khởi và tồn tại được. Tại sao chúng ta nhận bóng hình làm chân thật, đắm mê trong đó, rồi khổ vui theo sự mất còn tốt xấu của bóng hình giả ảo? Chẳng khác nào nhà họa sĩ vẽ ra bức họa, người thợ gốm

làm ra đồ sứ, nay bức họa cũ rách, đồ sứ nứt bể, lại quay ra tiếc nuối những thứ giả tạm đó rồi sanh duyên tiếc khổ đau. Sao không nắm lấy cái cán, không tìm giữ cái gốc, không sống với chính tâm địa của mình?

Tâm giống như đất. Đất ruộng không gieo trồng lúa mọc hoa lá cây trái, bỏ trống thì cỏ dại cây gai sẽ mọc đầy. Cũng vậy, tâm không niệm Phật tu hành lành thiện thì cỏ phiền não tham sân si ích kỷ dục vọng sẽ mọc đầy trong khoảng vườn tâm. Nên cổ nhân gọi tâm là tâm địa hay tâm điền là ý nghĩa này đây.

Chúng sanh đau khổ, vì chụp bắt bóng hình, mà không chịu hồi quang phản chiếu sống với tâm địa của mình. Chư Phật, Bồ Tát an vui, vì biết sống với tâm địa của chính mình, mà không mê chấp bóng hình giả tạm của thế gian. Phật được giác ngộ giải thoát, là do biết xoay vọng thức về chơn tâm, thực sống với tâm. Còn chúng sanh thì mê khổ trầm luân, vì tham đắm bóng hình do tâm thức mình tạo ra.

Kính Phật dạy:

"Nhất thiết duy tâm tạo".

"Tâm địa nhược thông, huệ nhật tự chiếu".

---o0o---

04. THÁNH PHẠM TẠI TÂM

Thưa quý vị,

Chắc quý vị thường nghe nói "tu tại tâm. Phật tại tâm. Nhất thiết duy tâm tạo". Đúng vậy, tốt xấu, nên hư, Thánh phàm đều do tâm tạo ra cả.

Tôi với bạn cùng là người Việt ty nạn. Nhưng có thể bạn với tôi mỗi người theo đuổi không cùng lý tưởng và niềm tin, nên mỗi người mỗi ngã. Từ ngày tôi biết được đạo Phật, tôi được sống trong niềm tin truyền thống của ông cha, tôi cảm nhận được nguồn sống ấm cúng cội nguồn, tôi cảm thấy lòng an ổn lạ thường! Tôi cảm nghe lòng tôi rạt rào bao la hòa điệu với lòng Đức Phật. Tôi có cảm giác như sống gần Đức Phật, tìm thấy con đường sáng an lành, vị tha và giải thoát. Nhưng thưa quý vị, đừng lầm nghĩ rằng tôi bi quan, làm thầy đời giảng đạo đức. Sự thực tôi đã tìm ra lẽ sống trong

truyền thống tổ tiên, khi tôi cảm nhận nguồn hạnh phúc trong niềm tin Đức Phật.

Thưa quý vị! Đạo Phật là đạo từ bi giác ngộ, là đạo độ đời giải thoát mọi phiền lụy khổ đau. Mục đích của đạo Phật là thức tỉnh người đời sống thực với lòng mình và nhìn thẳng vào cuộc đời để nhận chân mình và hiểu rõ mọi hiện tượng thịnh suy thành bại của cuộc đời. Thực chất của thân người là sanh, già, bệnh, chết, khổ và không. Thực chất của cuộc đời là danh lợi, ái dục. Con người và cuộc đời được xây dựng trên tham lam, sân hận, si mê, ích kỷ và tất cả đều giả tạm. Con người suốt đời quanh quẩn đắm chìm trong vòng tranh chấp thị phi. Do đó, bi quan, lạc quan, thành bại, ái ân của tình đời được tô điểm lên lớp tự kỷ, mỹ hóa, nhưng thực chất của mọi hiện trạng vẫn là ích kỷ, tham, sân, si, ái dục, danh lợi, khổ và không.

Đức Phật nhận thấy chúng sanh đắm chìm trong hư giả mộng huyễn, liên miên chập bắt chập trước rồi sanh ra tranh chấp tạo đau khổ cho nhau, nên động lòng thương mà thuyết giảng hướng dẫn để cho người đời tỉnh thức. Kinh Lăng Già nói: "Thế gian ly sanh diệt, du như hư không hoa. Trí bất đắc hữu vô, nhi hứng đại bi tâm. Viễn ly u đoạn thường, thế gian hằng như mộng". Nghĩa là: Nếu thế gian là sanh diệt thanh suy vinh nhục hơn thiệt thì giả huyễn như hoa đóm giữa hư không. Nhưng chúng sanh không nhận rõ điều đó, nên đắm đuối khổ lụy. Vì vậy Phật động lòng từ bi mới giảng thuyết giáo pháp để cho chúng sanh thấu rõ vạn sự thế gian là mộng, đừng dong ruổi, nên gắng tu để giác ngộ, chứng chân thật giải thoát.

Để tránh rơi vào cái khổ tâm thao thức triền miên của kiếp người bất an, Đức Phật khuyên con người nên sớm tu tỉnh. Muốn tu tỉnh thì trước nhất phải mở rộng lòng ra, biết tri túc, hỷ xả, bố thí, thương giúp người, biết phản tỉnh tự tâm, biết rõ ta từ lòng mẹ ra đời với hai bàn tay trắng và ngày từ già cõi đời này cũng chỉ với hai bàn tay trắng. Tình ân ái vợ chồng con cái quyền thuộc có thương tiếc kéo níu lại cũng không được. Dầu giàu có tiền kho bạc biển cũng không mua chuộc được với tử thần. Quý vô thường đến dất đi không thể hẹn. Mạng sống của đời người chỉ trong hơi thở. Thở ra mà không hít vào là kết liễu mạng sống. Sớm còn tối mất nào có chắc gì? Nếu chúng ta không biết tĩnh tu, suốt tháng năm, suốt cả cuộc đời cứ chạy theo hy vọng hảo huyền, để cho lòng tham lam, ái dục, ích kỷ lôi cuốn, một mai nhắm mắt lia đời, có ân hận mình sao vụng tu thiếu phước cũng chẳng kịp.

Nhờ kiếp trước có tu, nên nay ta được thân người với năm căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đầy đủ. Nhờ phước đức vun trồng đời trước, nên đời nay ta

du ăn dư để, con cháu được ấm no. Nay ta được sống trong hoàn cảnh ấm no, ta lại tham lam, bòn xén, ích kỷ, hưởng thụ, không lo tu tập, làm phước bố thí cúng dường thì hóa ra ta tạo nhân bản cùng cho kiếp sau. Ta quay trở lại con đường gai góc đá sỏi của bản cùng bệnh hoạn. Có khác nào như người làm ruộng, nhờ năm trước thức khuya dậy sớm ra công cấy cấy nhổ cỏ bón phân tưới nước, nên năm nay trong nhà được thóc lúa đầy kho. Vợ con nhờ đó mà no cơm ấm áo. Nhưng nay được no cơm ấm áo, mà không chịu cần mẫn tiếp tục việc đồng áng, anh lại chỉ lo hưởng thụ chơi bời, nên gạo kho, bạc tiền của anh hết dần, và chắc chắn rồi ra anh sẽ rơi vào túng thiếu đói rách trong những năm sắp tới.

Cũng tâm trạng đó, khi nghèo khó hoạn nạn, người lo tu, phát tâm thương người, kính tin van vái Phật pháp, làm việc phước thiện. Đến khi hết hoạn nạn, no cơm ấm áo, vợ đẹp con xinh, thì tâm đạo xa sút, lơ quên Phật trời. Nên Đức Phật nói: "Giàu sang, trẻ đẹp mà phát tâm học đạo là khó". Ngạn ngữ có câu: Lâm nạn thì vái bốn phương. Hết nạn đồng lương chẳng mất".

Nói đến đây, tôi còn nhớ câu chuyện mà tôi được nghe khi còn ngồi ở ghế Phật Học Viện, các bậc Thầy tôi dẫn dụ trong buổi giảng dạy giáo lý. Tôi nhớ mãi câu chuyện này, nay xin lược kể ra đây để cống hiến quý vị:

- Khi Đức Phật còn ở đời, em ruột cùng cha khác mẹ của Ngài là ông Nan Đà, con người bảnh trai lịch thiệp phong lưu, tham ái đa tình. Nhờ lịch thiệp bảnh trai, lại là hoàng tử, nên Nan Đà đã sớm giao du với mọi người trong hoàng thân quốc thích, dự không biết bao nhiêu cuộc yến tiệc rượu nồng, cung phi mỹ nữ trẻ đẹp, đờn địch hát xướng.

Lửa tình sớm đốt cháy nơi lòng, Nan Đà đã sớm thành hôn với thiếu nữ trẻ đẹp tên Tôn Đà Lợi. Từ đó Nan Đà đắm đuối bên vợ suốt ngày đêm. Chàng cảm thấy dường như vẻ đẹp của hoa lá, cùng hương trời sắc nước của trần gian như đã tô điểm thêm vẻ đẹp cho vợ mình. Nan Đà rất thích những buổi yến tiệc của hoàng tộc để chàng có dịp dắt vợ khoe giữa đám đông. Vui thích được nghe mọi người chúc tụng khen tặng vợ mình trẻ đẹp, đồng thời cũng không muốn vợ tiếp xúc giao thiệp với người khác.

Chàng thương yêu vợ đáo để không rời xa một bước, Lòng ham muốn dục tình trong người Nan Đà như than hầm rực đỏ nung cháy trong lòng. Suốt ngày chỉ suy tính đến chuyện yêu đương ân ái giàu sang hưởng thụ cho thỏa tình. Nhưng lòng tham dục của kẻ không biết thiếu dục tri túc có bao

giờ đủ đâu? Cho nên kẻ tham dục luôn luôn rơi vào hưởng thụ ích kỷ như người khát uống nước biển, càng uống càng cảm thấy khát!

Theo thời gian, tâm trí và năng lực của Nan Đà chỉ biết cung phụng cho ái ân bạc tiền. Đức Phật thương ông sẽ trôi lăn triền miên trong vũng bùn ngũ dục (tài, sắc, danh, ăn, ngủ) vô tình đem đốt rụi đời mình trong đống lửa tham vọng dục tình, để rồi chuốc lấy nghiệp ác kéo lôi với đôi bàn tay trắng khi tắt thở lìa đời. Mãnh lực yêu thương và niềm hy vọng sẽ được kế ngôi vị quốc vương đã làm cho Nan Đà mù quáng không còn thấy được tia sáng chân lý cuộc đời.

Sự thành đạo giác ngộ của thái tử Tất Đạt Đa; sự hoằng dương chánh pháp hóa độ chúng sanh của Đức Phật Thích Ca; sự xuất gia theo Phật tu hành của Kiều Đàm Di Mẫu, công chúa Da Du Đà La, La Hầu La và năm mươi hoàng tử trong hoàng tộc, cùng dân chúng và hoàng thân quốc thích ai nấy lo tu đức cúng dường Tam Bảo, làm việc từ thiện bố thí, những sự kiện dồn dập này đã làm cho Nan Đà suy nghĩ về cuộc đời, về kiếp sống của con người, về sự tu nhân tích đức. Nhưng sự suy nghĩ đó chỉ thoáng hiện qua trong đầu óc của Nan Đà như đóm sao rơi giữa bầu trời dày đặc tăm tối!

Đức Phật thương hại Nan Đà vì danh lợi ái tình mà ngày ngày đốt tiêu tiêu phí oan uổng năng lực tâm trí, điều quý giá nhất của kiếp người là thì giờ, tâm trí và năng lực. Nhưng hoa quý đâu thường nở, trẻ đẹp đâu mãi còn, già bệnh chết không hẹn với người.

Sau những lúc ái ân, vào những lúc tàn canh yến tiệc, khi vợ chồng bất hòa, hoặc khi thân thể bệnh hoạn rã rời, lúc đó Nan Đà cảm như tử thần bên cạnh.

Mỗi lần đến tinh xá Kỳ Hoàn thăm Phật, được nghe Phật thuyết về lý vô thường, tứ đế, nhân quả, từ bi, hỷ xả, đạo quả giác ngộ Niết Bàn và trước tướng mạo trang nghiêm, dung nghi hỷ xả thanh thoát của Đức Phật, Nan Đà đã say sưa ngưỡng mộ về đức tướng trang nghiêm của Phật, tự so sánh mình và vẻ đẹp trần tục của vợ không nhằm vào đâu. Chẳng bao lâu Nan Đà đã nghe theo lời khuyên của Đức Phật, phát tâm xuất gia thọ giới tu hành. Nhưng với Nan Đà thì thân tuy xuất gia, mà tâm chưa vào đạo, nên lòng lúc nào cũng nghĩ đến vợ, đến nhà và trông có dịp là chạy về thăm vợ. Lửa lòng chàng nung cháy hẫy hừng. Nhớ thương vợ bứt rứt cầm lòng không đặng, lắm lúc Nan Đà muốn xả giới để hoàn tục, hoặc đánh liều lên Phật về thăm rồi tới đâu thì tới.

Một hôm, trước khi kên đường đến xứ Ma Kiệt Đà thuyết pháp giáo hóa, Đức Phật gọi Nan Đà đến căn dặn: "Hôm nay ta đáp lời thỉnh cầu của vua Tần Bà Ta La, ta đến thuyết pháp cho vua và hoàng tộc nghe và ta cùng đại chúng thợ trai cúng dường nơi đó, đến chiều mới về. Vậy ông ở nhà nhớ xách nước đổ cho đầy lu, rồi sau đó ông muốn làm gì tùy ý".

Nan Đà nghe Phật nói thế, lòng rất đổi vui mừng, nghĩ bụng rằng, ta sẽ múc nước đổ đầy lu trong chốc lát, rồi ta thông dong về thăm Tôn Đà Lợi, người vợ thương yêu của ta. Lâu ngày không gặp nhau, khi ta về thăm, chắc nàng mừng lắm!

Đức Phật và Tăng chúng vừa ra khỏi tinh xá Kỳ Hoàn, Nan Đà vội vã làm công việc múc nước đổ vào lu, cứ thế đổ mãi đến gần trưa, nhưng nước chỉ tới hai phần lu, không tăng thêm được nữa, dù ông cố sức chạy xách nước đổ vào lu cách nào, mực nước trong lu cũng chỉ thế chứ không đầy. Lấy làm lạ, Nan Đà bực mình quăng thùng nước, lật lu xem có phải lu nứt bể hay không? Nhưng hình thái lu vẫn còn tốt, không có một dấu vết nào nứt lủng. Ông lại lật ngửa lu lại để ngay ngắn và bắt đầu dồn dập gấp rút hơn trước, xách nước múc đổ vào lu. Nhưng mực nước cũng chỉ đến nửa lu rồi ngừng. Dù ông ra sức xách nước đổ vào thế nào đi nước, mực nước trong lu cũng chỉ thế thôi. Không nhẫn nại được nữa, Nan Đà quăng đôi thùng, nghĩ bụng rằng, Phật và Tăng chúng chiều tối mới trở về. Tốt hơn ngay bây giờ ta về nhà thăm nàng Tôn Đà Lợi trước, rồi sau đó trở lại gánh nước đổ đầy lu cũng chẳng muộn gì. Và lại Phật đâu có biết ta lên về.

Nan Đà vừa bước vô nhà thì Đức Phật hiện ra trước cửa. Nan Đà thấy Phật giựt mình thất sắc, mồ hôi toát ra như tắm, vội vàng quỳ lạy ăn năn, thú thật nước chưa đầy lu.

Đức Phật ôn tồn bảo: "Nước chưa đầy lu, sao con đến đây làm chi?". Nan Đà hổ thẹn, cúi đầu lặng thinh không nói nên lời. Đoạn rồi Phật dẫn Nan Đà trở về tinh xá và hết lời khuyên nhủ để cho tâm trí ông mở mang và kiên nhẫn tu hành.

Quán biết được cõi lòng của Nan Đà đang bị lửa tham ái âm ỉ đốt thiêu, nên Đức Phật dùng phương tiện để độ ông kéo tội nghiệp. Đức Phật dẫn Nan Đà vào rừng, thấy con khỉ cái già, lông lá rụng hết, bày tro lớp da sần sùi, gầy gò tanh hôi, Ngài hỏi Nan Đà:

- Con khỉ già này có đẹp bằng nàng Tôn Đà Lợi vợ ông không?

Nan Đà nhìn mặt lác đầu:

- Bạch Thế Tôn, làm sao lại có thể so sánh được với nàng Tôn Đà Lợi. Bởi nàng trẻ đẹp dịu dàng, da thịt mịn màng như nhung gấm thêu hoa, như trăng tỏa sáng, như mặt nước hồ thu.

Đức Phật lặng thinh theo dõi dáng điệu lộ vẻ không bằng lòng của Nan Đà. Ngài càng thương hại cho ông không hiểu thân người bất tịnh, lại bị lý vô thường phá hủy tạo thành sanh diệt huyễn ảo của kiếp người và vạn vật trên đời này. Con người và vạn vật ngày ngày lặng lẽ trôi về trạng thái già nua suy tàn. Nhưng Nan Đà cũng như khắp trong thiên hạ có được mấy ai tỉnh ngộ?

Ngài lại dùng thần thông dắt Nan Đà lên cõi trời thứ ba mươi ba. Trước cảnh trí ngời sáng huy hoàng, cỏ hoa thơm ngát, thông reo thác đổ, cùng các tiên nữ diễm lệ hương sắc tuyệt trần đang dạo chơi thưởng hoa ngắm bướm, vừa thấy Phật, các nàng tiên hân hoan vây quanh mừng vui kính lễ chào Ngài. Nan Đà bỗng nhiên được sống trong cảnh trí hương sắc của tiên giới, cùng với những nàng tiên trẻ đẹp lông lẩy tuyệt trần, lòng ông phấn khởi ngây ngất quên đi cõi trần thế, quên cả nàng Tôn Đà Lợi, người vợ thương yêu của ông. Không cầm lòng được, bất giác Nan Đà hỏi Phật: "Bạch Đức Thế Tôn, ở đây cảnh trí sao quá đẹp, người sao quá diễm lệ tuyệt trần?".

Đức Phật hỏi Nan Đà:

- Ông thấy thế nào về vẻ đẹp của các tiên nữ so với nàng Tôn Đà Lợi? Và vẻ đẹp của nàng Tôn Đà Lợi cùng với con khi cái già lông lá rụng hết, da thịt nhăn nheo kia?

- Bạch Thế Tôn! Cả hai không khác gì nhau. Vẻ đẹp của nàng Tôn Đà Lợi so với các tiên nữ ở đây cũng như con khi đột già kia so với vẻ đẹp của nàng Tôn Đà Lợi. Bạch Đức Thế Tôn, con muốn quên đi cõi trần thế để được ở luôn nơi đây. Cúi xin Đức Thế Tôn từ bi thương xót cho con được toại nguyện ở lại đây.

Thấy Nan Đà mà thương hại, Đức Phật ôn tồn bảo:

- Nếu muốn ở lại đây, thì ông nên trực tiếp đến hỏi các tiên nữ kia.

Nan Đà vui mừng, lòng tràn đầy hy vọng, liền lẹ chân hướng về các tiên nữ mở lời:

- Thưa các cô, tôi thấy cảnh thấy người nơi đây tự nhiên lòng tôi sanh cảm mến lạ thường. Tôi ước ao xin ở lại nơi đây, không biết có được chăng?

Các tiên nữ đáp: Muốn ở lại đây phải là những người ở cõi trần đã có tâm trì trai giới hạnh tu hành, biết làm nhiều việc phước thiện, lòng đã dứt tình ái ân.

- Nhưng sao ở đây không thấy người nam nào hết, thưa các cô? Nan Đà hỏi.

- Chị em chúng tôi đang chờ mong ông Nan Đà, em của Phật đang ở cõi trần, biết phát tâm tinh tấn trì giới hạnh tu hành, khi công đức đầy đủ sẽ sanh lên đây, làm chủ nhân ông sống cùng với chị em chúng tôi hưởng thú vui hạnh phúc.

Nan Đà mừng quá reo lên:

- Nan Đà chính là tôi đây!

Các tiên nữ đáp;

- Nhưng bây giờ chưa phải lúc được ở chốn này, vì Nan Đà còn kém tu, phước duyên chưa đủ, tuy xuất gia mà tâm chưa vào đạo!

- Nghe thế, Nan Đà thất vọng nảo nê!

Sau đó Đức Phật lại dẫn Nan Đà xuống cảnh giới địa ngục. Trước cảnh tượng tội nhơn bị quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa hành hạ, tra kẹp, gông cùm, thiêu đốt, máu chảy thịt rơi v.v..., thốt ra những tiếng thất thanh từ nơi ngục lạnh, hầm chông biển lửa, Nan Đà khiếp đảm sợ run, bám sát lấy Phật. Phật dẫn Nan Đà đi khắp từ địa ngục này tới địa ngục khác, chứng kiến biết bao thảm trạng thống khổ hãi hùng của tội nhơn. Nan Đà nầy giờ cúm rúm lặng thinh theo sát chân Phật. Có lúc ông phải nhắm mắt lại, không dám nhìn cảnh tượng hãi hùng rùng rợn chật ních tội nhơn: Kẻ thi bị cưa xẻ quăng vào vạc dầu sôi; kẻ bị ngồi trên bàn chông sắc lửa đỏ hồng hực cháy; kẻ bị trói vào trụ đồng nung lửa đỏ; kẻ bị quỷ dữ đuổi vào biển lửa cháy cong queo v.v...

Đến một nơi khác thấy vạc dầu sôi sùng sục mà không có tội nhơn, ba con quỷ đầu trâu mặt ngựa cầm chia ba mắt to lờm lờm gằm gù trong tư thế sẵn sàng đâm tội nhơn ném vào vạc dầu sôi. Thấy vậy, Nan Đà bạch Phật:

"Bạch Đức Thế Tôn, nãy giờ con thấy địa ngục nào cũng chật ních tội nhân bị hành hạ. Nhưng sao vạc dầu sôi này lại không có người?"

- Đức Phật bảo Nan Đà: Ông nên đến hỏi quý chủ ngục.

Nan Đà vừa bước đến, ba quý sứ đầu trâu mặt ngựa há miệng như máu, răng tóc tua tủa như chông sắt, đồng thanh đáp:

- Nơi đây chưa có tội nơn là vì chờ Nan Đà, em của Phật không chịu giữ giới tinh tấn tu hành, chết sẽ đọa vào đây!

Vừa nghe, Nan Đà hoảng hốt rú lên thất thanh, hồn bay phách tán, toát mồ hôi đầm dề, quỳ lạy Phật cầu xin mau mau dẫn ra khỏi nơi khủng khiếp này.

Sau khi Đức Phật dùng thần thông đưa ông Nan Đà trở lại cõi thế gian, ông hoàn hồn hồi tưởng lại những cảnh hãi hùng vừa đã chứng kiến, ông thành tâm nghe lời Phật khuyên nhủ, dứt khoát bỏ vọng tâm danh lợi ái ân, dốc chí theo Phật một lòng tinh tấn chuyên tâm tu hành, chẳng bao lâu, ông chứng thành quả.

Nhưng thưa quý vị! Suy nghĩ kỹ, đâu phải nào chỉ có tâm trạng của Nan Đà tham đắm lợi danh, đam mê ái dục, lòng nặng ích kỷ hưởng thụ? Nếu tôi không lầm trong mỗi con người chúng ta đều mang tâm trạng ấy một cách nặng nề sâu vào cốt tủy, làm hủy diệt biết bao khả năng thánh thiện của chúng ta. Tôn giả Nan Đà đã hơn người đời ở chỗ là biết hổ thẹn ăn năn sám hối. Ông đã kịp thời tỉnh thức lương tri, nghe lời Phật dạy gắng công tu hành.

Sau khi được Phật phương tiện khai thị, ông đã hùng dũng đoạn trừ tất cả lòng tham ái lợi danh, khai nguồn tuệ giác, và cuối cùng Nan Đà đã trở thành bậc thánh thiện giác ngộ. Còn chúng ta thì sao? Có ai dám thành tâm tự nhận rằng tôi yếu kém xấu xa thua người. Hay chỉ thích vạch lá tìm sâu, phê bình nói xấu, thù dật thêm thất lỗi lầm của người khác? Ai đã dám dứt khoát từ bỏ danh lợi ái ân, thực sống với chính mình, tự nhận mình quá ư phạm tục, để đồng mãnh phát tâm nguyện sống đời từ bi hỷ xả vị tha, để thánh thiện theo hạnh Phật, để lợi ích cho mình và cho người. Hay chỉ quanh quẩn trong vòng tình cảm tham vọng hạn hẹp?

Chính điều này tuy không thấy có hình thức, nhưng là cội nguồn của buồn khổ, của tội lỗi, của đọa đày bất an cho suốt đời mình và vạn loại sinh linh.

Chừng nào biết dứt bỏ tình danh lợi, thì chừng ấy mới thực sự sống gần ánh đạo vàng giải thoát:

*Đắm đắm say say chuyện thế gian,
Lợi danh tình ái khéo đa mang,
Bao giờ dứt bỏ tình danh lợi,
Là bước gần bên ánh đạo vàng.*

---o0o---

05. LÀ PHẬT TỬ CHÂN CHÁNH

Thưa quý vị,

Hôm nay tôi xin được trình bày về ý nghĩa thế nào "là một Phật tử chân chánh".

Nhiều người tự xưng là Phật tử, nhưng khi có người hỏi thế nào là Phật tử thì giật nảy người ra, trả lời quanh quẩn không nhằm vào đâu. Nhiều khi vô tình còn làm cho người ngoài hoài nghi chê cười. Để thành một người Phật tử chơn chánh thì cần phải để tâm công phu tu học. Tu học có nghĩa là học để thực hành. Trên đời này không có việc gì thành công tiến bộ mà không thực hành theo chỗ sở học? Huống nữa Phật tử là người tiêu biểu cho lành thiện tiến bộ?

Nói đến Phật tử chơn chánh tức là ngoài chơn chánh có hạng Phật tử tà ngụy. Phật tử tà ngụy là hạng người cũng đi chùa lạy Phật, cũng quy y Phật, nhưng lại ngấm ngấm với cái tâm lợi dụng để được quen biết nhiều người, hầu để buôn bán, vay mượn tiền bạc, để có chức phận, để được người khen, để làm áp phe, để có dịp khoe khoang con cháu tiền của danh phận, để tỏ ra đây tu lâu năm hiểu đạo nhiều, hộ cúng chùa làm việc phước thiện, quen biết nhiều thầy v.v... Họ quy y Phật mà cũng quy y ngoại đạo tà nhưn tà giáo, thờ cúng ta ma thần quỷ. Ấy là hạng tà ngụy Phật tử.

Còn Phật tử chơn chánh thì căn bản trước nhất là phải có quan niệm khách quan, nhận định đâu là chánh, đâu là tà. Chánh để theo và tà để tránh,

với tâm thành cầu đạo và rõ biết người Phật tử sống với tâm hạnh nào, phải làm bốn phận gì.

Người sống ở đời ai cũng có bốn phận: Bốn phận cha con, bốn phận vợ chồng, bốn phận vua tôi, bốn thầy trò, bốn phận công dân. Người có tín ngưỡng tôn giáo thì có bốn phận của người tín đồ, đệ tử. Nói tóm lại, ở trên đời này hễ đã sống trong cương vị nào thì có bốn phận ở cương vị đó. Nếu không có ý thức về bốn phận của mình thì chẳng khác nào ký sinh trùng hay loài ruồi muỗi cỏ cây. Vậy người Phật tử có những bốn phận nào để trở thành là người Phật tử chơn chánh? Và từ đó mới mong thánh thiện hóa đời mình trên đường giác ngộ.

Để hoàn thành bốn phận của một người Phật tử chơn chánh, căn bản trước mắt nhất phải thực hiện những điều sau đây:

1. - Thái độ chơn chánh khách quan.

Đạo Phật là đạo chánh tín. Người theo đạo Phật phải đặt niềm tin nơi sự thật, tin đúng chân lý, tin đúng chánh pháp. Do đó để khỏi rơi vào tà nhờn tà thuyết ma đạo, người tìm tôn giáo phải hết sức khách quan với tâm vô tư không một bợn nhơ thành kiến, để từ đó có thể phân biệt đâu là chánh để theo, đâu là tà để tránh. Ta phải phân biệt xét xem tôn giáo nào siêu việt tuyệt luân làm cho con người khai trí phát tuệ giác ngộ giải thoát. Phải biết nhận định tôn giáo nào mê tín dị đoan, đưa con người đến cuồng si ích kỷ hẹp hòi, vong bản quốc gia giống nòi, coi nhẹ hiếu đạo, lơ là thờ cha kính mẹ. Ta còn phải khách quan nhận định tư cách vị giáo chủ của tôn giáo đó có phải là bậc đầy đủ trí đức của bậc siêu nhân cứu thế, hay chỉ là kẻ phàm tình khéo gây thanh thế rồi thần thánh hóa hoặc chỉ là ngẫu tượng thần linh huyền hoặc mơ hồ.

Người Phật tử chơn chánh còn phải dùng trí sáng suốt vô tư để phân định nền giáo lý, những lời dạy của vị giáo chủ đó có chân chánh không, có khả năng nâng cao giá trị con người trên đường thánh thiện không, có làm cho nhân loại hòa bình và có thật sự đưa nhân loại đến cứu cánh chơn thiện mỹ an vui tịnh lạc không. Muốn đạt đến sự chân chánh khách quan của niềm tin, ta phải có trí sáng suốt và nghị lực mới mong vượt qua mọi thứ cảm dỗ của cảm tình bè bạn. Phải có trí tuệ và nghị lực để soi đường cho lý tưởng, giữ vững lập trường ngõ hầu thoát khỏi sự ràng buộc của ái tình bất buộc, của bà con lôi kéo, của bạn bè dụ dỗ, của quyền chức danh lợi cuốn lôi.

Đức Phật nói: "Tin ta mà không hiểu ta thì sẽ hủy báng ta". Một ngày nọ, có người đệ tử đến thưa với Phật: "Bạch Đức Thế Tôn, con đến nghe Ngài thuyết pháp thật hay chí lý. Nhưng khi các Thầy bà La Môn họ cũng nói với con, đạo của họ hay lắm, cao tột lắm. vậy con không biết phải tin vào ai?". Đức Phật mỉm cười từ hòa đáp: "Con đừng vội tin vào ai hết. Con hãy dùng trí sáng suốt vô tư của con, đem những lời giảng dạy của ta và những lời giảng dạy của các thầy Bà La Môn áp dụng vào đời sống của con, và so sánh kết quả thấy lời giảng dạy nào làm cho con an lạc tiến bộ lợi ích thiết thực thì con theo vị đó".

Thật ra, chọn lấy một tín ngưỡng làm lý tưởng cho đời sống của mình không thể vì tình cảm, danh lợi hoặc phó mặc cho bà con dòng tộc đặt định, hay nhắm mắt đưa chân theo phong tục tập truyền. Nếu như thế chẳng khác nào kẻ nô lệ mặc tình để cho người đem mình ném vào ngọn lửa thiêu tế thần. Người tin tôn giáo không dùng trí tuệ xét đoán, không dùng nghị lực tự chủ, họ thường hay nói một cách vô ý thức biểu trưng cho sự nông cạn ngu dốt bằng câu: "Đạo nào cũng tốt". Thật là tai hại lắm vậy.

2. - Thành tâm cầu học.

Sau khi khách quan nhận định về giáo lý, về những chứng tích sinh hoạt và thành quả quá trình của các tôn giáo, truyền bá phục vụ nhân loại, nhận thấy tôn giáo nào thật sự làm an lạc cho đời, phụng sự hòa bình thế giới không gây đau khổ cho người, thì ta quyết định tin theo. Một khi theo tôn giáo nào đó rồi, ta phải vận dụng khả năng, lợi dụng thời gian để nghiên tâm học hỏi giáo lý. Bằng không ta mắc phải lỗi lầm tin ù ù cật cật, tin thiếu sáng suốt nhận định, hoặc tin theo thời thế, tin để được lợi lộc, đây không phải là niềm tin chơn chánh.

Đặc biệt, người Phật tử cần phải học hỏi giáo lý của Đức Phật để đi cho đúng đường, để hiện đời được hạnh phúc tiến bộ, để tu hành đạt thành đạo quả. Nếu không học hỏi giáo lý thì chỉ là tu mù. Tu mù chẳng những không đi đến đâu mà sẽ còn rơi sâu vào hố thẳm của tà như ma đạo mê hoặc. Bởi ma thường hóa hiện giả trang làm Phật. Người Phật tử nếu không hiểu giáo lý thì dễ bị lung lạc trước những tà thuyết, ma thuật nguy hại. Không học hiểu giáo lý thì dễ bị tà sư bạn ác đánh lừa dẫn dắt. Không học hiểu giáo lý thì không thể nào phân định được đâu là lời Phật nói, đâu là lời chư tổ dạy, đâu là lời ma nói, và sẽ đưa đến nhận định tà kiến Phật ma lẫn lộn. Không hiểu giáo lý, không thầy chân tu thật học kinh nghiệm hướng dẫn thì không biết phương pháp tu nào để đạt được an lạc hạnh phúc, mau thành đạo quả.

Không học hiểu giáo lý thì chỉ là cái vỏ danh xưng Phật tử, là kẻ tu lấy lệ, và sẽ không thể nào đạt đến đạo quả cứu cánh như Đức Phật mong muốn chúng sanh đạt thành đạo quả giác ngộ, thoát ra vòng sanh tử luân hồi.

Thế nên, người Phật tử phải khéo biết lợi dụng thời gian, hoàn cảnh và khả năng của mình để cầu học hỏi giáo lý, để thấu hiểu lời chỉ dạy của Phật, để thực hành đạo nghiệp có hiệu quả hơn. Không thể viện lý do vì bận rộn nhà quá, vì bận rộn công ăn việc làm quá. Biết bao giờ mới hết bận rộn? Còn hơi thở là còn bận rộn. Chúng ta bận rộn vì chúng ta đắm nhiễm vào ái ân tham vọng, vì thù tạc cảm tình và như thế mãi mãi trôi lăn trong vòng lẩn quẩn ngày qua ngày, để rồi già nua oan uổng một đời.

Nhiều người nói tôi có tham vọng ái ân gì đâu! Xin thưa cứ mãi lo sắp xếp chuyện này, lo cho đứa con kia, lo cho đứa cháu nọ, phải đi tham dự vì người ta mời, lo mua thêm cái nhà v.v... đủ thứ lý do, đó không phải là một hình thức tham vọng ái ân ích kỷ chứ là gì? Chính những thứ này nó tiêu phí thời gian, giết chết một đời hành đạo của ta. Tại sao ta không khôn ngoan hơn để phân định thời gian ra, là khi nào lo việc nhà, việc con cái, lúc nào lo học đạo, tu dưỡng thân tâm, vun bồi phước đức để tự cứu lấy ta và giúp đời? Cứ mãi miết bận lo phần vật chất ái ân giả tạm, mà quên đi phần tinh thần trường tồn thánh thiện của tâm linh, điều đó không đáng tội nghiệp cho kẻ ngu muội lấy giả làm chơn, chấp phụ làm chánh, nhận phàm làm thánh sao?

3. - Quy y Tam Bảo.

Sau khi chọn lấy đạo Phật làm niềm tin của mình rồi, thì tiếp đến là tìm thầy học đạo, chọn thầy quy y. Nghĩa là để hoàn thành xứng danh là một Phật thì ta phải quy y Tam Bảo. Tại sao ta lại phải quy y Tam Bảo? Xin thưa, quy y Tam Bảo có nghĩa là đem đời mình nương tựa Phật, Pháp, Tăng với ý chí hướng thượng trên đường giác ngộ giải thoát, để dứt khoát xa lìa phiền lụy của sanh tử luân hồi.

Thế nào gọi là quy y Tam Bảo?

Quy y Tam Bảo bao hàm ý nghĩa trở về nương tựa. Như con nương tựa với cha mẹ mà được no cơm ấm áo lớn khôn. Như học trò nương tựa với thầy để học hỏi điều hay lẽ tốt, trở thành người trí thức học rộng hiểu nhiều. Còn chúng sanh si mê lầm lạc nay hồi đầu trở về nương tựa với Tam Bảo Phật-Pháp-Tăng để trở thành hiền lương quân tử thánh thiện. Tam Bảo Phật, Pháp, Tăng là nơi hiền hòa thanh tịnh, giác ngộ giải thoát các căn cội phiền não sanh tử luân hồi.

Nhưng tại sao gọi Phật-Pháp-Tăng là Tam Bảo?

- Xin thưa, Tam Bảo có nghĩa là ba ngôi quý báu. Nên Phật-Pháp-Tăng còn được gọi là ba ngôi quý báu. Người đời cho vàng bạc ngọc ngà kim cương hột xoàn là quý báu. Nhưng xét cho kỹ, những thứ này chỉ là đồ trang sức thân thể. Nó chẳng qua là phương tiện cho cuộc sống vật chất, mua cơm ăn áo mặc nhà ở xe cộ v.v... chứ thật sự không đem lại hạnh phúc chơn thật cho con người. Mà quan niệm nghiêm chỉnh chơn chánh về hạnh phúc là, cái gì làm cho con người được chơn thật an lạc hạnh phúc vĩnh viễn thì cái đó mới gọi là quý báu.

Biết bao người vì muốn có được nhiều kim cương hột xoàn vàng bạc mà phải lập mưu tìm kế lừa dối phỉnh gạt. Biết bao người lo âu vì có nhiều kim cương hột xoàn vàng bạc. Lo âu vì sợ trộm cướp, lo âu vì sợ con cháu dẫu rẻ biết được sẽ sanh tâm tranh giành tìm cách soán đoạt. Biết bao người vì nhiều kim cương hột xoàn vàng bạc của cải mà phải tan nhà mất mạng, hạnh phúc gia đình ly tán, tình thân quyến thuộc nhạt phai. Và cũng biết bao người không dám ăn dám mặc dám ngủ, trần trọc suốt đêm vì sợ mất, vì muốn được nhiều thêm.

Tóm lại, kim cương hột xoàn vàng bạc của cải không phải chơn thật quý báu. Nó chỉ là phương tiện cho đời sống vật chất giúp con người bớt đi đói rách mà thôi. Nếu ai biết xử dụng nó thì cuộc sống trở nên thoải mái đạo đức có ý nghĩa. Nhưng lòng người như túi tham không đáy, có bao giờ thấy đủ đâu? Lúc có dư mười đồng thấy không đủ. Khi có dư một trăm, một ngàn, mười ngàn, mười vạn cũng thấy không đủ? Cho nên càng có tiền mà không biết học hiểu và thực hành lời Phật dạy thì càng trở nên thấy thiếu, càng thêm keo kiệt và càng xa dần điều ân nghĩa phước thiện. Thế thì kim cương hột xoàn vàng bạc có phải là chơn thật quý báu không, thưa quý vị? Phàm ở đời, cái gì mang lại hạnh phúc thật sự và vĩnh viễn cho đời sống không lo âu mới là quý báu. Cái gì làm cho con người lo âu, thúc dục, lòng người tham lam đui mắt là đau khổ, là không phải quý báu.

- Tại sao Phật Pháp Tăng gọi là quý báu?

- Phật là con người như bao nhiêu con người, là một thái tử như bao nhiêu thái tử. Ngài nhận thấy cuộc đời mộng huyễn đầy đầy khổ đau, nên ngài xả bỏ tất cả sự đời, quyết tâm tu hành và đã thành Phật. Người thành Phật là người thấu rõ cội nguồn nhân sanh vũ trụ, thể nhập chân lý, sống như chân lý. Người thành Phật là người tâm thanh tịnh sáng suốt, dứt sạch phiền

não, không còn sanh tử luân hồi khổ đau. Thế nên Phật nói cho đủ là Phật Đà, có nghĩa là con người đại giác ngộ, hoàn toàn giải thoát mọi thặng trầm phiền lụy của nhân thế.

Phật có ba nghĩa căn bản là: Tự giác, giác tha, và giác hạnh viên mãn.

Tự giác, nghĩa là tự mình tu hành đoạn sạch vô minh phiền não, phước huệ tròn đầy, thấu đạt chơn lý của vạn hữu, không còn sanh tử luân hồi.

Giác tha, nghĩa là đem sự giác ngộ của mình đã chứng đạt giáo hóa người đời, để cho chúng sanh biết phản tỉnh tu hành, hồi tâm hướng thiện.

Giác hạnh viên mãn, nghĩa là Phật đem sự giác ngộ của mình ra dạy dỗ chúng sanh, khiến cho chúng sanh theo đó tu hành chứng thành đạo quả, thoát khỏi vô minh phiền não sanh tử luân hồi. Như thế, Phật đã giác ngộ và chúng sanh nghe theo Phật dạy phát tâm tu hành cũng giác ngộ, cả Phật và chúng sanh đồng giác ngộ, nên gọi là giác hạnh viên mãn.

Phật là người đã đạt đức tánh đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, đại giác ngộ. Đem suốt trọn đời mình lo cứu tế nhân loại chúng sanh đang trầm luân khổ hải, thương chúng sanh như mẹ hiền thương con nhỏ, nhất tâm quyết chí xây dựng hạnh phúc chân thật cho muôn loài chúng sanh. Như thế há không xứng đáng gọi là quý báu hay sao? Phật đã thật sự đem hạnh phúc chân thật cho con người, nếu người biết sống theo lời Phật dạy. Vì thế nên người đời gọi là Phật bảo. Như thế Phật không đáng cho người đời tôn kính nương tựa quy y ?

Pháp là giáo pháp, là lời dạy của Đức Phật. Đức Phật là bậc đại giác ngộ, nên lời dạy của Ngài là những lời giác ngộ, đúng với chân lý, thích hợp với căn tánh chúng sanh. Cũng như vị thầy thuốc giỏi bắt mạch cho toa thì trúng bệnh của mỗi bệnh nhân. Như bậc đạo sư kinh nghiệm dẫn đường thì không lạc lối. Đức Phật ra đời vì mục đích cứu độ chúng sanh. Kinh Pháp Hoa Phật nói: "Ta ra đời vì một đại sự nhân duyên lớn là khai thị chúng sanh, để chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật". Tức là làm cho mỗi chúng sanh liễu ngộ Phật tánh của mình. Cho nên giáo pháp của Ngài nói ra đều nhằm mục đích trị bệnh chúng sanh hết mê lầm phiền não, được thanh tịnh an vui. Chẳng hạn thuốc Bồ thí thì trị bệnh tham lam bồn xén; thuốc Nhãn nhục thì trị bệnh nóng giận; thuốc Hỷ xả trị bệnh cố chấp; thuốc Tinh tấn thì trị bệnh lười biếng; thuốc Trì giới thì trị bệnh buông lung; thuốc Ái ngữ thì trị bệnh ác khẩu; thuốc Quán bất tịnh thì trị bệnh tham dục; thuốc niệm Phật thiên định thì trị bệnh tâm loạn động. Người biết dùng thuốc giáo pháp của Phật thì sẽ

có đời sống từ bi, hỷ xả, lợi tha, thanh tịnh an lạc và đạt được hạnh phúc giải thoát ngay trong hiện đời chứ chẳng phải tìm đâu xa. Chúng sanh căn tánh không đồng, nên giáo pháp của Đức Phật có muôn vạn pháp môn. Quý vị thử áp dụng một trong những pháp môn Phật dạy thì sẽ thấy đời của quý vị an vui tiến bộ ngay.

Những lời Phật dạy làm cho ta hạnh phúc thánh thiện tiến hóa trên đường giác ngộ, từ phàm đến thánh, há không đáng được gọi là quý báu ư? Do ý nghĩa này mà người đời tôn kính những lời dạy của Đức Phật xưng là Pháp bảo, là nơi để nương tựa quy y.

Tăng là người thoát ly sự ràng buộc gia đình, xuất gia tu theo hạnh Phật, sống đời sống từ bi hỷ xả lợi tha với ý chí cầu đạo vô thượng Bồ đề. Tăng là người tu hành quyết đoạn trừ phiền não tham sân si, mang tâm nguyện hiến dâng đời mình cho sự nghiệp giác ngộ giải thoát, cho lợi tha hạnh phúc nhân loại. Tăng nói cho đủ là Tăng già, có nghĩa là một đoàn thể người xuất gia sống hòa hợp chuyên tâm tập sống đời sống thanh tịnh như Đức Phật với tâm nguyện cầu giác ngộ, độ mình và độ người, sống bằng sáu pháp lục hòa. Thế nào là sống lục hòa? Ấy là nếp sống: 1/ Thân hòa cùng chung ở; 2/ Miệng nói lời hòa dịu không tranh cãi; 3/ Ý hòa cùng vui vẻ; 4/ Vật thọ dụng cùng hòa chia sẻ cho nhau; 5/ Ý hay lời đẹp cùng hòa giải thích trao đổi; 6/ Cùng chung thọ trì giới luật của Phật hòa vui tinh tấn tu hành.

Người xuất gia làm Tăng là người quyết tâm dứt khoát bước ra khỏi nhà thế tục, nhà phiền não và nhà tam giới (dục giới, sắc giới và vô sắc giới) sanh tử luân hồi. Hành trang của người xuất gia là trì giới thanh tịnh. Có trì giới thanh tịnh thì trí huệ phước đức mới phát sanh, mới có cơ hội thành đạo chứng quả, mới có khả năng cứu độ chúng sanh. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: "Sanh tử căn bản dục vi đệ nhất". Nghĩa là ái dục là nguồn gốc của sanh tử luân hồi khổ đau. Muốn thoát khỏi sanh tử luân hồi phải trừ ái dục. Muốn đoạn trừ ái dục tham sân si thì cần phải giữ giới thanh tịnh.

Có giữ giới thanh tịnh, có trang trải tình thương bình đẳng cho mọi người, có sống cuộc đời vị tha thuận hợp với luân thường đạo lý, nghĩ như chánh pháp, nói như chánh pháp và làm như chánh pháp thì mới gọi là Tăng.

Người bỏ xả hết tất cả, nguyện sống đời sống thanh tịnh đạo đức, mang đại nguyện lợi tha độ đời, đem trọn hiến dâng cho đạo pháp làm lợi ích chúng sanh, như thế không xứng đáng là quý báu ư? Vì đặc tính vị tha cao thượng hướng mình và người trên đường giải thoát, nên gọi là Tăng bảo.

Như thế thì Tăng bảo không xứng đáng là nơi để cho chúng sanh quy y nương tựa học hỏi ư?

Tuy nhiên trong hàng Tăng có chơn tăng và ngụy tăng. Người Phật tử phải sáng suốt chọn chơn tăng mà quy y để cầu học. Không quy y Tăng là không đủ Tam Bảo. Không quy y Tăng thì không thể nào thông hiểu Phật lý, không thể nào đi đúng đường tu hành, không thể nào tránh được tội ngã mạn công cao, và không thể nào tránh xúc phạm vào một trong ba ngôi Tam Bảo.

Không thể ỷ vào thế trí biện thông kinh sách nằm lòng mà không cần Tam Bảo. Hiểu giáo lý của Phật bằng sự thể hiện thực hành chứ không thể nói suông. Nếu chỉ nói suông giáo lý Phật một cách làu làu vanh vách mà trong lúc đó lại kém khuyết sự hành trì thì chẳng khác nào băng cassette, muông múc canh, người điếc đánh đờn hay, kẻ ngày ngày đếm bạc giỏi cho người triệu phú. Cũng không thể lấy cớ vào một số ngụy tăng tà hạnh có hành vi làm tổn thương đạo Pháp mà bảo rằng Tam Bảo không xứng đáng để quy y. Như thế là phạm tội quơ đủ cả nắm. Nên biết rằng mía sâu có đốt, nhà dột có nơi, cuộc đời vốn là tương đối vàng thau lẫn lộn. Chúng ta phải khôn ngoan sáng suốt chọn đốt mía tốt không sâu thủng thớ, phải khéo lựa nhà không dột để ấm thân, phải thận trọng chọn vàng ròng để làm của. Không quy y Tăng thì trước nhất chính mình mất nhiều lợi lạc, lại phạm tội tăng thượng mạn, phản bội lời Phật dạy. Là Phật tử chân chánh nên tránh quan niệm sai lầm không quy y Tăng này.

Tam Bảo là đại lộ quang minh dẫn người ra khỏi rừng đêm chông gai tăm tối. Tam Bảo là thuyền Bát Nhã đưa người qua biển khổ trầm luân. Nên Cổ đức có kệ:

Mang mang trường dạ trung

Tam Bảo vi minh đặng

Thao thao khổ hải nội

Tam Bảo vi từ thuyền.

Dịch:

Hoang mang giữa quãng đêm dài

Này nơi Tam bảo là đài quang minh

Ngập trời biển khổ lênh đênh

Này nơi Tam Bảo sinh linh thuyền từ.

4. - Chọn pháp môn tu.

Sau khi đã phát tâm quy y Tam Bảo, đã trở thành chánh thức là một Phật tử, thì người Phật tử phải chọn pháp môn để tu hành. Có tu hành mới tìm được nguồn an lạc, mới có thể thành đạt đạo Bồ đề. Vì chúng sanh căn tánh bất đồng, nên Đức Phật cũng tùy theo đó chỉ bày nhiều pháp môn tu khác nhau, để thích ứng căn cơ trình độ của mỗi chúng sanh. Người Phật tử phải nên hết sức khách quan để chọn thầy, chọn bạn, chọn pháp môn tu. Sau khi chọn pháp môn tu rồi, phải thường xuyên chuyên cần thực hành, đồng thời thường đem chỗ sở học, sở tu, sở hành và những hiện tượng cảm nhận mình đã thu hoạch để thưa hỏi với bậc thầy mà mình quy y, hay bậc minh sư thiên đức mà mình thấy có thiện duyên.

Trên đường tu tập rất dễ bị tà ma giả hiện làm Phật và dụ dẫn người tu vào đường "tẩu hỏa nhập ma", tức là dễ lạc rơi vào đường tà như cầm đồ, tà ma ngoại đạo (xin xem Triết Lý Thủ Lăng Nghiêm, phân ngũ ám ma). Cổ đức thường nói: "Phật cao nhất xích, ma cao nhất trượng". Nếu không có thể bậc minh sư chỉ đạo thì mình cứ lầm tưởng ma là Phật, cứ ngỡ là mình đã chứng đạo, rồi vui mừng tự đắc chấp chặt vào đó để rồi vào làm quyến thuộc của ma mà không tự biết. Từ đó, đến đâu, ngòai đâu cũng nói chuyện chứng thánh, chuyện tiếp nhận ân điển viển vông, nói những điều tưởng tượng nào là đi vân du thiên giới, tiên cảnh v.v... chứng đắc, xuất hồn xuất giá, thấy Phật này Bồ Tát nọ. Những điều đó không đúng lời Phật dạy, không đúng chánh pháp chút nào. Như thế, từ cuộc sống không tương này đưa đến tâm trí không còn bình thường, niềm tin mù quáng, tạo thành tâm trí băng hoại, hạnh phúc gia đình dần dần tan rã, bà con quyến thuộc lạnh nhạt xa lìa. Đó không phải là lối tu sống của người Phật tử chân chánh.

Suốt tam tạng kinh điển điển thuật trọn cuộc đời Đức Phật hoàng pháp độ sanh, Ngài chưa từng nói những điều kỳ hoặc đó. Suốt tam tạng kinh điển cũng không có một câu văn một bài kệ nào nói việc kỳ dị để khiêu gọi thị hiếu nhằm huyễn hoặc lòng người như vậy.

Tổ Quy Sơn dạy: "Như sư thật bất minh, đương biệt cầu lương đạo". Nghĩa là, nếu như Thầy mình không phải là bậc minh sư sáng suốt, có đủ khả năng hướng dẫn mình tiến tu trên đường giác ngộ giải thoát, thì mình nên sớm đi tìm bậc minh sư khác để học đạo. Rủi gặp phải tà sư bạn ác thì mình phải dứt khoát thái độ, sớm xa lánh để khỏi rơi vào quyến thuộc của ma. Hoặc bậc Thầy mà mình quy y đã qua đời hay ở xa không liên lạc học hỏi đạo lý được, thì nên tìm xin y chỉ vị Thầy đạo đức sáng suốt khác, để cầu học hỏi Phật Pháp tu hành. Không nên có thái độ cố chấp, viện lẽ là mình đã quy y rồi, nên không cần quy y nữa. Cũng không nên có quan niệm sai lầm

cổ chấp, Thầy tôi dù sao đi nữa cũng là Thầy tôi, rồi mù quáng chấp chặt mãi vào đó để cho có lệ, không biết cầu học tiến tu.

Người Phật tử chân chánh cũng không nên có thái độ cực đoan là, khi thấy vị Thầy mà mình đã quy y hoặc vị khác thôi tu hoàn tục, rồi sanh tâm thất vọng uất ức buông ra những lời nguyên rủa tệ bạc. Như thế là tự mình cao ngạo gây tội lỗi nặng nề. Vì sao? Bởi vì, khi người hết duyên hành đạo sống đời xuất gia, thì đường đường chánh chánh hoàn tục ra đời kết thế lập nghiệp, tu hạnh cư sĩ đâu có gì lạ? Bởi duyên xuất gia đến đó là kết thúc. Điều đáng sợ nhất và tội lỗi nhất là, kẻ mặc chiếc áo tu, mà tâm hành thế tục, mưu cầu lợi dưỡng, trọng danh lợi cá nhân hơn đoàn thể, lo ích kỷ phần mình hơn là việc lợi tha, đó mới là loại mối mọt đục khoét ngôi nhà Phật Pháp. Đây mới là mối lo âu lớn lao cho tiền đồ Phật giáo, là tai họa của đạo pháp. Đáng lo ngại nhất, kẻ mang hình thức Tăng ở chùa mà tâm địa thế gian, làm cho đạo pháp tan hoang. Kinh Phật nói loại người này là: "Su tử trùng thực sự tử nhục".

Là Phật tử chọn chánh phải hết sức cẩn trọng trong việc tìm thầy chọn bạn để học đạo; phải biết sống đời sống kiên nhẫn, dũng cảm trong việc hộ trì đạo pháp, dù gặp phải nguy khó. Là Phật tử chân chánh phải có tâm chí cầu tiến bộ hướng thượng không ngừng; phải thận trọng sáng suốt không để tình cảm dẫn dụ kéo lôi, không để trò huyền thuật mê hoặc. Là Phật tử chọn chánh nên thực hành theo lời Phật dạy. Nên theo gót bậc chân Tăng thì nhất định sẽ gặp được Phật.

Là Phật tử chân chánh, muốn có được đời sống an lành hạnh phúc tiến bộ, chóng thành đạo quả giác ngộ thì phải hết sức cẩn trọng trong việc chọn thầy, chọn bạn, chọn pháp môn tu, chớ để tánh hiếu kỳ dẫn dắt, thì mới khỏi oan uổng công phu tu tập suốt cả một đời.

5. - Phụng sự đạo pháp.

Sau khi đã quy y Tam Bảo, đã tìm minh sư bạn tốt học đạo, đã chọn pháp môn tu hành, thì người Phật tử chân chánh nhất định không quy y thiên thần quỷ vật, ngoại đạo tà giáo, quyết không tin theo lời khuyên dụ của bạn tà, ác đảng nguy trang thân thiện như nhơn nghĩa, tự xưng Phật này nhập về mình, Thánh kia đã chứng cho, Bồ Tát nọ đã nói chuyện. Tất cả đều là huyền thuật hoang đường, đều là ý đồ tà tâm mê hoặc.

Cuộc đời dưới con mắt của người thường, thì vàng thau lẫn lộn, thánh phàm khó phân. Thế gian này cũng lắm tổ chức, chùa viện với nhãn hiệu từ

thiện tu hành, và cũng đã có biết bao kẻ hiếu kỳ nhẹ dạ, cả Phật tử nữa đã nhiệt tâm muốn làm việc hữu ích, vội vã tin theo, tốn công phí sức, tiêu hao tiền của, mà không đạt được như ý nguyện, rồi đâm ra thất vọng oán thán. Lại có những Phật tử nghe lời ngọt bùi của bạn bè, hoặc nghe những lời than vãn của kẻ mang lớp áo nhà tu, những người mang danh nghĩa hộ đạo giúp chùa làm từ thiện, hay nông nổi vội tin ông kia bà nọ tu đắc đạo chứng quả rồi hấp tấp chạy theo, tốn hao tiền của, tâm thần không còn bình thường, gia đình mất hạnh phúc. Đó là hậu quả của những kẻ thiếu sáng suốt để chọn thầy tốt, bạn hiền, những kẻ hiếu kỳ vội tin lời bùi ngọt, để phục vụ cho tà đạo tà pháp tà sư.

Người Phật tử chân chánh phải bình tĩnh nhận định, phải học hỏi bậc minh sư. Người học Phật không thể để tình cảm phủ che lý trí.

Điều hết sức lưu ý là đừng nghe lời rỉ tai dụ hoặc về chuyện kỳ lạ bà kia ông nọ chứng thánh chứng thân. Đó là chứng đạo tà ma chứ không phải là chân chánh Phật. (Xin xem Triết Lý Thủ Lăng Nghiêm, phần Đại thừa Tâm giới).

Là Phật tử chân chánh điều tối quan trọng là phải biết chọn thầy để quy y, phải biết chọn pháp môn để tu hành, phải biết bình tâm thanh tịnh hóa đời mình mỗi lúc một thêm tiến bộ, và phải ngày đêm tận tâm phục vụ chánh pháp đúng chỗ, để cho vườn phước đức trở hoa, để cho tâm Bồ đề tỏa ngát hương giải thoát, để cho đời mình mát tươi và để cho tâm mình mở rộng biển trí tuệ thênh thang. Thế mới là Phật tử chân chánh.

---o0o---

06. CÔNG ĐỨC BỒ THÍ

Kính thưa quý vị,

Bồ thí là hạnh dễ làm mà ai cũng có thể làm được, dù ở trong hoàn cảnh nào. Nhưng lại có biết bao người không làm được, thật đáng thương. Công đức bồ thí thật là to lớn, có khả năng hoá cải được vận mạng con người. Vì thế nên bồ thí đứng đầu trong sáu hạnh Ba la mật của lục độ Bồ Tát.

Thường thì con người hay tham tiếc. Ngay ở cái tuổi bé thơ lòng tham tiếc cũng đã nảy nở và nảy nở phát triển theo thời gian, hoàn cảnh và cơ thể của con người.

Đứa hài nhi đang ngậm bú vú mẹ, bị mẹ lấy ra để chuyển qua vú khác, đứa hài nhi liền giãy giụa la khóc ngất lên, vì tức giận tưởng rằng mất bú. Cậu bé đang chơi những đồ chơi của mình, bị người khác đến lấy, cậu bé liền giận tức la lên, giậm chân giựt lại muốn đánh người lấy đồ của cậu. Người giàu có thì muốn giàu thêm không mấy khi đem lòng thương giúp đỡ kẻ nghèo thiếu. Kẻ nghèo thiếu thì suốt ngày lo cơm no áo ấm, muốn phát tâm làm việc phước đức, nhưng lại không đủ sức phương tiện. Nghĩa là con người sống trong lẫn quần, nghèo thì không đủ phương tiện, giàu thì keo kiết, cứ thế triền miên quanh quẩn trong tham lam lẫn tiếc keo kiết bần sèn không lúc nào thôi.

Trong kinh Bách Dụ, Đức Phật kể một câu chuyện như thế này: "Có một anh nhà giàu muốn mời bạn bè đến nhà đãi tiệc, để khoe khoang sự giàu có sang trọng của mình. Anh có tánh lo xa, đã tốn bao nhiêu ngày để trang hoàng nhà cửa lộng lẫy, và đã chọn mua những con bò sữa tốt đem về nuôi để lấy sữa tươi đãi bạn bè với dụng ý khoe mình giàu sang.

Ngày đãi khách chưa đến, nên anh không vắt sữa bò. Thay vì hằng ngày nên vắt sữa uống để cho bò sanh thêm sữa mới tốt tươi, thì trái lại anh cũng không dám làm. Anh nghĩ bụng rằng, ta để dành sữa trong bụng bò, đến ngày đãi tiệc, lúc đó vắt thì sữa chẳng những tươi thơm mà còn sẽ được nhiều gấp mấy lần hơn! Không ngờ, đến ngày yến tiệc, bạn bè đến đông đảo, anh cho người giúp việc đem bò đi tắm rửa sạch sẽ rồi dắt đến trước bạn bè với dụng ý khoe bò mập tốt, sữa tươi ngon. Rồi anh chọn lấy những chiếc bình pha lê cổ kính quý giá đem ra để đựng sữa, nhưng không ngờ, khi vắt sữa thì sữa bò đã khô cạn từ lúc nào rồi! Anh ngạc nhiên trở mắt nhìn thấy làm quái lạ, bối rối nói với các bạn bè của anh rằng: "Mấy ngày trước đây sữa bò căng đầy, tôi không dám vắt uống, vì ý định để đợi đến hôm nay vắt sữa tươi mừng đãi các bạn. Nhưng không ngờ sữa đã khô cạn!" Bạn bè ai nấy nghe qua đều thà bụng cười chê anh ta là kẻ ngu ngốc, tiếc của không đúng cách, kết quả là không dám uống dùng mà cũng không còn sữa!

Có ai khùng điên chứa sữa trong bụng bò mà bò lại có thể tiếp tục sanh sữa mới bao giờ! Cũng vậy, trên đời này có biết bao người hôm nay có khả năng làm việc bố thí mà cứ nói kẹt hẹn chừng nào khá dư sẽ làm. Nhưng đâu có ngờ thời gian sau đó xảy ra tai nạn, cướp giựt, con cháu phá hại hoặc nhà nước tịch thu hoặc chết, nên không dịp làm được việc bố thí phước thiện. Hoặc có kẻ vì ích kỷ chỉ lo cho chồng vợ con cái được no cơm ấm áo, giàu có dư dề, mà phải chạy đôn chạy đáo dối láo chụp giựt lường gạt người

khác, để cho gia đình mình được hưởng, mà rốt cuộc chỉ một mình chịu tội. Ăn chung mà chịu tội riêng.

Có kẻ cúng tiền vào việc làm phước thiện lại kẻ công kẻ nghĩa. Thậm chí có kẻ đã cúng tiền vào ngôi Tam Bảo để nuôi nấng tăng chúng, in kinh sách ấn tống, đúc tượng Phật, xây cất chùa viện với ý đồ để được người khen, hoặc muốn có được quyền danh, hoặc sau đó thay lòng đổi dạ làm khó dễ để đòi tiền lại, hoặc cúng giúp ít mà khoe khoang kẻ lễ cúng nhiều. Nghĩa là lòng người luôn luôn thay đổi khó lường, lại không dám nhận thực mình năm nay khá hơn năm rồi. Bây giờ mình có tiền hơn lúc trước. Cứ luôn luôn đổi lòng đổi người nói mình nghèo. Bởi con người luôn luôn xem nặng tiền bạc của cải mà che dấu phủ nhận phước báo của mình có được, che dấu sự thật về sự khá giả của mình. Tuy được khá giả giàu có mà cứ dối, than nghèo nói kẹt, vô tình tạo thành cái nhơn tâm địa nghĩa nghèo, lời nói nghèo, việc làm keo kiệt bòn sẻn, do đó vô tình đã tạo thành cái nhơn chủng tử nghèo thiếu nơi tâm thức. Như thế trước sau chậm mau gì những người ấy cũng sẽ phải chịu cái quả nghèo thiếu.

Dù cho có người nào do nhờ tu phước đời trước mà đời này được giàu có, nhưng với tâm địa, lời nói, hành động bòn sẻn keo kiệt dối người lợi mình như trên đây, rồi cũng sẽ rơi vào những kiếp nghèo đói tiếp theo sau đó. Bởi nhân nào thì sẽ lãnh quả nấy, như bóng theo hình, như vang theo tiếng.

Tâm tánh của chúng sanh thường là bất nhưt, uẩn khúc bất trắc, không sống đúng với sự thật, hay nói quanh co, viện lý do lý do khác để thoái thác việc làm từ thiện lợi tha, nên Đức Phật động lòng thương đã mở ra phương pháp tu bố thí để thoát kiếp nghèo đói bởi lòng bòn sẻn tạo ra, ngõ hầu để cho mọi người trở thành giàu sanh và từ đó trở thành bậc Bồ Tát sống tự tại giải thoát. Phương pháp tiêu trừ nghèo đói bản cùng do lòng bòn sẻn gây nên, không phương pháp nào hơn là bố thí.

Bố thí là pháp hạnh đứng đầu trong sáu pháp Lục độ Ba la mật của người tu hạnh Bồ Tát. Người muốn thực hành hạnh Bồ Tát để đạt thành quả vị Bồ Tát thì trước hết phải tu hạnh bố thí. Có thực hành hạnh bố thí mới dẹp được lòng bòn sẻn keo kiệt, mới mở rộng lòng từ bi tế độ, mới thông cảm được nỗi nghèo khổ của mọi người. Có bố thí mới thoát được cái khổ nghèo đói của mình và người. Đức Phật đã xác định rằng, việc bố thí tiền tài dễ làm và được hưởng phước báo giàu có của nhơn thiên. Phước báo này có ngày sẽ

hết, nếu chỉ hưởng mà không biết tiếp tục tu hạnh bố thí. Còn bố thí pháp thì khó làm, nên được phước báo trí tuệ giải thoát vô tận.

Nhưng làm thế nào để thực hiện được bố thí pháp? Bất cứ ai trong chúng ta đều cũng có thể thực hiện được tài thí. Vì người sống trên đời này bất luận nghèo giàu sang hèn, dù ít dù nhiều, ai cũng có tiền của vật dụng. Tùy theo hoàn cảnh khả năng của mình mà thực hành hạnh bố thí.

Chẳng hạn như cậu bé nhín bớt tiền mẹ cho mua quà bánh để giúp người ăn mày cũng là bố thí. Tài thí là đem tiền của giúp đạo giúp đời. Đó là cách tạo cái nhơn giàu sang cho mình mà cũng là một cách kết thiện duyên với mọi người. Khéo hơn nữa, nếu biết đem tiền của nuôi dưỡng tăng ni chân chánh để ngày ngày họ yên tâm tu tập. Một khi những vị này trở thành người trí thức đạo đức đi khắp đó đây hoằng pháp độ đời, đó là cách trồng nhơn bố thí pháp. Hoặc đem tịnh tài cúng vào việc in kinh sách Phật để truyền bá cho mọi người nghiên cứu đọc tụng tu niệm thì đó cũng là cách bố thí pháp. Bố thí pháp thì cao quý lợi ích rộng khắp, được phước giác ngộ vô lậu. Bố thí pháp tuy ít thấy hình thức, không có bề nổi, ít người để ý thực hành, nhưng công đức tuyệt diệu siêu đẳng. Thế thường hễ có hữu hình là hữu hoại. Hữu hình thì dễ sanh hữu danh, hữu lợi dễ sanh ra tranh chấp.

Lại nữa, nếu vì cảm tình, vì mê tín, vì thương hại tội nghiệp mà giúp đỡ hạng tà sư, thầy dốt không giới hạnh cũng mang y mặc áo đội lớp xuất gia, để xây chùa cất am dung dưỡng tà tâm dị đoan, mê hoặc lòng người, làm tăng thêm tự cao danh lợi, thì việc bố thí đó vô tình làm hại đến chánh pháp, không những tốn công hao của mà rốt cuộc tự mình không được phước đức gì, lại còn làm hại đến niềm tin của người khác, như thế thì mắc tội lỗi to lớn bằng như tội tiêu diệt Phật Pháp. Vì sao? Vì tiếp tay với chúng ma âm thầm phá đạo. Cho nên bố thí phải dùng trí tuệ nhận định đâu là chánh nên làm, đâu là tà nên tránh. Có như thế mới mong gặt được nhiều phước đức, đạt được đạo quả giác ngộ giải thoát.

Nhân đây, tôi xin lược dẫn trong các kinh luận Phật giáo nói về sự lợi ích của tài thí và pháp thí để quý vị liễu tri.

- Kinh Đại thừa Lý Thú Lục Ba La Mật quyển bốn nói: "Tiền tài càng bố thí càng ít, cuối cùng có lúc dùng hết. Pháp thí càng giảng nói càng to, càng bố thí càng rộng khắp không bao giờ hết. Người tiếp nhận tài thí thì chỉ được lợi ích trong hiện tại, còn người tiếp nhận pháp thí thì hiện tại và tương lai đều được lợi ích. Tài thí chỉ có người bố thí thì mới được lợi ích, còn người

thọ của bố thí thì không được lợi ích phước báo. Pháp thí thì người bố thí cũng như người thọ thí đều được lợi ích. Bởi vì người được nghe Phật Pháp thì hay phát tâm Bồ đề, mau chóng phát sanh trí tuệ vô thượng".

- Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa quyển bảy nói: "Trong các thứ bố thí, chỉ có bố thí Pháp là được phước đức thù thắng vi diệu hơn cả".

- Kinh Đại Tập nói: "Bố thí tiền của nhiều đến mấy cũng không bằng đem tâm chí thành khẩn thiết trì tụng một câu kinh, một bài kệ trong kinh".

- Kinh Kim Quang Minh Tỏi thắng Vương quyển ba nói: "Nguồn tài thí và sức ảnh hưởng của nó thì vô cùng. Tài thí chỉ được phước báo của cõi người cõi trời, còn pháp thí mới có thể siêu xuất tam giới luân hồi. Tài thí chỉ có thể làm cho người bố thí tăng thêm phước lành, còn pháp thí thì làm cho người bố thí cũng như người thọ thí đồng thời tăng trưởng phước đức. Tài thí chỉ có lợi ích cho thân thể, còn pháp thí thì lợi ích cả thân và tâm, cả thần trí và tánh tình, thanh tịnh hóa tâm linh và hoàn cảnh".

- Luận Đại Trí Độ quyển thứ mười một nói: "Tài thí chỉ có thể làm giảm bớt phiền khổ cho riêng mình trong giai đoạn nào đó, còn pháp thí mới có thể triệt để đoạn trừ phiền não. Tài thí có thể thọ được phước báo của cõi Nhơn thiên, còn pháp thí thì đạt được quả vị của ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Không luận là người thông minh hay ngu dốt đều có thể làm việc tài thí, nhưng người trí huệ mới có thể thực hành việc pháp thí. Loại động vật ngu muội từ côn trùng cho đến loài súc sanh đều có thể tiếp thọ tài thí, còn pháp thí thì chỉ có hạng người tai mắt thông tuệ thiện căn mới có thể tiếp nhận được. Tài thí có lúc làm cho người thọ nhận tăng thêm lòng tham ái, còn pháp thí thì hay khiến cho người nhận trừ phiền não, tham ái, oán hận, ngu si. Tài thí làm vui thân thể, còn pháp thí làm vui tâm linh. Người làm việc tài thí thì được người đời quý kính. Quả báo của tài thí thì thanh tịnh ít mà cấu uế nhiều, quả báo của pháp thí thì thanh tịnh nhiều mà cấu uế ít. Làm việc tài thí lớn thì cần phải nhiều người hợp lực xuất nhiều tiền của thì việc mới thành, còn làm việc pháp thí lớn thì chỉ cần xuất tâm trí là đủ, không cần phải phiền cực đến thầy bạn góp sức, đợi chờ nhiều thời gian. Người làm việc tài thí thì tương lai được giàu có tiền của, người làm việc pháp thí thì tương lai được giàu có trí tuệ".

- Kinh Vị Tăng Hữu nói: "Bố thí tài vật của báu chỉ có thể cứu giúp người nghèo thiếu một lúc. Còn bố thí pháp thì có thể khiến cho chúng sanh trọn đời thọ dụng an vui".

- Luận Đại Trượng Phu phẩm thứ mười bốn nói: "Để thích hợp với kẻ tham ái thì trước nên làm việc bố thí tiền tài để tạo sự quan hệ với họ, rồi sau đó thuyết pháp cho họ, như thế thì họ dễ dàng tiếp thọ hơn. Tài thí là phương tiện còn pháp thí là mục đích. Đối với kẻ tham ái thì nên nói bố thí tài, đối với kẻ ngu si thì nên nói bố thí pháp. Nói cách khác, tài thí làm đầy đủ tham dục của muôn loại. Người bố thí tài thì sẽ được giàu có vô tận, còn người bố thí pháp thì sẽ được trí huệ vô cùng. Người bố thí tài làm cho kẻ ngu ưa thích, người bố thí pháp thì làm cho kẻ trí mến mộ. Tài thí làm giảm trừ sự bần cùng, pháp thí hay giải trừ sự thiếu thốn của tâm linh".

- Luận Du Đà Sư Địa quyển bảy mươi nói: "Tài thí có khi khiến cho người tạo nghiệp ác, còn pháp thí nhất định khiến cho người phát tâm làm việc lành. Tài thí có lúc làm cho người sanh khởi phiền não. Tài thí có thể khiến cho người an vui trong tội ác, còn pháp thí thì không ngừng khiến cho người sản sanh tâm thuần tịnh lương thiện an vui. Tài thí thì dễ, không luận thánh hiền xuất thế hay không xuất thế, lớn bé đều có thể làm được, nhưng pháp thí thì chỉ khi nào Phật xuất thế mới có thể làm được. Nếu không có Phật xuất thế thì rất khó có được Phật Pháp. Vì vậy, pháp thí so với tài thí thì quý giá hơn, khó làm hơn".

Muốn đoạn tuyệt cội nguồn khổ đau, muốn tận trừ hậu quả bần cùng nghèo đói, muốn tạo cho mình cuộc sống giàu sang phước thiện, muốn tiến bước trên đường đạo hạnh thanh sang ngời của Bồ Tát, thì cần phải tu hạnh bố thí. Đạo Phật không chú trọng lý thuyết suông. Người thực hành hạnh tài thí chẳng khác nào tự mình đem hạt giống các loại lúa, bắp, đậu, hoa gieo trồng trên ruộng đất phước đức phì nhiêu. Trái lại, người keo kiệt bõn sẻn thì chẳng khác nào như kẻ để dành sữa trong bụng bò không dám lấy uống, như kẻ sợ hao mất các hạt giống lúa, bắp, đậu, hoa không dám gieo trồng, cứ lẩn tiếc giữ cho đến hư mục. Người tu hạnh bố thí pháp là người tự mình cầm lấy đuốc sáng và đồng thời thấp nhiều đuốc trao cho những kẻ khác cùng cầm. Như thế, chẳng những đuốc mình tiếp tục rực sáng không tổn hại chút nào, mà bao ngọn đuốc của những người khác cũng cùng rực sáng phá tan màn lớp tăm tối vô minh sâu dày từ đáy thẳm của tâm thức mang lại cho cuộc đời.

Bố thí mang đặc tính quan trọng quyết định trong bước đường tiến đến đạo quả Bồ Tát như thế, nên Đức Phật đã nói: "Bố thí đứng hàng đầu trong sáu pháp tu lục độ của Bồ Tát". Sáu pháp Lục Độ là: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ. Pháp bố thí là bước đầu khai mở hạnh nguyện Từ Bi Hỷ Xả, diệt trừ ma nghèo đói thiếu thốn. Nên xưa nay những

đệ tử của Đức Phật muốn đạt thành đạo quả Bồ Tát thì trước nhất phải tu hạnh bố thí.

Những người thực hành tài thí, là những người biết đem tiền của vật chất giúp đỡ kẻ khốn cùng tàn tật bệnh hoạn, hoặc đem tiền của cúng chùa để xây dựng ngôi Tam Bảo. Những người như thế kinh sử còn ghi rõ, và đã được tăng tín đồ Phật giáo kính trọng, như tấm gương soi sáng muôn đời cho những ai muốn thoát khỏi kiếp nghèo đói, để đạt đến giàu sang và quả vị sáng ngời của Bồ Tát. Một trong những tấm gương sáng đó là cư sĩ Cấp Cô Độc, người đã mua đất cát tinh xá dâng cúng cho Đức Phật và tăng chúng để làm nơi an trú hành đạo. Vua A Dục một bậc đế vương vô tiền khoáng hậu thâm sâu thực hành hạnh bố thí, dày công ủng hộ Phật Pháp.

Theo nhiều kinh sử ghi chép thì tiền thân của vua A Dục vốn là một cậu bé sanh trong thời Đức Phật tại thế. Lúc cậu bé đang bốc đất chơi với đám trẻ ngoài đường, bỗng nhiên thấy Đức Phật và chư tăng đi khát thực, cậu khởi tâm vui mừng liền lấy mấy cái bánh đất đang chơi thành tâm quỳ dâng cúng Phật. Nhờ thành tâm dâng lễ cúng dường mà cậu được phước báo đặc thù, sau khi Phật nhập Niết Bàn, cậu bé đã đầu thai trở lại làm vua A Dục, hết lòng ủng hộ Phật Pháp.

Cư sĩ Thuần Đà làm nghề thợ rèn nhờ cúng dường Phật Pháp và chư tăng bữa cơm trước khi Phật nhập Niết Bàn mà được phước báo thành bậc trưởng giả giàu sang đời đời tận tâm ủng hộ sự nghiệp hoằng pháp và cuối cùng đạt đến quả vị Thập Địa Bồ Tát.

Nàng Su Già Ta, một thôn nữ chăn bò, thấy thái tử Tất Tạt Đa thân hình ốm gầy tiều tụy té quỵ, trước khi lần bước đến gốc cây Bồ Đề, trên đường từ bỏ rừng già sau sáu năm tu khổ hạnh, nàng đã dâng cúng thái tử Tất Tạt Đa bát sữa, nhờ đó mà có được phước báo đời đời làm hoàng hậu hiền đức thành tâm hộ trì Tam Bảo và đời sau chúng được đạo quả Bồ Tát.

Trong kinh điển Phật giáo nhất là bộ kinh Đại Bát Niết Bàn còn ghi rõ, rất nhiều người nhờ tu hạnh bố thí mà được phước báo giàu sang, đạt thành đạo quả Bồ Tát, được Phật thọ ký thành Phật trong tương lai.

Ta cũng thấy rằng, xưa nay chưa có ai tu hạnh bố thí mà trở nên sạt nghiệp phải lâm vào cảnh bần cùng nghèo đói. Thực tế của thế gian này, kẻ nghèo đói đầy dẫy khắp trên mặt đất, trong lúc đó người giàu sang số lượng ít ỏi. Nếu chúng ta bình tâm suy nghiệm sẽ không có gì khó hiểu, tại sao lại có hiện tượng kỳ lạ như vậy. Điều này, nguyên do là bởi phần đông người

đòi nhiều tham lam bòn sẻn, mà người rộng lượng hỷ xả bố thí lại quá ít! Nhất là đa số kẻ giàu có thì khó làm việc bố thí cúng dường. Thường thì người giàu có xem tiền của giữ tom góp để được giàu thêm, mà chính cả bản thân họ cũng không dám tiêu dùng!

Nhơn nào quả nấy như bóng theo hình. Người nghèo khó có tâm bố thí, nhờ tạo nhân bố thí nên được giàu có. Đến khi giàu có thì lại keo kiệt bòn sẻn bo bo giữ của, nên trở lại nghèo khổ. Cứ như thế luân hồi đổi thay mãi mãi. Những ai muốn thoát khỏi kiếp nghèo đói để được giàu sang, muốn thánh thiện hóa đời mình đến quả vị Bồ Tát, Phật, thì nên nghe lời Phật dạy, phát tâm Bồ Đề cố gắng tu hạnh Bố Thí.

---o0o---

07. HỒ THẨM CUỘC ĐỜI

Thưa quý vị,

Hôm nay tôi xin lược trình bày về hồ thẩm cuộc đời để chúng ta cùng suy ngẫm.

Cuộc đời như biển cả mênh mông với sóng gió ba đào ngầm và nước xoáy, mà kiếp sống con người trong cõi đời như chiếc thuyền trên biển cả đại dương. Nếu thuyền khéo lái và biết giỏi hải bàn thì thuyền sẽ đi đúng hướng, thoát khỏi hiểm nguy sóng gió ba đào bão tố đá ngầm và nước xoáy, an ổn đến đích bến bờ. ngược lại, vụng tay lái, sai hải bàn thì thuyền sẽ phiêu bạt dẫn đến đói khát, tan thân mất mạng dưới làn sóng bạc cá dữ hoặc vùi sâu dưới đáy biển.

Người sống trên đời với bao sự cám dỗ của ngũ lục lạc trần gian, nào tiền bạc danh lợi, ái tình, ăn, ngủ đủ trò hấp dẫn thị hiếu tham muốn, những thứ này nhận chìm kiếp sống thanh cao giải thoát của con người. Nếu không biết chọn định hướng để đi, không khéo hướng thiện thuyền đời mình thì sẽ bị đọa đầy kiếp sống, dễ dàng rơi vào hồ thẩm hủy diệt, như thuyền trên biển cả, như chén ngọc pha lê để trên triền dốc, sẵn sàng cuộn lăn đùng vào đá sỏi vỡ tan thành mảnh vụn, trước khi lăn đến chân dốc cuối ghềnh.

Bạn có thấy chẳng, khu rừng trước mặt bạn kia có muôn hoa và ngàn thứ trái. Muốn hái được những hoa và trái đó, bạn phải trải qua những đoạn đường khúc khuỷu quanh co có nhiều hầm hố thác ghềnh với rắn rết thú dữ ẩn núp chờ vồ lấy mồi. Bạn có biết chẳng trong những loài hoa trái đó có thứ

hoa có hương lẫn sắc, có thứ hoa có sắc không hương, có thứ hoa màu cánh mềm dịu sắc đẹp mê người, nhưng bạn nên nhớ rằng ẩn dưới cánh hoa mỹ miều kia đầy gai nhọn và phần hương có thể làm hại người. Trái rừng cũng có nhiều loại lắm! Có loại thơm ngọt, có loại ăn vào chết đại phá hoại mạng sống con người. Nếu bạn không gặp thợ rừng kinh nghiệm tốt bụng tận tâm cẩn kẻ chỉ dẫn, thì bạn sẽ mang họa vào thân đấy.

Bạn ạ! Có lẽ cũng như tôi cùng giống nhau khía cạnh nhận thấy, lẽ nào bạn không rõ đường muôn vạn nẻo, tình đời lắt lẻo, nhạc đời có muôn điệu và hoa đời cũng lắm cách kiêu khiêu gọi lôi cuốn người đắm say! Khéo đấy bạn nhé, đưa tay hái, gai quào máu chảy, trụy lạc đọa đày. Có những kẻ đã tiêu phí gần trọn một đời để đuổi bắt hương sắc ái tình của trần gian đến nỗi thân tàn sức kiệt, đầu bạc da nhăn, nhưng rốt cùng không có lấy một kết quả như ước mong, mà chỉ toàn chuốc lấy thất vọng đón đau sau mỗi lần chụp bắt hy vọng. Có những bạn trẻ lòng đầy nhiệt huyết với tánh tự hào háo thắng cho mình có đủ khả năng và bản lĩnh, không cần đến sự chỉ dẫn của người có kinh nghiệm thiện tâm, lại cũng chẳng có những giây phút bình tâm suy nghĩ trước khi hành động, mà chỉ biết tự mãn với vài thắng lợi con con lần đầu, tưởng như thế là mình tài ba thắng lợi rồi, từ đó sanh lòng kiêu căng tự đắc lấy hết sức phóng mình giông ruồi rượt bắt lợi danh ái tình, để rồi mỗi ngày mỗi thêm lún sâu sâu đời mình trong vũng xình lầy tham vọng tội lỗi mà không hay biết, kết quả một đời thân tàn ma dại, hình hài tiêu tụy, tâm trí khổ đau bất thường, người không ra người, sống không ra sống. Có những kẻ tự hủy đời mình cho lửa ái tình ngũ dục như những mảnh trầm hương đốt thiêu trong lư đồng đầy tro bụi. Đó là những kẻ không biết sống chánh niệm, để mình buông trôi theo ý thích vọng tâm.

Bạn có biết chăng, con người không phải chỉ lo sống thỏa mãn dục vọng cho xác thân, mà cái cao thượng của con người là phần tinh thần. Tinh thần điều khiển thân thể. Tinh thần điều khiển suốt cả đời người. Con người là sinh vật cao quý, trí tuệ linh hoạt nhất trong muôn loài sinh vật. Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói: "Khả năng đặc thù cao quý của con người có thể làm tất cả việc lành thiện". Nhà bác học Pascal đã nói: "Con người là một cây sậy, nhưng là cây sậy có tư tưởng". Giá trị con người là ở tư tưởng biết sống, tinh thần đạo đức, sống trong tỉnh thức. Nếu con người biết hướng tới đời mình trong ba đặc tính này thì sẽ được an lành thánh thiện.

Bạn có biết ai là người biết sống với đặc tánh này mà được từ thế hệ này đến thế hệ khác lớp lớp ức triệu người như một, nối tiếp nhau tôn kính, học hỏi noi gương theo không?

Này bạn ạ! Ấy là thái tử Tất Đạt Đa người con của hoàng hậu Ma Gia và vua Tịnh Phạn ở thành Ca Tỳ La Vệ xứ Ấn Độ. Vị thái tử này không giống ở chỗ là sau khi ý thức được danh lợi quyền uy của thế gian là mộng huyễn, nên đã dứt khoát từ bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con thơ và cả ngôi vua mà thái tử là người sắp được kế vị. Thái tử đổi áo cẩm bào của một đông cung thái tử để mặc lên mình chiếc cà sa của người tăng sĩ, xuất gia với đời sống tu hành thanh đạm, với ý chí sắc son, với tâm thức chánh niệm và sau đó giác ngộ thành đạo chánh đẳng chánh giác với danh hiệu là Phật Thích Ca Mâu Ni. Người đã biết sống trong chánh niệm, đã biết thức liêm thân tâm, đã đạt tới cùng của sự tỉnh thức, nên đã thấu suốt chân lý, rõ thông cội nguồn của kiếp sống như sanh và vạn loại, nên được trời người vinh danh là Phật. Phật đã mở ra vườn hoa đạo hạnh để cho những ai biết sống chánh niệm vào đó tùy thích thưởng thức sắc hương giải thoát.

Giờ đây bạn bước vào vườn hoa đạo hạnh, tùy theo bạn muốn thưởng thức thứ hương hoa giải thoát nào thì bạn cứ tự tiện. Có đủ thứ hoa. Hoa lục độ, hoa tứ đế, hoa bát chánh đạo, hoa thập nhị nhơn duyên, hoa thất bồ đề phần v.v... Nhưng khi thưởng thức hoa, bạn nên biết rằng bạn đang thưởng thức hoa và hoa nào bạn đang thưởng thức. Như thế là bạn tận hưởng trọn vẹn hương vị sắc thắm của hoa. Bạn chớ nên đang thưởng thức hoa này, mà mắt bạn phóng nhìn hoa khác, và tâm bạn muốn cùng một lúc ngắm nhìn chụp bắt tất cả hoa bướm trong vườn để thưởng thức, hoặc đang ngắm hoa mà tư tưởng bạn lại miên man về một chuyện nào đâu đâu của dĩ vãng hoặc mơ mộng một tương lai. Như thế, bạn chẳng những không thưởng thức trọn vẹn hương sắc của hoa, mà còn không tránh khỏi gai hoa quào rách da thịt đau nhức. Ngắm hoa mà biết để tâm ý trọn vẹn nơi hoa thì sẽ thưởng thức được cái tuyệt diệu hương thơm sắc thắm của hoa, lại tránh được gai hoa đâm quào rách da chảy máu. Động tác với ý thức như đây là chứng tỏ bạn đang sống tỉnh thức ngay trong thực tại, tâm ý bạn hài hòa với hương sắc hoa màu. Nghĩa là bạn đang thực sống trọn vẹn ý nghĩa thưởng thức hoa trong chánh niệm.

Biết đem trọn tâm thức sống trong thực tại là phương pháp sống của người thẳng tiến trên đường thánh thiện. Đức Phật quả trách những người học đạo mà lại sống tâm phàm tục. Những kẻ xuất gia mà lòng đầy chuyện thế gian thì Đức Phật và chư Tổ cho là "thân tuy xuất gia mà tâm chưa vào đạo". Còn những người tự nhận là Phật tử, không biết chọn thầy lựa bạn hộ đạo, không lo tu tâm sửa tánh, hỏi cải lỗi lầm, lại thích lăm lăm chuyện thánh hiền, xuyên tạc bói móc vu khống người tu hành, hạ người này đến chùa không phải học đạo tu tâm, mà cốt để tìm bạn mua vui giải muộn, có

dịp tụ năm tụ bảy nói chuyện thể gian ồn ào, chê trách thầy này, ganh ghét người nọ, lo chuyện thị phi, trong lúc đó họ quên chính bản thân họ chưa phát tâm Bồ đề, kém vun bồi phước đức.

Có những kẻ tự xưng Phật tử mà lại muốn không chế chùa viện, sai khiến tăng ni, nghe theo họ thì họ bốc thơm cho là tu hiền đạo hạnh, được yên thân, không nghe theo họ thì bị họ bị xấu mềm xương, nhần nhục không nổi phải bỏ chùa đi. Những kẻ này gọi là ác tặc, tà ngụy Phật tử. lại có hạng người ở nhà sợ vợ, sợ con, sợ chồng, nhưng khi đến chùa thì lại muốn ra oai chỉ huy tăng ni, đạo hữu khác, ý đồ nắm lấy chức phận quyền danh, muốn được tăng ni chịu chuộng, muốn không chế người hiền. Hạng người này gọi là trị sư, cha sư, mẹ sư. Trừ phi họ trị ngụy tăng, tà sư thì mới tránh được tội danh là xiển đề ác tặc trong Phật Pháp. Người có tâm thành trị tà sư ngụy tăng thì được xưng danh là hộ pháp.

Người tu Phật chơn chánh tuyệt đối không đặt điều mạ ly, phải luôn luôn hiểu tội phước nhân quả, không gây ra phiền muộn khổ đau cho người khác, không làm tổn thương ngôi Tam Bảo, ấy là người Phật tử tinh thức sống trong chánh niệm. Người tinh thức biết mình biết người biết hoàn cảnh, biết tiến biết thoái, biết tiếp nối nguồn sống giác ngộ của Phật.

Người tu Phật đối với việc qua rồi thì cho nó qua. Không nên nghĩ nhớ luyến tiếc bận lòng. Để tâm hồn rảnh rang thông thả "vô tâm thì đạo có cơ dễ tìm". Thời gian trôi qua không bao giờ trở lại. Không có ai có thể tắm nước cùng một dòng sông hai lần. Con người không có hai lần tuổi xuân xanh, không có hai thời thuở thanh niên trong cùng một đời người. Quá khứ đã qua rồi ngời tiếc nuối làm chi cho thêm khổ tâm nhọc trí, trong khi còn biết bao việc trong hiện tại để làm hầu xây đắp hạnh phúc sáng sủa hơn. Tương lai chưa đến mong chờ làm chi cho thêm cực lòng nhọc xác. Hãy sống trong hiện tại, hiện tại là quý giá nhất. Tất cả sự thành bại trong cuộc đời đều được quyết định trong hiện tại, khéo hay vụng, biết hay không biết sống.

Người không biết sống trong hiện tại là người thường đem tâm tiếc nuối quá khứ, mà quá khứ không bao giờ trở lại, lại xoay sang ước vọng tương lai, mà tương lai hãy còn trong ước mong xa vời. Hiện tại là thời điểm thật quý giá đáng sống mà lại xem thường hiện tại, vụng dại hướng đời mình trong mơ mộng không tưởng, sai một ly đi một dặm, tiêu phí thời gian quý báu, vô tình tự đào thải mình tách khỏi lộ trình tiến hóa, để tự ném vào hố thẳm cuộc đời. Giai thoại nhà thiền có các mẫu chuyện như sau:

* Một hôm nhân ngày đầu xuân, vua Lý Thánh Tông hành đạo cảnh núi Tiên Du đến chùa Trùng Minh lạy Phật cầu phước lộc đầu năm, thấy Thiền lão Thiền sư đang thanh thân ngắm hoa nhà vua bước lại gần hỏi:

- Bạch Hòa thượng ở chùa này bao lâu rồi?

Thiền sư đáp:

*Sống ngày nay chỉ biết ngày nay.
Còn xuân thu trước ai hay làm gì?*

Nhà vua lại hỏi: Thường ngày Hòa thượng làm việc gì?

Thiền sư nở nụ cười hiền hòa nhìn cảnh vật đáp:

*Trúc biết hoa vàng đây cảnh khác.
Trăng trong mây bạc hiện toàn chơn.*

Lại có câu chuyện, một hôm học trò Đức Không Tử hỏi: Sau khi chết còn hay mất?

Không Tử đáp: Việc sống chưa biết hết, làm chưa xong, hỏi chi đến việc chết.

Thí nhơn đã nhận chân giá trị của hiện tại, nên có thơ rằng:

*Suốt dĩ vãng thế gian không lại,
Mà tương lai hy vọng chưa thành,
Trong hiện tại những ngày cao quý,
Vận dụng tâm lẫn trí xây thành.*

Xưa nay các bậc cổ đức thánh hiền, những người hướng thiện, chư Phật và các vị Bồ Tát vì khéo sống với hiện tại. Nên hiện tại là thời gian quan trọng vô cùng quý giá cho những ai biết sống tiến bộ. Biết sống trong hiện tại, khai thác tận dụng khả năng mình thì hiện tại và tương lai sẽ sáng sủa. Hiện tại quyết định sự thành bại của đời người. Dù bạn ở vào cái tuổi nào trong bất cứ mọi hoàn cảnh, nếu bạn biết tận dụng tâm trí sống với hiện tại trong trạng thái tinh thức vẫn là chiến lũy pháo đài kiên cố nhất cho hạnh phúc hiện tại và tương lai đời bạn trên đường thành công và thánh thiện. Chân trời bình minh sẽ xuất hiện sáng ngời quang lộ đời bạn, khi bạn biết sống tinh thức, sống chánh niệm trong hiện tại. Ngược lại, nếu bạn vụng về

thờ ơ với thời gian hiện tại, ngồi mộng mơ, ước mong đuổi bắt một tương lai mơ hồ xa vời nào đó hay tiếc nuối thời dĩ vãng vàng son, thì hổ thảm cuộc đời sẵn sàng chôn vùi hạnh phúc bước tiến của bạn.

Thân gần bạn ác, làm tan nát lục hòa tứ chúng, dùng hành nghi tà nguy để lung lạc phá sản niềm tin, hủy nhục Tam Bảo là đào sâu hố thẳm tội lỗi. Người Phật tử chơn chánh, phải luôn luôn nhớ lời Phật dạy và thực hành để không gây tội lỗi do thân, miệng, ý tạo nên. Người Phật tử phải biết chọn bạn, chọn thầy, chọn pháp môn tu, không cầu lập dị, không ý đồ dụ hoặc bạn đạo để thành phe nhóm, như thế mới mong có ngày đi đến bến bờ giác ngộ, thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Giờ phút nào rời chánh niệm là giờ phút đó chìm sâu thêm vào hố thẳm tội ác. Xa thầy bạn hiền, gần thầy bạn ác là lạc vào rừng thẳm tăm tối của luân hồi. Biết nhận định như thế là người biết sống trong đường giác ngộ, tiến bước trên đường giải thoát.

Trong mỗi giờ phút biết thức liêm thân tâm, biết quán sát kiểm điểm hành vi tâm niệm, biết lấy gương nhân quả để định giá soi mình, thì nhất định thoát ly hố thẳm cuộc đời. Ngược lại, buông cương dục vọng, thả lòng không tin không nhớ nhân quả hành thiện, tức là mặc nhiên liệng đời mình xuống hố thẳm cuộc đời.

---o0o---

08. THIỀN

Kính thưa quý vị,

Hôm nay tôi trình bày về pháp môn thiền. Thiền là một pháp môn tu trong muôn ngàn pháp môn tu của đạo Phật.

Gần đây, người ta hướng về thiền rất nhiều. Đến nỗi thiền như một hấp dẫn lực, một thứ thời trang. Nhất là đối với tuổi trẻ, khi nghe đến thiền như là một nhân duyên kỳ ngộ, thích thú, bị quyến rũ ngay. Họ không ngần ngại rủ rê lôi kéo đi tu thiền, mà chẳng cần biết loại thiền gì.

Chính vì cái tính chất hấp dẫn của thiền, khiến cho người ta có thể nghĩ rằng, đây là thời đại thiền; thiền là đại diện cho Phật giáo!/? Nên không cần đem tâm trí suy xét phân minh, khi cầu học thiền. Miễn nghe ai nói nơi nào có tu thiền là họ nhào tới. Nhất là khi nghe nói ngồi thiền thì hồn được đi

vào thế giới thiên thai. Ngồi thiền thì được cái cảm giác trong người lạnh lạnh, nóng nóng, âm âm, cảm thấy siêu việt nọ kia. Ngồi thiền thì thấy khói xanh đỏ nơi lỗ tai, xì hơi lỗ mũi. Ngồi thiền thì được xuất hồn, ngao du đến các cõi bồng lai tiên cảnh. Ngồi thiền mà cảm thấy ngứa nơi ót, lạnh xương sống, nóng nơi đầu, vỡ xương sọ, đó là được tiếp điện từ cõi trên, hoặc ông thánh nọ bà tiên kia giáng nhập cho thấy cái này, cho biết cái kia, xuất hồn chỗ nọ. Tu thiền là con đường tu tắt, thành Phật gấp! Ôi thôi đủ luận điệu, đủ phương cách để mê hoặc quyến rũ. Họ không cần suy xét người dạy thiền là hạng người nào. Nên những kẻ nhẹ dạ hiệu kỳ, thiếu kiến thức căn bản giáo lý đạo Phật dễ làm tưởng đó là chân thật thiền, liền say đắm.

Họ đắm say đến nỗi bỏ công việc làm ăn, bỏ nhà cửa vợ con, để theo học tập cái loại thiền mê hoặc lòng người đó. Thật là tội nghiệp! Trước kia tôi cũng hiệu kỳ, lại bị bạn bè rủ rê, nên đã có một đạo tôi đi theo tu học thiền với một người trần tục, mà đội lớp tự xưng là Phật là thánh. Ông ta bảo: "Ngồi thiền không nên tưởng đến Phật, Bồ Tát chi hết. Chỉ cần tưởng nhớ đến ông ta là đủ, là sẽ thấy cảm giác nóng sau ót, lạnh xương sống, ấm nơi đầu v.v... đó là lúc sắp được xuất hồn, lên thiên giới dạo chơi nơi tiên cảnh. Xuất hồn đâu không thấy, mà tôi chỉ thấy những bạn tôi say mê theo lối thiền kỳ quặc này, bây giờ có đưa trở thành ngây dại, có đưa lờ đờ tàng tàng điên điên, có đưa bỏ vợ bỏ chồng bỏ con, có đưa gia đình phân tán không còn hạnh phúc như xưa. Ông ta dạy đừng tụng kinh. Tụng kinh thì hao hơi, tổn khí, bệnh hoạn. Họ còn dám đại ngôn bảo rằng, khi có lâm nạn, bệnh hoạn, hoặc chết, cứ tưởng niệm đến họ là họ đến cứu ngay. Họ là Phật là Bồ Tát.

Thưa quý vị,

Có Phật nào Bồ Tát nào tự xưng tự hào như vậy đâu? Xin quý vị xem kinh Thủ Lăng Nghiêm đoạn nói về Đại thừa Tâm giới thì sẽ thấy họ là ma mị tà nhờn, hiện hình mưu đồ phá hoại Phật giáo.

Tôi thấy hiện tượng mất thần trí bình thường của các bạn tôi. Tôi nghe lời họ nói kỳ quái, tôi bắt đầu lo ngại e dè và khủng khiếp. Tôi nhớ lại lời quý Thầy ngày xưa khi ở quê nhà dạy thiền mà tôi đã nhiều lần xin theo học. Khi giảng Thiền, quý Ngài dẫn lời Phật, lời Tổ, chứ chưa bao giờ dám lỗ mãng tự xưng thay thế Phật, đừng niệm Phật tụng kinh. Niệm danh hiệu tôi (kể tự xưng là Phật, là Thánh) là đủ rồi! Thật quá sức hàm hồ lộng ngôn!!! Các bậc Thầy tôi ở Việt Nam cũng như Trung Hoa, mỗi lần giảng kinh đều

dẫn lời Phật lời Tổ và đều khuyên người niệm Phật tụng kinh tham thiền để được định tâm kiến tánh. Như Ngài Thiên Tổ Tông Bồn dạy rằng:

*Hữu Thiền vô Tịnh Độ vạn nhơn đắc nhưt
Vô Thiền hữu Tịnh Độ vạn nhơn thất nhưt
Hữu Thiền hữu Tịnh Độ du như đời giác hồ
Hiện thế vi nhơn sư, lai sinh tác Phật Tổ.*

Tạm dịch:

*Tu thiền mà không tu Tịnh Độ thì vạn người đắc đạo một người.
Không tu thiền mà tu Tịnh Độ thì vạn người chỉ có một người không đắc đạo.
Nếu tu cả thiền và Tịnh Độ thì chẳng nào như cọp có sừng,
Hiện đời làm thầy người, đời sau làm Phật làm Tổ.*

Trong câu thứ ba của bài kệ trên mang ý nghĩa cọp vốn đã mạnh rồi, vốn là chúa tể sơn lâm ,mà lại có thêm sừng nữa thì không ai địch nổi. Cũng như tu thiền lại thêm tu Tịnh Độ hay tu Tịnh Độ lại thêm tu thiền, mà thường gọi là Thiền Tịnh song tu, cả hai hỗ trợ cho nhau thì dễ dàng mau chóng đạt đến kiến tánh thành Phật, chứng quả vô thượng Bồ đề.

Xưa nay chư Phật Tổ các Bồ Tát lấy kinh nghiệm bản thân dạy đời. Các Ngài cũng đã trải qua những năm dài tháng rộng với thời gian đặng đặng khổ luyện, tuyệt dứt tất cả phàm tánh, lòng tịnh trong sạch sáng như trăng rằm. Nên kinh nghiệm của các Ngài là kinh nghiệm chứng đắc chân lý muôn thuở. Lời dạy của các Ngài là lời dạy chánh pháp ngọc vàng. Đời sống của các Ngài là thể hiện chân lý chánh pháp. Nên các Ngài là tấm gương sáng soi, là mực thước muôn đời cho chúng sanh nhân loại biết hướng đời mình trên đường thánh thiện giác ngộ.

Hành giả có thể lấy một bài kệ, một câu nói của chư Phật chư Tổ, các Bồ Tát để ngày ngày suy nghiệm, đề tự kiểm thảo lấy mình, để hành trì thực sống với chính mình, thể cũng đủ chứng đạo. Như vua Lê Dụ Tôn không con, lòng lo âu cho ngôi vàng sẽ không người kế vị. Nhà vua đi chùa cầu tự, tìm gặp các cao tăng thiền đức để học hỏi đạo thiền. Một hôm nhà vua đến tham bái Hương Hải thiền sư, trong khi đàm đạo, nhà vua hỏi:

- Bạch Tôn Đức, ý Phật Tổ ra làm sao? Nghĩa lý thiền đạo như thế nào? Làm sao được kiến tánh đạt đạo?

Hương Hải thiền sư thản nhiên hiền hòa mỉm cười không đáp ngay câu hỏi của nhà vua, nhìn ra vườn trúc cảnh lá rung rinh như đùa giỡn với mây trời gió thoảng, khiêm tốn chậm rãi, Ngài đáp:

*Phản văn tự kỷ mỗi thường quan
Thẩm sát tư duy tử tế khan
Mạc giáo mộng trung tâm tri thức
Đương lai diện thượng đồ sư nhan.*
Tạm dịch:
*Nghe lại điều mình thấy mỗi ngày,
Suy đi nghĩ lại kỹ càng hay
Chớ tìm tri thức trong cơn mộng
Có thể mới mong gặp được Thầy.*

Thiền Tăng không đáp thẳng câu hỏi, cũng không giải thích ý nghĩa nghi vấn của nhà vua. Bởi thiền là ly văn tự ngữ ngôn, lấy tâm truyền tâm, trực chỉ chơn tâm, kiến tánh thành Phật.

Ở pháp hội Linh Sơn, Đức Phật truyền trao cành hoa và y bát cho thiền tổ Ca Diếp chỉ bằng nụ cười. Ở chùa Thiếu lâm, Đạt Ma tổ sư truyền y pháp cho Thần Quang Huệ Khả chỉ bằng tiếng hét "đem tâm đến đây ta an cho". Ở núi Hoàng mai, Ngũ tổ Hoàng Nhãn truyền tâm pháp cho Lục tổ Huệ Năng chỉ bằng cây thiền trượng gõ vào đầu cổn già ba cái.

Vậy ý nghĩa Thiền là ở chỗ nào?

- Thiền nói cho đủ là Thiền na, tạm dịch là tĩnh lực. Nghĩa là hành giả tu thiền với cõi lòng không vướng bận, không mong cầu. Tâm hồn phải thanh thoát, thần trí phải sáng suốt để đạt đến chỗ vô tâm. Cho nên căn bản ban sơ của hành giả tu thiền là quán hơi thở, chú tâm vào hơi thở, khéo nhiếp phục năm căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) không để tâm duyên đắm với cảnh trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc), ngăn dứt ý tưởng loạn động, nhiếp phục tâm ý định vào một chỗ để cho tâm thuần nhất một niệm. Như đèn dầu được bóng che không bị chao động theo gió. Một khi ý thuần nhất, tâm không loạn thì huệ phát sanh. Trí huệ phát sanh đến cùng cực, không còn tâm phân biệt nhưn ngã pháp là chứng đạo. Ấy là kiến tánh thành Phật.

Mục đích của người tu thiền là xoay lại tâm mình mà quán sát kiểm điểm để gạn bỏ vọng tâm. Nên người tu thiền thường áp dụng phương pháp hồi quang phản chiếu để cho tâm định huệ sanh, sanh kiến tánh thành Phật. Một khi đã kiến tánh thành Phật thì không còn vô minh phiền não, không

còn sanh tử luân hồi. Tâm đã thể nhập pháp giới tánh.. Tâm Phật với tâm mình dung thông làm một thể. Như kinh Hoa Nghiêm nói: "Tâm - Phật - chúng sanh, cả ba không sai khác".

Phù Vân thiền sư đã nói với vua Trần Thái Tông, khi nhà vua này chán tình đời ngang trái, lặn lẽ vào núi tìm thầy cầu đạo. Trước nhu cầu sinh tồn của triều đình và sự an nguy của quốc dân, vào thời điểm đó, thiếu vua Trần Thái Tông thì triều đình và quốc dân bất ổn.

Trong tinh thần vị tha với ý niệm tâm vua an lạc là quốc dân an lạc, nên Phù Vân thiền sư nói với nhà vua: "Trên núi không có Phật, Phật tại tâm. Hãy lấy tâm thiên hạ làm tâm mình". Vậy, tâm là Phật, Phật là tâm. Tâm là đạo, đạo là thiên. Tu thiên là đoạn dứt trần duyên cảnh giới ngoại tại để trở lại với chân tánh nội tâm của mình, gọi là hồi quang phản chiếu.

Một khi nội tâm thực tại sáng suốt bao la, dung thông vô ngại, không vương bận mây trần, thì lúc đó mới đích thực trở về cội nguồn tâm linh, kiến tánh giác ngộ đạt đạo. Vậy tu thiên là xoay về nội tâm, khai triển trí huệ để đoạn diệt vô minh chấp trước, nên tổ Đạt Ma nói với Huệ Khả:

*Ngoại tức chư duyên,
Nội tâm vô đoạn,
Tâm như tường bích,
Khả dĩ đạt đạo.*

Có nghĩa là:

*Ngoài dứt các duyên,
Trong không nghĩ tưởng,
Tâm như tường vách,
Mới vào được đạo.*

Tu thiên là tu đến chỗ vô tâm, tâm không phân biệt. "Vô tâm thì đạo có cơ dễ tầm".

Như thế, nếu ai tu thiên mà nói có được ơn trên thiên giới chỉ điểm, quý nhưn giáng điển, hoặc tiếp được ngoại điển của ông thần này, bà chúa nọ, cô thánh kia, Bồ Tát khác, hoặc nói tôi đã nói chuyện với Phật này Phật kia, thì biết đó là ma thiên, ngoại đạo thiên, tà thiên chứ không phải là chơn chánh thiên của Phật giáo. Hoặc giả có kẻ xưng Phật, Thánh, Bồ Tát giảng thiên hay truyền dạy luyện tu pháp môn kỳ lạ là biết ngay đó chính là ma, ma nữ,

quyển thuộc của ma, tà nhờn hiện hình chứ không phải chánh thống Phật pháp. Ai tin theo kẻ đó là gieo trồng chủng tử ma, kết thân quyến với tà thần yêu mị. Nên nhớ cõi trần thế tà nhiều hơn chánh. Nên cổ đức thường nói: "Phật cao nhứt xích, ma cao nhứt trượng" là ý nghĩa này vậy.

Trên đây là vài ý nghĩ thô thiển trao gởi đến các Phật tử thường về Phật Học Viện Quốc Tế tu học hằng tuần, để tránh khỏi tẩu hỏa nhập ma hoặc rơi vào màn lưới quyến thuộc của các loài yêu tinh ma mị.

---o0o---

09. ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT KHI THAM THIỀN

Thưa quý vị,

Mục đích của tu thiền là minh tâm kiến tánh. Nghĩa là cần phải trừ bỏ lòng vọng động nhiễm ô điên đảo, để hồi quang phản chiếu nhận chân tự tánh của mình. Ở đây nói nhiễm ô, tức là vọng tưởng chấp trước. điên đảo tức là nhận giả làm chơn, lấy tà làm chánh, nghĩ tưởng cuồng loạn. Tự tánh tức là đức tánh trí huệ của mình cũng thanh tịnh sáng chiếu như đức tánh của Như Lai.

Chư Phật và chúng sanh đều đồng thể đức tánh trí huệ Như Lai, không sai không khác. Nếu xa lìa hết vọng tưởng chấp trước, đức tướng trí huệ Như Lai sẽ hiển bày. Như thế, chúng sanh là Phật rồi vậy. Ngược lại, nếu không xa lìa được vọng thì mãi mãi vẫn còn là chúng sanh. Bởi chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, mãi mê say đắm trong ngũ dục nhiễm ô lâu đời, không thể trong chốc lát mà có thể dứt sạch vọng tưởng, giác ngộ suốt thông bản tánh chơn tâm của mình được. Vậy phương pháp dứt trừ vọng tưởng như thế nào?

Đức Phật Thích Ca cũng như các thiên tổ xưa nay đã nói đến rất nhiều phương pháp. Nhưng phương pháp đơn giản nhất không gì bằng "hết vọng thành chơn". Chỉ có một chữ "hết" thôi. Nghĩa là dứt sạch hết tâm vọng nhiễm trần duyên, để được thanh tịnh định huệ sáng chiếu.

Muốn sạch hết trần duyên, để được định huệ, thì phải tập trung tư tưởng. Muốn tập trung tư tưởng, trước nhất phải nhiếp phục sáu căn, để không duyên trước sáu trần, và như vậy, sáu thức không từ đâu mà sanh vọng nhiễm được. Vọng thức đã không sanh, thì chân tâm hiển bày, tức là kiến tánh thành Phật.

Thiền tông do Bồ Đề Đạt ma đem từ Ấn Độ sang Trung Hoa, rồi truyền đến Lục tổ Huệ Năng. Từ tổ Huệ Năng về sau, thiền tông truyền bá rộng rãi khắp nhân gian. Áng sáng thiền rạng rỡ một thời ở Trung Hoa đời thời đại Đường, Tống, mà cổ kim chưa từng thấy.

Có điều Đạt Ma Tổ sư cũng như Lục tổ Huệ Năng căn dặn thiền sinh rằng: "Điều căn yếu của người tu thiền là dứt sạch các duyên, một lòng tinh chuyên, một niệm không sanh, tức thấy Phật tánh". Dứt sạch các duyên, tức là dứt trừ vạn duyên vọng niệm. Một khi vạn duyên dứt sạch thì vọng niệm không do đâu mà sanh khởi. Đây là điều kiện tiên quyết để kiến tánh đặc đạo của người tu thiền. Nếu điều kiện tiên quyết này không tâm tâm niệm niệm, chuyên chú thực hành, thì không những tham thiền không được kết quả gì, mà cả đến vào cửa thiền cũng vẫn còn chưa đủ tư cách nữa thay, huống hồ là chuyện kiến tánh! Nên Đạt ma nói:

"Ngoại tức chư duyên

"Nội tâm vô đoan

"Tâm như tường bích

"Khả dĩ đạt đạo.

Nghĩa là:

"Ngoài dứt các duyên

"Trong không nghĩ lường

"Tâm như tường vách

"Có thể đạt đạo.

Bởi vạn duyên còn dính mắc là còn trói buộc, tức là còn ái dục danh lợi, thì tâm niệm còn loạn động sanh diệt dập dồn, thế sự đa đoan còn lôi kéo mãi, thế thì còn đâu tĩnh tâm để nói đến tham thiền, minh tâm, kiến tánh???

Vạn duyên dứt sạch, một niệm không sanh, đó là điều kiện tiên quyết của việc tham thiền, phát huệ, chứng đắc Phật tánh. Đây là điều kiện tiên quyết cũng là điều mà ngàn xưa chư Phật, ngày nay chư tổ, và mai sau chư hiền thánh tăng đều thực hành như thế. Ai cũng biết điều đó. Nhưng làm sao đạt thành được điều đó bây giờ?

Như trên đã nói, tạp niệm hết sạch, vọng tưởng không sanh, tâm bất động không nhiễm trước ngoại cảnh, y nhiên như tường vách, liền ngay đó huệ khai giác ngộ. Không phải cần tìm cầu đâu hết. Hễ còn phân biệt cao thấp chấp trước là trái ngược tôn chỉ của thiền, là nghiêng lệch yếu chỉ thiền tông rồi vậy. Nếu thể nghiệm được lý để trừ sự, thì hiểu được tự tánh xưa

vốn thanh tịnh. Nên phiền não và Bồ đề, sanh tử và Niết Bàn, tất cả thứ đó chỉ là giả danh vô thật, không có can hệ gì với bản tánh chân tâm thanh tịnh của ta cả. Như ánh mây với mặt trời. Sao rơi với trăng sáng. Như sóng gợn lăn tăn với mặt nước hồ thu, ngàn năm không in bóng. Như muôn ngàn sông suối xuôi dòng về đại dương. Việc đời chỉ như bóng bọt mộng huyễn. Thậm chí đến cái thân tứ đại của ta đây, và cả đến núi sông, địa cầu v.v... muôn hình vạn trạng của thế gian này đối với tự tánh chơn như của ta cũng chỉ như là bọt nước trên biển cả, lúc tan lúc hợp. Bản thể chơn tâm vốn ngời sáng vô ngại hồn nhiên, nên người tu thiền không đại khờ lao mình đuổi bắt những giả tướng hư huyễn sanh diệt, hơn thiệt thị phi của thế gian để rồi mang lấy buồn vui, khổ đau, vinh nhục, đói no phước họa v.v... Các hiện tượng tương đối của cuộc đời, nếu ta thấu triệt, vô tâm, vô trước, tức là vạn duyên dứt trừ. Vạn duyên đã dứt trừ thì vọng đâu mà sanh nữa? Như Đạo Hạnh thiền sư đời Lý nói:

*"Tác hữu trần sa hữu,
"Vi không nhứt thiết không.
"Hữu không như thủy nguyệt,
"Vật trước hữu không không.*

Tạm dịch:

*"Có thì có tự mây may,
"Không thì cả thế gian này đều không,
"Kìa xem bóng nguyệt dòng sông,
"Ai hay không có, có không lạ gì.*

Tóm lại, một niệm không sanh, vạn duyên không thành, tự tánh hiển lộ sáng chiếu. Đó là điều kiện tiên quyết của người tu thiền, để đạt đến minh tâm kiến tánh, giác ngộ thành Phật.

Người tu thiền xả bỏ tất cả, chỉ còn tâm thanh tịnh, ý chân thật. Tâm tánh ngời sáng như ánh trăng rằm đến độ không còn thấy mình có tu, có đắc, vắng bặt sở học sở tri, như vị thiền Tăng đã nói:

*"Kinh điển lưu truyền tám vạn tư,
"Học hành không thiếu cũng không dư,
"Hôm nay, tính lại đà quên hết,
"Chỉ nhớ trên đầu một chữ NHƯ."*

Tu thiền muốn đạt đến "như như" thì phải khởi đi từ phương pháp căn bản tu quán-đếm-hơi-thở, gọi là tập số tức quán. Quán đếm hơi thở cho đến khi tâm nhập lưu vong số, tức là thâm nhập không còn thấy mình năng quán, hơi thở số quán, đạt đến trạng thái tâm thần nhiên tịnh lạc, ấy là đạt định nhập thiền.

---o0o---

10. HUỆ KHẢ CẦU ĐẠO

Kính thưa quý vị,

Hôm nay tôi nói về Huệ Khả cầu đạo, tức là gián tiếp nói sơ lược về nguồn Thiền Trung Hoa.

Thần Quang pháp danh là Huệ Khả, chàng thanh niên tuần tú, phú quý giàu sang, ở đất Lạc Dương, lâu thông học thuyết Nho Lão, uyên thâm kinh điển cổ kim, đang được đời trọng vọng. Ở cái tuổi trung niên danh vọng đang lên, một hôm trong lúc đàm đạo với bạn đồng môn, bỗng dăm chiêu nhìn trăng qua rặng trúc, thốt lên: "Nho học chấp có, Lão học chấp không. Dạy người lẫn quẩn trong vòng mộng muội". Rồi từ đó Thần Quang chuyên tâm tìm đọc kinh Phật, đem hết tâm thành tìm đến núi Cao Tung chùa Thiếu Lâm tầm sư học đạo. Người tài hoa danh vọng giàu sang mà có tâm tìm thầy học đạo thật là ít có trên đời!

Rặng núi Cao Tung trùng điệp. Chùa Thiếu Lâm ẩn sâu bên trong trùng trùng điệp điệp đá cây cao chom chồm. Lốp lốp vách đá sừng sững toát ra khí lạnh căm căm. Trên không trung cuồn cuộn tuyết bay phơ phới, từ từ rơi nhẹ nằm yên trên mặt đất. Tuyết rải khắp đầu cây ngọn cỏ. Vạn vật phủ đầu một màu trắng xoá. Từng cơn gió lạnh buốt rít lên, càng làm tăng thêm vẻ cô liêu tịch mịch của ngọn núi Cao Tung hoang dã.

Tiếng chuông chùa Thiếu Lâm từ rặng núi cao thẳm vang vọng ngân nga, âm ba như lượn theo đà cao thấp, trải dài trên những đỉnh núi trùng điệp, chan hòa trong không gian, tạo nên âm hưởng linh thiêng huyền diệu, mang lại nguồn sinh động âm cúng phần nào cho dãy núi xanh thẳm cô liêu tịch mịch từ lâu băng giá. Tiếng chuông chùa mỗi lúc một ngân dài như khuyển lon, như nhẩn nhủ người đời đang còn lặn hụp trong chốn thương hải tang điền, thế gian huyền mộng, thân tâm đọa đày phiền lụy. Tiếng chùa

Thiếu Lâm đối với người có tâm tầm đạo như khích lệ, như thúc dục hành giả khắc phục chướng duyên, để hùng dũng bước lên trên đường chánh đạo giải thoát, nên gấp gấp hồi đầu cảnh Phật.

Có ai biết trong cảnh tịch cô liêu băng tuyết của núi thăm rùng sâu, điệp trùng ghềnh thác kia, có vị thiền tăng Đạt ma cốt cách dị thường đã cầm lặng bao tháng ngày ngồi đối diện vách, tĩnh tọa tham thiền trên chiếc bồ đoàn nâu cũ, đầu thẳng lưng, ước chừng mấy độ xuân thu, trầm tư bất động. Người biểu lộ phong thái trầm tĩnh cương nghị quyết tâm không sòn lòng trước cảnh vật đối đời theo tiết tuyết sương, tưởng chừng như nhân vật trong bức tranh thủy mặc. Bên cạnh con người trầm tư sâu thăm Đạt Ma, là học giả Thần Quang, tuổi đời đang độ tứ tuần lẻ một, trong tư thái đĩnh đạc trang trọng quì gối chấp tay lặng lẽ hầu chờ trao truyền một cái gì cao siêu từ con người huyền bí kỳ diệu của Đạt Ma kia, mà người đời không thấu hiểu nổi.

Tháng ngày thâm thoát trôi qua, Thần Quang cứ thế quyết tâm trước sau như một, lặng lẽ quì hầu gần ngót chín năm, Tuyết phủ lấp gối, chân đã chai bầm, nhưng ngoài cái tư thế trầm lặng của Đạt ma ra, Thần Quang chưa tiếp nhận được một lời khai thị nào cả. Đó đây, trên khắp đầu cây ngọn cỏ, rộng dài phủ lấp đỉnh núi rừng già lớp lớp tuyết băng, một màu trắng bạc. Khí trời buốt lạnh căm căm, mỗi lúc một thăm sâu vào da thịt tê nhúc như kim đâm dao cắt. Tuyết ngập mỗi lúc mỗi dày. Toàn thân tê cóng. Thần Quang bắt giác buông nhẹ hơi thở thương thân phận mình.

Lão tăng Đạt Ma đang trong thiền định, bỗng nhiên ngoáy đầu lại, nhìn thẳng vào người Thần Quang, cất tiếng hỏi:

- Người có điều chi mà quỳ đó?

- Bạch sư phụ: Đệ tử quì hầu cầu đạo trải qua đã chín độ xuân thu, lá hoa nở tan mấy lượt, mà vẫn chưa được sư phụ cho lấy nửa lời khai thị Phật tánh, để đệ tử mở màn vô minh.

- Được! Chừng nào tuyết trắng thành hồng thì sẽ liễu thông lý đạo.

Lão tăng Đạt Ma mở miệng chỉ bấy nhiêu lời rồi im bất. Cảnh vật lại chìm vào không tịch. Cảnh trí của chốn rừng hoang vu bốn bề bao phủ lấy hai tâm hồn cùng nhịp điệu thao thức cho mạng mạch nguồn tuệ giác. Tâm thành cầu đạo của Thần Quang mỗi lúc một chuyển động, như mạch sóng ngầm đại dương với câu "chừng nào tuyết trắng thành hồng ..." Dòng tâm thức của Thần Quang mỗi lúc mỗi dập dồn như sóng cồn chổi dậy.

Đột nhiên, thanh đao sáng ngời từ người Thần Quang vung lên, nhanh như lần điện chớp, liền đó cánh tay trái của Thần Quang lia thân, máu phun thành vòi tứ tung trên mặt đất. Không mấy chốc tuyết trắng nhuộm hồng. Thần sắc của Thần Quang sáng ngời tươi tỉnh trong tư thái trầm tư từ hòa, nhưng nghị lực cương quyết hơn bao tháng ngày quỳ bên thầy cầu ngộ lẽ đạo.

Trước sức kiên nhẫn với lòng chí thành quyết tâm cầu thầy khai thị tuệ tâm của Thần Quang, mà Đạt Ma thiên tổ vẫn thái độ lặng lẽ như thuở nào! Thêm vào đó phản ứng tự nhiên của cơ thể xương thịt bị cắt, ray rứt trước sức hành phạt của băng tuyết khí rùng. Thần Quang trải bày tâm can mà quên đi từng cơn đau nhức chạy khắp thân xác, cùng với máu đào thấm khắp mặt đất đầy băng, bảo sao Thần Quang không cảm thấy lòng cuộn cuộn trào dâng nỗi niềm thương xót chính nghiệp duyên mình xen lẫn trong hơi thở nhẹ rên than, mang theo lời tâm sự khẩn thiết:

- Bạch sư phụ, tuyết trắng đã thành hồng!

Trước cảnh tuyết nhuộm máu đào với lòng thành kính cầu đạo, thiên tổ Đạt ma thâm trầm cảm động, nhìn thẳng vào người Thần Quang mà rằng:

- Vậy ngươi muốn cầu điều chi?

- Bạch sư phụ, suốt bao năm tháng quỳ hầu bên thầy, dù phải mất thân mạng này, đệ tử vẫn không màng, chỉ có hoài bảo duy nhất là một lòng cầu chân đạo vô thượng, Thần Quang từ tôn đáp.

- Vì nguyên nhân nào, con muốn cầu chân đạo vô thượng?

- Bạch sư phụ, vì tâm con không được an.

- Ông đem tâm đến đây, ta an cho.

- Thần Quang vừa nghe đến câu "đem tâm đến đây ta an cho" như đinh đóng vào trụ đồng. Như chẻ tre qua mắc. Như làn điện xẹt giữa bầu trời mây đen dày đặc. Bấy giờ tâm thức của Thần Quang bừng tỉnh ngộ, tìm lại chân tâm nơi mình từ đầu đến chân, từ chân đến khắp các bộ phận cơ thể. Mỗi niệm mỗi niệm tương tục. Từ vọng niệm đến chơn niệm, xuyên qua thời gian khắp không gian, sơn cùng thủy tận, miên man tìm cầu, nhưng không thấy tâm đâu cả. Chỉ còn thấy cõi lòng mênh mang:

- Bạch sư phụ, tìm mãi mà con vẫn không thấy tâm đâu cả!

Thần Quang không cách nào tìm được tâm, chỉ còn biết đáp đúng trạng thái tâm thức của mình lúc ấy. Giọng đáp mang đầy ưu tư.

Đạt Ma và Thần Quang cả hai lại chìm trong trạng thái tâm tư sâu thẳm không lời. Hai con người lặng thinh, nhưng tâm thức nhịp điệu nguồn sống tuệ tâm vô tận. Lúc ấy tưởng chừng không gian ba động tĩnh lặng, vũ trụ ngừng xoay. Vạn vật tiềm tàng nguồn sống. Đến cả tiếng gió rít từng cơn qua khe vách đá, trời mưa hoa tuyết, chuông chùa Thiếu Lâm Tự ngân vang trong đêm khuya, tất cả như lắng chìm vào cõi tĩnh. Giữa bầu không khí tịch tĩnh bao la, sự cô tịch hoàn toàn trùm cả núi rừng Thiếu Lâm Tự, bỗng không gian rền vang tiếng nói thanh sáng:

- Ta đã an tâm cho người rồi đó!

Tiếng nói Đạt ma vừa dứt. Sự im lặng trùm khắp vạn vật núi rừng liền phá tan. Mọi sinh linh như hoàn hồn sinh động. Màu nhiệm thay, Thần Quang tâm thức bừng sáng ngay khi tiếng khai thị "an tâm" của Đạt Ma, tức khắc Thần Quang tiếp nhận nguồn sống an lạc thanh thang vô tận, đạt ngộ tự tánh chơn tâm ngời sáng của mình.

Thần Quang vui mừng như người vừa tìm được lối thoát tự rừng sâu; như thuyền trong bể cả diều vợi thoát ra lớp lớp mây mù trong đêm, thấy được ngọn hải đăng sáng chiếu. Lạ thật! Nào ngờ tâm an thì loạn động mất. Vọng niệm dứt thì chơn tâm hiển lộ, thấu ngộ chân lý, suốt rõ cội nguồn của bản tâm và vạn loại sinh linh.

Thần Quang thốt lên: Ôi Lý đạo nhiệm màu thay, ngay chính mình sẵn có mà không tự thấy Phật tâm của chính mình, không tự nhận biết có Phật tánh.

Ngay khi được ấn tâm ngộ đạo, tự nhiên khắp thân người Thần Quang phơi phới tỏa ra nguồn sáng an lành, tâm trí quang minh tĩnh mát kỳ diệu. Thần Quang lay tạ ân đức sư phụ đã khai thị cho.

Đạt Ma thiên tổ đặt tên cho Thần Quang là Huệ Khả, truyền trao bốn quyển kinh Lăng Già và y bát, dạy rằng: "Trong truyền tâm pháp để ấn chứng tâm. Ngoài truyền y bát để định tông chỉ truyền thừa giác ngộ. Kế tiếp ta, con phải hết sức duy trì mở mang đạo thiên. Dạy xong, Đạt Ma phó chúc kệ rằng:

*Ta nguyện đến xứ này
Truyền pháp cứu mê tình,
Một hoa nở năm cánh,
Kết quả tự nhiên thành.*

Về sau, gặp thời pháp nạn Châu Võ phá hủy Phật giáo, Huệ Khả đã dùng đến tánh mạng của chính mình để bảo trì mạng mạch Phật pháp, hầu mong hoàn thành tâm nguyện vĩ đại cầu pháp của mình. Nhờ đó, ngọn đèn thiên được miên viễn sáng soi khắp cõi trần thế và rạng tỏ muôn phương đến ngày nay.

--- o0o ---

11. ĐÔNG THẤT THIÊN SƯ VÀ TÂY THẤT THIÊN SƯ

Này các huynh đệ,

Hôm nay đây, Thầy kể câu chuyện này để các con suy ngẫm, rồi đem áp dụng trên đường tu tập của mình. Câu chuyện ngụ ý khuyên ta thức liêm thân tâm, không màng dính mắc sai lầm danh lợi. Câu chuyện này của Hòa Thượng Thích Đôn Hậu kể cho Thầy nghe năm xưa. Câu chuyện ấy như thế này:

Từ ngày kế vị vua cha, bốn năm liền bận rộn việc triều chính quốc sự, vua Lý Thái Tôn không có thì giờ để đi vãng cảnh, hành hương viếng chùa lễ Phật.

Tuy vậy, nhà vua lúc nào cũng nhớ đến Viên Chiếu Quốc Sư, bậc thầy đạo hạnh đã dạy dỗ mình từ thuở bé, khi còn là Thái tử. Mặc dù giờ đây nhà vua ở trong cung điện ngai vàng, ngày ngày kẻ hầu người hạ, kẻ bái người tâu, kẻ quỳ người mọp. Mỗi bước đi có tiền hô hậu ủng. Hằng ngày nhà vua thưởng thức những thứ cao lương mỹ vị không thiếu món gì.

Khi mới lên ngôi, mỗi lần ngự triều, ngồi trên ngai vàng, bá quan văn võ hầu chào, xưng hô vạn tuế, vua Lý Thái Tôn cảm thấy oai vệ thích thú. Nhưng cái cảm giác thích thú này sau đó chẳng bao lâu chai dần, rồi từ từ nhường chỗ cho ý niệm nhàm chán. Tuy sống trong những ngày vàng đêm ngọc, chăn êm nệm ấm, lầu đài cung điện nguy nga, cung phi mỹ nữ hát xướng múa ca, nhưng lắm lúc nhà vua vẫn cảm thấy mình bị ràng buộc bởi nghi lễ, phát sanh cảm giác tù túng, tưởng chừng như bị giam hãm ràng buộc bởi triều nghi áo mão cân đai.

Nhà vua nhớ tiếc thời kỳ trẻ thơ, thuở còn là Thái tử ở chùa theo học với thiền sư, ngày ngày luyện văn tập võ, thong dong với núi rừng hoa lá, vui với cá lội hồ sen, tươi cười với chim muông ca hát trên cành cây cỏ thụ, gió mát hiu hiu tùy thích nằm ngủ ngon lành dưới gốc cây, trên vườn cỏ, dưới hiên chùa, bất cứ chỗ nào. Ngày ngày sống bên cạnh sư phụ uy nghi từ bi điềm đạm với những lời khuyên nhủ hiền hòa mát dịu gọt ngào. Những lời dạy dỗ như rót chảy sâu vào tâm can huyết quản, cho đến bây giờ tuy đã làm vua mà vẫn còn ghi nhớ rõ ràng. Mỗi lần nhớ đến thuở thiếu thời nơi chốn thiền môn, nhà vua cảm thấy tâm hồn êm đềm mát dịu làm sao!

Đã bốn mùa Phật Đản, nhà vua không thu xếp nổi thì giờ để thân hành đến dự lễ, lòng cảm thấy như thiếu sót một điều gì lớn lao nhất trong đời mình. Nên Phật Đản năm nay, nhà vua quyết định thế nào cũng phải thu xếp việc triều chính, để lên chùa lễ Phật, thăm sư phụ mình mới được. Nhà vua thèm sống lại cái cảnh trí không khí thanh thản của thời niên thiếu lắm. Nhưng làm sao con tìm được cái tâm trí thanh thản của thời xa xưa trước đây nữa!

Lòng đã quyết, dù việc triều chính bận rộn, nên hôm ấy khi mới vừa rạng đông, khí trời cuối xuân đầu hạ trong lành mát dịu của ngày Phật Đản, nhà vua cùng đoàn tùy tùng ra khỏi hoàng thành, hướng về núi Yên Tử tiến bước. Sở dĩ nhà vua đi chùa sớm như vậy, là vì muốn đến chùa trước khi các thập phương Phật tử đến, để có thì giờ hầu chuyện với Viên Chiếu thiền sư, bậc thầy đã tận tụy đào tạo hướng dẫn mình. Tuy thân ở triều đình, mà lòng lúc nào cũng hằng mong ước được gặp lại sư phụ để hầu chuyện, thỉnh ý về cách trị quốc an dân. Đồng thời nhà vua cũng muốn mình như bao Phật tử khác đến đúng giờ tham dự lễ chánh thức Phật Đản.

Trải suốt mấy dặm đường, tiếp đó phải theo triền núi ngoằn ngoèo đường dốc, nhà vua đã đến núi Yên Tử như thời gian dự định. Nhà vua gặp thiền sư với niềm hoan hỷ trong đạo tình sư đệ, trong chén trà đạo vị, trong tinh thần tri kỷ, trong cùng ý nghĩa thương nước thương dân, thương đạo. Tuy bây giờ là vua, nhưng đối với Viên Chiếu thiền sư, nhà vua lúc nào cũng một niềm tôn kính là bậc thầy.

Nhà vua và thiền sư trong tình sư đệ qua câu chuyện, thiền sư bày tỏ tâm sự với nhà vua : "Tôi không còn bao lâu nữa, thân tứ đại này sẽ hoàn trả lại bản nguyên của nó. Việc đạo việc đời đều nhờ ở vua". Vua vừa nghe lời ấy, lẩy làm bùi ngùi xúc động vô cùng, như cây cỏ thụ xum xê muông chim

đoàn tụ ngày ngày hót vui, nay bỗng nhiên khô cành tróc gốc. Như mặt trời sắp lặn, hoàng hôn kéo về phủ lên vạn vật tối tăm.

Thế rồi chẳng bao lâu sau đó, vào một đêm mừng tám trăng lưỡi liềm, ánh trăng mờ bạc trải trên vạn vật, thiền sư gọi hai người đệ tử tâm phúc vào tịnh thất căn dặn: "Thầy sắp trở về nguyên quán. Thầy hòa đồng vạn thể pháp thân. Sự nghiệp hồng pháp độ sanh của Thầy, nay trao lại cho hai con. Giờ đây thầy trao cho hai con, mỗi người một ngọn đèn tuệ, để soi sáng bản tâm, đi trọn hành trình trở về bản thể". Căn dặn xong, thiền sư trao tận tay hai người đệ tử của mình mỗi người một cây đèn và căn dặn: "Các con nhận lấy đèn tuệ này, mỗi khi tọa thiền nên để ngay trước mặt, nhìn thẳng vào ngọn đèn mà quán tưởng thì một ngày nào đó tuệ tâm khai ngộ". Căn dặn xong, Viên Chiếu thiền sư ngồi kiết già an nhiên viên tịch.

Chẳng mấy chốc tin viên tịch của Quốc sư Viên Chiếu đồn ra muôn nẻo đường. Khắp đó đây, từ vua cho đến quan dân đều tỵ tề về núi yên Tử để dự lễ trà tỳ. Sau lễ trà tỳ sư phụ xong, hai người đệ tử nhất mực từ chối không chịu nhận chức vị viện chủ trụ trì kế nghiệp thầy mình để lo cơ sở gia lam cổ tự. Mỗi người xin được tĩnh tu ở hai tịnh thất phía Đông và phía Tây triền núi, hầu có nhiều thì giờ chuyên tâm thiền quán. Được người thời bấy giờ thường gọi là Đông thất thiền sư và Tây thất thiền sư.

Mỗi lần ngồi thiền, nhớ lời thầy di chúc, Đông thất thiền sư cũng như Tây thất thiền sư đều để ngọn đèn dầu trước mặt làm đúng như lời trước khi thầy nhắm mắt viên tịch căn dặn. Từ đây, Đông thất cũng như Tây thất thiền sư đều giữ vẻ trầm lặng, ngày ngày chìm sâu vào núi rừng tịch mịch. Trong cái không khí thanh tịnh tĩnh lặng, dứt bật âm thanh của người trần thế, ngày ngày không một bóng người lai vãng, cuộc sống thanh bản nhưng thật êm đềm giải thoát của hai tăng nhân có lúc như hòa mình cùng với vũ trụ. Đêm đến, các loài thú rừng từ các nơi tỵ về, quần quít bên tịnh thất của hai ngài. Có những đêm trăng sáng hươu nai đến quào cửa tịnh thất của Đông thất thiền sư và Tây thất thiền sư, chúng kêu ư ử hòa với những tiếng kêu riu rít của loài hươu nai thỏ vượn, như để mời mọc hai thiền sư ra cùng vui chơi với chúng.

Biết rõ điều đó, thiền sư xả thiền, dịu dàng đỡ cánh cửa lá bước ra. Lạ thay, vừa thấy thiền sư, loài thú rừng vẫy đuôi kêu riu rít. Có lúc những thót cọt beo rần rện hiền lành nằm mọp, vẫy đuôi với đôi mắt sáng như lằn điện xẹt. Thiền sư vuốt nhẹ lên lưng những con vật. Giữa cảnh đất trời bao la,

giữa tình người và muôn loài hoang dã cùng hòa điệu, thật là thân mật hữu tình "tình dữ vô tình đồng viên chung trí".

Có những đêm tối trời tuyết sương băng giá phủ đầy, thiền sư vẫn nghe có tiếng động nhẹ bên ngoài. Sáng hôm sau khi trời quang đãng, thiền sư mở cửa bước ra, thấy ở trước sân thiền thất còn lưu lại những dấu chân của những thú rừng cùng với những trái cây rừng ngon ngọt.

Đông thất thiền sư và Tây thất thiền sư lặng lẽ tĩnh tu gội rửa tâm tư, chuyên tu tịnh nghiệp. Trái thời gian tháng năm, phần lớn nhờ trái cây rừng của loài thú mang đến cúng dường mà hai thiền sư độ nhật qua ngày.

Hai thiền sư chuyên tu tịnh nghiệp thâm sâu, phước đức cao dày đã cảm hóa đến muôn loài. Tiếng đồn xa, ngoài nhân gian người người kính ngưỡng. Trong triều nội vua chúa thần quan ai nấy cũng đều mến mộ đạo hạnh của hai ngài.

Để cho vua và đình thần chiêm ngưỡng đức tướng, nghe đạo thiền thấm nhuần pháp nhũ, nhà vua cho sứ giả tìm đến tận núi, gõ cửa tịnh thất thỉnh thiền sư về triều. Đông thất thiền sư im lặng bất động, kheo léo chôi từ. Tây thất thiền sư trước những lời ca ngợi đức hạnh, tha thiết thỉnh cầu của sứ giả, đã nhận lời vua thỉnh, về triều thuyết pháp, đàm thiền cho vua, hoàng tộc và quần thần nghe. Tây thất thiền sư nhờ tu mà được chút huệ, nên thông đạt lý đạo lẽ thiền, thuyết pháp hóa duyên được vua và triều thần trọng vọng. Từ đó, thỉnh thoảng nhà vua cho sứ giả lên núi thỉnh Tây thất thiền sư về triều thuyết pháp cúng dường.

Vì cung nơn mến mộ thỉnh cầu, nên có những lúc Tây thất thiền sư lưu lại trong triều thời gian suốt tháng. Những thời gian lưu lại này, thiền sư được trọng vọng hầu hạ cúng dường rất mực. Thiền sư lại có dịp tiếp xúc với nhiều bá quan văn võ đại thần và hoàng hậu.

Sau những thời gian ngắn lưu lại hoàng cung như vậy rồi. Tây thất thiền sư trở về tịnh thất tiếp tục việc tu hành. Cũng theo như thời khắc hành thiền đã định. Cũng vẫn ngồi thiền đối diện trước ngọn đèn của thầy Bổn Sư truyền trao khi viên tịch. Nhưng bây giờ tham thiền, tâm không còn kiên cố định tĩnh phẳng lặng như dòng nước trong mát quán chiếu cội nguồn tâm linh như những ngày trước nữa. Trái lại, sự tĩnh lặng của dòng tâm thức bị đứt quãng bởi những hình ảnh cung miếu triều vua, lâu đài lộng lẫy, vua quan đại thần, cung phi mỹ nữ diễm lệ hát xướng, yến tiệc thịnh soạn linh đình, kẻ hầu người hạ dung cúng trịnh trọng v.v..., những hình ảnh này cứ

phút chốc hiện lên rõ rệt, xen tạp vào dòng tâm thức niệm Phật thiền quán của thiền sư. Thiền sư muốn dứt bỏ tức khắc, bỏ hết tất cả những hình ảnh tạp loạn đó, để cho dòng tâm thức niệm Phật thiền quán thật phẳng lặng trong mát như ngày trước. Nhưng không dễ gì! Thiền sư ngồi hối tiếc suy nghĩ băng khuâng, muốn tìm lại sự phẳng lặng của tâm hồn thuở trước, nhưng khó quá!!! Rồi ngày lại qua ngày, thiền sư tiếp tục phấn khởi nhận lời cung thỉnh của nhà vua về triều giảng kinh luận đạo.

Sau mỗi lần ở triều về lại tịnh thất, thiền sư cũng vẫn tiếp tục cố gắng tĩnh tâm niệm Phật tham thiền. Nhưng hình ảnh phú quý của triều đình chiếm mất sự an lành thanh tịnh trong mát của dòng tâm tư niệm Phật thiền quán. Cứ thế, hai trạng thái động tĩnh trong cùng một con người của Tây thất thiền sư, cùng một cõi lòng muốn tịnh mà cứ động, tự nhiên dằng co xung đột. Trong lúc đó, Đông thất thiền sư vẫn im lìm trong tịnh thất, tinh tấn chuyên cần, tâm trí mỗi ngày một khai thông, huệ tâm tăng trưởng.

Rồi vào một đêm nọ, trời đất bỗng nhiên mịt mù, lớp lớp mây đen tối tăm bao phủ, mưa giông sấm sét, chốc chốc làn chớp sáng lòe như xé tan màn tối dày đặc bao phủ trời đất, tiếp theo những tiếng gầm sấm sét như nổ tung tứ thế tham thiền, thân thể bất động, nhưng nội tại tâm tư rộn ràng, đang cố tìm lại dòng tâm thức thanh tịnh tĩnh mát lành năm xưa. Trong lúc đang tịnh tâm thiền quán, bỗng Tây thất thiền sư mơ màng thấy trong bóng tối lù lù hiện ra một con quỷ lông lá dựng ngược, mắt to đỏ ngầu như máu, nhe răng nháy đến vô lấy thiền sư. Thiền sư hoảng hốt, đứng dậy, tung cửa tịnh thất vụt chạy ra ngoài làm cho ngọn đèn dầu ngã đổ, lửa theo vết dầu loang phùng cháy, không mấy chốc tịnh thất tranh lá thiêu rụi thành tro.

Giữa cơn mưa đổ, giông tố sấm sét, lửa cháy phùng phùng, Tây thất thiền sư hoảng hốt một mình cầm đầu chạy, thỉnh thoảng ngoái cổ nhìn lại phía sau, vẫn thấy con quỷ dữ nhe răng miệng máu hùng hổ rượt theo, như muốn ăn tươi nuốt sống mình. Do đó, Tây thất thiền sư lại càng sợ hãi, cố chạy trốn. Nhưng càng chạy càng thấy phía sau con quỷ cứ rượt đuổi nấp theo. Kiệt sức mệt lả cả người, áo quần ướt át tả tơi, thiền sư hết đường, liền chạy chui vào núp giữa mấy hàng lu tương lớn của một ngôi chùa này vừa mới bị trộm. Tầng chướng trong chùa thức dậy đang lùng tìm bắt kẻ gian. Nhưng kẻ gian đã mau chân co giò chạy thoát từ lúc nào rồi. Mà nhà chùa sợ kẻ trộm còn ăn núp đâu đây, nên tầng chướng trong chùa phân chia nhau từng toán đi lục soát kỹ, trước khi đi ngủ lại.

Thì bất ngờ, một vị tăng thấy một người áo quần ướt tả tơi, ngồi co ro trong hốc tối giữa mấy hàng lu tương. Một tiếng tri hô: Kẻ trộm đây rồi! Nó đây! Mọi người tay sẵn cầm cây, gậy, chổi, thùng, đổ xô đến chỗ có tiếng tri hô, nhanh như chớp dùng thế quyền bắt trói đánh đập như tử, rồi mang nộp lên quan. Quan tra hỏi, Tây thất thiên sư tình thật, nhứt mực khai không có. Tự nói mình chính là Tây thất thiên sư, thầy của vua. Thế rồi quan huyện nhứt mực cho kẻ gian dám phạm thượng hồn láo đáng chết, nên lại càng ra lệnh tra tấn nặng nề. Bấy giờ thân thể của Tây thất thiên sư bầm sung nhưc nhối. Sau đó quan huyện trình tâu tỵ sự lên vua. Vua lấy làm lạ cho đòi mang kẻ gian về triều xét xử.

Mới nhìn, nhà vua thấy kẻ trộm mình mẩy mặt mày sung bầm, áo quần bụi bặm rách nát tả tơi, thật là thê thảm! Nhìn hồi lâu nhà vua rất đỗi ngạc nhiên, nhận ra phạm nhân này không ai khác, chính là Tây thất thiên sư! Không cảm lòng xúc động, nhà vua cũng như thiên sư hai cõi lòng cùng một nhịp thông cảm xúc động xót xa. Bốn mắt nhìn nhau im lặng, nước mắt tuôn trào thành dòng trên má cả hai. Nhà vua càng nhìn thân hình tội tày của thiên sư, càng ngạc nhiên không hiểu nổi do nguyên cớ nào đưa đẩy nhà tu đến nông nổi này.

Nhà vua càng nhìn thiên sư với đôi mắt tìm hiểu, thương hại, thì sự hổ thẹn sâu kín tự đáy lòng lại càng chế ngự cả tâm não thiên sư. Lúc đó, Tây thất thiên sư chỉ còn biết cúi mặt xuống đất im lặng lắc đầu xấu hổ tự trách, như để dòng tâm tư xuôi chảy về quá khứ. Quãng đời tu học đã qua, trải từng giai đoạn, từng giai đoạn hiện ra rõ rệt, từ thuở thơ ấu xuất gia theo thầy học đạo, được thầy trao truyền đèn tuệ cho đến ngày nay phải ra nông nổi này! Tất cả những hình ảnh đó đều rõ ràng hiện ra trong tâm não, sống động như mới ngày nào đây, và chưa bao giờ rõ rệt như lần này. Rồi nghĩ đến người sư đệ của mình, Đông thất thiên sư bây giờ vẫn sống an lành tĩnh lặng tịnh tâm niệm Phật tham thiền. Tây thất thiên sư vô cùng hối hận, mình đã vọng tâm vương mắc lợi danh mà không hay biết, để thân phải đọa đày, lặn sâu vào hố thẳm như thế này!

An tĩnh trong tịnh thất tham thiền, Đông thất thiên sư biết rõ hết mọi việc xảy ra của người sư huynh mình. Thiên sư chỉ còn biết thương xót nguyện cầu cho Tây thất thiên sư sớm hồi đầu tỉnh giác, dừng chân xa dần liên hệ với chỗ phú quý quyền uy, để trở lại đời sống thanh bản lạc đạo.

Sau khi nghe Tây thất thiên sư kể hết đầu đuôi sự tình đã xảy ra, nhà vua cảm động thương tâm, Tây thất thiên sư được giải oan và nhà vua mời lưu

lại triều đình để lo thuốc thang chữa trị những vết thương trên mình, và cũng để cúng dường y áo đồ dùng, rồi đưa thiền sư về núi.

Khi trở lại núi, Tây thất thiền sư nhìn tịnh thất của mình bây giờ chỉ còn là đồng tro tàn! Thiền sư nhìn trời, nhìn đất, hướng vọng nhìn về ngôi già lam cổ tự của thầy mình, nơi đó ghi dấu hình bóng của thầy. Cũng chính nơi đó, vào những năm trước đây, ngày ngày mình hầu thầy học đạo, sớm chiều thời khóa tụng niệm, sống vô tư vô lự, vui với hoa lá cỏ cây chim muông thú rừng. Tâm hồn giải thoát làm sao!

Dòng tâm tư cứ tiếp tục như cuộn phim hiện về mỗi lúc một rõ ràng, thiền sư ngồi trên tảng đá trầm tư. Giờ đây, thân thể tâm niệm mình đã xa đạo ngàn dặm lắm rồi! Lời thầy căn dặn năm xưa trong đêm sắp viên tịch như phai mờ trong tâm thức! Đèn tuệ của thầy trao cho, giờ đây đã cháy thành tro! Mất hết tất cả! Tất cả đều không! Thiền sư khẽ lắc đầu than thở, nhìn đồng tro tàn tự trách do mình quá ám muội nên mới ra nông nổi, tịnh thất bỗng chốc thành đồng tro bụi! Bản tâm mông muội thiêu rụi hết công đức giải thoát. Con đường giác ngộ hẳn còn chơi vơi mịt mù. Đối với đường tu thua xa sư đệ ta quá rồi!

Trời chưa tối hẳn. Trăng rằm vào cuối tiết hạ sang thu, ánh trăng trải sáng khắp trên cành cây ngọn cỏ núi đồi. Rồi đột nhiên thiền sư đứng phắt dậy, đi về hướng tịnh thất của người sư đệ, Đông thất thiền sư. Tịnh thất vẫn im lìm. Hàng trúc vẫn đứng nên thơ như thuở nào, thỉnh thoảng lay nhẹ theo chiều gió. Bên trong tịnh thất, Đông thất thiền sư vẫn tĩnh tọa tham thiền. Tây thất thiền sư cảm thấy không khí nơi đây thanh tĩnh lạ thường, như đang thâm sâu vào lòng mình làm tăng thêm cảm giác mát nhẹ thư thối.

Không dám kêu cửa, Tây thất thiền sư đi vòng quanh tịnh thất của Đông thất thiền sư mấy lượt, lòng Tây thất thiền sư bồi hồi nôn nao, rất mong sao sớm được diện kiến với người sư đệ mình.

Đông thất thiền sư đang tham thiền biết rõ tâm trạng của sư huynh xao xuyến, nên xả thiền, đỡ nhẹ cánh cửa lá bước ra trước hiên tịnh thất, với gương mặt thanh thoát hân hoan đón chào người sư huynh của mình, lâu ngày mới gặp.

Tình huynh đệ gần nhau trong ánh sáng đạo, dưới ánh trăng rằm tháng tám, trong làn gió mát dịu của núi rừng, giữa khoảng trời bao la tịch tĩnh, Tây thất thiền sư hướng tâm hồi quang phản chiếu, nguyện sống đời lạc đạo bản tăng.

Để kết luận câu chuyện trên đây, xin mượn lời vua Trần Thái Tôn, một vị thiên tử Việt Nam đời Trần:

"Vĩnh vi lăng đăng phong trần khách

nhứt vãng gia hương vạn lý trình".

Tạm dịch:

"Một thuở ra đi trong cát bụi

Ngàn năm mất dấu bóng về quê".

Vậy các huynh đệ phải nên cẩn trọng giữ mình trong từng giây phút. Nếu sai một ly sẽ đi xa ngàn dặm. nên thận trọng giữ gìn thân, miệng, ý thanh tịnh, như thận trọng giữ gìn đôi mắt mình để không bị rác bụi làm xón xang.

---o0o---

12. CỘI NGUỒN KHỔ LỤY

Kính thưa quý Phật tử,

Đạo Phật là đạo cứu khổ. Nếu đời không khổ thì không có đạo Phật ở thế gian này. Cũng như nếu mọi người sanh ra đều biết đọc biết viết hết thì không cần có nhà trường thầy giáo làm gì. Vì muốn hết dốt nên phải có thầy giáo, trường học. Cũng vậy, vì muốn chúng sanh giác ngộ giải thoát an vui mà Đức Phật mới ra đời. Vậy cội nguồn khổ lụy của kiếp người từ đâu?

Lần đầu tiên tiếp xúc với đời, Thái tử Tất Đạt Đa đã chứng kiến cảnh khổ của kiếp người bị bao bọc bởi bốn bức tường kiên cố muôn đời : Sinh, già, bệnh, chết ràng buộc chặt chẽ suốt cả kiếp sống.

Đã có thân thì phải lăn lộn với đời tìm kế sinh nhai để nuôi dưỡng xác thể. Dù cho bất cứ loài nào trong chúng sanh, hễ đã mang thể xác theo nghiệp thức của nhịp tim bóp thắt, tình cảm vui buồn, đều phải khổ lụy buộc ràng với xác thân theo nỗi thăng trầm vui với bốn bức tường sanh, già, bệnh, chết.

Mãi lo cơm ăn áo mặc nhà ở, danh lợi, ái ân cũng là bắt đầu của sự thất gút buộc ràng khổ lụy. Ngày tháng trôi qua, theo với thời gian năm tháng, thân này tàn tạ già nua suy yếu là khổ. Một khi thân thể mình cũng như thân hình của những người mình thương mến tàn tạ, già nua bệnh hoạn, thì mình cũng mang một tâm trạng buồn tiếc lo âu.

Sanh con là khổ. Khi chúng còn nhỏ phải lo chăm sóc bú mớm, thay tã, đút cơm, giặt giũ cho chúng. Lúc chúng đau ốm, hay nổi chướng nghịch ngợm, thì cha mẹ buồn khổ. Khi lớn lên phải lo sắm sửa cho chúng ăn học. Kịp đến khi chúng khôn lớn nên người thì dù trong hoàn cảnh nghèo khó, cha mẹ vẫn phải chạy lo dựng vợ gả chồng. Khi được hạnh phúc thì chúng hưởng, nhưng khi cơm chẳng lành, canh chẳng ngon thì cha mẹ phải lo âu sâu sâu nã. Lo cho con chưa hết, tiếp đến lo cho cháu. Cứ thế lo mãi lo hoài suốt tháng năm, suốt trọn cả cuộc đời, cho đến hơi thở cuối cùng vẫn còn lo. Nỗi lo lắng cho con cho cháu, lắm lúc quên cả nỗi cơ cực của chính bản thân mình. Con người vì quá lo âu cho tình thân máu mủ, lo âu đủ thứ việc ân tình mà xa dân bản tánh thiện tâm của mình. Nhà thơ đã nói về sự lo âu đắm đuối ân tình lợi danh ràng buộc của người đời:

*Luyến luyến mê mê chuyện thế gian,
Lợi danh tình ái khéo đa mang,
Bao giờ dứt bỏ tình danh lợi,
Là bước gần bên ánh đạo vàng.*

Nếu con người quả quyết dứt khoát sự ái ân ràng buộc tình đời, thì ngay lúc đó, con người được sống trong thanh thoi giải thoát. Con người cảm nhận được cái thanh tịnh ngọt ngào của giòng suối mát thanh lương của tâm hồn, giờ nào dứt khoát trừ bỏ lo âu ân tình là giờ đó sống trong ánh sáng bình minh giác ngộ tự tại. Nhà thơ đã nói người dứt bỏ được cái đam mê chìm đắm dục lạc của đời, là người mở cửa giải thoát, tiếp nhận được nguồn sống thanh thân của đạo vàng giác ngộ:

*Đắm đắm say say chuyện thế trần,
Lợi danh tình ái buộc ràng thân,
Bao giờ dứt bỏ tình danh lợi,
Cửa đạo mừng ai đã đến gần.*

Lại có những bậc cha mẹ, ngoài cái khổ thân xác làm lưng chụp bắt vát vả ra, còn phải tranh đua giành dục, luôn cúi đẽ cho con mình có được bằng cấp nọ, chức vụ kia, việc làm tốt. Thậm chí vì những thứ danh lợi này mà

cha mẹ phải nhịn ăn nhịn mặc, tào đất mua nhà để của cho vợ con. Mãi suốt đời lo cho chồng, cho vợ, cho con, cho cháu, đến giờ phút quờ quạng trút hơi thở cuối cùng vẫn còn lo. Lo cơm nước. Lo áo quần. Lo bằng cấp. Lo danh vọng. Lo con hết đến lo cháu. Ôi thôi trùng trùng lớp lớp lo âu! Lo mà quên đi đầu bạc, răng rụng, mắt lờ, tai điếc, thân đã kiệt sức! Nhưng cuối cùng được đền đáp lại bằng những gì? Chắc quý vị đều biết rõ hơn ai hết!

Nước bao giờ cũng chảy xuống. Con mình thương thì nó thương lo cho vợ, cho chồng, cho con, cho bạn bè. Phần đông là chúng nó bỏ phỏ mặc cho cha mẹ già sống sao thì sống. Có được mấy người con trên đời bỏ vợ để ở gần phụng dưỡng mẹ cha? Có ai trên đời bỏ lợi danh bạn bè để về phụng dưỡng cha mẹ già? Phần đông con cháu nếu chúng còn nhờ cậy được cha mẹ thì còn thân thiết với mẹ cha. Bằng không chắc gì nhà của con, cha mẹ được yên ổn nương thân lâu dài. Suốt trọn một đời lao tâm khổ trí hy sinh tất cả cho con cháu. Đến khi con cháu có bằng cấp sự nghiệp, lúc đó cha mẹ đã già, chỉ còn là những tấm thân tàn tạ, ngày ngày mong mỏi sự an ủi từ những món quà, những cánh thư của những đứa con, nhưng những hy vọng này thật là mỏng manh! Kết quả lòng cha mẹ héo mòn theo năm tháng đợi trông!

Lại có những bậc cha mẹ già nua yếu gầy, sống qua ngày bằng những niềm tin cầu nguyện, chỉ mong con mỗi cuối tuần chủ nhật nghĩ tưởng về giúp đỡ phương tiện chở đi chùa viện nghe kinh thuyết pháp, hầu để tu bồi phước đức, an ủi tuổi già, nhưng niềm ước ao nhỏ này cũng chỉ mong manh, khi có khi không.

Cha mẹ già yếu, thỉnh thoảng nhờ con giúp đỡ chút ít tiền bạc gọi là an ủi báo hiếu, thì được con đáp rằng, lúc này "kẹt quá" đi thôi! Trong lúc đó chồng vợ con cái chúng nó sắm sửa ăn mặc se súa! Chủ nhật nhờ chở ông bà già đi chùa nghe kinh cầu nguyện kiếm phước thì nó bảo rằng bận việc, mắc hẹn, kẹt lắm! Muốn đi thì tự lo lấy mà đi. Trong lúc đó chồng vợ con cái thì hồ hởi dẫn đi shopping mua sắm, đi núi, dạo biển, rong phỏ. Cha mẹ già muốn cúng dường Tam Bảo, làm việc phước thiện, in kinh ấn tống, mua thú vật phóng sanh để vun trồng cội phúc, thì con cháu lại thấy vậy bất bình rầy la cho là ông bà già phung phí lắm lắm! Cha mẹ già có phát tâm niệm Phật ăn chay tu tâm dưỡng tánh, thì con cháu cho là mê tín lỗi thời, nói xa nói gần, hạch sách nặng nề châm biếm phá phách làm cho cha mẹ không yên tâm.

Tóm lại, từ khi con còn bé thơ trong tay mẹ, cho đến khi lớn khôn lập thành gia thất, lúc nào cha mẹ cũng lo sợ con buồn, chịu con. Đến khi con

khôn lớn, nhiều khi cha mẹ muốn làm việc phước thiện, cúng dường Tam Bảo mà phải lén lút giấu con. Quý vị thấy bao nhiêu nỗi khổ của tâm của thân mình, sanh già bệnh chết lúc nào cũng thúc bách ép ngạt trước mặt. Thêm vào đó, những nỗi buồn lo thương ghét của con cháu quyến thuộc trói buộc lấy mình. Nội tâm phiền lo, ngoại cảnh thúc bách. Đức Phật gọi đó là khổ khổ. Nghĩa là nỗi khổ bên trong của bản thân và nỗi khổ bên ngoài của hoàn cảnh chất chồng lên, mà con người vẫn bằng lòng nhận chịu, không muốn tìm một cuộc sống an lành trong chốn già lam thanh tịnh, dưới hào quang Phật đài để được giải thoát!

Mặc dù đang phải sống trong tình trạng phó mặc của con cháu, nhưng thật tội nghiệp các bậc cha mẹ không muốn để người ngoài biết cười chê. Cha mẹ lúc nào cũng khoe khoang với mọi người, nào là con tôi mấy đứa học Tây học Mỹ, có bằng cử nhân tiến sĩ, hiện giờ chức nọ chức kia. Con tôi có hiếu lắm! Thật là tội nghiệp cho những bậc cha mẹ khi thốt ra những câu nói giả tạo trong cảnh ngộ sự thực phũ phàng! Nói khoe khoang như thế để đỡ hổ thẹn với mọi người, để đỡ khổ tâm với chính mình! Nhiều lúc an ủi với những hư danh đó, mà thật sự trong lòng âm thầm chua xót cho thực trạng tình cảnh của mình!!!

Suốt đời vì lo cho mình, vì lo cho gia đình con cháu mà phải lam lũ, nhịn ăn nhịn mặc, lắm lúc dôi gạt để dành dụm tiền bạc cho con. Nhưng được gì, thừa quý bậc cha mẹ già? Thực tế, con cháu hưởng mà nghiệp tội riêng mình mang. Khi sống thì con cháu lơ là. Đến khi chết, nếu may mắn gặp những đứa con biết nghĩ đến cha mẹ thì còn đến chùa làm tuần thất trai chay để cầu siêu độ. Bằng như vô phước gặp phải những đứa con vô đạo, không có niềm tin, hoặc theo ngoại đạo, thì cha mẹ vừa chết, chúng chỉ nghĩ đến tiền của, tranh lợi. Đem cha mẹ đi chôn là rồi việc!

Một bà mẹ, một ông cha có thể nuôi một đàn con năm bảy đứa, lo cho chúng ăn học nên người, thành danh phận, chức vị giàu sang, lập thành gia thất. Nhưng một bầy con giàu có danh phận, không chắc gì nuôi nổi cha mẹ, tuy chúng có thừa dư tiền bạc! Những đứa con này chỉ biết có sung sướng với vợ con, bỏ lơ cha mẹ trong cảnh thiếu thốn, cô đơn tẻ lạnh!

Cho dù gia đình có phước được con thảo cháu hiền hiếu thuận đi nữa, cảnh hạnh phúc đâu có thường thấy mãi. Cổ đức dạy: "Nhứt đán vô thường vạn sự hư". Một khi con quý vô thường đến thì mọi việc của đời người đều chấm dứt tan rã. Các bậc thiện đức cũng cảnh tỉnh người đời:

*Cha mẹ ân sâu rồi cũng cách,
Vợ chồng nghĩa nặng cũng chia lìa,
Tình đời chẳng khác chim chung ngủ,
Sáng sáng đàn nào náy tự bay.*

Nỗi khổ phiền lụy đè nặng lên kiếp người, trói buộc suốt cuộc sống của chúng sanh đều do ái ân tham luyến. Cha mẹ già yếu bệnh chết là khổ. Con cái bất hiếu vô đạo là khổ. Óan thù không ưa thích mà phải gặp nhau là khổ. Vợ chồng không hạnh phúc là khổ. Bà con không hòa thuận là khổ. Cầu mong điều gì không toại nguyện là khổ. Mình thương người mà người không thương lại là khổ. Làm ơn mà bị trả oán là khổ. Đói cơm khát nước là khổ. Đau yếu tật nguyên là khổ. Chiến tranh tàn khốc là khổ. Thua kém người là khổ. Thân tâm không được thư thái là khổ v.v... khổ là khổ.

Rõ ràng vui ít khổ nhiều. Cái khổ đè nặng lên suốt kiếp người nói sao cho hết? Cái khổ hiện đời là khổ xác thân và tinh thần. Nếu không biết tu tỉnh, vun trồng phước đức, mà lại còn tạo thêm ác nghiệp cho ân ái thân thuộc, cho tham vọng lợi danh, thì chắc không tránh khỏi quả báo nghiệp ác khi bỏ xác thân này. Như thế còn phải chịu khổ và tiếp tục chịu khổ suốt những đời kế tiếp tới trong ba nẻo khổ đau địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Đức Phật nói, nỗi khổ của chúng sanh trong cõi trần thế, nếu có hình tướng thì có thể chất đầy cả địa cầu này. Nước mắt của chúng sanh nếu dồn lại chắc phải nhiều hơn nước trong bốn biển đại dương. Ôn Như Hầu đã chẳng diễn tả nỗi khổ của con người triền miên tiếp diễn tả nỗi khổ của con người triền miên tiếp diễn tự thủa lọt lòng mẹ cho đến hơi thở cuối cùng đó ư? Thi nhân đã nói lên sự thật phũ phàng của kiếp người:

*Thảo nào khi mới chôn nhao,
Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra
Khóc vì nỗi thiết tha sự thế
Ai bày trò bãi bể nương dâu
Trắng răng đến thủa bạc đầu
Tử sanh kinh cụ làm đau mấy lần.*

Báo hiệu cuộc sống của kiếp người nơi trần thế bằng tiếng khóc chào đời: "Khổ quá, khổ quá" ngay thủa ban đầu lọt lòng mẹ. Và tiếp theo đó là chuỗi dài của những ngày tháng thặng trầm phiền muộn, lo âu dập dờn không biên giới, như khói sóng mù tỏa trên biển cả ngút ngàn, với sóng dồi gió dập man man vô tận, mà con người lặn hụp trong đó không biết bao giờ

yên nghỉ. Thi sĩ Đoàn Như Khuê đã hình dung nỗi khổ của kiếp người trần thế qua bài thơ:

*Bể khổ mênh mông sóng ngập trời
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi!
Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió
Ngoảnh lại cùng trong biển khổ thôi!
Ngoảnh lại cùng trong biển khổ thôi!
Nổi chìm, chìm nổi biết bao người
Kiếp người nghĩ cũng lênh đênh quá
Qua cánh bèo trôi mặt nước thôi!*

Suy ngẫm cho cùng thì kiếp người quá long đong, khác nào như chiếc thuyền nan bé bỏng bồng bênh trên biển cả, nổi chìm theo lượn sóng đại dương. Con người sống trên cõi đời này thăng trầm dòn dập như thuyền nan trôi trên bể cả. Đời người đã bao lần thăng trầm buồn khổ, và cũng chẳng biết trước từ giả cuộc đời lúc nào. Hơi thở ra mà không thở vào là qua đời khác. Mạng sống đã mong manh lẽ tất nhiên dẫn theo sự nghiệp mong manh, địa vị mong manh, vợ con thân bằng quyến thuộc mong manh, tất cả đều tan hợp như sương sớm đầu cành. Kinh Bát Đại Nhân Giác, điều giác ngộ thứ nhứt của bậc đại nhân, Đức Phật nói: "Thế gian vô thường, nước nhà nguy biến, thân thể khổ không, tâm thức vô ngã ..." Vậy tất cả có gì chân thật đâu?

Phật nào Phật nấy, Bồ Tát nào Bồ Tát nấy tiếp tục xuất thế và thường xuyên hóa hiện trong cõi đời khẩn thiết khuyến hóa độ sanh, những mong người đời tỉnh ngộ tu tâm dưỡng tánh để sớm hồi đầu về bến giác, để thoát khỏi luân hồi sanh tử. Nhưng người đời vì vô minh, tham ái, lấy giả làm chơn, nhận giấc làm con, sống theo tình thức ngũ dục, đuổi bắt lợi danh tình ái thế gian bản nhợ mộng huyễn, cảnh còn thì vui, cảnh mất thì buồn, mà vẫn mông muội chẳng ý thức cảnh đời vốn đã không thật. Buồn vui theo cảnh trần hợp tan, sống chết trôi lăn theo nghiệp thức dẫn dắt. Thánh Nhơn nói: "Lưới lũng chim bay, thần thức theo nghiệp". Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy:

*Nhứt thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điện
Ứng tác như thị quán.*

Tạm dịch:

*Xưa nay vạn vật trên đời,
Bọt bèo mộng huyễn có rồi hoàn không,
Kìa xem điện chớp trên không,
hạt sương buổi sớm đem lòng quán xem.*

Người muốn đắc đạo giải thoát, muốn thoát ly đấm nhiễm thế tình khổ lụy thì cần phải quán sát lời Phật lời tổ dạy mà hành trì để thúc liễm thân tâm, phát huy tự tánh, giác ngộ tự tại giải thoát để cùng thể nhập với đại thể Phật tâm.

Luận về khổ, thuở Đức Phật còn ở đời, có bốn vị tỳ kheo mới phát tâm tu học. Một hôm nọ bốn vị tỳ kheo ngồi dưới gốc cây thảo luận về nỗi khổ của kiếp nhân sinh. Một thầy tỳ kheo nói:

- Theo tôi, cái họa hoạn khổ đau nhứt của con người không gì bằng sắc dục. Nếu tâm không đoạn trừ ái dục thì không thể nào nhập lý thể đạo chơn thường.

Vị tỳ kheo khác nghe nói thế, liền phát biểu ý kiến rằng:

- Nỗi khổ tâm lo âu của kiếp người, không gì bằng chạy lo ăn uống. Một khi lâm vào cảnh đói khát bức bách, thì không làm được việc gì cả.

- Vị tỳ kheo thứ ba lại bảo rằng: "Lòng sân hận là họa hoạn to lớn nhứt của kiếp người. Một niệm tâm sân khởi lên có thể cháy rụi trí huệ, theo đó muôn ngàn cửa nghiệp chướng đều tung mở. Như thế sân hận làm cho con người chịu vô lượng tội khổ".

- Vị tỳ kheo thứ tư cho rằng: "Nỗi lo khổ của chúng sanh trong thế gian này là sợ hãi. Mỗi ngày sống trong hồi hộp lo âu là sợ hãi, không có chút an ổn, thì còn gì khổ hơn".

Đang lúc bốn vị tỳ kheo biện luận hăng say về nỗi khổ của kiếp người, thì Đức Phật hiện đến. Vì mỗi người quan niệm về sự khổ khác nhau, nên không có một giải pháp nào rốt ráo cho vấn đề thảo luận về khổ, do đó các vị vẫn còn thắc mắc. Đức Phật rõ tâm ý của các thầy tỳ kheo nên lân mẫn ân cần hỏi:

- Nay các tỳ kheo! Các thầy đang thảo luận về vấn đề gì vậy? Bốn vị tỳ kheo theo thứ lớp tường thuật lại việc vừa rồi. Đức Phật nghe xong, lòng Ngài thương xót liền thuyết minh đĩnh chánh chỗ kiến giải cho các tỳ kheo.

Ngài giảng rằng: "Phàm người tu hành thường hay tụ hội một chỗ như thế này, để kiểm thảo về sự tu học của mình, đây là điều lợi ích an vui lớn lao. Như vừa rồi Như Lai nghe các vị lý luận về sự khổ đau theo chỗ kiến giải của mình. Tuy các vị đều có lý, nhưng không có lý nào hợp với đạo lý một cách rốt ráo cả. Giờ đây ta vì các vị đề nói rõ cội nguồn của sự khổ lụy họa hoạn của chúng sanh:

"Chúng sanh khổ vì cái thân ngũ uẩn (*) giả hợp này. Sắc thân ngũ uẩn tạo thành tất cả tội khổ. Do đó, ta có thể nói thân là công cụ của sự phiền khổ. Đói khát lạnh nóng, phiền não sợ hãi, sắc dục, oán hờn, họa hoạn, đều do thân thể cảm thọ mà có. Lao tâm khổ trí, nhọc xác như trâu, lo sợ đa đoan, chúng sanh tàn hại nhau, cho đến sanh tử đắm chìm trong sáu nẻo luân hồi không dứt đều do thân thể này tạo thành. Muốn thoát ly khổ não thì phải biết lợi dụng cái thân tâm ngũ uẩn này chuyên cần tinh tấn tu hành, làm cho ba nghiệp thân miệng ý thanh tịnh thì sẽ đạt đạo giác ngộ giải thoát, liền ngay đó được hết khổ. Ngược lại, nếu buông thả theo sở thích nhục dục của thân ngũ uẩn thì vĩnh viễn kiếp trầm luân khổ lụy.

Người tu học Phật phải biết nhận rõ như thế mới thực sự chân chánh lìa khổ, mới được an vui thanh thoát".

Khi nghe Đức Phật giảng nói như thế rồi, các vị tỳ kheo rất lấy làm hổ thẹn, không còn ngồi lý luận suông nữa, phát tâm cầu tinh tấn dũng mãnh tu hành, chẳng bao lâu sau đó, cả bốn vị đều chứng thành quả giác ngộ.

(*) CHÚ THÍCH:

Ngũ uẩn: Còn gọi là ngũ ấm tức là năm thứ tích tụ che lấp chân tánh. Năm thứ đó là:

1) *Sắc: Chỉ cho năm căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Năm trần cảnh là sắc chất, âm thanh, mùi vị, xúc chạm, và các sự việc có thể dùng giác quan thấy biết.*

2) *Thọ: Đối với trần cảnh sanh ra cảm thọ vui sướng, khoái lạc hay buồn khổ sau khi tiếp xúc.*

3) *Tưởng: Nghĩ tưởng đến cảnh trần đen trắng, lớn nhỏ, ngắn dài, đực cái, nam nữ, tốt xấu sau khi tiếp xúc.*

4) *Hành: Dòng tâm thức duy trì mạng sống, như mạch nước dưới lòng đất, sóng ngầm dưới đại dương, đặc tánh chấp có, sanh ra lòng ham muốn.*

5) *Thức: Đối với cảnh trần sanh ra hiểu biết phân biệt. Năm thứ này tích tụ giả hợp thành thân tâm chúng sanh. Một khi ngũ uẩn tan hoại thì thân tâm giả hợp của chúng sanh không còn. Chính do mê chấp năm thứ ngũ uẩn này mà nó xui khiến chúng sanh làm những điều lầm mê, sanh ra vô vàn tội lỗi. Nếu người trí nhận biết năm uẩn này giả hợp làm thân, khéo biết dùng thân tâm ngũ uẩn này mà hành đạo, thì sẽ được giác ngộ giải thoát.*

---o0o---

13. NHÂN QUẢ BÁO ỨNG HIỆN TIỀN

Kính thưa quý vị,

Người sống trên đời, nhất là Phật tử, muốn có đời sống thanh thoi tiến bộ, chúng ta không thể nào coi thường nhân quả báo ứng.

Ngày xưa, khi tôi còn trẻ thơ, ở cái tuổi học trò tập tễnh làm quen với văn quốc ngữ A, B, C. Mỗi lần tôi ăn cơm, mẹ tôi theo dõi chăm sóc lo cho tôi. Khi nào đũa cơm vào miệng, lỡ có hạt cơm rơi rớt ra ngoài, mẹ liền ngọt ngào bảo : "Con ơi! Con nên nhặt lấy những hạt cơm rớt lên ăn đi con. Đừng bỏ mà mang tội. Kiếp sau sẽ bị quả báo ăn dòi". Mẹ tôi cũng thường căn dặn chị tôi: "Này con! Đừng phung phí đồ ăn. Khi nấu cơm, lúc rửa chén, con phải cẩn thận đừng để gạo rơi cơm rớt. Hạt cơm là hạt ngọc trời cho, phải khó nhọc lắm mới có được, không khéo quý tiếc giữ gìn thì đời sau sẽ phải bị làm người bần cùng nghèo đói đó con!".

Những lời mẹ dạy như vậy, thường lập đi lập lại không biết bao lần nhắc nhở căn dặn kẻ ăn người ở trong nhà. Có những lúc mẹ tôi lấy cơm nguội đã có mùi thiêu đem phơi khô rồi hấp lại, hoặc đem trưng nước sôi để ăn. Bà làm như vậy tính đã không biết bao lần mỗi khi cơm còn thừa dư hư mốc. Không phải nhà tôi nghèo thiếu, mà thực ra mẹ tôi sợ tạo nơn phung phí, sẽ phải chịu quả báo đói nghèo ở ngày mai.

Mẹ tôi tin Phật rất là thuần thành. Nhưng bà không có nghiên cứu kinh điển nhà Phật bao giờ. Những lời mẹ tôi dạy con cái trong nhà thường là những điều tự nhiên xuất khẩu thành lời. Những lời khuyên dạy này hàm chứa ý nghĩa sâu xa về triết lý nhân quả luân hồi của nhà Phật. Bà thường nói: "Sống ở đời phải nên biết ăn ở hiền lành. Làm lành tránh dữ. Làm thiện

thì được phước. Làm ác thì phải mang họa. Cây nào quả nấy. Các con phải nên biết tội phước. Biết ăn ở có nhân có đức mặc sức mà ăn".

Những lời nói bao hàm ý nghĩa nhân quả luân hồi tội phước báo ứng này, không chỉ riêng được nghe thấy trên miệng mẹ tôi, mà bất cứ miền thôn quê chốn đô thị, nơi nào trên đất nước Việt Nam, chúng a cũng đều nghe thấy phát ra tự nhiên từ miệng các bà mẹ Việt Nam lam lũ chân lấm tay bùn. Vấn đề luân hồi nhân quả báo ứng đối với người Việt Nam quá đời quen thuộc, nên ai cũng biết. Nhưng không mấy ai để ý nhiều đến đạo lý và tác dụng của nó đối với sự việc trên đời. Cũng như không khí rất cần cho sự sống. Thiếu không khí thì sự sống không thể tồn tại. Nhưng hằng ngày không mấy ai để ý đến đặc tính quan trọng của không khí đối với sự sinh tồn của vạn vật sinh linh. Tuy nhiên, ta cũng phải thừa nhận rằng, tư tưởng về nhân quả luân hồi của nhà Phật đã thấm sâu vào buồng tim lá phổi huyết quản thịt xương của mọi tầng lớp người dân Việt nói riêng, người Á Đông nói chung. Triết lý nhân quả luân hồi thấm sâu vào tâm thức người dân Việt Nam, như không khí thấm sâu vào tận thịt da, tràn qua buồng tim lá phổi xương tủy của mọi người, nuôi trọn kiếp sống.

Thường ngày, chúng ta sống không thể trong một phút giây thiếu không khí. Nếu thiếu không khí trong giây lát, mạng sống của ta liền theo đó kết thúc, thân xác của ta trở nên ghê tởm vô dụng. Không khí rất trọng yếu cho mạng sống như thế đó. Nhưng hằng này có mấy ai để ý đến không khí đâu? Có mấy ai tỏ ra tha thiết quý mến không khí đâu?

Cũng vậy, tin nhân quả nghiệp báo có thể làm cho con người có một cuộc sống an lành, tiến đến chơn thiện mỹ. Lẽ phải điều thiện có khả năng đưa con người ngày thêm được cuộc sống an lành thánh thiện tiến bộ. Nhưng thử hỏi được mấy người thực lòng thiết tha với điều hướng thiện? Thói thường thì, khi người ta dùng thì giờ để làm việc nghĩa, cứu giúp người, đi học đạo, nghe thuyết pháp giảng kinh, làm những điều lành thiện thì người ta cảm thấy khó khăn, bận kẹt! Người ta bảo là không có thì giờ. Nhưng đi coi hát, ăn tiệc, dạ hội, shopping, dạo phố, suốt ngày thâu đêm miệt mài trong sòng bạc rượu chè, bè bạn giỡn cười, nói nhảm, với những việc này thì lúc nào cũng có thì giờ và còn sốt sắng nữa là đằng khác.

Ta thử hỏi đã được mấy ai xin nghỉ phép để làm việc thiện, học đạo, tụng kinh, tọa thiền, đến chùa làm công quả bòn phước cầu tiến? Nhưng người ta sẵn sàng xin nghỉ phép để đi chơi, dự tiệc, đánh bạc. Có mấy người mượn tiền để làm việc phước thiện, bố thí, xây chùa, đúc tượng Phật, in kinh

ấn tống? Nhưng người ta hăng hái mượn tiền để đánh bạc, để làm đám cưới, đãi bạn bè, để đi du lịch, để cho người khác vay lấy lời, để buôn bán. Đi nhẩy đầm, ciné, hát xướng được cái vui ồn ào tạm bợ nhất thời của cảm giác. Nhưng liền sau đó mệt mỏi, lòng cảm thấy trống trải cô đơn như trước, thế mà người ta vẫn đắm đuối phung phí thời giờ, tiền bạc để lăn vào. Nghe thuyết pháp, tụng kinh, tọa thiền, làm việc đạo đức phước thiện, được người kính mến nể vì, tạo công đức cho mình, đồng thời để đức cho con cháu, làm gương mẫu hướng dẫn con cháu, thì người ta lơ là không mấy quan tâm. Làm việc đạo đức tiền thân thì lại uể oải đợi người mời thỉnh, được nài nỉ khuyến khích mà lòng vẫn e dè từ chối! Muốn suốt đời phục dịch cho con, cho cháu, tuy con cháu đã lớn khôn, chúng nó chẳng cần màng đến mà vẫn cứ thích lo, thích phục dịch. Người đời còn thích làm mai làm mối, tuy không ai nhờ cậy, cũng chẳng được lợi lộc gì, nhưng lại muốn lăn vào, để rồi khi giàu có hạnh phúc chúng chẳng biết ơn, thiếu đầm ấm chúng án trách. Ưa thích tham dự tiệc tùng, hè hội đình đám, ưa nói chuyện thị phi, hiếu kỳ tìm tòi mọi chuyện của người chẳng có liên quan gì đến mình, đó là thói đời tánh người kém phước vụng tu, nên tiêu phí thời giờ quý báu vào việc phàm tục.

Lại có kẻ vì nể bạn bè khuyến dụ, hoặc nhận được ít tiền lẻ, vật dụng cũ hư, liền bỏ chánh đạo, theo tà ma ngoại đạo, say mê đến tán gia bại sản, điền khùng mất mạng. Đó là những kẻ hình người mà tâm đã bị tà ma nhập. Những người này hoặc họ mới vừa trong ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh ra, hoặc mới từ thế giới yêu ma đầu thai làm người. Nên phí mất thời giờ, oan uổng một đời cho việc tà nguy, hậu quả chỉ tạo thêm nghiệp ác, để rồi đọa lạc trở lại vào chốn tối tăm. Đến với đời bằng tâm niệm bất chánh, hành động vụng dại. Ra đi cũng chẳng để lại công đức danh thơm gì cho đời, chẳng làm được chút công đức gì cho mình. Thật đáng tội nghiệp cho những kiếp chúng sanh nặng nghiệp như thế.

Chúng ta thử ngồi tĩnh tâm tính nhẩm xem. Từ ngày cha mẹ sanh ra cho đến ngày ta thực sự biết đời, phát tâm học đạo, biết tu tâm dưỡng tánh, suốt quãng thời gian mấy mươi năm trước đó, ta đã lăn lộn bon chen với đời, lo học tập, lo ái tình chồng vợ, con cháu, danh lợi, đủ thứ lo. Đến khi biết học đạo tu tâm, làm việc nghĩa, thì tuổi đời đã lớn già sức yếu, mà tâm đạo chưa vững, chưa có chuyên cần tinh tấn, chưa hiểu ngộ được lý vô thường: "Sớm còn tối mất". Suốt tuần lễ bảy ngày (7 x 24 = 168 giờ), ta chỉ lo cho cái sống bản thân gia đình, chồng vợ con, trong ích kỷ tham sân si. Họa hoằn lắm chỉ một vài giờ của ngày chủ nhật, hoặc ngày rằm, vía, đi học đạo, nghe giảng mà ta cũng không thực hành đều đặn thuần nhất.

Càng tội nghiệp hơn, có những người thân tuy chưa đến chùa viện, mà tâm vẫn nghĩ đến việc nhà, lo âu việc đâu đâu, nên trông cho khóa lễ cầu nguyện, thời thuyết pháp cho mau chấm dứt, để bươn bã về lo việc nhà hoặc đáp ứng hò hẹn với bạn bè. Đó là chưa kể có những người khi đến chùa gặp bà con bạn bè đem bàn chuyện thế tục thị phi, không để ý đến việc tụng kinh, niệm Phật, bái sám, học đạo. Họ coi nhẹ sự nghe thuyết pháp, niệm Phật, tọa thiền, xem thường sự tu dưỡng của chính mình. Lại còn có người lúc hứa cúng dường việc này, góp phần công đức kia, nhưng rồi không thực hiện theo lời hứa của mình. Lại có người phát nguyện rằng, khi con tôi lớn khôn, hoặc khi gia đình sum họp, hoặc lúc tôi vào tuổi nào đó, hoặc khi gặp thầy chân tu thật học thì tôi quy y, vào chùa làm công quả tu tập, ăn chay, xuất gia, nhưng rồi lần lữa hẹn rầy hẹn mai, không thực hiện, cho đến ngày đây nấp quan tài, đem ra ngoài gò hoang, mà vẫn chưa thực hiện lời hứa.

Phật xưa có dạy: "Ngày nay trôi qua, mạng sống giảm dần, như cá hết nước, nào có vui chi. Các người phải luôn luôn nghĩ nhớ như thế, để chuyên cần tinh tấn, gấp rút tu tĩnh, như gấp rút cứu lửa cháy trên đầu".

Ngày tháng trôi qua quá mau chóng. Ta không sớm phản tỉnh tự tâm, mà cứ mãi chìm đắm với ái ân dục tình, thù tạc bạn bè, với những ảo tưởng danh lợi, lạc thú hư huyền của thế gian, cứ tưởng mình sống đời đời với của cải, tiền tài, vợ con, thì thật là mê muội đáng thương! Cổ nhân đã chẳng từng nhắc nhở:

*Mấy ai sống được đến trăm,
Lòng người thế sự ngàn năm chẳng vơi.
Người đời khổ lụy hơn thua,
Việc tu xem nhẹ, nặng lo đua đòi.*

Ngày tháng như thoi đưa! Hạnh phúc như sương sớm đầu cành! Mạng người mong manh như hoa phù dung buổi sáng! Hiện trạng vô thường như thế đó. Sao chúng ta không la lớn, gào thét to lên để cùng nhau cảnh tỉnh đồng tu, tìm về nơi an lạc giải thoát. Thiên tổ nói: "Thế gian vô lượng khổ, sao không khuyên đồng tu".

Đáng buồn thương thay, có kẻ tự xưng mình là Phật tử, quy y từ thuở bé, khoe khoang ăn chay, niệm Phật, đi chùa đã mấy mươi năm, tụng kinh Đại thừa, trì chú Lăng Nghiêm, hiểu biết giáo lý, quen biết những bậc danh tăng, Hòa thượng này, Thượng tọa kia, cứ ảo tưởng mình hơn người khác. Nhưng lòng tham sân, tánh ngã mạn kiêu căng, thích phê bình chỉ trích thù dật

chuyện của người khác không giảm chút nào. Họ phán đoán người khác là xấu là dở. Nhưng họ quên đi chính họ. Họ không tự xét, không bao giờ có lấy một lời phê bình chính mình. Nếu ai không dẫn được hành vi trái tai gai mắt với Phật pháp của họ, mà có lời chân thật khuyên nhắc thì họ giận hờn. Ca dao có câu:

*Tham sân nghiệp chướng không chừa,
Bo bo mà giữ tương đũa làm gì.*

Tu là phải sửa tâm tánh, cố gắng dứt sạch giận hờn đố kỵ tham sân si, để đạt đến vô tâm, thể hiện từ bi hỷ xả. Việc gì qua rồi thôi, đừng nên luyến tiếc. Luyến tiếc thì đưa đến trạng thái tâm lý mơ mộng khổ đau, buồn thương tủi hờn. Vô tâm thì không chấp trước. Không chấp trước thì mới có được cái thanh thoát của từ bi hỷ xả, mới đạt đạo. Hương Hải thiền sư đã khuyên vua Lê Dụ Tôn, tu Phật thì phải nên vô tâm:

*Tìm trâu, tìm dấu chân trâu,
Dấu còn trâu, trâu chẳng mất đâu bao giờ.
Xin ai học đạo chớ ngờ,
Vô tâm thì đạo có cơ dễ tìm.*

Học đạo mà vô tâm thì dễ đạt đến giác ngộ giải thoát. Vô tâm thì không còn dính mắc buộc ràng, mới tiến xa, biết rộng hiểu nhiều. Vô tâm mới mong thấy được tất cả những tinh hoa của vũ trụ, cái đẹp của lòng người. Chừng nào đạt đến vô tâm, thì chừng đó mới đạt đạo giác ngộ giải thoát.

Ngày xưa mẹ tôi lo cho con cái, dạy dỗ chúng tôi, bận rộn suốt ngày, nhưng không bao giờ bà quên trọng nề lễ nhân quả luân hồi. Tất cả việc làm, tâm niệm của bà đều tin vào lý luân hồi nhân quả báo ứng. Bà chẳng bận tâm lo lắng. Nên ngày mẹ tôi qua đời trong một bình minh trời thu trong sáng mát dịu. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, ba an nhiên căn dặn: "Các con biết rằng tu. Tu bồi phước đức mặc sức mà ăn. Như thế là các con hiếu với mẹ rồi đó. Chớ nên buồn khóc theo thường tình thế gian. Có làm tuần thất siêu độ cho mẹ, con nên theo hạnh hiếu của đức Mục Kiền Liên, là mẹ vui lòng rồi".

Mẹ tôi khi còn ở đời thường khuyên con cháu: "Việc gì qua để cho nó qua, đừng nhớ tưởng làm chi thêm nặng lòng một óc. Mọi việc ở đời thiện ác, tốt xấu, thăng trầm, vinh nhục không ngoài nhân quả. Các con phải nhớ, phải sợ".

Kẻ không sợ nhân quả là kẻ không còn lương tâm đạo đức. Không còn lương tâm đạo đức thì dễ tạo thành tội ác khủng khiếp. Chắc ai cũng nhớ Tết Mậu Thân 1968, khi cộng sản tấn công chiếm đóng các làng mạc đô thị miền Nam, đặc biệt là thành phố Huế, quân đội cộng sản dưới quyền chỉ huy của một viên tướng tên là Lê Lý. Không biết vì oan gia nghiệp báo đã gây từ đời nào, hay tên Lê Lý này đã được đào tạo kỹ lưỡng từ lò chủ nghĩa vô thần thú tánh vô lương tâm, mà tướng họ Lê này đã ra lệnh bắt thanh niên xứ Huế lao công gánh vác rồi sát hại tập thể. Mặt khác lại ra lệnh bắt giết tập thể những đồng bào vô tội lên đến hơn hai ngàn người. Điều này tạo cho thành Huế, xứ có đô trầm lặng, cái không khí kinh hoàng, tang thương bi thảm xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Báo chí và dư luận thế giới đã bàng hoàng xúc động xôn xao trước cái thảm trạng tàn ác tày trời của cộng sản. Vì thế, tên tướng cộng sản họ Lê này chẳng bao lâu sau đó cũng bị cách chức tư lệnh và bị chuyển về Hà Nội giáng chức làm thanh tra trung tiểu học! Làm thanh tra quèn, không còn cái uy phong lẫm liệt quyền thế dưới trướng có hàng vạn quân của một viên tướng ở trận mạc nữa.

Một hôm đi thanh tra, có lẽ ông ta cưỡi chiếc xe đạp cũ kỹ, mỗi một trên những đoạn đường dốc sỏi đá gồ ghề của xứ Bắc bị bom đạn tàn phá nghèo nàn, trên không trung thỉnh thoảng bất thần từng đoàn máy bay, không lồ ồ ạt dội bom, những cảnh tượng hãi hùng khủng khiếp uy hiếp mạng sống bất cứ lúc nào, làm cho viên tướng thất sủng này khủng hoảng tinh thần. Bằng chiếc xe đạp, trên con đường dài liên tỉnh đi công tác thanh tra, chắc ông ta đã chán nản mỗi một với chiếc xe đạp, nên giữa đường đã xin đi nhờ trên một chiếc xe be chở đầy gỗ nặng. Chiếc xe đang trên đà lên dốc, bỗng nhiên đứt thắng, xe tuột thẳng xuống hố đổ nhào. Tên tướng thất sủng Lê Lý này đã bị gãy đẽ, thân xác tan nát như một quả cà chua chín mủi. Thế là xong một đời! Trong lúc đó, viên tài xế xe và vài người lơ phụ cũng như những người tùy tùng của Lý chỉ bị thương nhẹ thôi.

Cổ nhân thường dạy: "Thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu. - Lưới trời lồng lộng không trông thấy, nhưng không một mảy lông thoát khỏi". Nhân quả báo ứng nhãn tiền biết bao lần diễn ra trước mắt mọi người, mà chúng ta đã từng chứng kiến. Nhưng người đời vì quá dễ dãi tha thứ cho mình, bởi vô minh dục vọng che lấp chân tánh trí tuệ, kém phân định chánh tà, mà dễ quên đi điều hướng thiện. Do đó, con người mãi sống theo tình thức, trần duyên lôi cuốn để rồi đi sâu dần vào tội lỗi. Thiên đức dạy: "Nghiệp quả sở khiên thành nan đảo ty.- Một khi nghiệp quả đã kéo lôi rồi, khó mà trốn thoát được".

Tên tướng Lê Lý thất sủng kia đã tạo tội giết người tập thể, sau đó phải chịu cái chết banh xác thảm thể Câu chuyện trên đây do một tên cộng sản LKN cùng đi trên chiếc xe be đó còn sống sót kể lại. Sau năm 1975 cộng sản chiếm Saigon, tên LKN này vào Saigon làm việc trong chỗ thân tình bè bạn, kể lại chuyện trên.

Tại miền Nam trước năm 1963, ai cũng biết danh tiếng của Ngô Đình Nhu cố vấn tổng thống Ngô Đình Diệm là một con người đầy tham độc ác kếp, để rồi sau đó ông ta nhận lấy quả báo thảm thương! Cổ đức Thánh hiền nói: "Mưu thâm họa diệt thâm". Nhà Phật nói: "Nhân nào quả nấy".

Cổ nhân dạy: "Thiện ác đáo đầu chung hữu báo". Nghĩa là việc thiện ác đã gây ra, thì chậm mau trước sau gì rồi cũng nhận chịu, không thể chạy tránh được. Người đời bởi mây mù tham lam sân hận si mê ích kỷ che phủ lương tri, nên quá dễ dãi với mình, hoặc liều lĩnh vì cái lợi trước mắt, hoặc cuồng vọng vì muốn được hưởng thụ, mà khinh thường nhân quả báo ứng, rồi buông lung hành vi tạo tác hằng ngày gây không biết bao là tội lỗi.

Nhân quả báo ứng là luật công bằng không dành riêng cho bất cứ một ai. Để kết luận bài này, tôi xin mượn bài thơ của thi hào Nguyễn Du:

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Thì đừng trách lẫn trời gần trời xa.
Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài.*

---o0o---

14. CÂY NÀO QUẢ NẤY

Thưa quý vị,

Mỗi tuần quý vị về Phật Học Viện Quốc Tế để nghe giảng kinh thuyết pháp tu tập, chắc quý vị cảm thấy lòng vui nhẹ đi bao nỗi nặng nhọc suốt tuần lặn lội với đời vì kế sinh nhai. Những lời giảng kinh Phật là những liều thuốc bổ tinh thần vô giá. Tôi còn nhớ một đoạn trong kinh Bách Dụ, Đức Phật nói:

"Xưa có một thanh niên, lúc nào cũng tỏ vẻ hiên ngang hào hiệp, lịch thiệp để cho mọi người chú ý tán khen. Một hôm trên đường ngao du, bụng đói, đói lắm, anh đến tiệm bánh mua một lượt sáu cái, ăn luôn một hơi mà

vẫn chưa thấy đã no. Anh lại mua thêm một cái bánh nữa, nhưng chỉ ăn mới một nửa thôi, anh cảm thấy quá no, lại ngán không cách nào nuốt thêm được nữa. Lúc đó lòng anh sanh buồn nảo, thầm trách mình, rồi tự lấy tay đánh lên đầu mà nói rằng: Sao ta ngu quá không biết tính toán tiết kiệm gì hết. Nếu như ta biết nửa cái bánh cuối cùng mà có thể làm cho ta no như vậy, thì ta chỉ cần mua nửa cái bánh ấy thôi, ăn đủ no rồi, cần gì phải mua chi đến sáu cái cho tốn kém tiền bạc!"

Câu chuyện trên nhắc nhở cho những ai thường hay trách trời oán người, lòng luôn luôn so đo thắc mắc. Ở đời có hạng người thắc mắc oán trách so đo với người khác mà không xoay lại kiểm điểm quán xét mình. Họ trách rằng tại sao các nhà tu hành được mọi người kính trọng, cúng dường, ủng hộ? Khi nói vậy nhưng họ có biết đâu những vị này, trước đã nhiều đời tu phước, và ngày nay khi mình chưa quen biết, thì họ cũng đã trải qua bao nhiêu năm tháng hành đạo khắc khổ, thức khuya dậy sớm, tương chao đạm bạc, công quả, tụng kinh, niệm Phật, tọa thiền. Họ đã chuyên tâm âm thầm tích lũy phước đức. Nhờ công đức hành đạo đó, họ mới được mọi người kính ngưỡng bái phục vâng theo.

Rồi lại thấy có người hiện đời làm điều bất chính, bất lương, mà lại vẫn được sung sướng giàu sang danh vọng. Điều đó nào phải tự nhiên giàu sang danh vọng như vậy đâu! Hiện đời tuy họ có thể hưởng giàu sang danh vọng, có thể hưởng một giai đoạn nào đó trong đời họ, hoặc có thể hưởng suốt đời họ đều tùy theo phước đức họ đã gieo trồng từ bao đời trước nhiều hay ít. Còn hành vi tâm niệm xấu ác của họ ngày nay thì họ sẽ phải trả đời họ ngay trong đời này, hoặc đời sau.

Do đó, xã hội này mới có người giàu kẻ nghèo, người đẹp kẻ xấu, người sang kẻ hèn, người khôn kẻ dại, chứ nào phải tất cả những người giàu sang danh vọng là bất chính bất nhân hết đâu? Và có ai dám chắc mình hưởng giàu sang suốt đời? Như người làm vườn, ta thấy vườn anh A hoa trái sum sê, nhiều người đến mua, tiền bạc vô hằng ngày. Anh và vợ con anh áo quần mới mẻ, nhà xe tốt đẹp, chúng ta đâu có biết cách đây bảy năm, anh đã cùng vợ con ngày ngày dãi dầu mưa nắng, chân lấm tay bùn, cần mẫn canh tác, ăn cơm nguội canh lạnh, áo quần cũ rách bụi nhơ, làm việc đầu tắt mặt tối. Lúc đó tất cả tâm huyết năng lực của anh dồn cho khoảnh vườn, nên ngày nay khoảnh vườn của anh hoa trái xanh tươi. Sự giàu sang của anh ngày nay là kết quả của bao lam lũ công phu vun trồng trong những năm trước.

Cũng vậy, chân giá trị của vị bác sĩ, kỹ sư, tiến sĩ, nhà khoa học, nhà bác học đâu phải cố gắng một ngày, một tháng, một năm mà thành đạt? Ngày nay họ được đời trọng vọng, chúng ta đâu có biết những vị này đã trải qua bao năm tháng nhin ăn nhin ngủ, đói khổ nhọc nhằn chuyên cần học tập nghiên cứu mới được văn bằng chức phận ngày nay. Bởi thế, kinh Phật dạy rằng:

*"Dục tri tiền thế nhon, kim sanh thọ giả thị.
Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị".*

Có nghĩa là:

"Muốn biết đời trước họ tạo nhon gì, thì cứ nhìn đời nay họ được hưởng.

Muốn biết đời sau họ chịu quả báo như thế nào, thì xem việc làm của họ đời nay".

Muôn thành công trên đường đời hay đường đạo, phải kiên trì bền chí một lòng theo đuổi lý tưởng của mình với suốt tháng năm, mới mong được như ý nguyện. Nhưng người đời thiếu trầm tĩnh suy tư, nên thường thấy hai hiện trạng tâm lý:

1) Thấy người người ác mà được giàu, người lành mà phải nghèo, rồi sanh ra chán nản oán trách. Nào có biết sự tương quan nhân quả suốt cả ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai.

2) Khi nghèo khổ thì có lòng nghĩ về đạo đức, lo làm việc thiện, tu phước, sống đời sống khiêm tốn, ít bạn bè, lo nghe kinh thuyết pháp, tụng niệm. Nhưng khi khá giả giàu sang thì lại lo làm giàu thêm, lơ là việc tu học, làm phước đức. Ngày ngày đâm đầu bận kiếm cho được nhiều tiền, đuổi bắt danh vọng, thù tạc bạn bè. Do đó, dần dần tâm đạo sa sút, xa Phật xa Thầy. Khi cực khổ vun phân tưới nước thì cây phước được xanh tươi. Đến khi cây ra hoa kết trái, thì lại chỉ lo ngồi hưởng thụ, không biết tiếp tục săn sóc bón phân tưới nước, thì cây phước phải cằn cỗi, hoa trái phước lộc phải xơ xác điêu tàn là lẽ tất nhiên. Cũng vậy, khi còn nghèo khó còn thì giờ để tâm làm phước đức. Đến khi khá giả giàu có thì mãi miết lo làm giàu thêm, kết bạn hưởng thụ, đuổi bắt lợi danh, xa dần việc phước thiện. Rồi khi tai nạn xảy đến lại đi cầu khẩn Phật trời thánh thần! Thật là tội nghiệp cho người đời lắm cảm! Không muốn trồng cây mà chỉ muốn ăn quả. Không chịu ra công

vun sỏi bón phân tưới nước nhỏ cỏ, mà cứ muốn hái trái tốt hoa đẹp. Chẳng khác nào kẻ nấu cát muốn thành cơm.

Để kết luận bài này, tôi xin xác quyết rằng: "Đời người sáng sủa hay tối tăm, đều do chính con người trọn quyền quyết định lấy, chứ không ai khác". Khéo sử dụng bàn tay và khối óc của mình với cõi lòng rộng mở, thì đời mình trở nên sáng sủa an lành.

---o0o---

15. XẢ THÂN CẦU ĐẠO

Kính thưa quý vị,

Tu hành mà không phát tâm Bồ đề, không hy sinh thời gian, thân tâm tài sản để cầu đạo, thì khó đạt thành đạo quả giác ngộ giải thoát.

Thuở đời quá khứ vô lượng vô lượng kiếp về trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Thế giới Ngài thuyết pháp giáo hóa chúng sanh tên là Thế Giới Ta Bà.

Lúc bấy giờ có một chàng thanh niên nghèo, đến nhà người bạn thăm chơi, nghe nói Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang giảng thuyết kinh Đại Niết Bàn cho đại chúng nghe ở một tịnh xá cách đó không xa. Chàng thanh niên nghèo này vừa nghe nói như vậy, lòng vui mừng phấn khởi, muốn phát tâm cúng dường Phật, nghe thuyết pháp. Nhưng bụng nghĩ rằng, phận mình nghèo khổ túng thiếu chẳng biết làm sao bây giờ. Suy đi nghĩ lại đã bao lần mà chẳng tìm ra phương cách nào để có ít tiền vật đem đến cúng dường Phật. Cuối cùng chàng nảy ra ý nghĩ, chỉ còn có một cách là đem thân mình bán để lấy tiền cúng dường Phật, hầu mong trông chút phước đức.

Lòng chàng đã quyết, dù phải bán thân chịu đọa đày cơ cực đến đâu, miễn sao thực hiện được tâm nguyện cúng dường Phật, được nghe thuyết pháp là quý hóa rồi.

Sau khi lòng đã quyết, chàng lội bộ khắp đó đây để rao bán thân mình hoặc được ở đợ. Nhưng phận hèn bạc phước không ai chịu nhận mua cả. Mỗi mệ, buồn bã, chàng quay trở về nhà.

Trên đường về nhà, bỗng gặp một người đang đi với vẻ mặt buồn rầu lo âu, chàng chạy đến hỏi: "Tôi muốn bán thân tôi, ông có thể mua dùm được không?"

Người kia thật là bất ngờ mừng quá, vội đáp rằng: "Tôi đang có việc khẩn cấp nan giải, không ai làm nổi. Nếu như làm được thì tôi mới mua thân chú".

Chàng nghèo hỏi: Việc gì khẩn cấp mà chẳng làm được vậy?

Người kia đáp: Tôi đang mắc phải chứng bệnh ngặt nghèo. Thầy thuốc bảo mỗi ngày phải ăn ba lạng thịt người. Nếu như chú mỗi ngày có thể đem ba lạng thịt nới thân chú mà cung cấp cho tôi, thì tôi sẽ trả cho chú năm thê vàng.

Chàng nghèo nghe xong, lòng vui mừng khôn xiết, thầm nghĩ rằng, ước nguyện cúng dường Phật, nghe thuyết pháp của ta sẽ đạt thành. Liên nói rằng: "Vậy thì xin ông có thể đưa tiền vàng cho tôi, hẹn trong vòng bảy ngày, sau khi tôi sắp đặt việc xong, tôi sẽ lập tức lại nộp thân hầu ông".

Người kia đáp: Bảy ngày lâu quá. Bệnh tôi trầm trọng cấp bách, cần ăn thịt người gấp mới mong cứu sống được mạng của tôi. Nếu chú thấy có thể làm được, tốt nhất trong vòng một ngày thôi.

Chàng nghèo đồng ý, nhận tiền, lòng mừng rỡ, vội vàng tìm đến chỗ Phật Thích Ca. Vừa thấy Phật, đầu mặt năm vóc anh sát đất thành kính lạy Phật, có bao nhiêu vàng trọn dâng cúng dường rồi ngồi nghe Phật giảng kinh thuyết kinh Đại Niết Bàn. Nhưng vì tâm địa mờ tối, nghe Phật thuyết pháp xong, mà lòng dạ anh chỉ còn nhớ vồn vện có bốn câu kệ:

*Như Lai chứng Niết Bàn.
Dứt trọn vòng sanh tử.
Nếu ai chí tâm nghe,
Thường được vô lượng lạc.*

Sau khi nghe xong, chàng nghèo mừng quá, miệng đọc bài kệ mãi không thôi, đồng thời giữ đúng lời hẹn, vội vã về nhà người bệnh kia, mỗi ngày cắt ba lạng thịt của thân mình để cho bệnh nơn ăn mà không chút than thở ân hận.

Nhờ lòng chí thành chí kính với niềm tin sâu sắc hướng về Đức Phật, lòng hân hoan được nghe Phật thuyết pháp, dạ vui mừng nhớ được bài kệ trên. Nhờ tâm niệm chuyên ròng luôn luôn nghĩ đến Phật, nghe Phật thuyết pháp, miệng lúc nào cũng đọc kệ, nên trải hơn một tháng cắt thịt thân mình để cho bệnh nhờn ăn mà chẳng thấy đau đớn chút nào.

Cứ như vậy, ngày ngày cắt thịt mình cho bệnh nhờn ăn, trải đã suốt tháng, người nghèo lúc nào cũng tâm tâm niệm niệm nhớ Phật, nguyện cầu cho bệnh nhờn sớm được bình phục. Đồng thời anh nghèo ngày đêm thành tâm đọc kệ, niệm Phật khẩn nguyện cho thân tâm mình và thập phương chúng sanh được an vui tự tại.

Do tâm thành nguyện cảm của anh mà người bệnh được lành. Anh nghèo sau một đêm chuyên ròng tâm trí tưởng Phật đọc kệ, với giấc ngủ an lành trong trạng thái nhất tâm bất loạn. Khi thức giấc bất ngờ nhìn lại thân mình nguyên vẹn như xưa, không thấy có một vết sẹo nào. Lòng chàng nghèo vô cùng cảm kích, nói sao cho hết nỗi lòng hân hoan. Chàng quỳ giữa sân, ngược mặt lên hư không thành khẩn khẩn nguyện: "Ta nguyện rằng, về sau tiếp tục tu hành thành đạo giống như Đức Phật kia, ta cũng được tên là Thích Ca Mâu Ni và thế gian ta hóa độ chúng sanh cũng tên là Ta Bà".

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trên kia là vị Thích Ca Cổ Phật, còn bệnh nhờn ăn thịt người là tiền thân Đề Bà Đạt Đa. Chàng thanh niên nghèo kia chính là tiền thân của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni của chúng ta ngày nay. Ngài đã ra đời tại vườn Lâm Tỳ Ni, thành Ca Tỳ La Vệ, xứ Ấn Độ, và Ngài đã đem trọn đời Ngài cống hiến cho sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh đến hơi thở cuối cùng. Và Ngài nhập Niết Bàn tại thành Câu Thi Na, rừng Ta La Song Thọ.

Thưa quý vị,

Các Đức Phật, các vị Bồ Tát cũng là con người như chúng ta. Nhưng các Ngài đã lìa phàm nhập Thánh, thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi là do các Ngài phát Bồ đề tâm, chí thành nghe pháp, khẩn thiết hành đạo, xem nhẹ xác thân giả tạm, xem thường tài sản lợi danh, nhất tâm quyết chí tu hành mà được thành Phật thành Bồ Tát. Còn chúng ta mãi mê ngũ dục thế gian, lười tu kém niệm Phật, nên mãi mê chìm đắm phàm tình.

Nay ta biết Phật, ta được thấy nghe giáo pháp, ta nên cố gắng tu tập để khỏi cô phụ hoài mong của Phật, để khỏi mất đi Phật tánh chơn tâm của ta. Có như thế mới là chơn Phật tử.

16. CÂU CHUYỆN ĐẠO LÝ

Thưa quý vị!

Nhà Phật mỗi câu chuyện đạo đều có bao hàm cái đạo lý dạy đời, cái triết lý để cho người nương theo đó mà được đời sống thánh thiện hóa thân tâm.

Vài năm gần đây, sống trên đất khách quê người, sau những ngày làm việc mệt mỏi, quý bà con thường tìm về Phật Học Viện Quốc Tế để nghe thuyết pháp, được hướng dẫn niệm Phật, tọa thiền. Lúc đó tinh thần ai nấy đều cảm thấy an vui thanh thản vô hạn. Trong những bài thuyết pháp, trong những lúc dạy niệm Phật, tọa thiền, tôi thường có dẫn chứng những mẫu chuyện đạo ngắn. Qua những mẫu chuyện đạo đó, đã giúp cho bà con dễ thấu nhận hiểu được ý nghĩa của lẽ sống. Một trong những câu chuyện đạo bà con còn ghi nhớ đậm nét trong trí óc, và chính câu chuyện này đã làm cho nhiều bà con Phật tử suy ngẫm về thật tướng giá trị của vợ chồng, tình đời, tình thân bằng quyến thuộc, những thứ này đều là cội nguồn xa gần của sanh tử luân hồi. Nay tôi xin lược kể dưới đây để hầu chuyện cùng quý vị:

Đức Phật Thích Ca có một người đệ tử tên là A Nan. A Nan vốn là em chú bác của Phật. A Nan còn có tên là Khánh Hỷ. Sở dĩ có tên này là vì khi ông ra đời đúng vào ngày Thái tử Tất Đạt Đa chứng thành đạo quả Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Như đó mà A Nan còn có tên là Khánh Hỷ.

Sau khi Phật độ A Nan cho xuất gia, con người của A Nan bản chất vốn thông minh, tánh tình thuần hậu, nên được chọn làm thị giả hầu cận Phật. Khi thuyết pháp, lúc tọa thiền, mỗi mỗi sinh hoạt cử động của Phật, A Nan đều luôn luôn bên cạnh. Kinh điển còn ghi rành rành, sức thông minh và trí nhớ của Đức Phật, cũng giống như nước từ bình này rót sang bình khác, không rơi rớt một giọt nào. Những kinh điển nay còn lưu truyền, hầu hết đều do A Nan thuật lại trong thời kiết tập đầu tiên.

A Nan vốn thông minh đẹp trai lại thích học rộng hiểu nhiều, nhưng yếu về đường tinh chuyên tu tập, nên đạo lực công đức có phần kém, do đó mà nghiệp duyên không thể cùng lúc đoạn trừ sạch.

Một hôm Đức Phật đang ở tinh xá Kỳ Hoàn, trong thành Thất La Phiệt, nhân ngày kỷ niệm húy nhật của tiên vương vua Ba Tư Nặc, Đức Phật nhận

lời thỉnh cầu của nhà vua. Phật cùng đại chúng vào hoàng cung vua để thọ trai, cầu nguyện siêu độ. Riêng A Nan vì đã riêng thọ nhận lời mời trước của tín chủ ở xa, nên chưa về kịp để cùng dự vào đoàn tăng chúng đi thọ trai với Phật. Nên khi A Nan trở về tinh xá, thì Phật và tăng chúng đã vào thành nội vua Ba Tư Nặc rồi. Giờ Ngọ đã đến, A Nan một mình, đem tâm bình đẳng, bung bát đi khát thực từng nhà, với một lòng vị tha, thâm nguyện: "Tam Bảo là ruộng phước điền cho tất cả chúng sanh". Trong tướng mạo uy nghi với chiếc thân mặc y vàng giải thoát, A Nan vô tâm lần lượt bước đến trước cửa từng nhà để khát thực, thọ nhận thức ăn của người hảo tâm cúng dường.

Cách đó không xa, một thiếu nữ trẻ đẹp, trang sức yêu kiều diễm lệ, từ nãy giờ đã bung com và thức ăn đứng chờ sẵn trước nhà lạng lẽ đợi A Nan. Như bao nhà khác, A Nan khoan thai nhẹ bước đến đứng trước cửa đưa bình bát, đôi mắt nhìn xuống đất, thâm chú nguyện cho thí chủ được nhiều phước đức lợi lạc. Thiếu nữ trẻ đẹp Ma Đăng lòng tràn xúc động mỉm cười nhìn thẳng vào A Nan, nàng cố lấy sức trầm tĩnh, thi hành cử chỉ như sự huấn luyện chỉ dẫn kỹ lưỡng của các thầy ngoại đạo chú thuật. Tay cô chậm chậm để com vào bình bát. Miệng cô thầm đọc chú Ca Tỳ Ta La Phạm Thiên để mê hoặc A Nan.

Com và thức ăn vừa đầy bình bát, A Nan cũng bắt đầu mê man bất tỉnh như kẻ đại khờ mất trí. Thiếu nữ Ma Đăng quay lưng chậm rãi bước vào nhà. Bị mê hoặc, A Nan bấy giờ cũng bước theo sau thiếu nữ. Thiếu nữ Ma Đăng đắc ý đi thẳng vào phòng, thâm nghĩ rằng, A Nan bây giờ đã nằm trong vòng tay mình, phen này quyết không để mất cơ hội ái ân!

Lúc bấy giờ Đức Phật và đại chúng đang thọ trai ở trong hoàng cung vua Ba Tư Nặc. Thường thì mỗi khi thọ trai xong, Phật thuyết pháp cho thí chủ nghe, để người thí chủ tinh tấn phát tâm Bồ đề kiên cố, được nhiều lợi lạc. Nhưng lần này, khác hẳn mọi lần, Ngài thọ trai xong, cáo từ nhà vua, liền cùng đại chúng trở về tinh xá, lên pháp tòa phóng ra muôn nghìn đạo hào quang. Trong mỗi đạo hào quang lại có muôn ngàn Đức Phật ngồi trên hoa sen ngàn cánh. Trong mỗi Đức Phật lại phóng ra muôn ngàn đạo hào quang đủ muôn màu sắc. Trước những hiện tượng kỳ diệu lạ lùng xưa nay chưa từng thấy, đã gây xúc động kinh ngạc sâu xa trong lòng đại chúng.

Đức Phật cùng với muôn ngàn đức hóa Phật ần ần hiện hiện trong muôn ngàn đạo hào quang cùng nói thần chú Thủ Lăng Nghiêm, đồng thời bảo ngài Văn Thù Bồ Tát cấp tốc đem thần chú này đến nhà cô Ma Đăng để giải thoát cứu A Nan đang mắc nạn.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi vâng lời Phật, liền vận dụng thần thông bay đến nhà cô Ma Đăng định thần lực đọc chú Thủ Lăng Nghiêm. Ngay khi đó chú Ca Tỳ Ta La Phạm Thiên của ngoại đạo mê hoặc A Nan liền bị tiêu tan. A Nan tỉnh lại thấy mình đang ngồi trong phòng với một thiếu nữ, cảm như sét đánh vào đầu, nhìn Văn Thù Bồ Tát mà lòng A Nan cả thẹn. Văn Thù Bồ Tát khuyên nhủ an ủi rồi dắt A Nan về gặp Phật.

Khi Văn Thù Bồ Tát dắt A Nan đi, thì cô Ma Đăng tự thấy cơ mưu đã đổ vỡ, mất người yêu quý nhất trên đời, mà bao tháng ngày cô đã toan tính chờ đợi dịp tốt như hôm nay, bỗng nhiên như cơn gió trốc mạnh cào hốt đi hết. Bao tháng ngày xây mộng đẹp, chỉ trong khoảnh khắc tan tành! Cô la khóc, mắng nhiếc, đòi Văn Thù Bồ Tát trả A Nan lại cho cô. Văn Thù Bồ Tát khuyên cô nên theo A Nan về tinh xá gặp Phật, thì cô sẽ thỏa mãn ước mong.

Vừa thấy Phật, A Nan hồi hận quỳ khóc nức nở, than bạch với Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, từ lâu con lắm tướng học rộng, nghe nhiều có thể liễu đạo chứng quả. Con cũng nghĩ rằng, con là em của Phật, hằng ngày hầu cạnh Phật, chắc thế nào rồi Phật cũng thương tình ban cho con một quả vị nho nhỏ. Nào ngờ hôm nay con bị mắc nạn. Con mới hiểu rằng, học mà không tu như đây chứa sách, khó có thể liễu đạo. Ai tu nấy chứng, chứ không thể tu dùm, không thể nhờ cậy, cũng không ai có thể cho ai quả vị tu chứng được". Nói xong A Nan sụp lạy, hồi hận khóc lóc thảm thiết.

Đức Phật từ bi khuyên nhủ A Nan. Bảy giờ nàng Ma Đăng càng lúc càng tỏ ra ăn năn tha thiết với đạo, nàng lo ngại sợ mất A Nan. Lòng xôn xang không yên, không còn cầm lòng trầm tĩnh được nữa, nàng liền bước đến trước Phật quỳ bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là bậc đại từ đại bi đại hỷ đại xả. Ngài hãy cứu giúp muôn loài. Ngài chưa bao giờ làm cho bất cứ ai đau khổ. Thế mà hôm nay, Ngài lại nở lòng nào làm cho con quá đau khổ, thất vọng như thế này. Bạch Ngài, Ngài có biết không? A Nan là người yêu quý nhất của đời con. Suốt bao tháng ngày con chờ dịp tốt để được thân gần A Nan. Ngày hôm nay sắp được gần, thì Ngài và đệ tử Ngài đã cướp mất người yêu nhất đời con. Ân ái chưa thực hiện, thì đệ tử Ngài đã đến phá vỡ cơ hội ngàn vàng của con, dẫn A Nan về đây. Giờ này, con cúi mong Ngài thương xót cho con được sống gần A Nan trọn đời, để thỏa lòng thương nhớ. Như thế Ngài mới thật là đại từ bi đại hỷ xả".

- Đức Phật từ hòa hỏi Ma Đăng: Con hãy thành thật cho ta biết. Con thương A Nan là bởi vì đâu? Những cái gì làm cho con thương nhớ sâu xa nhất?

- Ma Đăng khóc lóc thưa: Bạch Ngài, con thương A Nan là thương đôi mắt trong xanh, cái mũi dọc dừa, cái miệng có duyên, gương mặt trắng trẻo anh tuấn, dáng người cao ráo trượng phu.

- Đức Phật lại hỏi: Khi con mắt của A Nan chảy ghèn vàng; lỗ tai chảy mủ nhờn; cái mũi chảy nước tanh hôi; cái miệng ngủ dậy không xúc, chảy nước dãi, nước miếng, khạc đờm; cái mặt mọc mụn lở v.v... Rồi một ngày kia A Nan sẽ như thế đó, có đẹp nữa không?

- Ma Đăng nhăn mặt nhúm mày, thưa: Khi đã như thế rồi, bạch Đức Thế Tôn, ghê tởm lắm, có còn gì đẹp nữa đâu!

- Đức Phật giảng dạy, thân này là do tinh cha huyết mẹ hợp lại mà thành. Vốn là tanh hôi bất tịnh. Thân này là giả tạm mộng huyễn, đau bệnh, già chết vô thường. Thân này là đầy da thúy, bọc lấy đồ bất tịnh, nên ngày ngày chảy ra đồ bất tịnh. Thân này có khác gì cầu tiêu lưu động đâu!?

Sau khi nghe Phật giảng dạy xong, nàng Ma Đăng nhận chân được lẽ vô thường, bất tịnh, ô uế của thân người, nên đã xin Phật xuất gia tu học. Đức Phật hoan hỷ nhận lời. Rồi Ngài xoay lại hỏi A Nan:

- A Nan, ông vì sao xuất gia với ta?

- Bạch Đức Thế Tôn! Vì con thấy tướng mạo của Thế tôn trang nghiêm, lại nghe Thế Tôn thuyết pháp âm diệu rất là vi diệu, nghĩa lý rất là sâu xa, nên con thích xuất gia để gần Phật.

- Phật lại hỏi: Ông lấy cái gì để thấy, dùng cái gì để nghe và cái gì để thích?

- Bạch Đức Thế Tôn, con dùng mắt để thấy, tai để để nghe và lấy tâm phân biệt để thích.

- Phật tiếp tục gạn hỏi A Nan tâm ở chỗ nào? Trải qua bảy lần Phật gạn hỏi, và A Nan bảy lần đáp về tâm.

Mỗi lần hỏi như vậy là mỗi lần Đức Phật đưa A Nan trở về cội nguồn tâm linh, phá trừ từng lớp vô minh nghiệp chướng. Cuối cùng A Nan đã nhận chân được tâm mình, đã thành bậc thánh thiện giác ngộ.

A Nan đã khóc lóc buồn than với Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Tu mà thiếu bậc minh sư hướng đạo, thiếu bạn tri thức đồng tu, chẳng khác nào con của không cày không chân; con cạp đui, con rùa mù ở biển khơi; như chiếc thuyền không địa bàn, không tay lái, mãi muôn vạn kiếp sóng dập gió dồi, nổi trôi trên biển khổ luân hồi sanh tử lụy kiếp.

Câu chuyện A Nan mắc nạn Ma Đẳng được Phật cứu thoát, sau nhờ Phật khai đạo, A Nan mới thật sự thể nhập vào biển chánh pháp thanh lương, mới thật sự nếm hương vị giải thoát. Câu chuyện này được gói trọn trong bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm. Người học Phật mà không tìm đọc nghiên ngẫm bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm là một điều thiếu sót lớn lao trên bước đường học đạo tìm về bản thể chân tâm. Không đọc bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm thì khó mà phân định thế nào là chân tâm, thế nào là vọng tâm, tâm ở đâu, tâm là cái gì, và các vị A La Hán Bồ Tát tu thế nào để chứng quả. Nếu không đọc được bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm thì ít nhất cũng nên đọc quyển Triết Lý Thủ Lăng Nghiêm. Không thọ trì kinh này thì khó có thể nhập vào Phật tánh của mình, và cũng không cảm thấy cái thâm diệu của Phật lý, cũng như không biết được cái thú vị của người nhai mía, hay ăn mật ong chính tự tay mình bẻ bắt từ cành cây. Người tu Phật không đọc kinh Thủ Lăng Nghiêm cũng như người đến thành phố mà không có bản đồ, người thủy thủ không có hải bản.

Có những người tin Phật mà không muốn học hiểu lời dạy của Phật. Hạng người này chẳng khác nào tín đồ của các thần giáo, tin một cách mù quáng, mê tín. Phật đã từng dạy: "Kẻ tin ta mà không hiểu ta, trước sau gì cũng sẽ hủy báng ta. Lại có hạng người học hiểu đôi chút giáo lý Phật, rồi nói bô bô ồn ào, phê bình người này, chỉ trích người nọ, vắn nạn người kia. Hạng người này chẳng khác dây đàn reo lên muôn điệu, kẻ khác thưởng thức âm điệu của đàn, nhưng chính dây đàn mòn đứt mà không tự biết thưởng thức được gì. kẻ đó có khác nào con vẹt biết nói tiếng người. Lại còn có kẻ chỉ biết ngồi nhà tụng kinh Đại thừa, ăn chay, tự mò đọc, biết lếu láo vài ba câu kinh kệ, rồi tỏ vẻ bệ vệ tự mãn, tự đắc, tưởng mình thông hiểu kinh điển, nghe ngóng lời đồn chẳng biết thực hư, liền bạo miệng hủy báng khinh chê người này kẻ khác. Thậm chí còn khuyên người khác hủy báng Tăng Bảo, bỏ chùa này theo chùa nọ. Đây là hạng người mà Đức Phật gọi là "Sư tử trùng, thực sư tử nhục". Nghĩa là con vi trùng núp trong lông con sư tử, hút máu sư tử. Theo lời huyền ký của Đức Phật trong kinh Thủ Lăng

Nghiêm, khi tôn giả A Nan hỏi Phật "đời sau nên đem phương pháp nào dạy người tu hành", và trong kinh Đại Tập, thì hạng người trên đây là hiện thân của yêu ma ác quỷ mang lớp người, nguy làm đệ tử Phật.

Trên đường hoằng pháp, phát triển đạo đức, xây dựng niềm tin thường gặp nhiều chướng ngại, phần đông cũng do hạng người tâm địa yêu ma, mà giả trang nguy tướng là đệ tử Phật, miệng đọc kinh Đại thừa, mà tâm phá hoại Tam Bảo. Miệng ăn chay, nhưng lòng dạ còn hơn rắn độc, thú dữ.

Lại có hạng người vào cửa Tam Bảo mượn đạo tạo đời. Lấy đạo tạo uy tín cá nhân, để cho có tiếng tăm dễ hoạt đầu danh lợi. Họ ở nhà thì sợ vợ, sợ con, sợ chồng. Nhưng vào chùa thì muốn sai khiến các nhà tu hành. Hoặc giả có cúng dường, giúp đỡ chút ít tiền của cho chùa cho thầy, rồi muốn các thầy phải nghe theo ý mình. Không nghe thì giận thì hờn, tìm cách hại thầy, chống phá chùa, bày đặt chuyện ác để khuyến dụ người bỏ chùa, hùa theo kẻ tà ma xưng phật xưng Thánh. Hạng người này gọi là ma đầu. Nghĩa là muốn hướng đạo người vào con đường mê tín yêu ma. Muốn tục hóa đạo, muốn tạo sóng gió cửa thiền.

Trước khi vào Niết Bàn, Đức Phật có lời dạy: "Trong thời kỳ chánh pháp, thời Đức Phật còn ở đời, chúng sanh phước huệ tu chứng kiên cố. Người ở thời chánh pháp này, nói ít làm nhiều, tín tâm sâu sắc, hễ tu thì phần nhiều được chứng, Trong thời thời kỳ tượng pháp, thời sau Đức Phật nhập Niết Bàn khoảng chừng ba trăm năm đến ngàn năm, chúng sanh trong thời này thiên định kiên cố. Người tu thích thiên định và vui sống trong thiên định có chứng quả nhưng số lượng ít hơn thời Phật còn tại thế. Trong thời mạt pháp, thời tiếp sau Phật nhập Niết Bàn ngàn năm về sau, chúng sanh trí thức kiên cố, nhiều nghi hoặc, nhiều cố chấp, ít tu hành thích lý luận kém chứng quả. Thời đại mạt pháp này là thời đại chấp tướng, tà tâm, chánh tà lẫn lộn, đem điều tà nguy để mê hoặc người chánh tâm, đem việc đời làm hoen ố đạo. Thời mạt pháp thường có loài tinh ma hiện hình là đệ tử Phật, chúng nguy xưng là Phật hiện, là Bồ Tát hóa thân, nói lời Phật để mê hoặc lòng người tin theo, với ý đồ làm ô uế Phật Pháp để cho Phật Pháp sớm hoại tiêu diệt. Người tà niệm tin theo họ cũng nhiều. Đồ đệ chúng cũng tự xưng chứng thánh. Chúng ma này cũng tạo thành thế lực. Thế nên người tu học Phật thời mạt pháp này phải hết sức sáng suốt, hết sức kiên nhẫn, mới mong khắc phục chướng ngại ngoại cảnh và nội tâm. Phải cần nương nhờ tha lực của Phật".

Thưa quý vị, tôi đã trình bày những hiện tượng đã xảy ra và đang sẽ xảy ra trong câu chuyện đạo. Những mong sao quý vị về đây tu tập vào những cuối tuần, chắc đã hiểu được thế nào là người con Phật, đã tìm ra định hướng cho chính mình, là đệ tử Phật cần phải luôn luôn sống lại nội tâm, kiểm điểm hành vi tâm niệm hằng này, theo gót chân Phật; phải luôn luôn cảnh tỉnh mình và thức tỉnh bạn đạo, người có tâm học Phật trên đường giác ngộ; phải luôn luôn phát lời nguyện theo chân Phật, sớm tìm minh sư học đạo, sống đời sống từ bi hỷ xả, mang tâm nguyện vị tha, sống cho ý nghĩ đạo pháp cao siêu, cho từ bi vô lượng. Sống cho mình và người ngày một thêm rộng rãi tình thương và tuệ giác.

---o0o---

17. PHƯỚC BÁO NHIỆM MÀU

Kính thưa quý vị,

Hôm nay tôi trình bày về phước báo. Người đời vì không hiểu không tin nhân quả phước báo, nên không xả bỏ nổi tâm tham lam bòn sẻn, không cố gắng làm việc từ thiện bố thí cúng dường, nên phải chịu quả báo khổ sở bần cùng.

Thuở Đức Phật Thích Ca còn tại thế giáo hóa độ sanh ở thành Xá Vệ nước Ấn Độ, có vị vua tên là Ba Tư Nặc. Nhà vua vốn là một Phật tử thuần thành, tánh tình thuần hậu, nhân ái, lấy đức trị dân. Đối với các nước láng giềng, nhà vua lúc nào cũng giữa thái độ hòa mục hữu nghị. Nhà vua không thích thấy cảnh binh đao chém giết. Là một bậc minh quân đức độ như vậy, nên chẳng những dân chúng trong nước tin tưởng kính mến, mà các nước lân bang cũng đều kính phục.

Vua Ba Tư có ba vị công chúa. Công chúa thứ nhất tên là Kim Cương, thân hình xấu xí, từ bé đến lớn ở ẩn trong thâm cung, không mấy khi lộ diện, để tránh tiếng người đời bình phẩm cười chê. Công chúa thứ hai tên là Thiện Quang. Công chúa thứ ba tên là Bà Đà, vị công chúa này sớm đã sống xa Quốc vương và Hoàng Hậu.

Riêng về Thiện Quang công chúa không những sắc đẹp tuyệt trần, nhất là về đêm toàn thân sáng rỡ lại đẹp thùy mị nết na, thông minh lanh lẹ, lễ độ bật thiệp dịu dàng. Đối với mọi người, công chúa Thiện Quang lúc nào cũng tỏ ra khiêm tốn nhã nhặn, thương người giúp kẻ hoạn nạn, nên được dân chúng ngưỡng mộ kính mến.

Một ngày nọ, nhân lúc rảnh việc triều đình, nhà vua cùng gia thuộc và cận thần đến vườn ngự uyển thưởng hoa ngắm cảnh. Thiện Quang công chúa theo hầu cạnh bên vua cha. Nhân lúc xem hoa thưởng nguyệt, nhà vua cao hứng hỏi công chúa văn thơ thi phú, lý sinh tồn của tinh tú vạn vật, mỗi mỗi công chúa đều đáp ứng thông suốt. Nhà vua đặc ý gật đầu về sự thông minh tuyệt vời của con mình. Rồi nhà vua nói với công chúa rằng: Này con, Phụ vương con làm vua một nước, trị dân thanh bình, trăm họ trên dưới đều kính mến. Con nương nhờ phước đức Phụ vương nên được trăm họ mến mộ. Điều này chỉ riêng con mới được phước thù thắng như vậy.

Vừa nghe qua lời của vua cha nói, công chúa Thiện Quang từ tốn thưa:

- Tâu Phụ Vương, con đã nương nhờ thân thể của Phụ Vương và Mẫu Hậu đầu thai vào làm con gái Phụ Vương. Đương nhiên con phải kính hiếu để đền đáp công ơn sanh dưỡng rộng sâu như trời biển. Nhưng con được mọi người quý mến đâu phải nhờ Phụ Vương, mà đó là do phước báo chính nơi con đã tạo từ nhiều đời trước bằng sự tu nhân tích đức. Uy tín của chính mình tạo mới thật bền lâu, chứ còn nhờ cậy ảnh hưởng của cha mẹ hay người khác thì rất ít và đâu có chắc thật lâu bền.

Vừa nghe, vua Ba Tư Nặc không hài lòng, nghĩ rằng: Thiện Quang, con gái mình từ lâu tánh tình vốn là hiền dịu hiếu thuận, không khi nào làm cho ai phật lòng. Nhưng tại sao hôm nay bỗng nhiên đổi tánh dám nói với ta những lời đại ngôn, tự cho mình là có phước báo mà không phải nhờ ta. Phải chăng phước vận nó đã hết. Nó sẽ chịu khổ? Nghĩ vậy rồi, sắc mặt nhà vua sa sầm, lòng nhà vua trầm buồn nghiêm khắc. Gọi Thiện Quang công chúa mà phán rằng:

- Này con! Con nói chính do con đời trước có tu hành mà nay được hưởng phước báo quả tốt. Vậy nay đây ta thử coi phước báo của con to lớn đến bực nào. Nhà vua phán xong, bảo công chúa lui về hậu cung.

Vua Ba Tư Nặc liền gọi một vị cận thần tâm phúc đến bảo nhỏ rằng: "Ta giao cho ngươi nội trong bảy ngày, ngươi bí mật ra ngoài thành kiếm cho ta một chàng trai đẹp khỏe, tuổi trẻ độ chừng Thiện Quang công chúa, tức cô vô thân, nghèo đói ăn xin, không nơi nương tựa, bí mật đem vào vườn sau cho Trẫm. Việc này tuyệt đối không được tiết lộ cho ai biết cả, ngoài ngươi và ta".

Ba ngày sau, vị cận thần này đã tìm dắt về một chàng trai áo quần cũ rách, làm nghề hành khất. Nhà vua được báo tin, liền đổi áo thường dân lạng

lẽ một mình ra vườn sau, vừa thấy chàng ăn mày dáng mạo trẻ khỏe hiền từ, áo quần rách rưới, vua Ba Tư Nặc rất bằng lòng phán rằng:

- Nhà ngươi còn trẻ quá, chắc chưa có vợ con chi? Nếu chưa có mà nhà ngươi thật tình muốn vợ, thì ta có thể tặng cho nhà ngươi một thiếu nữ trẻ đẹp để làm vợ, và cho phép nhà ngươi tùy ý dặt đi ngay.

Trước sự bất ngờ, chàng ăn mày tưởng chừng như mình nằm chiêm bao không biết đây là thực hay mộng. Vì đã từ bé đến giờ sống trong hoàn cảnh đói khổ thiếu ăn thiếu mặc, chàng nào có bao giờ dám nghĩ đến chuyện vợ con. Vừa nghe nhà vua nói như vậy rồi, anh mừng không kể xiết, quên cả chính bản thân và hoàn cảnh của mình. Anh vội gật đầu lia lịa thưa:

- Bẩm Ngài! Ngài có lòng nhơn từ thương xót kẻ tiểu nhân hạ tiện thì thật là quý hóa, tiểu nhân xin đời đời kiếp kiếp ghi ân không hết, nào dám chối từ.

Vua Ba Tư Nặc liền gọi Thiện Quang công chúa đến phán rằng:

- Nay con! Con nói ngày nay con được đẹp đẽ phú quý, được mọi người kính mến là chính tự phước báo của con. Để xem phước báo của con đến độ nào, nên nay cha đồng ý gả con cho chàng trai khốn cùng này. Vậy con hãy gấp rút ra khỏi thành nội ngay bây giờ, không được mang theo một thứ gì, để đi sống với nó.

Tuy bất ngờ, nhưng công chúa Thiện Quang chẳng những không buồn hận vua cha, mà còn không tỏ ra mảy may lo âu cho tương lai số phận mình. Nàng tin tưởng mãnh liệt vào nhân quả tội phước. Nên nàng thản nhiên từ giã đời sống công chúa nhung lụa giàu sang, không chút tiếc nuối. Nàng đổi áo hoa lệ cao quý của đời sống công chúa để mặc lên mình chiếc áo vải thô sơ, thường dân, không đem theo bất cứ một thứ gì. Nàng thản nhiên lạy vua cha từ biệt, rồi cùng với chàng ăn mày bước ra cửa sau vườn ngự uyển, lặng lẽ rời hoàng cung.

Công chúa Thiện Quang lòng không chút nao núng lo âu, thản nhiên cất bước. Đi một quãng đường xa, gỏi mỏi, chân cảm thấy đau, nàng hỏi chàng ăn mày:

- Thưa chàng, chàng ở nơi nào. Cách đây còn bao xa. Có nhà cửa gì để nương thân không?

Chàng ăn mày lòng áy náy ắp ứng đáp:

- Không dấu diếm gì cô. Khi tôi vừa mới sinh ra, nhà tôi còn giàu có lắm, gia sản rất nhiều. Nhưng sau khi cha tôi trả áo từ quan, buồn lo thế sự không làm việc gì. Sau đó không mấy năm, gia đình sa sút hẳn. Cha tôi già lại buồn vì thân phận gia cảnh, nên sanh bệnh rồi chết sớm. Mẹ tôi cũng bị ảnh hưởng nỗi buồn của cha tôi rồi chết theo luôn. Lúc đó cha mẹ tôi bỏ lại cõi đời đứa con hầy còn thơ ấu là tôi. Tôi không còn cha mẹ nương náu hướng dẫn. Dần dần nhà cửa đổ nát với thời gian. Vườn nhà tuy rộng, nhưng không người chăm sóc, nên hoang phế. Ngôi nhà hoang phế của tôi cách đây không xa lắm cô à.

Thiện Quang công chúa nghe xong, lòng vui mừng bảo chàng ta rằng: Như vậy tốt lắm. Chúng ta trước hết nên đi đến nơi đó thăm nhà để nghỉ ngơi, rồi sẽ tính sau.

Không mấy chốc, công chúa Thiện Quang theo sau chàng ăn xin, vừa bước vào cổng lớn, một cảnh tượng nhà cửa phòng ốc cũ kỹ xiêu vẹo đổ nát, vườn đầy cỏ dại hoang tàn. Cả hai cùng đi xem khắp vườn một lượt. Khi đến một góc vườn, công chúa Thiện Quang thấy có loại cỏ hương thơm ngát ngào. Công chúa linh tính nghĩ rằng, thứ cỏ này chắc là cỏ thuốc có thể trị bệnh được. Nhân đó, một nguồn hy vọng vui vui nảy sanh trong lòng Thiện Quang. Đến một góc vườn khác, thấy bày ra một đống ngói đá gạch vụn cao như gò núi, không mọc một cây cỏ nào, công chúa lấy làm lạ, trèo lên ngói nghỉ chân, nhìn quanh ngắm cảnh nguy nga hoa lệ của quan phủ ngày trước, nay đã hoang tàn.

Công chúa ngồi lấy tay bươi gạch đá vụn để khuây khỏa theo dòng tâm tư nghĩ về thân phận mình. Bỗng phát hiện một tấm đá hoa cương bằng phẳng tuyệt đẹp. Thiện Quang kinh ngạc, mừng gọi nhỏ chàng ăn mày giúp sức với nàng để đỡ lấy tấm đá tinh mỹ kia lên dùng làm ghế ngồi. Thật lạ thay, vừa lật tấm đá hoa lên, nào ngờ tấm đá hoa cương kia chính là cái nắp đậy của một hàm vàng châu báu hiện hiện sáng chói.

Chàng ăn mày chưa từng thấy châu báu bao giờ. Nên vừa thấy, chàng ta kinh ngạc vui mừng vỗ tay nhảy nhót reo hò cười to khoái chí!

Để tránh người đời dòm ngó, công chúa Thiện Quang đưa tay ra hiệu khuyên chàng trầm tĩnh ngồi xuống để nhặt lấy của quý. Thiện Quang cùng chàng ăn mày quyết định ở lại khu vườn hoang phế. Sau khi bắt ngò được hàm vàng, Thiện Quang công chúa đã gọi nhiều tay thợ giỏi đến, y theo ý

tường của nàng phác học xây cất nhà cửa lâu đài. Chẳng mấy thời gian, những tòa lâu đài nguy nga tráng lệ hoàn thành. Mọi người xa gần đều tán thưởng khen ngợi. Tiếng khen đồn khắp, không mấy chốc đồn vào cả hoàng cung, đến tai vua.

Vua Ba Tư Nặc khi nghe tin đồn rất đỗi ngạc nhiên, bán tín bán nghi, nghĩ rằng công chúa ra đi không đem theo một vật gì, kể cả nữ trang áo quần quý giá đều bỏ lại. Chàng ăn mày thì đói khổ rách rưới. Đúng ra thì cuộc sống của chúng nó phải khốn khổ lắm chứ. Sao mới đây lại được giàu sang, xây cất lâu đài huy hoàng không thua gì cung điện của ta? Lạ thật!

Nhà vua rất đỗi kinh ngạc, nghĩ không ra. Thật công chúa Thiên Quang con ta có được phước báo lớn vậy sao? Mà phước báo từ đâu đến? Không tự giải đáp nổi về cội nguồn của phước báo, nên vua Ba Tư Nặc phải đến cầu thỉnh Đức Phật giảng giải về nhân duyên phước báo đời trước của công chúa. Đức Phật vì xót thương tâm địa vô minh ám chướng của vua Ba Tư Nặc, Ngài khai thị:

- "Này Đại Vương, thuở đời quá khứ có một vị Quốc Vương tên là Bàn Đầu. Vương hậu là một người rất mực sùng kính Tam Bảo, thích làm việc từ thiện bố thí.

Lúc bấy giờ Đức Phật Tỳ Bà Thi ra đời thuyết pháp hóa độ chúng sanh. Sau khi Phật thị hiện tịch diệt Niết Bàn, Vương hậu nhớ tưởng đến Đức Phật, cho mời thợ giỏi khéo nhất trong nước vào cung để khắc tượng Phật tôn thờ cho đỡ bớt nhớ. Đồng thời để tỏ lòng tôn kính Đức Phật Tỳ Bà Thi, Vương hậu đêm đêm kính lễ tượng Đức Phật. Do lòng tin sùng tôn kính Đức Phật Tỳ Bà Thi Như Lai của Vương hậu với tâm nguyện đem tất cả châu báu dâng cúng Phật, bố thí người nghèo, sau đó Vương hậu còn phát nguyện rằng, trong tương lai đời đời được sanh vào nhà giàu, tin kính Tam Bảo, tiếp tục làm việc phước thiện, thân đẹp hương thơm.

Rồi đến thời Đức Phật Ca Diếp ra đời, giáo hóa chúng sanh, Vương hậu cũng sanh vào trong gia đình giàu có. Đối với việc bố thí từ thiện, bà lại càng tinh tấn phát tâm hơn. Nhứt là việc cúng dường phát tâm, không một chút lần tiếc. Có một lần nọ, Bà cung thỉnh Phật và Chư Tăng đến nhà để cúng dường thọ trai, nhưng chồng bà keo kiết lần tiếc cho rằng bố thí cúng dường là việc làm uổng của tôn tiền vô ích. Chỉ riêng một mình bà hiểu tin công đức bố thí được phước báo vô lượng thôi.

Nếu các đời trước không làm việc bố thí, thì đời nay không thể nào được phước báo như vậy. Trên đời này biết bao kẻ bần khốn? Bởi do những đời trước có tâm lượng hẹp hòi tham lam bòn xén. Nên biết rằng, bố thí không những chỉ đem vật bố thí, mà thấy người khác làm hạnh bố thí, mình cũng nên khởi tâm vui mừng khen thưởng. Được như vậy, thì cũng sẽ tiêu trừ ác duyên tội chướng, tăng trưởng nhiều phước báo.

Hoàng hậu không những tinh tấn vui thích làm việc bố thí, mà còn hết lòng tìm cách khuyên chồng. Sau đó người chồng cũng tỉnh ngộ sửa sai, phát tâm cùng bà đồng làm việc thiện, bố thí, cúng dường, hộ đạo, tạo nhiều chùa viện tăng xá.

Phu nhân kia chính là tiền thân Thiện Quang. Người chồng keo kiệt chính là chàng thanh niên khốn khổ ăn mày ngày nay vậy. Chỉ vì một niệm tham sân của chàng ngày trước mà ngày nay phải chịu thống khổ suốt hơn nửa cuộc đời làm kiếp ăn mày".

Phật nói tiếp: - Tâu Đại vương, thiện ác nhân quả báo ứng như bóng theo hình, quyết không sai sót. Một lần trồng, mười lần ăn. Đó là chân lý. Một hạt ổi được gieo và săn sóc kỹ thì nhất định sẽ hưởng được trăm ngàn trái ổi. Công đức bố thí cũng vậy!

---o0o---

18. TÊ TƯỚNG ĐÀU PHẬT

Kính thưa quý vị,

Đạo Phật là đạo tùy tâm sở nguyện, hành thiện tu đức xuất phát từ tâm thành. Tuyệt đối không có cảnh dụ hoặc a dua. Bởi mục đích của Đức Phật là đưa người đến giác ngộ giải thoát nỗi khổ sanh tử luân hồi. Còn danh lợi quyền thế là còn hệ lụy phiền não khổ đau. Vì thế, người nào chân chánh thực hành lời Phật dạy thì sẽ cảm nhận ngay hạnh phúc cho mình và đem lại an lạc cho người.

Khi Đức Phật đến thành Tỳ Xá Ly thuyết pháp, dân chúng ở đây hâm mộ nô nức tiếp rước Ngài, ai nấy đều phát tâm tinh tấn tu hành. Những nhà phú hộ, các vị đại thần thi nhau phát tâm mua vườn xây cất tinh xá thành Phật ở, để Phật thuyết pháp giảng đạo hướng dẫn hoặc tu hành.

Mọi cõi lòng người dân ở đây hâm mộ Phật pháp, phát tâm học đạo, hộ trì Tam Bảo, khuyên nhau làm việc thiện, tạo nên cái không khí vô cùng hân hoan cho thành Tỳ Xá Ly, mà trước đây chưa từng thấy bao giờ. Ngoài việc làm ăn sanh sống hằng ngày, ai nấy đều háng hái đến nghe Phật thuyết pháp. Những quán rượu, những sòng bạc, những dạ hội truy hoan truy lạc đã vắng khách. Trẻ già cô độc không nơi nương tựa; người nghèo tàn tật bệnh hoạn thiếu thốn thuốc thang, thiếu người hỏi han chăm sóc, từ bấy lâu kéo lê cuộc sống hẩm hiu trong cái xã hội nặng nề giai cấp thiếu tình thương, thi đua hưởng thụ, mạnh được yếu thua, khôn hiếp dại, mạnh ai nấy sống, thì nay đều được Phật và hàng đệ tử của Ngài thân đến thăm viếng an ủi giúp đỡ. Phật còn khuyên hàng đệ tử nên đào giếng thí nước, cất bệnh xá cho thuốc, săn sóc người quan quả cô đơn, tổ chức hội bố thí, lập thành những đoàn người từ thiện thăm viếng kẻ tật nguyền côi cút v.v...

Sau khi Đức Phật đến thành Tỳ Xá Ly thuyết pháp giáo hóa thì cảnh cô đơn tủi phận đã vắng bóng, thay vào đó mọi cõi lòng đều được sưởi ấm bởi giáo Pháp của Phật và tình người biết tu hành làm thiện, xem nhau như tình huynh đệ, không còn trạng huống giai cấp trọng khinh nặng nề nữa.

Về phương diện tinh thần không phân biệt hạng người nào, Đức Phật bình đẳng dùng mọi phương tiện thuyết pháp về lý nhân quả luân hồi, khuyên hóa mọi người hướng thiện dưỡng tánh tu tâm. Ai nấy đều hoan hỷ tinh tấn tu học, tiêu đi bao nỗi buồn phiền sầu muộn. Trên mặt mọi người đều lộ vẻ hân hoan như cây nắng hạn lâu ngày được mưa, trăm hoa gặp mùa đua nở.

Lúc bấy giờ có vợ của quan Tể tướng, thấy vợ các quan đại thần hân hoan rủ nhau đi nghe Phật thuyết pháp trong cái không khí sinh hoạt hân hoan của dân chúng rộn rã vui tươi, khắp đó đây trên mặt mọi người dân đâu đâu cũng lộ vẻ hoan hỷ tin tưởng. Khắp trong cung nội ngoài thành, người ta dùm năm tụ bảy nói về Phật. Tán thưởng công đức của Phật và khâm phục sự kỳ diệu giáo lý của Ngài.

Để thỏa mãn lòng hiếu kỳ, thừa lúc quan Tể tướng vào tướng phủ lo việc quan, bà Tể tướng phu nhân cùng với vợ các đại thần và đoàn thị nữ đến tinh xá nghe Phật thuyết pháp, để xem thực hư ra sao mà người ta hân hoan đến thế. Bởi bà chưa từng bao giờ thấy mọi người hân hoan trong niềm tin tưởng, tạo thành cái sinh khí hân hoan cho cả cảnh vật trong nội ngoài thành như vậy. Bà thấy sao mà khi Phật đến thuyết pháp, mọi người sống gần nhau hơn, thân tình nhau hơn và vui vẻ giúp đỡ nhau hơn. Mọi người không còn

rủ nhau bài bạc, không còn bận tâm chung diện áo quần, mà chỉ nói về Phật, lo làm việc cúng dường Tam Bảo, rủ nhau làm việc phước thiện, và bàn đến chuyện tu tâm, việc công đức. Cái không khí sinh hoạt khác hẳn đó đã làm cho Tể tướng phu nhân rất đỗi ngạc nhiên, dù không muốn nhưng trong lòng cũng thấy có sự lôi cuốn. Bà vốn ghiền chơi bạc, nhưng giờ đây vợ các quan đại thần đều tìm cách từ chối khéo không ngồi chơi với bà nữa. Hỏi thì họ bảo rằng bây giờ bận lo việc Phật Pháp được lợi ích an vui hơn. Tể tướng phu nhân cảm thấy chưa bao giờ bị lẻ loi như thế này. Thấy vậy, bà cũng đi theo vợ các quan đến ra mắt Phật.

Sau khi nghe Phật thuyết pháp, Tể tướng phu nhân đã hiểu được lý đạo, tâm trí mở mang. Bà tinh tấn phát tâm quy y Tam Bảo. Từ đó mỗi ngày thừa lúc Tể tướng vào triều lo việc quan, bà không những cùng các thị nữ thường đi nghe Phật thuyết pháp, mà còn khuyến khích các đại thần phu nhân khác cùng tinh tấn phát tâm tin Phật, làm việc thiện.

Việc sốt sắng hộ đạo của bà đã làm cho quan Tể tướng và các con bực mình. Họ đã dùng hết cách ngăn cản, nhưng lòng mộ đạo, tâm hộ pháp của Tể tướng phu nhân chẳng những không lay chuyển, mà còn tinh tấn hơn nhiều. Bà thường thăm tự nhủ rằng, Phật dạy: "Trên con đường tu hành để đạt đạo, dù vấp phải trở ngại lần thứ một trăm, cũng phải mạnh dạn đứng dậy tiếp tục như lần đầu". Do đó, quan Tể tướng phu nhân và các công tử tìm đủ cách ngăn giữ bà trong tương phủ, không cho đến tinh xá nghe Phật thuyết pháp, đều vô hiệu quả.

Quan Tể tướng lại bày ra đủ thứ tiệc tùng dạ hội, những cuộc du sơn ngoạn thủy để cho bà lãng quên việc hộ đạo đi nghe Phật thuyết pháp, nhưng bà không màng đến. Cuối cùng, quan Tể tướng cùng với các công tử đã có lần thành khẩn khuyên bà ở nhà tu cũng được, tu đâu cho bằng tu nhà. Họ khuyên bà ở nhà tu để còn có thì giờ cùng chồng con hưởng lạc thú phú quý vinh hoa. Bà đã nói với quan Tể tướng và các công tử rằng: "Phú quý giàu sang mà ta hưởng ngày nay đây phải tự nhiên bay đến cho ta. Mà nhờ đời trước ta đã khéo vun trồng phước đức, nên nay ta mới được quả tốt. Như trồng cây ăn trái, nếu chỉ biết hái hoa bẻ trái để dùng, mà không tiếp tục gia tâm gắng sức bón phân tưới nước, thì cây kia sẽ sớm khô tằn cần cỗi. Phước đức của con người cũng như cây trái vậy. Phú quý giàu sang liên quan mật thiết với việc tu bồi phước đức, như bóng với hình. Người đời chỉ biết tu, biết làm phước đức khi nghèo thiếu tật nguyên hoạn nạn. Nhưng khi giàu có lành mạnh được danh vọng bạc tiền, thì chỉ biết hưởng thụ, quên đi việc tu hành. Nên cứ mãi quanh quẩn thăng trầm rồi lại phải nghèo, nghèo rồi giàu,

vui rồi lại khổ, khổ lại vui, ràng buộc trong vòng lục đạo luân hồi sanh tử. Hưởng hết phước, rồi phải trở lại nghèo khổ đói rách. Đó là do thích hưởng thụ, vụng đường tu hành".

Tâm giải thoát hiểu đạo cùng với sự quyết tâm tinh tấn tu hành của Tể tướng phu nhơn, đã làm cho quan Tể tướng và các công tử của bà không còn cách khuyên ngăn nữa. Bà càng tinh tấn tu hành thì những người này càng ghét Phật, lòng ích kỷ, keo kiệt, tánh không thích bỏ thí của các công tử và quan Tể tướng càng tăng gia, họ rất đỗi bực tức sân hận. Nước đã tràn, không còn cầm lòng được nữa, một bữa nọ, quan Tể tướng dẫn đoàn cận vệ hùng hổ gấp rút đến tinh xá để bắt ép Phật, cấm đừng cho Tể tướng phu nhơn đến nghe Phật thuyết pháp hộ đạo nữa. Khi đến nơi, quan Tể tướng thấy mọi người cùng với Tể tướng phu nhơn đang thành kính quỳ gối đánh lễ Phật cầu xin hộ đạo, lòng quan Tể tướng càng thêm bất mãn, quan Tể tướng bước sấn vào hỏi Phật:

- Nay ông Phật! Ông có biết sự cao quý và linh thiêng của cái đầu người ta không! Có biết trong đám người đang sụp quỳ lạy ông đó có Tể tướng phu nhơn của ta không! Có sao ông để người ta cúi đầu sát đất đánh lễ như vậy?

- Đức Phật im lặng một hồi, rồi với giọng từ hòa bình thản, Ngài nói: "Có bao giờ người ta lạy quan Tể tướng một cách thành khẩn mà không có một sự cầu xin điều gì chưa? Có bao giờ mọi người cùng lạy một người hoặc một đấng thần linh mà không có cầu xin ân huệ hay bởi một quyền uy hiệu lệnh chưa? Hơn nữa, ta tuyệt nhiên không phải là một đấng thần linh, cũng không có một lợi lộc để ban thưởng và cũng không có quyền uy để giáng phạt ai. Ta cũng chưa hề bảo ai phải tuyệt đối nghe ta mà thiếu sự hiểu biết ta. Tể tướng bảo rằng đầu người cao quý linh thiêng. Vậy xin Tể tướng thử đem đầu người, đầu heo, đầu gà, đầu cá v.v... ra chợ treo bán xem, người ta sẽ chọn mua đầu nào? Đầu nào được người mua thì có giá trị.

- Vậy Ngài đã ban ân huệ gì cho người đời, mà được người đời tâm thành nô nức đem cúng dường đất, vườn, giảng đường, tịnh thất, vật thực hàng ngày? Tể tướng hỏi.

- Đức Phật đáp: Ta chưa từng thấy cho ai một điều gì, và cũng không thấy ai cho ta. Ta đến với đời và mọi người đến với ta đều do tâm nguyện.

- Quan Tể tướng: Lạ thật! Ngài bảo không thấy ai cho. Vậy vườn cây, giảng đường, Ngài thọ dụng từ đâu mà có!

- Ta đã nguyện dẫn đường cho đi. Ta chỉ thuốc trị bệnh. Ta đánh trống Bát Nhã để người đời tỉnh thức ra khỏi mê mộng. Đường giải thoát người đời đã thấy. Thuốc trị bệnh người đời đã biết. Trống Bát Nhã người đời đã nghe. Chỉ còn có việc người đời chịu đi, chịu uống, và chịu nghe để tỉnh thức thể thôi.

Đức Phật tiếp, ta mang tâm nguyện vào đời. Người đời mang tâm nguyện đến với ta. Tâm nguyện vốn là vô giá để thánh thiện hóa cuộc sống của mọi người. Tâm nguyện của mọi người do mọi người định đoạt lấy. Người xuất gia là người thoát ra ngoài ân oán, cá nhân. Người xuất gia chỉ biết đem từ bi giác ngộ và lợi tha để trang trải cho đời. Gia tài của người xuất gia chỉ có chiếc áo cà sa, cái bình bát để độ nhật qua ngày. Lấy trời làm nhà. Lấy đất làm giường và lấy gốc cây làm gối. Nơi nào chúng sanh cần thì đến. Chúng sanh hết cần thì đi. Đến đi với cõi lòng vị tha thênh thang rộng mở. Đời sống của người xuất gia là sống cho đạo pháp cao siêu, cho từ bi vô lượng, cho tình thương trải rộng thấm sâu vào lòng người và cho lẽ sống giác ngộ.

Tam Bảo là ruộng phước điền. Người đời muốn vun trồng cội phước, nên đem phẩm vật cúng dường Tam Bảo. Cúng dường là đem hạt giống lành gieo vào ruộng phước. Cũng như vậy, vườn, chùa, thiền thất, giảng đường có ra là để người đời gieo trồng cội phước, nơi thanh tịnh tu học, chỗ nương tựa tinh thần. Tam Bảo có là vì đời và cho đời. Khi người đời đã giác ngộ thì không còn Tam Bảo và chúng sanh. Nên người nào thực hành cúng dường bố thí thì được phước lợi trước.

Tể tướng nói: Nhưng thưa Thế Tôn, tôi không muốn Ngài khuyên Tể tướng phu nhơn của tôi tu quá nhiều, mất cả thì giờ lãng quên bổn phận đối với gia đình.

- Bổn phận cho trí tuệ cao siêu, cho từ bi cứu đời, cho lợi tha giác ngộ, đó là bổn phận của kẻ đại nhân cứu thế. Ngược lại, bổn phận chỉ biết cho chồng con cháu chắt, đầu tắt mặt tối cho tình cảm ái ân, quanh quẩn cho hạnh phúc cá nhân, quanh năm suốt tháng lo cho mình no ăn dư để, bo bo giàu có, giữ của, mặc cho đời thiếu thốn đói rách, không biết tu bồi phước đức giúp đỡ người đời, đó là thứ bổn phận ích kỷ hại nhơn. Đó là hiện thân của những kẻ vừa mới thoát kiếp nạ quỷ, hoặc sắp sa vào ba đường ác. Những người như vậy cho dù sống ở đời đến trăm năm cũng chẳng có lợi ích gì cho chính bản thân của họ. Nghiệp lực của tham lam bòn xén sẽ lại dẫn họ trở vào đường tăm tối. Khổ nghiệp sẽ đeo đuổi theo họ đời đời. Đạo của ta là

đạo thanh tịnh giải thoát, là đạo của từ bi hỷ xả. Đạo của ta là cửa giác ngộ giải thoát.

Ta đến với đời bằng tâm nguyện độ sinh. Người đời đến với ta cũng bằng tâm nguyện và chí hướng thánh thiện lẽ sống. Ta chưa từng gõ cửa bất cứ nhà người nào để bảo người ta tin ta. Ta cũng chưa từng sai bảo bất cứ người nào trong hàng đệ tử của ta làm việc như vậy. Những ai dùng tiền bạc, danh vọng, thực vật, thế lực để dụ dỗ người khác tin theo đạo ta là những kẻ muốn phá hại ta. Những ai tin ta mà không hiểu ta là những kẻ sẽ bội phản ta. Đạo của ta là đạo như thật. Thật như không khí, như ánh sáng mặt trời, như nước, như đất. Muôn vật tự đó mà sanh trưởng. Không khí, ánh sáng, mặt trời, đất, nước không đòi hỏi bất cứ điều kiện nào nơi vạn vật và con người, mà chỉ mang nguồn sống, năng ấm và ánh sáng cho muôn loài. Con người phải hoàn toàn chịu trách nhiệm cho chính hành vi và tâm niệm của mình. Ta đã từng nói điều thiện, việc ác, thăng hoa hay trầm luân của con người là do chính con người tự tạo lấy. Sự đến cõi đời này của con người do tội và phước đưa đẩy. Và khi ra đi với con người cũng cũng chỉ có tội và phước đi theo. Những gì ta có ở cõi đời này ta sẽ trả lại cho đời. Dù ta có luyến tiếc đến đâu, vợ con nhà cửa tiền bạc cũng phải bỏ lại sau lưng, khi ta nhắm mắt từ giã cõi đời. Ngay đến con ta sinh ra, vợ chồng thân cận cũng không thay thế sự đau nhức bệnh hoạn cho ta được.

Cho nên, mọi việc thiện ác thăng trầm của đời ta chính ta tạo ra, thì ta phải nhận lấy trách nhiệm. Ta là một con người như bao nhiêu con người. Ta là một chúng sanh như muôn ngàn chúng sanh. Ta rõ biết cảnh đời là vô thường, con người bị trói buộc trong sanh, già, bệnh, chết, dày vò bởi tham sân, si, đọa đày trong ân oán, nên ta đã sớm dứt khoát ra đi tu hành tìm chân lý mà được giác ngộ thành Phật, thoát khỏi sanh tử luân hồi, vượt ngoài thị phi đồ ký đa đoan của trần thế.

Tề tướng hỏi: Bạch Thế Tôn, nếu Ngài nói thế thì tất cả mọi người tu đều có thể giác ngộ thoát khỏi khổ sanh tử luân hồi hết sao?

- Đức Phật đáp: Ta đã từng nói, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Ta là Phật đã thành. Chúng sanh là Phật sẽ thành, với điều cần yếu là phải thực tâm tinh tấn tu hành. Đạo của ta là đạo như thật. Cho nên người tu hành phải nói lời chân thật. Phải nghĩ những ý nghĩ chân thật, và làm những việc làm chân thật với tinh thần từ bi hỷ xả, sống đời vị tha thì người đó sẽ thành Phật. Khả năng thành Phật của chúng sanh thật là dồi dào. Hoàn cảnh của kiếp người không khổ quá cũng không sướng quá, rất thuận duyên cho việc

tu hành thành đạo. Cảnh trời quá sung sướng, nên người nơi đó chỉ lo hưởng phước giàu sang sung sướng mà quên đi việc tu hành. Cõi địa ngục quá khổ đau tăm tối không còn có tâm thần và thời gian để tu tập. Địa ngục cũng như cõi trời lại không có Phật Pháp, khó có thiện duyên để phát tâm tu hành. Vì thế hột giống Bồ Đề khó phát triển.

- Quan Tể tướng hỏi: Bạch Thế Tôn, như tôi có thể tu hành và thành đạo được không?

- Đức Phật đáp: Chúng sanh trong cảnh giới Ta Bà ác trước này chẳng khác nào như sen ở trong đầm bùn như nước đọng. Sen trong đầm có cái đã được vượt lên khỏi bùn như nước đọng, nở hoa tô điểm cho đời ngát hương sắc thắm. Có cái vừa vượt khỏi lớp bùn như. Có cái còn ngập dưới nước ao đầm, đang cố vươn lên khỏi mặt nước để nở hoa. Có cái còn chôn dưới lớp bùn đang cố vươn lên để cùng theo những hoa sen đã ra khỏi mặt nước. Cảnh đời ngũ trước nào khác bùn như nước đọng của ao tù đầm sen. Sen trong đầm nào khác chúng sanh ở cõi đời này. Có cái đã vươn lên mặt nước trở hoa. Có cái còn ngập trong nước. Có cái còn cựa động dưới lớp bùn để cố vươn lên. Có cái vừa mới nẩy mầm ra khỏi gốc sen. Chúng sanh trong cõi đời này cũng vậy. Có người đã tu hành giác ngộ giải thoát. Có người học hành thông minh tinh hiểu Phật Pháp, tin sâu nhân quả luân hồi, cầu đạo giác ngộ. Có kẻ đang ngu si đắm chìm trong dục vọng vô minh, hủy báng Tam Bảo, không tin nhân quả luân hồi. Lại có chúng sanh đang còn đọa lạc trong ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nhưng tất cả đều có Phật tánh, đều có khả năng thành Phật, nếu biết tu tỉnh. Quan Tể tướng là một trong những người đời trước đã có thiện duyên trồng nhiều cội phước, nên nay mới được danh vọng giàu sang. Nếu không biết tiếp tục vun bồi phước đức, thì cây phước đức kia sẽ cần cỗi héo khô.

Sau khi nghe Phật dạy, quan Tể tướng đã giác ngộ, đánh lễ Đức Phật cầu sám hối, và xin được quy y Phật làm đệ tử tu học đạo Ngài. Từ đó về sau quan Tể tướng đã hết lòng phụng sự Tam Bảo, nghe Phật thuyết pháp, cố gắng tu hành, và được Phật thọ ký đời sau sẽ gặp hội Long Hoa của Đức Phật Di lạc ra đời, được làm quốc vương, thuận thành làm đệ tử của Phật, hết lòng hộ đạo.

Từ ngày quan Tể tướng quy y Phật, trong nhà vợ chồng con cái hòa vui trong niềm tin Phật Pháp. Những việc tiệc tùng dạ hội, những sòng bài nhậu hút náo nhiệt thâu đêm suốt sáng lãng phí tiền bạc lẫn thời gian không còn liên tục bày ra nữa. Giờ đây quan Tể tướng biết dùng thời gian vào việc nghe

Phật, niệm Phật, tọa thiền. Ông biết dùng tiền bạc vào việc cúng dường, bố thí giúp đỡ người nghèo, mà trước kia ông không có để tâm đến. Tể tướng còn nhiệt tâm khuyên bạn đồng liêu cùng gấp rút tu học Phật "mau lên kéo trẻ".

Tánh tình của quan Tể tướng đổi hẳn, trở nên dịu dàng hơn xưa. Điều này khiến cho các vua trong triều không còn e ngại lấn quyền soán ngôi, ngoài dân chúng trước đây thay vì ghét sợ uy quyền hống hách của Tể tướng, thì nay họ đều kính mến thân cận phục tùng. Tiếng đồn "Hổ chúa biết tu".

---o0o---

19. Ý NGHĨA LÁ CỜ PHẬT GIÁO

Thưa quý vị,

Hiện nay quý vị thấy cờ Phật giáo 5 sắc tung bay phất phới khắp nơi. Tôi xin lược nói về ý nghĩa lá cờ Phật giáo này.

I. Nguyên nhân:

Sau hai trận thế chiến đã để lại cho nhân loại cái hậu quả tàn phá vô cùng khủng khiếp thâm do vũ khí nguyên tử gây ra.

Trước đà phát triển của khoa học về phương diện vũ khí, mà thực tế không có sự kèm chế hữu hiệu nào về lòng ích kỷ tham vọng hận thù của con người, thì vũ khí chiến tranh sẽ không bao giờ ngừng chế tạo, với tiến trình ngày một tinh vi, với sức hủy diệt vạn triệu lần hơn.

Sự tiến bộ của khoa học về phương diện chế tạo vũ khí nguyên tử, với sức tàn phá sát hại ngày một tăng theo số nhân. Mà sự giáo dục con người về lòng nhân đạo, chỉ mới như số cộng. Lương tâm phát triển kém xa khoa học. Tham vọng không chế nhân loại là một thứ tham vọng hão huyền, nhưng con người vẫn nuôi mộng đeo đuổi. Mưu đồ chinh phục từng khối lớn nhân loại để lệ thuộc vào ảnh hưởng thế lực của mình là một hiện trạng thực tế. Chính tham vọng mưu đồ này đã gây nên hai cuộc thế giới đại chiến hiện đang không ngừng tiếp tục gây tang tóc khổ đau cho nhân loại, và sẽ khó có thể ngăn chặn được đệ tam thế chiến nguyên tử đưa đến hủy diệt nhân loại.

Thấy rõ hiểm họa trước mắt điều đó, các nhà đạo đức học, các nhà giáo dục, các nhà tâm lý học, các tổ chức từ thiện nhân đạo, nhân quyền, các nhà tôn giáo đã nghiên cứu phương thức, đã khẩn thiết kêu gọi lương tri nhân loại, trách nhiệm lương tâm, nhưng hầu như không hiệu quả. Con người đã không ngừng phát minh vũ khí tàn phá hủy diệt nhân loại. Nhưng trong lúc đó cũng chính con người đã tỏ ra bất lực phát triển tình người, lòng nhân đạo để xây dựng hạnh phúc cho nhau.

Với niềm thao thức về tiền đồ sinh tồn và hạnh phúc của nhân loại, với hy vọng lòng người rộng mở tình thương của đạo từ bi hỷ xả vị tha, để cho sóng tình thương tràn ngập mọi tâm hồn, để tránh khỏi hiểm họa chiến tranh đầy nhân loại vào vực thẳm hủy diệt, ông Henry Steele Olcott, một đại tá hải quân, một học giả, một chuyên gia quân sự Hoa Kỳ, đã từng chứng kiến cảnh tượng thảm khốc thương tâm trong hai cuộc thế chiến I và II, lương tâm ông bừng tỉnh, ông đã tuyên bố: "Chỉ có phương thuốc từ bi hỷ xả của đạo Phật mới mong cứu nổi được ích kỷ tham vọng của nhân loại". Để biểu tượng cho phương thuốc cứu trị tinh thần này, ông đã nghĩ ra cách làm lá cờ Phật giáo đầu tiên và đã được Thượng Tọa Tiến Sĩ Sumangala Thera, Giám Đốc Đại Học Đường Phật Giáo Tích Lan chứng minh.

Vào ngày 25-5-1950, trong Đại Hội Phật Giáo Quốc Tế gồm 26 phái đoàn của 26 nước khắp trên thế giới về họp tại Colombo, thủ đô Tích Lan, đã công nhận lá cờ năm sắc dọc và một sắc tổng hợp ngang này, chính thức là lá cờ Phật Giáo Quốc Tế, tượng trưng cho ngày lịch sử Phật Giáo Quốc Tế kết hợp thống nhất. Kể từ đó, cờ Phật giáo tung bay khắp nơi trên địa cầu.

II. Ý nghĩa:

1) Cờ Phật giáo gồm 5 sắc: Xanh, vàng, đỏ, trắng, và vàng cam là tượng trưng năm đạo hào quang của Đức Phật. Tất cả các Đức Phật trong khắp mười phương thế giới cũng như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáo chủ cõi Ta Bà này, khi thiền định cũng như lúc thuyết pháp, thường ở nơi Ngài phóng ra năm đạo hào quang sáng chói. Năm đạo hào quang là tượng trưng cho đức tánh viên mãn.

* Màu xanh: Tượng trưng cho thiền định.

* Màu vàng: Tượng trưng cho trí huệ.

* Màu đỏ: Tượng trưng cho tinh tấn.

* Màu trắng: Tượng trưng cho thanh tịnh.

* Màu vàng cam: Tượng trưng cho từ bi.

Năm màu nhỏ tổng hợp năm ngang là tượng trưng cho sự tổng hợp dung thông tổng trì bất động. Hàm ý nghĩa biểu tượng cho con người tu hành đạt thành quả vị chánh đẳng chánh giác, phải là con người có tròn đầy năm đức tính thiên định, trí tuệ, tinh tấn, thanh tịnh, và từ bi dung thông.

2) Tượng trưng cho năm căn: Năm căn gồm có: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn. Đây là 5 đặc tính tinh thần tạo thành sức mạnh khiến cho hành giả có đủ nghị lực và khả năng thắng tiến trên đường giác ngộ.

Ngoài ra còn bao hàm ý nghĩa tượng trưng cho 5 phủ trần căn. Ấy là mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân. Bình diện sinh hoạt của mỗi con người đều nương vào năm căn hay nói cách khác là năm giác quan. Năm căn tiếp xúc với năm trần (màu, sắc, âm thanh, mùi vị, chạm xúc) sanh ra năm thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức).

* Nhãn căn: Mắt nhìn thấy màu sắc sanh ra phân biệt cái này đẹp, vật kia xấu. Tùy theo cảnh sắc xấu, mà sanh thương ghét, thích chán v.v...

* Nhĩ căn: Tai nghe âm thanh sanh ra phân biệt. Chẳng hạn tôi thích chim hót, tôi ghét quạ kêu. Tôi thích giọng hát ca sĩ này, ghét tiếng cười của chàng kia, nhàm chán nghe tiếng nói của bà nọ v.v...

* Tỷ căn: Mũi ngửi mùi sanh ra nhận thức phân biệt. Ưa thích mùi thơm. Chán ghét mùi tanh hôi v.v...

* Thiệt căn: Lưỡi nếm vị sanh ra phân biệt, thích ngọt, ghét đắng, thềm chua v.v...

* Thân căn: Thân thể xúc chạm với vật sanh ra nhận thức phân biệt. Thích chạm xúc mềm mại trơn láng. Không ưa chạm xúc đồ vật cứng nhám, sần sùi v.v... Do năm căn tiếp xúc năm trần mà sanh ra năm thức phân biệt. Từ đó, con người bị lôi cuốn vào ngũ dục lạc (tiền tài, sắc đẹp, danh lợi, ăn uống, ngủ nghỉ). Vì năm căn thức này thường hay đắm trước dục lạc, thúc đẩy con người đua đòi, tìm kiếm, mưu đồ thành bại. Được thì hỷ hả mừng vui tự đắc. Mất thì sầu khổ, thất chí chán chường tuyệt vọng. Cứ thế con người phải nô lệ năm căn, cuốn hút vào năm trần, đọa lạc nổi trôi theo năm

thức, đắm trước vào năm dục lạc tạo thành tham vọng, ích kỷ, tam, sân, si. Nếu không khéo điều phục năm căn trong chiều hướng tinh tu tri túc, thì chúng ta sẽ gây ra muôn ngàn đau khổ đổ vỡ cho chính mình và người, vật.

khác với phạm phu chúng sanh, Đức Phật cùng chư vị Bồ Tát khi còn là phạm nơn hành đạo tu tập, các ngài đã không ngừng vận dụng ngũ căn tạo thành ngũ lực để điều phục năm căn, khéo léo hướng dẫn năm thức sở thích của mình theo chiều hướng chánh thiện, đạt thành phước trí giác ngộ tròn đầy.

3) Tượng trưng cho năm châu nhân loại: Nhân loại sống trong năm châu, chủng tộc tuy có khác, nhưng màu da, xương máu không ngoài năm sắc xanh, vàng, đỏ, trắng và vàng cam.

Cờ Phật giáo mang năm màu sắc ngoài ý nghĩa tượng trưng năm đạo hào quang của Đức Phật sáng soi vào mọi cõi lòng sâu thẳm thẳm kín của muôn loài, để nhân loại khắp năm châu được soi sáng ánh từ quang, thấm nhuần tinh thần từ bi hỷ xả của Phật Đà, dứt trừ tham vọng ích kỷ tham, sân, si, ngã hầu tạo cho thế giới nhân loại trường tồn thanh bình hạnh phúc.

---o0o---

20. NGUỒN GỐC VÕ THIẾU LÂM

Kính thưa quý vị,

Hôm nay tôi trình bày về nguồn gốc võ Thiếu Lâm. Bởi có sự nhận thức sai lầm về nguồn gốc của môn võ nghệ này liên quan đến Phật giáo, nên tôi muốn minh định cho rõ ràng từ đâu có sự nhận định sai lầm.

Khi nói đến võ nghệ cao cường của Trung Quốc, thường thì người ta liên tưởng đến "võ Thiếu lâm", và cho rằng môn võ này xuất phát từ Thiếu Lâm Tự. Nói đến võ Thiếu Lâm, người ta lại liên tưởng đến Đạt Ma Tổ Sư, và nghĩ rằng chính Đạt Ma Tổ Sư là người truyền dạy môn võ công tuyệt diệu này.

Không ít người lầm tưởng cho rằng, sau khi Lương Võ Đế thỉnh Đạt Ma Tổ Sư vào cung để cúng dường hỏi đạo, Tổ nhận thấy vua Lương là người rất sùng mộ đạo Phật, nhưng chỗ kiến giải lại rất thường, chưa thoát khỏi tâm thức chấp trước, nên không thể lãnh hội nổi ý chỉ siêu việt của Thiên Tông "án tâm hiển tánh". Do đó Đạt Ma Tổ Sư lặng lẽ rời hoàng cung

Lương Võ Đế để đến chùa Thiếu Lâm, xoay mặt đối vách tỉnh tọa suốt 9 năm liền. Người đời cho rằng chính trong thời gian 9 năm trầm lặng này, Đạt Ma Tổ Sư đã bí mật truyền võ nghệ cho môn đệ. Nghĩ tưởng như thế thật là một điều ngộ nhận rất ư sai lầm. Lại chẳng may quan niệm sai lầm to lớn này ngày nay đã tràn lan khắp cả các nước Âu Á. Quan niệm sai lầm oan uổng này được lan truyền rộng lớn như sự rộng lớn của nền văn hóa Trung Hoa, ảnh hưởng từ nước này tới nước khác. Quan niệm sai lầm này đã hình thành không những chỉ bằng truyền miệng, sách báo, mà cả phim ảnh truyền hình, hành hoạt phổ biến như là một sự thật. Tâm vóc lớn lao của vấn đề đến nỗi người Âu Mỹ họ quan niệm bất cứ ai mặc tràng rộng của Tăng sĩ Phật giáo hầu hết đều là công phu Master! Những phim ảnh nào về võ công kiếm hiệp, có chút liên quan đến Thiếu lâm Tự để quảng cáo, thì ôi thôi là ăn khách quá chừng chừng!

Nhưng theo các bộ sử Thiên Tông, nghiên cứu từ cội nguồn truyền thiên đến ngày nay, Đạt Ma Tổ Sư là người Ấn Độ đem thiên truyền vào Trung Hoa, và được suy tôn là Sơ tổ dòng Thiên xứ này. Người được vua Lương Võ Đế trọng vọng tôn kính thỉnh vào hoàng cung để cúng dường hỏi đạo. Nhưng chưa gặp người có chí đạo liễu thoát lưới chấp, nên Đạt Ma Tổ Sư đã từ tạ cung vàng điện ngọc, sự cung phụng rất mực nồng hậu của triều đình vua Lương để ra đi không một mây may vướng bận. Người ra đi nuôi chí hóa đạo độ đời, truyền thiên giác thế.

Dưới mắt thiên sư, danh lợi phồn hoa của cuộc đời như mây chiều sương sớm. Thân này do đất nước gió lửa giả hợp hình thành. Cảnh đời vô thường mộng huyễn. Một lời còn không muốn thốt ra, hà huống là văn tự trọn chẳng màng đến. Khí khái dứt khoát, tư tưởng siêu việt, xem nhẹ việc đời như cát bụi. Mang tâm nguyện siêu việt vĩ đại thế đó, Đạt Ma Tổ Sư đã xa lìa xứ sở, vượt biển cả muôn vạn sóng gió trùng dương, trùng trùng hiểm nguy, dứt khoát từ tạ tôn sùng ngưỡng mộ của vua chúa, để rồi có thể thu mình làm cái việc dạy võ công ở chốn thiên môn Thiếu Lâm Tự ư? Hỏi tức là trả lời. Thế mà người đời, sách vở, báo chương, điện ảnh, lại cứ rao truyền cho Đạt Ma Tổ Sư chính là vị tổ truyền dạy võ, nguồn gốc của môn võ Thiếu Lâm?

Trên thực tế, thật có chùa Thiếu Lâm ở núi Cao Tung, tỉnh Hà Nam huyện Đãng Phong. Thật có môn võ Thiếu Lâm. Và thật có việc Bồ Đề Đạt Ma từ tạ vua Lương Võ Đế để đến ở chùa Thiếu Lâm Tự 9 năm ngồi xoay mặt đối vách tỉnh tọa thiên quán.

Nhưng nguyên nhân nào mà người đời truyền rao Đạt Ma Tổ Sư chính là vị tổ truyền dạy môn võ Thiếu Lâm?

Nguyên là vào thời Bắc Ngụy có ngài Phật Viện Thiên Sư từ Ấn Độ đến Trung Hoa truyền Thiền. Lúc bấy giờ vua Ngụy Hiếu Minh Đế (Tây Lịch 515-528) kính mến đạo đức của Ngài, nên lập ngôi chùa Thiếu Lâm trong dãy núi Cao Tung để Ngài tu hành truyền đạo. Chùa Thiếu Lâm nằm trên một trong năm ngọn núi cao tên là Lộc Sơn Thiếu Thất. Sau đến đời Lương Võ Đế (Tây Lịch 501-549), như Sơ Tổ Đạt Ma truyền tâm ấn cho Nhị Tổ Huệ Khả cũng chính ngôi chùa Thiếu lâm này, từ đó tông phong Thiền chấn hưng. Do từ đây, tự nhiên Thiếu Lâm Tự trở thành thánh địa của Thiền Tông. Chứng tích hiện còn, chứng tỏ nơi già lam Thiếu Lâm Tự này vang bóng một thời với diện tích rộng chừng 3 cây số vuông, trang nghiêm hùng vĩ, thịnh đạt vô cùng. Đặc biệt đồ biểu luyện tập võ công vẫn còn hăng sấu dấu tích nơi vách cỏ rêu phong trong khuôn viên chùa.

Võ Thiếu Lâm khởi nguyên từ thời Tam Quốc, khi Hoàng Cân làm loạn. Lúc bấy giờ, lũ người theo giặc Hoàng Cân lợi dụng tình thế loạn lạc, kết bè lập đảng thành từng bọn, thường vào chùa Thiếu Lâm tác yêu, tác quái, uy hiếp cướp phá nhiều nương. Tăng chúng không an tâm tu hành. Đang lúc tâm tình phân vân, tăng chúng người nào cũng tính chuyện tản lánh vào rừng núi để ẩn tu. Một hôm đang lúc giặc cướp vào, tăng chúng bối rối, khiếp sợ, bỗng nhiên, từ nhà trù, tức nhà bếp chùa, chạy lên một người to lớn khỏe mạnh, vốn xưa nay âm thầm làm công quả, bửa củi, gánh nước, lo việc ăn uống cho chúng tăng, không mấy ai để ý. Người to lớn này tay cầm búa, cất tiếng rằng: "Xin đại chúng đừng lo. Lão tăng sẽ dùng búa này đánh tan lũ giặc cướp". Nói dứt lời, nhanh như chớp, lão tăng vung búa như điệu múa, xông thẳng vào đám giặc. Không mấy chốc lũ giặc thất kinh, hồn bay phách tán, chạy tán loạn. Từ đó, chùa trở nên yên tĩnh, sinh hoạt bình thường. Mọi người thở phào nhẹ nhõm như trút được gánh nặng ngàn cân đè nặng đang đi trong bãi gai dưới nắng sa mạc.

"A Di Đà Phật. Thầy Tri Khố! Từ lâu nay, ngày ngày Thầy lo việc gao củi nấu ăn cho tăng chúng. Không ngờ Thầy có võ nghệ tuyệt vời, cứu được ngôi Già Lam thoát qua cơn đại nạn. Tăng chúng huynh đệ còn được xum họp tu hành. Thật là vạn hạnh, vạn hạnh! Công đức của Thầy thật là vô lượng", Thầy Tri Sự nói.

Qua cơn hải hùng, Tăng chúng chùa Thiếu Lâm vô cùng vui mừng vây quanh vị lão tăng Tri Khố, khác miệng một lời, đua nhau xít xoa mừng rỡ ca

tụng: "Thầy Khổ tài quá! Chúng tôi muốn học võ công. Mong Thầy hoan hỷ cho chúng tôi để phòng thân hộ đạo, gìn giữ ngôi Tam Bảo".

Từ đó về sau, vị lão tăng Tri Khổ được người trong chùa chiếu cố, không còn nhiều thì giờ yên tĩnh để tham thiền niệm Phật như trước nữa. Trước kia, ngoài công việc nấu ăn dọn cơm, rửa chén, bửa củi gánh nước, còn lại chút thì giờ nào, thầy tọa thiền bái sám niệm Phật tụng kinh. Giờ đây, với sự thành khẩn nài nỉ xin học võ của tăng chúng, lão tăng Tri Khổ trước thế chẳngặng đờng, không còn cách nào yên lặng thối thác được, nên đem tất cả tuyệt kỹ võ công dạy hết.

Sau khi Tăng chúng đã thuần thục võ nghệ, lão tăng Tri Khổ vào một đêm trăng rằm tháng tám Trung Thu, âm thầm lặng lẽ rời chùa Thiếu Lâm, nhẹ bước vân du sơn thủy, tham bái các Đại Tông Lâm danh lam thắng cảnh, không để lại tông tích, cũng không ai biết người tên họ là chi, ngoài cái tên Thầy Tri Khổ do tăng chúng gọi.

Đề tri ân người đã hộ trì chốn Già Lam thanh tịnh, tăng chúng đã tạc tượng thờ kỷ niệm. Từ đây truyền ra, người ta tạc tượng Ngài mặt đen, tay cầm búa, thường tôn trí ở nhà trù hoặc là ở trai đường trong các chùa viện và tôn xưng là Giám Trai sứ giả. Cũng còn tôn xưng danh hiệu Ngài là Khản Na La Vương Bồ Tát. Chùa Thiếu Lâm hiện vẫn còn thờ Khản Na La Vương Bồ Tát với đôi liễn:

"Trai đường mộc bảng tăng vân tập,

Lũ giặc kinh hồn búa sắt bay"

Vào thời sơ Đường, chùa Thiếu Lâm có mười ba vị tăng võ nghệ cao cường. Đó là sư Chí Thảo, Huệ Thang, Đàm Tông v.v... đã từng da ngựa bọc thây, gian khổ xông pha trận mạc giúp vua Đường Thái Tông dẹp Vương Thế Sung, tên lãnh chúa có thế lực nhất, tung hoành miền Bắc Trung Hoa thời bấy giờ. Kịp đến khi vua Đường Thái Tông thống nhất sơn hà, lập nên đế nghiệp, phong quan ban lộc cho 13 vị tăng hữu công này, thì chỉ riêng sư Đàm Tông nhận chức Đại tướng quân, còn lại tất cả đều từ chối công hầu khanh tướng, lui về Thiếu Lâm Tự tiếp tục tu hành. Nhà vua cảm mến ân khai quốc công thần, nên cấp ruộng cho tiền để các Thầy về chốn thiền môn thanh tịnh an tâm tu hành.

Đến thời Minh mạt Thanh sơ, các vua triều nhà Thanh hầu hết là tin Phật. Hễ ai phạm tội mà biết hối cải xuất gia thì được triều đình xá miễn

không truy cứu phạt tội. Triều đại nhà Minh tuy mất, nhưng còn có số các trung thần tướng lĩnh nhà Minh vẫn còn sống sót. Họ trốn vào chùa Thiếu Lâm xuống tóc làm tăng. Họ lợi dụng tình thế, bí mật kết nạp đồng liêu, lập đảng, luyện tập võ nghệ. Họ đã khéo léo tuyên truyền khuyến dụ kết hợp những môn phái Võ Lâm hợp thành một tổ, lấy tên là "võ Thiếu Lâm" với danh nghĩa "phản Thanh Phục Minh!". Và lấy chùa Thiếu Lâm làm cứ điểm. Nhân đó, võ Thiếu lâm lừng danh khắp cả nhân gian Trung Hoa.

Nói về Đạt Ma Tổ Sư. Nếu muốn nói cho đủ là Bồ Đề Đạt Ma, có nghĩa là giác pháp. Ngài là người Nam Ấn Độ. Vào thời đại Trung Quốc Nam Bắc triều phân tranh, nhà Lương thế lực ở Hoa Nam, thủ đô tại Nam Kinh. Bấy giờ Bồ Đề Đạt Ma đi thuyền tới Quảng Châu. Quan Thứ sử Quảng Châu tên là Vĩnh Xương thấy nhà sư ngoại quốc, tướng kỳ dị liền tâu về thủ đô Kim Lăng, tức Nam Kinh ngày nay. Vua Lương Võ Đế vốn là người sùng kính Phật Pháp. Vua nghe có cao tăng từ Ấn Độ đến, nhà vua liền sai sứ giả Tề Chiêu đi thỉnh về kinh đô để cúng dường học đạo. Sau lần đàm đạo với vua Lương Võ Đế, Bồ Đề Đạt Ma thấy nhà vua không có đủ căn duyên với thiên cơ, nên từ tạ Nam Triều Lương Võ Đế, ra đi về phương Bắc đến chùa Thiếu Lâm Tự.

Khi qua sông, gặp lúc vắng đò sang ngang, mọi người đang đợi chờ ở bên đò, Đạt Ma bẻ cành trúc quăng xuống nước, nhẹ nhàng bước đứng lên trên, cành trúc phớt nhẹ lướt mặt sóng nước đưa Ngài qua bên kia bờ sông. Đến miền Hoa Bắc, Ngụy Hiếu Minh Đế lại càng không hiểu yếu nghĩa chân truyền của Thiên tông "giáo ngoại biệt truyền", nên Bồ Đề Đạt ma gấp rút lánh biệt vào núi Cao Tung.

Quan sát thời cơ, chưa tới, người đời căn duyên chưa thuần, nên Đạt ma thẳng tới chùa Thiếu Lâm, mặt đối vách, trầm lặng tĩnh tọa suốt 9 năm liền.

Thần Quang Huệ Khả nghe danh Ngài đến xin cầu đạo. Trải suốt bao tháng năm chịu đựng không màng nắng mưa sương tuyết, Thần Quang một lòng dũng cảm tinh chuyên với tâm nguyện và niềm tin kiên cố, sau cùng đã được Đạt Ma ấn tâm truyền Thiên, đời xưng là Nhị Tổ (xin xem bài Huệ Khả tầm đạo cũng trong sách này).

Tinh hoa Thiên của Bồ Đề Đạt Ma là dạy người triệt ngộ cội nguồn tâm linh, quay lại sống với chính mình, quên ngoại cảnh, tức nhập lưu vong sở, mới có cơ hướng thượng, chuyên tâm nhất ý quán sát bản lai diện mục bằng cách tự truy vấn mình: "Khi cha mẹ chưa sinh ta, bản lai diện mục của ta là

gì? Ta là ai? Có nỗi ưu tư buồn khổ, vì không thấu rõ cội nguồn của chính mình, để phải lưu linh trôi nổi sanh tử luân hồi. Khi nào cảm nhận nỗi băng khuâng buồn khổ sanh tử luân hồi bằng như nỗi buồn của con thơ bị cảnh cha mẹ cùng lúc qua đời, là khi dụng tâm hồi quang phản chiếu, liễu ngộ Phật tánh".

Thế thì con người chuyên hội tụ tâm tư cho việc quang tâm duy lý, thoát ly sanh tử như Bồ Đề Đạt Ma, mà lại phải bận tâm luyện tập võ nghệ ư?

Lại nữa xét cho cùng võ công Thiếu Lâm, bất luận nội công hay ngoại công; nhu công hay cương công; kinh công hay khí công; tay chân các thế; khí cụ vận dụng mỗi mỗi đều là sản phẩm của Trung Hoa. Ta đâu có thấy dấu tích khí thế võ công nào của Ấn Độ đâu? Nếu bảo là võ Thiếu lâm do Đạt Ma Tổ Sư truyền, sao không thấy sách vở nào lưu truyền? Không thấy người đời nhắc nhở đến nguồn gốc võ Ấn Độ? Thậm chí cho tới bây giờ cũng không thấy bóng hình võ nghệ của Ấn Độ đâu cả. Ngay chính cả trên xứ Ấn Độ?

Xem khắp sách vở chánh thống Thiên Tông, những sách đáng giá nhất như "Trung Quốc Thiên Tông Sử; Truyền Đăng Lục; Đạt Ma Truyện; Trung Quốc Lịch Đại Thiên Tông Tổ Sư v.v... chưa từng thấy ghi chép Đạt Ma Tổ Sư luyện công dạy võ. Mà chỉ có ghi Bồ Đề Đạt Ma 9 năm trăm tư diện bích ở Thiếu Lâm Tự. Ngài đã truyền Thiên cho Nhị Tổ Thần Quang Huệ Khả nơi ngôi chùa lịch sử này. Ngài là người đem ngọn đuốc Thiên đến Trung Hoa. Về sau này, Lục Tổ Huệ Năng là người làm rực sáng ngọn đuốc Thiên ở đất Khổng lão, chỉ thế thôi!

---o0o---

21. KỶ NIỆM CHƯA QUÊN

Kính thưa quý vị,

Lần đầu tiên tôi đến Chicago, trên đường hoằng pháp. Bờ hồ Michigan bao la, mà tình con người Phật ở đây chưa thật sự chan hòa, tâm Bồ đề thật sự chưa mở rộng. Do đó, ngôi chùa còn thiếu nhiều tiện nghi cho quý vị tu tập. Tôi hy vọng quý vị mở rộng tâm Bồ đề để nhìn rõ kiếp sống của mình.

Đời sống con người nối tiếp bằng chuỗi thời gian, sau đó để lại hoặc ta những kỷ niệm vui buồn thấm thía. Từ đó con người nhận ra chân được ý nghĩa cuộc sống như sanh. Khi con người trực diện với cuộc đời, thực sống

với cuộc đời và sống đích thực với hoàn cảnh của kiếp người bằng đầy đủ ý thức về cuộc đời trong mọi trạng huống, thì lúc đó con người mới thể nghiệm được tính chất của cuộc đời là vô thường mộng huyễn, chuyển biến không ngừng, có rồi không! Thế mà con người vẫn giông ruồi, vẫn đuổi đeo để tiến lên chụp bắt bóng hình hư ảo, kéo dài cho trong kiếp người.

Trong dòng sinh thức đó, được thể hiện qua trạng thái có không, thăng trầm, để vương lên và tiến tới với hy vọng có lấy một tương lai sáng sủa, một kết quả tốt đẹp, trong nụ cười sau bao phần đầu cực nhọc và nước mắt. Chùa Quang Minh Chicago này cũng được hình thành trong quá trình tiến triển cùng với chuỗi thời gian liên tục đó.

Sau ngày 30-4-1975, quốc gia đại nạn, đưa toàn dân Việt Nam vốn có đặc tánh hiền hòa vào cảnh nôi da xáo thịt lầm than! Không cách nào hơn, người dân Việt đành phải ngen ngào tức tưởi bỏ nước ra đi trong cảnh sinh ly tử biệt bất ngờ gấp rút! Người dân hoảng hốt kinh hoàng không còn kịp thời gian quay lại nhìn lại quê hương đất mẹ, nơi chôn nhau cắt rún lần chót. Bằng mọi ngã và trôi dạt khắp nơi, thì nơi Chicago này là một trong trăm ngàn chốn đất lạ quê người, mà người Việt nam ty nạn chọn lấy để định cư hầu lập lại cuộc sống.

Nơi xứ lạ quê người này, vật chất đầy đầy, lầu đài tráng lệ nguy nga, đường sá thênh thang dày như mắc cửi, xe cộ, máy bay dập dìu. Nhưng trong cái phồn hoa văn minh vật chất đó, người ty nạn cảm thấy một điều thiếu vắng, mà điều đó đối với người Việt Nam không thể thiếu được trong đời sống. Đó là tình người và nơi gởi gắm niềm tin. Thiếu nơi gởi gắm niềm tin là thiếu tất cả hương vị cuộc sống, khiến cho người tha hương phải sống trong nỗi nhớ niềm thương, sống trong bất ổn tinh thần, sống trong quần bách tâm lý, lúc nào cũng thấy bơ vơ.

Quê hương Việt Nam tuy nghèo, tuy chiến tranh triền miên kéo dài suốt hơn ba mươi năm đổ nát lầm than, nhưng nhìn đâu đâu cũng thấy dạt dào tình người đùm bọc ấm cúng, nơi nào cũng thấy mái chùa hiền hòa, tiếng hát câu hò, đồng lúa xanh tươi, có người trao gởi tâm tình. Dù cho đất nước Việt Nam vật chất có thiếu thốn, nhưng tinh thần có nơi nương tựa, niềm tin có nơi gởi gắm, tình người có cơ phát triển. Vì vậy đất mẹ Việt Nam dù cho có đói nghèo manh cơn tấm áo, nhưng mái chùa cô đọng tình thương Phật đài vẫn làm cho tinh thần người dân Việt cảm thấy đầy đủ thoải mái.

Nhờ cái giá trị tinh thần được nuôi dưỡng bởi niềm tin truyền thống đạt dào đó, cho nên người dân Việt Nam dù có khó nghèo vật chất mà vẫn cảm thấy tâm hồn thoải mái với ngôi chùa khiêm tốn, với tiếng chuông sớm nhẹ ngân, với ánh trăng rằm thanh thoát. Nếu phải ra đi vì kế sinh nhai, hay vì tai nạn quốc biến, thì cũng vẫn mãi mãi thương nhớ quê hương với bao kỷ niệm êm đềm, với mái chùa ánh trăng, với nỗi lòng băng khuâng lưu luyến:

*Mai này tôi bỏ quê tôi,
Bỏ trăng bỏ gió chao ôi bỏ chùa.
Quê tôi có gió bốn mùa,
Có trăng giữa tháng có chùa quanh năm.
Chuông chùa gió sớm trăng rằm,
Chỉ thanh đạm ấy âm thâm thế thôi.*

Với tinh thần yêu quê hương tha thiết, yêu đạo truyền thống nhiệm mầu, với niềm tin sâu sắc, với cõi lòng chất phác nhưng keo sơn với quê hương mái chùa, nhưng vẫn giữ vững nếp sống hiền hòa luân lý với đạo từ bi. Thế cho nên khi phải làm kẻ tha hương, dù trước mắt và chung quanh trực diện với hào quang của nền văn minh vật chất có sức hấp dẫn lôi cuốn, thì những hào nhoáng đó chẳng làm cho người Việt vốn nặng tình tha thiết với quê hương giống nòi và niềm tin đạo truyền thống của dân tộc chẳng những không lay chuyển đổi thay, mà trái lại nhờ có niềm tin kiên cố nền đạo tổ tiên truyền thống, nên vẫn có được nguồn sống an lành với sắc thái Việt Nam. Ngoại trừ những kẻ vong bản đem thân phục vụ cho ngoại bang để kiếm danh vọng, để được sống trên sự chết của đồng loại. Và ngoại trừ những kẻ đã bán đứng lương tâm để được sung sướng bạc tiền hưởng thụ trên sự nghèo đói của chiến sĩ và đồng bào ruột thịt, tiếp tay làm rách nát quê hương.

Vì thiếu vắng hình bóng quê hương, vì thiếu thôn tình người, vì nhu cầu bù đắp khóa lấp chỗ trống của tinh thần, vì vắng bóng mái chùa hiền hòa, vì để niềm tin có nơi nương tựa, nên người Việt yêu nước thương nòi, dù với hai bàn tay trắng với thân phận ty nạn, nhưng với cõi lòng chân thành tha thiết, ngàn người như một, chung sức chung lòng, nên vào năm 1980, tìm mua được căn nhà cũ mục, sau bao tháng ngày ra công, đồng sức sửa sang chỉnh trang lại làm thành nơi thờ phượng mà kẻ Tỳ kheo Quê Mùa này có thiện duyên được mời đến làm chủ lễ an vị Phật và đặt tên cho chùa là Quang Minh.

Từ đây người dân Việt tỵ nạn Chicago cảm thấy lòng được an ổn, có nơi nương tựa tinh thần, nhứt là vào những ngày rằm, ngày vía, Phật Đản, Vu Lan v.v... có nơi về chiêm bái, có cơ duyên gặp lại người đồng hương với tâm hồn hướng thượng, trong tiếng chào tình tự dân tộc, quê hương, chan hòa trong tiếng niệm Phật, bắt tay nhau xiết chặt sưởi ấm niềm tin và tình người ly hương.

Từ ngày có ngôi chùa Quang Minh đến nay, mọi người dân tỵ nạn ở Chicago cảm thấy mình tuy sống tha hương, nhưng còn giữ được gốc nguồn văn hóa đạo đức của ông cha, duy trì đời sống tinh thần như những ngày còn ở quê nhà, nên mọi cõi lòng áy náy cũng cảm thấy bớt đi nỗi thiếu thốn bơ vơ, không như những ngày chưa có chùa trước đây.

Cũng từ ngày có chùa mà nguồn sống của niềm tin truyền thống dân tộc đạt dào thấm sâu vào khắp mọi cõi lòng người dân Việt Chicago. Ngôi chùa đối với dân Việt như quê hương đất mẹ. Đất mẹ thì che chở con mẹ. Ngôi chùa thì bao dung chan chứa tình người, nuôi dưỡng niềm tin, phát triển văn hóa đạo đức, giữ gìn gìn giữ mỗi kỷ cương luân lý đạo đức truyền thống của ông cha. Còn đạo đức văn hóa và niềm tin truyền thống là còn tình tự dân tộc, còn có ngày quang phục tổ quốc nhìn lại quê hương:

*Dù cho giông tố bão bùng,
Quê hương còn vững tượng đồng Thích Ca,
Ái ơi bên cũ cây đa,
Ngôi chùa còn đó, thì ta còn mình.*

Tình tự dân tộc được nuôi sống bằng niềm tin truyền thống và nhờ chất liệu của niềm tin mà dân tộc được kết hợp để tạo thành sức mạnh cho ngày về quê hương, đem tình thương xây dựng xứ sở. Chính sự phát triển lớn mạnh của niềm tin mà hình thành sự đoàn kết keo sơn. Ngôi chùa Quang Minh ọp ẹp chật hẹp cũng theo đó không còn chỗ dung chứa những người Phật tử và đồng hương nữa.

Đề đáp ứng nhu cầu, nên vào ngày 12-11-1986 toàn thể Phật tử Chicago chung lòng góp sức mua được một nhà mới khác, khang trang hơn, ở vào khu phố thanh tịnh hơn, để làm ngôi chùa Quang Minh mới, thay cho ngôi chùa cũ ọp ẹp xiêu vẹo. Chính do niềm tin truyền thống của dòng máu tổ tiên truyền lại, nên dù ở đâu, hễ có người Việt là có chùa. Chùa là nơi gửi gắm tâm hồn, là nơi chan chứa tình người, là nơi nung đúc tinh thần yêu đạo, yêu quê hương. Nên bất cứ người Việt còn mang dòng máu chính thống

của ông cha thì không thể xa lìa chùa. Dù ngôi chùa không có nguy nga đồ sộ, nhưng vẫn tượng trưng tinh thần bao dung của đất mẹ quê hương, của tình thương đồng bào dân tộc ruột thịt, của sức sống tự chủ mãnh liệt của giống nòi Lạc Việt Hùng Vương.

Như vậy, từ hai bàn tay trắng của người Phật tử Việt Nam tỵ nạn Chicago này, với sự hướng dẫn của tôi, tức tỳ kheo quê mùa Thích Đức Niệm này, đã liên tục suốt bao năm, ai nấy đều đã cố gắng công chung lòng góp sức không ngừng, từ sự tạo dựng được ngôi của cũ chật hẹp để quy tụ lòng người, nuôi dưỡng niềm tin, bắt nhịp cầu thông cảm tình đồng hương, để rồi chưa đầy sáu năm sấm sau, đưa đến ngày hôm nay lại tạo được ngôi chùa mới khang trang về trang trí, diện tích rộng rãi và thích nghi về cảnh trí thanh tịnh của một ngôi chùa, để cùng nhau trưởng dưỡng tinh thần và niềm dân tộc vững mạnh.

Ánh sáng của đất mẹ quê hương, khí thiêng hiền hòa của đạo tình thương từ Đức Phật đã sưởi ấm và nung nấu tình thân yêu nước đạo của người Việt tự do. Nguyện cầu mặt trời chân lý tự do của ngày hội hương sớm ló dạng.

Tiếng chùa chùa lại ngân. Dân tộc được sống hiền hòa ấm no hạnh phúc.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

---o0o---

22. NÀO NGỜ

Nhớ thời còn là chú điệu ở chùa quê, sau mỗi buổi công phu chiều, tôi gánh nước tưới hoa trong vườn chùa cho mãi đến xẩm tối, mới được vào nghỉ để chuẩn bị lên điện Phật đi thời tịnh độ.

Chùa ở đồng quê, những buổi chiều muôn chim về tổ, tiếng gọi nhau ríu rít trên cành cây cổ thụ trong sân chùa, dường như chúng reo hò mặt mừng chào nhau sau một ngày lặn lội khắp nơi tìm mồi. Cũng như những buổi sáng thức dậy, trước khi lìa cành bay đi khắp ngã tìm miếng ăn, chúng cũng đã một chập nhảy nhót líu lo rộn rã để tạm biệt. Ngày ngày nghe chim hót líu lo, lòng cảm thấy vui nhẹ nỗi buồn lo nghĩ nhớ, an vui trong cảnh chùa tịch mịch nơi thôn dã.

Hằng ngày, cảnh hợp tan sáng chiều của muôn chim, khiến cho tôi liên tưởng đến hiện tượng tụ tán vô thường của kiếp người, nhớ lời cổ đức đã thông thiết nhắc nhở người trần thế:

*Cha mẹ ân sâu rồi cũng cách
Vợ chồng nghĩa nặng cũng chia lìa
Tình đời chẳng khác chim chung ngủ
Mỗi sáng đàn nào nấy tự bay.*

Rồi có những buổi chiều, khi mặt trời khuất bóng sau rặng núi thăm xanh, ánh sáng mỗi lúc mỗi yếu ớt dần, hoàng hôn phủ lên vạn vật lớp mỏng mờ sương, trên không trung hiện lên những bức tranh vân cầu đủ màu hồng tía. Trước cảnh tượng đó, đã lắm lần tôi say mê ngắm nhìn những bức tranh vân cầu linh hoạt tuyệt diệu ấy, mà lòng ngây ngất quên đi cảnh vật chung quanh, quên cả mình đang chấp tác công quả. Rồi nào ngờ có những hôm, thầy tôi bắt gặp, người mỉm cười với giọng nói hiền hòa:

"Chú Đăng! (Lúc đó ở trong chúng, tôi làm tri đăng) Con đang làm gì đó mà đứng trân trân bất động như tượng đá vậy?" Thật bất ngờ! Tôi giật mình, hơi sượng, lúng túng ấp úng:

"Dạ mô Phật! Bạch thầy, không có chi!". Rồi tôi lặng lẽ tiếp tục công tác gánh nước tưới cây mà lòng tiếc nuối bức tranh vân cầu tuyệt vời đang treo lơ lửng ở phía trời tây!

Thầy tôi đi thăm vườn cây hoa kiểng một lượt, cắt xén những cành héo hoa tàn, rồi người thản nhiên yên lặng trở về phương trượng.

Tôi nhìn lại bức tranh vân cầu tuyệt vời ban nãy, thì giờ đây đã tan biến thành những mảnh mây vụn rã rời không ăn nhập vào đâu. Mỗi lần như vậy, hiện tượng vô thường huyền ảo khắc sâu nơi lòng. Tôi nghĩ đến vạn vật và kiếp người vô thường, sao mà mong manh quá, chẳng khác nào bức tranh vân cầu trên trời xanh, bè trôi dòng nước, sương sớm đầu cành! Bất chợt, tôi nhớ đến lời thơ của thi nhân:

Mây tương cầu trắng xanh xanh trắng

Trắng rồi xanh cuộc thế thế chiêm bao

Hoa hải đường tươi héo héo tươi

Tươi lại héo người đời như ngọn gió.

Tâm người biến đổi, thế cuộc vẫn xoay. Tình đời mỏng như trang giấy lộn. Mạng người như thể chỉ mảnh treo chuông. Thật vậy, có ngờ đâu ngày đi du học của tôi là ngày ra đi ngàn dặm xa khơi, đã hơn hai mươi năm trôi mà ngày về quê hương đất mẹ vẫn còn xa xôi diệu vợi như thế này!

Tôi còn nhớ cái ngày ra đi ấy, ngày 22-9-1969, chiếc máy bay Cathay Pacific mang tôi rời khỏi phi trường Tân Sơn Nhất Sài Gòn. Ngồi trên máy bay, tôi nhìn quê hương đất mẹ mỗi lúc một lùi xa, mờ dần trong sương mù mây khói. Lòng tôi nao nao xao xuyên ngổn ngang bao mối lo mừng. Lúc đó, niềm hy vọng trào dâng, mong sao hai năm du học thật mau kết thúc, để trở về phục vụ xứ sở đạo pháp, gần thầy gần bạn.

Nào ngờ! Con tàu mang tôi bay bổng lên không trung, xa lìa xứ sở quê hương vượt trùng dương, để rồi cho đến ngày giờ này, lòng thương nhớ ước mơ năm xưa vẫn chưa có dịp để trở lại trực tiếp đem hết cõi lòng trang trải trên đất mẹ hiền lành.

Tội nghiệp đất mẹ hiền lành đã bao năm hằn sâu lắm vết đau thương, bởi do những đứa con vong nô, thân xác là người Việt mà tâm địa đã mất gốc truyền thống của ông cha, nên đã nghe theo ngoại nhân ban cho chút quyền lợi căn bã, mà vợ bội bạc tình nghĩa đồng bào ruột thịt, không biết thương tiếc giữ gìn đất mẹ!

Ngày được đi du học, tôi cố tránh tiệc tùng tiền đưa rộn ràng, cũng như cố thức liếm thân tâm, không muốn vận động hô hào để kiếm sự giúp đỡ rộng rãi của hàng Phật tử, vì lòng tự nghĩ: Mình sẽ làm được gì đây cho đạo pháp xứ sở, mà bây giờ thọ nhận của tín thí nan tiêu, chỉ thêm nặng nợ, không khéo thì thật nguy cho đạo hạnh bản thân, vốn dĩ phước mỏng nghiệp dày. Vô phước sanh ra trong một đất nước triền miên ngập đầy binh đao khói lửa, với tài hèn sức mọn, chỉ còn biết mong được góp phần với núi sông bằng cách cố gắng tu học.

Những bậc Thầy mà tôi được phước duyên gần gũi theo học hầu hạ như: Hòa thượng Tăng Thống Thích Tịnh Khiết, Hòa thượng Thiện Hòa, Hòa thượng Trí Thủ, Hòa thượng Thiện Hoa, Hòa Thượng Trí Hữu, Hòa thượng Thiện Minh v.v..., lòng những mơ ước sau khi học xong trở lại quê hương, phụng sự đạo pháp, phục vụ xứ sở dưới sự chỉ giáo của các Ngài.

Nào ngờ! Nay quê hương vẫn còn bị những đứ con vong bản mù quáng đang tung hoành làm thêm rách nát, tổ chức của đạo pháp cũng theo đó tan hàng, các bậc thầy kính thương dường như chán chường nhân thế, đã vội giũ sạch trần duyên sang bên kia thế giới Niết Bàn! Cõi trần gian giờ đây vắng bóng các Ngài hành đạo hồng dương chánh pháp. Tăng tín đồ khắp nơi mất đi những tàng cây đạo hạnh che mát, khô cạn những dòng pháp nhũ hương vị ngọt ngào. Đất mẹ cũng thiếu vắng đi những bàn tay cần mẫn đắp xây. Vườn hoa đạo hạnh cũng theo đó mất đi những đóa hoa tinh khiết. Mà ngày về quê mẹ của tôi lại vẫn còn xa xôi!

Nay đây chỉ còn biết đem tâm thành với hết năng lực của mình, nguyện tiếp nối sự nghiệp hành đạo, phụng sự chánh pháp của các Ngài, để hầu mong báo đáp thâm ân pháp nhũ.

Đời người đã không biết bao lần với chữ "ngờ"! Lục tổ Huệ Năng, sau khi bừng ngộ, đã thưa với Ngũ tổ Hoằng Nhãn: "Nào ngờ tự tánh vốn đã thanh tịnh. Nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt. Nào ngờ tự tánh vốn có đầy đủ ...". Đức Phật Thích Ca sau khi giác ngộ, đã nói: "Nào ngờ tất cả chúng sanh đều có Phật tánh sáng suốt". Sau khi thái tử Tất Đạt Đa bỏ hoàng cung xuất gia, vua Tịnh Phạn đã than thở với quần thần: "Nào ngờ con ta xem vương vị quyền uy phú quý như rác trên mặt, như bụi trong mắt, tìm cách xa lánh, để chọn lấy đời sống tu hành thanh bần lạc đạo, nặng mang tâm hạnh vị tha, trái lòng thương bình đẳng đi khát thực hóa độ từng nhà!"

Hễ còn vẩn xoay trong kiếp vô thường thì còn thương nhớ vẩn vương. Nhưng thương nhớ vẩn vương mà không biết theo con đường chân chánh của Đức Phật, của các bậc Thầy đã vạch sẵn để đi, thì thương nhớ chẳng ích lợi gì. Y nương gائن gủi mà không chánh tâm chuyên cần hành đạo để tạo cho mình một đời đạo hạnh, thì chẳng bằng thân tuy xa mà lòng vẫn kính nhớ phụng thờ, bằng cách chân thành noi theo tâm hạnh của các Ngài mà hành trì. Đức Phật nói: "Dù ta có ở đời hằng vạn triệu năm đi nữa, mà các đệ tử của ta không y giới pháp tu hành thì sự hiện diện ở đời của ta cũng chẳng lợi ích gì".

Mặt trời hiện có trên không trung, nhưng người mù không thấy sáng. Kẻ phá giới, lợi dụng mặc áo giải thoát, sống trong nhà Như Lai tạo đủ chuyện phiền khổ cho người khác và gây rối Phật Pháp thì không xứng đáng là đệ tử Phật. Câu chuyện hai vị tỳ kheo đồng đến ra mắt Phật: Một vị nửa đường bị khát nước giữ giới mà chết. Còn vị kia được sống đến gặp Phật. Phật quở rằng: "Thầy tỳ kheo thà chết mà giữ trọn giới kia, nay tuy không thấy ta

bằng thân thể này, nhưng đã gặp ta bằng tâm linh. Vị Ty kheo ấy đã an vui trong cảnh giới Niết Bàn. Còn người phá giới, nay tuy gặp ta bằng xác thể này, nhưng đã cách xa ta nghìn muôn kiếp rồi".

Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, phẩm Tà Chánh thứ chín Phật dạy rằng: "Sau khi ta nhập Niết Bàn, khoảng bảy trăm năm về sau, những ma vương và đồ đệ quyến thuộc của chúng muốn chánh pháp của ta sớm hoại diệt, nên chúng hóa hiện làm tỳ kheo, tỳ kheo ni, cư sĩ, có những hành vi ô uế độc ác gian tà nhằm làm tổn thương hủy diệt chánh pháp của ta".

Cứ như lời huyền ký của Phật, thì nơi nào không luận là chùa viện hay đạo tràng, có hạng tăng sĩ, cư sĩ bất lương bất hạnh, manh tâm thích được quyền danh lợi dưỡng, tự xưng là Phật là Thánh, hoặc làm điều quấy, thì nơi đó chính là hiện thân của ma vương. Chùa đó là chùa chứa ma, thờ ma. Hình thức phương cách hành hoạt của kẻ ma ngụy làm đệ tử Phật này, hoặc lộ liễu kín đáo, nhằm mục đích gây đổ vỡ hàng ngũ tử chúng đệ tử Phật, làm mất thanh danh đạo pháp đến chỗ suy tàn.

Thế nên kinh Đại Niết Bàn cũng như kinh Đại Tập, Đức Phật nói: "Nơi nào tôn trọng thọ trì giới pháp là còn chơn chánh đạo pháp. Những ai còn nghiêm chỉnh gìn giữ giới pháp, biết sống tri túc, mới chánh thật là đệ tử ta".

Rất mong quý vị khởi đi từ những "nào ngờ" này và những nào ngờ của chính bản thân quý vị, lấy đó suy ngẫm kỹ để sớm hồi tâm phản tỉnh, hướng đời mình trên đường thánh thiện, để xây dựng hạnh phúc hiện tại và tương lai.

---o0o---

23. PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Kính thưa quý vị,

Hôm nay tôi trình bày về pháp môn tu Tịnh Độ. Rất không ít người xem thường pháp môn này. Nay quý vị cùng tôi tìm hiểu xem.

Đức Phật ra đời với tâm nguyện độ sanh. Chúng sanh căn tánh vô lượng bất đồng, nên Đức Phật cũng tùy theo đó mà mở bày vô lượng pháp môn tu để cho thích hợp với căn tánh của chúng sanh. Trong tất cả pháp tu chỉ có pháp môn Tịnh Độ là thích hợp nhất, dễ tu nhất, dễ chứng nhất, viên mãn

nhất và cũng khó tin nhất. Nên kinh A Di Đà, Đức Phật nói: "Nan tín chi pháp" nghĩa là pháp khó tin.

Dễ tu là bởi pháp môn Tịnh Độ có đặc tánh phổ cập, ai tu cũng được, đi đứng nằm ngồi trong mọi thời, mọi lúc, khắp mọi hoàn cảnh đều có thể tu trì danh niệm Phật, nhất tâm nhiếp niệm.

Dễ chứng là bởi hành giả đem tâm nương theo danh hiệu Phật, niệm Phật, tưởng nhớ Phật, thừa nương Phật lực gia hộ độ trì. Chuyên tâm nhiếp niệm tưởng nhớ Phật. Phật và tâm đồng nhất thể. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Tâm, Phật, và chúng sanh cả ba không khác. Mê là chúng sanh, ngộ là Phật. Tâm loạn động là tâm mê, là tâm chúng sanh. Tâm chuyên nhứt niệm là tâm thanh tịnh, tâm giác, tâm Phật. Giờ nào chuyên tâm nhiếp niệm trì danh hiệu Phật là giờ đó gần Phật, tâm ta thể nhập tâm Phật, sống trong đại thể của tâm Phật.

Dễ viên mãn là bởi hiện đời tin theo lời Phật nói, nương theo lời Phật dạy, chuyên cần gắng sức tu tâm hành thiện, chuyên trì danh hiệu "Nam Mô A Di Đà Phật" không rời niệm, để đến chỗ nhiếp niệm. Bên trong tự lực tâm nhiếp niệm, bên ngoài tha lực Phật hộ trì, tự tha viên mãn. Khi lâm chung, do nhờ lúc sống ngày ngày trì danh hiệu Phật, quán tưởng hình tượng Phật mà được huân tập chủng tử danh hiệu Phật, hình ảnh Phật, tâm thức bám vào chặt chẽ hình ảnh trang nghiêm của Phật, với lòng tin thâm sâu nơi oai thần năng lực Phật, nên tâm thần không rối loạn hoảng hốt. Tâm không rối loạn hoảng hốt, một lòng nhớ Phật, tức thì cảm ứng đến Phật và thánh chúng hiện tiền tiếp độ. Kinh A Di Đà, Đức Phật nói: "Nhất tâm bất loạn, kỳ nhơn lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư Thánh chúng, hiện tại kỳ tiền, thị nhơn lâm mạng chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc Quốc Độ". Nghĩa là người sắp lâm chung mà biết nhất tâm niệm Phật tâm không tán loạn, thì được thấy Phật A Di Đà và Thánh chúng hiện tiền, như thể tinh thần người lâm chung không điên đảo, liền đó được vãng sanh về cảnh giới Tây phương Cực Lạc cõi nước Đức Phật A Di Đà.

Hơn nữa trong kinh A Di Đà, Đức Phật Thích Ca có thuật lại lời thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà rằng: "Nếu có chúng sanh nào muốn sanh về cõi nước của ta, mà vui thích chí thành tin niệm danh hiệu ta mười niệm, ta không tiếp dẫn chúng sanh đó về cõi nước Cực Lạc thì ta sẽ không thành Phật". (Nhược hữu chúng sanh, dục sanh ngã quốc, chí tâm tín nhạo, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ chánh giác).

Như thế, hành giả ở cõi Ta Bà tu đã được viên mãn tâm nguyện vãng sanh. Sau khi được Phật tiếp độ vãng sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, thấy Phật nghe Phật, chứng bất thối chuyển, tiến tu đến quả vị Vô Thượng Bồ Đề, không còn luân hồi thối đọa nữa, đó là viên mãn quả vị cảnh giới Tịnh Độ.

Thế nào gọi là Tịnh Độ? Tịnh là thanh tịnh, trong sạch. Độ là cõi nước, là thế giới. Vậy Tịnh Độ là cõi nước trong sạch, là thế giới thanh tịnh. Nghĩa là thế giới không có chiến tranh ly loạn, không có hiện tượng sanh già bệnh chết, không có bất nạn khổ (1), ba đường ác (2). Người ở cảnh giới Tịnh Độ là người hành thiện, với ý chí hướng thiện tinh tiến tu lên quả vị bất thối chuyển Vô Thượng Bồ Đề.

Cảnh giới Tịnh Độ không có hiện tượng chen lấn tranh giành. Người ở cảnh giới Tịnh Độ không phải bận tâm về vật dụng ăn ở. Mà chúng sanh nơi đó, khi khởi tâm ước muốn điều gì thì những thứ ngon lành mỹ diệu liền hiện tiền như ý. Điều này có được là do khi còn là phàm phu chuyên tâm tu hành gieo trồng căn lành, mà được sanh về Tịnh Độ, hưởng phước báo đặc thù, không phiền não lo âu, đất nhà cây cảnh hoa lá đều do ngọc ngà châu báu tạo thành. Không có hiện tượng sanh già bệnh chết. Không có trạng huống vô thường thành trụ hoại không. Ở đó các vị Bồ Tát Thanh Văn là bạn của hành giả tu tịnh nghiệp. Ở cõi Cực Lạc tuyệt đối không có kẻ tâm phàm tâm ác ý, không có hiện tượng suy tàn biến đổi. Do công đức của Phật A Di Đà và Thánh chúng trang nghiêm tạo thành thế giới tuyệt vời thanh tịnh, nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Làm thế nào để được về cảnh giới Cực Lạc? Người muốn được sanh về thế giới Cực Lạc thì phải dốc lòng quyết chí nhứt tâm trì danh hiệu Phật, nghiêm chỉnh chấp trì ba điều quan trọng là tín, nguyện và hạnh. Đây là ba điều tiên quyết để được vãng sanh. Thế nào là tín, nguyện, hạnh?

Tín: Tín ở đây là lòng tin thâm sâu như mũi dùi khoan sâu vào gỗ, như đinh đóng chặt vào cột. Lòng tin chuyên ròng trong sạch, như ánh trăng rằm, như nước hồ thu, như pha lê trong suốt, không ngờ vực, cũng không nay tin ông này, mai tin bà kia. Đem lòng tin thanh tịnh trong suốt thâm sâu như vậy để trọn tin lời Đức Phật Thích Ca dạy có thật cảnh giới Cực Lạc ở phương Tây, nơi đó Đức Phật A Di Đà làm giáo chủ và hiện nay đang ngày đêm thuyết pháp. Tin đức Phật A Di Đà có 48 lời nguyện độ sanh, nguyện nào nguyện nấy cũng tha thiết đặc biệt hướng về chúng sanh ở thế giới Ta Bà để

tiếp độ, như ánh sáng mặt trời lúc nào cũng hướng về vạn vật trên quả địa cầu này.

Chí thành chí thiết tin lời dạy của Đức Phật Thích Ca là, cảnh giới Cực lạc thanh tịnh an lành tuyệt đối, tâm nguyện từ bi, năng lực độ sanh của Đức Phật A Di Đà vô biên, như mẹ hiền đối với con dại. Lại tin chính ta có khả năng thành Phật, như Đức Phật Thích Ca đã tuyên bố: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh" – "Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành". Khi ta tin chắc lời dạy của Đức Bổn Sư Thích Ca, thấu hiểu tâm nguyện và năng lực của Phật A Di Đà, tin tưởng mãnh liệt ở khả năng Phật tánh của chính ta, ta phát nguyện chuyên tâm tu trì trong niềm tin tự lực và tha lực viên mãn, thì ta nguyện ta nhất định thành. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Lòng tin là mẹ sanh các công đức. Lòng tin hay trưởng dưỡng các pháp lành. Lòng tin đưa người siêu thoát ba đường khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Lòng tin có năng lực đưa người đến quả vị giác ngộ giải thoát". Sau khi tin chắc rồi, nên phát nguyện.

Nguyện: Sau khi đã tin có cảnh giới Cực Lạc, có Đức Phật A Di Đà từ bi tiếp độ, tin chính mình có khả năng Phật tánh rồi, thì nên phát nguyện vãng sanh về cảnh giới Cực lạc để được cùng sống với Đức A Di Đà và Thánh chúng ở đó. Đem trọn lòng mà phát nguyện một cách chân thành chí thiết, như tâm thiết tha duy nhất vào một việc vãng sanh. Phát nguyện chân thành chí thiết như dòng nước chảy xiết ngày đêm không ngừng một giây phút nào. Tâm nguyện, hơi thở, giờ giờ khắc khắc nhớ nghĩ ước mong được vãng sanh thấy Phật A Di Đà. Để cho nguyện viên thành thì phải lập hạnh.

Hạnh: Sau khi đã tin thâm sâu, nguyện tha thiết, tiến đến là thực hành. Chính sự thực hành này là yếu kiện quyết định cho sự thành tựu của tín và nguyện. Nếu chỉ tin và ước nguyện suông thôi, không chuyên cần thực hành thì không thể nào đạt thành nguyện vọng. Cũng ví như người tin chắc nước Hoa Kỳ là xứ tự do no ấm, rất ước mong được đến Hoa Kỳ sinh sống. Có tin có ước nguyện, nhưng lại không chịu khó chạy lo tạo điều kiện kiếm tiền đóng thuyền, hoặc lo giấy thông hành để đi thì nhất định không bao giờ đến được Hoa Kỳ. Người tu tịnh nghiệp cầu sanh về Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà cũng giống như thế. Chỉ tin và nguyện suông thôi, không chịu chuyên tâm thực hành thì không cách nào vãng sanh về nước Cực lạc được. Thế thì thực hành bằng cách nào?

Muốn được sanh về nước Cực Lạc, ngoài việc tin sâu, nguyện chí thiết ra, hành giả còn phải ngày đêm trong lúc đi đứng nằm ngồi phải luôn luôn

niệm danh hiệu Phật, tưởng nhớ đến Phật. Câu Nam Mô A Di Đà Phật không ngót trên miệng, hình bóng Đức Phật A Di Đà không dứt trong tâm. Đồng thời phải đặt định thời khóa để lạy sám hối, tụng kinh, niệm Phật. Phải cố gắng sửa tâm tánh, bỏ các tật xấu cố hữu. Dứt trừ chuyện thị phi. Xả bỏ ân tình ái dục. Cổ đức dạy: "Ái bất trọng bất sanh Ta Bà. Niệm bất nhứt bất sanh Tịnh Độ". Nghĩa là do lòng ái dục mà ta phải sanh ra trong cõi Ta bà khổ lụy này. Niệm Phật không nhất tâm thì không thể nào sanh về Tịnh Độ được.

Không phải chỉ niệm Phật tụng kinh sám hối suông thôi là đủ. Hành giả tu tịnh nghiệp, trong tâm phải luôn luôn nhớ Phật, sửa tâm tánh để được thanh tịnh. Ngoài thân phải đem hết khả năng tụng kinh bái sám, niệm Phật, làm những việc lành. Như bố thí, trì giới, nhẫn nhục v.v... Chớ nên lầm tưởng ăn chay, niệm Phật và tụng kinh với hình thức bên ngoài mà trong lòng còn đầy tham sân si, mạn nghi, ái dục, ích kỷ là được vãng sanh đâu! Kinh A Di Đà, Đức Phật nói: "Không thể dùng chút ít thiện căn phước đức nhưn duyên mà cầu vãng sanh về cõi nước Cực Lạc kia. (Bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhưn duyên đắc sanh bỉ quốc). Cổ đức khuyên:

*Xem ra niệm Phật dễ mà không.
Ý khẩu buông lung niệm chẳng đồng.
Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn.
Dù cho bẻ cổ vẫn là không.*

Vậy, tín nguyện hạnh là ba yếu kiện tiên quyết, là tư tưởng chánh để hành giả được vãng sanh về cảnh giới Cực lạc.

Có ai niệm Phật được vãng sanh chưa?

Có vô số người niệm Phật được vãng sanh Cực Lạc. Xin quý vị tìm đọc ở các sách Hương Quê Cực Lạc, Đường Về Cực Lạc, Pháp Môn Tịnh Độ, Niệm Phật Thập Yếu, Lá Thư Tịnh Độ v.v... Các sách nói về pháp môn Tịnh Độ có ghi rõ. Nay đây xin lược nêu những hành giả tu pháp môn Tịnh Độ có hiệu quả biết trước ngày giờ lâm chung, được vãng sanh, như ở Việt Nam, Huế có Ngài Tường Vân, Ngài Nhất Định v.v... Ở Bắc Việt có Ngài Tế Xuyên, ông Phó Kinh v.v... Ở Nam Việt có ông chủ Thời, cô Lưu Thi Yên pháp danh Như Xuân Huyền, ông Xã Tông v.v... và gần đây nhất có Ngài hành Trụ. Trước ngày viên tịch, Ngài đi thăm từ giả các Thầy, các chùa và an nhiên tạ thế.

Ở Trung Hoa hành giả tu Tịnh Độ nhiều vô số kể. Các Ngài tu đều kết quả, nối tiếp nhau đã hệ thống hóa thành dòng Tịnh Độ Tổ Sư. Quý vị nếu đọc các sách Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Niệm Phật Thập Yếu, Quê Hương Cực Lạc, Đường Về Cực lạc, Lá Thư Tịnh Độ, Pháp Môn Tịnh Độ v.v... thì quý vị sẽ thấy vô số người tu pháp môn trì danh niệm Phật được kết quả ngay trong hiện đời.

Đến như Nhật Bản, Đại Hàn, Tân Gia Ba, Mã Lai Á v.v... Các nước theo hệ phái Đại thừa Phật giáo thì mười người hết bảy tám người tu pháp môn niệm Phật.

Các Ngài nêu trên, đều biết trước ngày giờ khi lâm chung. Các Ngài an nhiên tự tại khi xả phàm thân để chứng pháp thân. An nhiên tự tại giống như người có chí xuất gia bỏ nhà cửa, y phục, những thứ dục lạc của trần gian tục lụy để sống đời đạo hạnh thanh đạm an lạc giải thoát của tăng sĩ,

Đặc biệt các Tổ sư Tịnh Độ phần độ trước đó vốn là những Thiền sư danh tiếng, nhưng sau chuyên hướng tu Tịnh Độ mà được đắc quả. Như sách Tịnh Độ Chi Qui của Phổ Hạnh khi nói về "pháp môn niệm Phật tông trì vạn pháp thông lợi ba căn" và sách lý Bát Nhã Tịnh Độ của cư sĩ Bồn Nguyên cũng xác định rằng: "Thiền tông tự xưng là trực chỉ chơn tâm, minh tâm kiến tánh hay là giáo ngoại biệt truyền mà mười một vị Tổ tông có đến sáu vị nguyên trước vốn là Thiền sư chánh truyền. Như Tổ thứ ba là Thừa Viễn Thiền sư, Tổ thứ sáu là Vĩnh Minh Thiền sư, Tổ thứ tám là Phật Huệ Thiền sư, Tổ thứ chín là Ngẫu Ích Thiền sư, Tổ thứ mười là Tĩnh Am còn gọi là Thực Hiện Thiền sư, Tổ thứ mười một là Triệt Ngộ còn gọi là Tế Tĩnh Thiền sư. Các vị này trước tu thiền cũng đã nổi danh, nhưng sau chuyển tu Tịnh Độ và cực lực hoằng truyền pháp môn niệm Phật". Đặc biệt là Ngài Nhất Biến thượng nhơn (1239-1289) vốn là một Thiền sư nổi tiếng, sau chuyển tu Tịnh Độ sáng lập phái Thời Tông Tịnh Độ, rộng truyền pháp môn niệm Phật.

Không những các Thiền sư danh tiếng trước tu thiền về sau chuyển tu Tịnh Độ cầu sanh Cực Lạc, mà đến như các vị đại Bồ Tát cũng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Như Bồ Tát Phổ Hiền trong kinh Hoa Nghiêm đã phát nguyện: "Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời, tận trừ nhất thiết chư chương ngại, diện kiến bỉ Phật A Di Đà, tức đắc vãng sanh an lạc quốc". Nghĩa là: "Con nguyện khi sắp qua đời, tất cả nghiệp chướng đều dứt trừ, được thấy Phật A Di Đà, ngay khi đó sanh về Cực lạc". Bồ Tát Phổ Hiền còn nguyện, Ngài ở trong đời giáo hóa chúng sanh cũng dùng phương pháp Tịnh

Độ để cho chúng sanh dễ tu hành được sanh về cảnh giới Cực lạc. Như kinh Hoa Nghiêm phẩm Phổ Hiền, Ngài nói: "Năng ưu phiền não đại khổ hải trung, bạt tế chúng sanh linh kỳ xuất ly, giai đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới". Nghĩa là Phổ Hiền Bồ Tát thường hay ở trong biển khổ phiền não của cõi đời cứu vớt chúng sanh, khiến cho chúng sanh được giải thoát, vãng về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát trọng tâm là xiển dương pháp môn Tịnh Độ. Ngài Văn Thù Bồ Tát, nguyện sau khi tu hành mãn, xa lìa cõi Ta Bà sanh về cảnh giới Cực Lạc, như kinh Văn Thù phát nguyện nói rằng: "Nguyện ngã mạng chung thời, diệt trừ chư chướng ngại, diện kiến A Di Đà, vãng sanh Cực Lạc quốc. Sanh bị Phật quốc dĩ, thành mãn chư đại nguyện, A Di Đà Như Lai, hiện tiền thọ ký ngã, cứu cánh Bồ Tát hạnh". Nghĩa là: "Ngài Văn Thù Bồ Tát nguyện khi mạng chung, diệt trừ hết chướng ngại, được thấy Phật A Di Đà, vãng sanh về nước Cực Lạc. Được sanh về cõi nước ấy rồi, tròn đầy các đại nguyện, Đức A Di Đà Như Lai, hiện tiền thọ ký cho tôi, cứu cánh hạnh Bồ Tát.

Kinh Quán Tam Muội, Ngài Phổ Hiền Bồ Tát dạy rằng: "Trong tất cả các pháp môn tu hành, không có pháp môn nào vượt qua pháp môn niệm Phật. Pháp môn niệm Phật là vua trong tất cả pháp môn". Trong kinh Đại Tập Đức Phật xác quyết rằng: "Vào thời mạt thế, ức ức người tu hành, không có lấy được một người đắc đạo giải thoát, chỉ còn có cách là nương theo pháp môn niệm Phật mới ra khỏi vòng luân hồi sanh tử".

Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Bồ Tát Đại Thế Chí trình bày với Đức Thích Ca Mâu Ni về chỗ sở đắc của mình rằng: "Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai kiến Phật". Nghĩa là: "Con nhờ nghĩ đến Phật, niệm Phật, đời này hoặc đời sau được thấy Phật. Bồ Tát Đại Thế Chí do nhờ nhớ Phật, niệm Phật, mà thấy được Phật, vãng sanh về Tịnh Độ, chứng vô sanh pháp nhẫn, hiện ở đó cùng với Bồ Tát Quán Thế Âm trợ giúp Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn người tu niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Bồ Tát Đại Thế Chí trình bày với Đức Phật về pháp môn tu hành thành đạt đạo quả của mình rằng: "Con nhớ hằng sa số kiếp trước, Đức Phật Siêu Nhứt Nguyệt Quang dạy con tu pháp môn niệm Phật tam muội. Vậy chỗ nhơn địa tu hành của con là do niệm Phật mà ngộ vô sanh nhẫn, nguyện ở cõi này để nhiếp hóa người phát tâm niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Nay Phật hỏi chỗ viên thông, con vốn không chọn lựa, chuyên thâm nhiếp sáu căn, khiến cho tịnh niệm nối tiếp luôn, được vào tam ma địa, ấy là thứ nhất". (Ngã bồn nhơn địa, dĩ niệm Phật tâm, nhập vô sanh nhẫn, kim ưu thử giới,

niếp niệm Phật nhơn, qui ư Tịnh Độ. – Kinh Thủ Lăng Nghiêm, chương Đại Thế Chí Viên Thông).

Trong hầu hết những kinh điển Đại thừa Phật giáo, cho thấy các vị Bồ Tát đều cầu vãng sanh về Tịnh Độ. Như kinh Pháp Hoa nói: "Nếu người tâm tán loạn, bước vào nơi chùa tháp, nhứt niệm nam mô Phật, thì đều được thành Phật". (Nhược nhơn tán loạn tâm, nhập ư tháp miếu trung, nhứt niệm nam mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo). Kinh Pháp Hoa còn nói rõ rằng: "Nếu người nào y theo kinh Pháp Hoa dạy mà tu hành, thì khi mạng chung liền được vãng sanh về thế giới Cực Lạc, nơi đó được Đức Phật A Di Đà và chúng đại Bồ Tát vây chung quanh khen mừng, người đó từ hoa sen sanh ra và ngồi trên bảo tòa". (Nhược hữu nhơn văn thị kinh như thuyết tu hành, ư tử mạng chung tức vãng sanh an lạc thế giới, A Di Đà Phật đại Bồ Tát chúng vi nhiều trụ xứ, sanh liên hoa trung bảo tòa chi thượng).

Thái Hư đại sư khi luận về pháp môn Tịnh Độ, Ngài nói: "Kinh A Di Đà là kinh Pháp Hoa lược nói. Kinh Pháp Hoa là kinh A Di Đà giảng rộng". Trong kinh A Di Đà, Đức Phật Thích Ca nói với Ngài Xá Lợi Phất rằng: "Nếu ai nghe nói đến Đức Phật A Di Đà mà trì niệm danh hiệu hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn, thì người đó khi sắp lâm chung, được Phật A Di Đà và Thánh chúng hiện ra trước mắt, người ấy khi chết tâm không điên đảo, liền được vãng sanh về cõi nước Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà". Kinh còn nói: "Người nghe kinh A Di Đà này, mà phát tâm thọ trì và nghe danh hiệu của Phật, thì được tất cả các Đức Phật nghĩ nhớ hộ niệm, rốt sau được đạo quả bất thối chuyển vô thượng Bồ Đề".

Không những Đức Thích Ca Mâu Ni khuyên chúng sanh nên tu pháp môn Tịnh Độ là pháp môn chắc chắn nhất, bởi nhờ uy lực 48 đại nguyện độ sanh của Đức Phật A Di Đà, mà chính Ngài khi thân thần tịch diệt Niết Bàn cũng hoàn nguyên trở về cảnh giới Thường tịch quang Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà Như Lai, như kinh Đại Bát Niết Bàn phẩm Ứng Tận Hoàn Nguyên thứ hai mươi bảy nói: "Giờ sắp nhập Niết Bàn, Đức Phật đã thuận nghịch ba lần nhập thiền định xong, từ sơ thiền đến diệt tận định, cuối cùng nhập siêu việt thiền định, Ngài nói: Vô minh không có cội gốc, nên lão tử cũng không, mười phương tất cả pháp đều giải thoát. Nay ta an trụ nơi Thường Tịch Diệt Quang gọi là Đại Niết Bàn".

Đức Phật A Di Đà ngày đêm hướng về chúng sanh, như mặt trời hướng về vạn vật, như mẹ hiền trông ngóng con về. Đức Phật cũng như chư vị Bồ Tát vừa nêu trên, tuy khi ra độ sanh theo căn tánh của mỗi loài thấp cao mà

mở bày đủ các pháp môn phương tiện, nhưng khi hoàn nguyên thì trở về an trụ nơi tự tánh Di Đà duy tâm tịnh độ trong cảnh Thường tịch quang tịnh độ của đức A Di Đà Như Lai.

Để cho quý vị nhận định rõ hiệu năng của pháp môn Tịnh Độ, nay tôi xin lược thuật câu chuyện do Ngài Trí Giả đại sư nói trong bộ Thập Nghi Luận và được dẫn trong sách Tịnh Độ Chỉ Qui như sau:

"Ba vị Bồ Tát là Vô Trước, Thế Thân và Sư Tử Giác cùng phát nguyện tu Duy Thức Quán để cầu mong được vãng sanh về cõi trời Đâu Suất nội viện hầu được diện kiến Đức Di Lạc Bồ Tát. Ba Ngài đồng giao hẹn với nhau rằng, nếu ai được lên gặp Đức Di Lạc trước thì phải nhớ về báo tin cho biết là mình đã gặp được rồi. Chẳng bao lâu sau đó Ngài Sư Tử Giác viên tịch. Trước giờ Sư Tử Giác viên tịch, hai Ngài Thế Thân và Vô Trước đến bên cạnh căn dặn nên nhớ lời giao hẹn. Sư Tử Giác gật đầu hứa chắc.

Nhưng sau khi Sư Tử Giác qua đời đã lâu, hai Ngài Thế Thân và Vô Trước đợi mãi mà không thấy tin tức đâu cả. Ba năm sau, đến lượt Thế Thân viên tịch. Lúc Thế Thân sắp viên tịch, Ngài Vô Trước đến căn dặn bốn năm lần rằng, dù thế nào cũng phải nhớ về báo tin cho biết chớ đừng như Sư Tử Giác. Mãi đến hơn ba năm sau, Thế Thân mới về báo tin cho Ngài Vô Trước hay. Vô Trước hỏi tại sao phải lâu đến hơn ba năm mới về cho hay?

- Thế Thân nói: Tôi đến Đâu Suất nội viện nhằm ngay lúc Đức Phật Di Lạc thuyết pháp, chỉ nghe được Ngài thuyết có một thời rồi liền bái biệt về ngay đây.

- Vô Trước lại hỏi: Còn pháp hữu Sư Tử Giác đâu?

- Thế Thân nói: Sư Tử Giác mới đến ngoại viện, bị ngũ dục lôi cuốn, mãi đến nay vẫn chưa vào được nội viện diện kiến Đức Di Lạc.

Vô Trước nghe xong như tỉnh mộng, nhận thấy phương pháp tu tự lực tu duy quán quá nguy hiểm, liền cải đổi tu theo pháp môn Tịnh Độ cầu sanh Cực Lạc.

Ngũ dục lạc trần gian đã nhận chìm bao kẻ anh hùng thế gian, cũng như đã cuốn lôi làm cho rơi rụng không biết bao kẻ đi trên đường ánh đạo vàng. Người tu hành phải khốn khó lắm mới khắc phục nổi ngũ dục. Huống nữa là tu thiền thì phải trải qua bốn cõi thiên, tám cõi định, mới đến cõi diệt tận định để bước vào quả vị đẳng giác. Ngũ dục của các cõi trời thiên trùng

trùng điệp điệp vô cùng mỹ diệu siêu trần tuyệt thế, đạo lực như Bồ Tát Sư Tử Giác mà còn phải ngây ngất lặn lội chưa khắc phục nổi sự quyến rũ để vào Đâu Suất nội viện bái kiến Đức Di Lặc kia, huống hồ là phàm phu như chúng ta, đạo lực đến bậc nào mà dám tự hào khắc phục nổi dục lạc bốn cõi thiên? Thế nên các bậc cổ đức kinh nghiệm mới minh mẫn có lời ân cần nhắc nhở: "Tu thiền như con mọt trong ống tre phải đục từng mắt tre mới ra khỏi. Tu Tịnh Độ như con mọt đục ngang ống tre mau lẹ thoát ra ngay". Kinh Đại Bản Di Đà nói: "Tu các pháp môn khác như kiến bò lên núi. Tu pháp môn niệm Phật như thuyền buồm thuận gió xuôi nước. (Dư môn học đạo du nghị tử thượng ư cao sơn. Niệm Phật pháp môn tợ phong phàm hành ư thuận thủy).

Cũng trong ý nghĩa này, người tu thiền hay tu các pháp môn khác để đạt đạo quả Bồ Đề chẳng khác nào người nương theo bản đồ tự mình đến thành phố lạ. Tu Tịnh Độ giống như người đến thành phố lạ có bản đồ lại có người hướng dẫn đường đi. Người tu thiền hay các pháp môn khác giống như cậu bé ba tuổi tự một mình lần theo đường đã chỉ tìm về quê cha đất tổ. Người tu Tịnh Độ cũng giống như cậu bé theo đường đã chỉ lại có mẹ đi bên cạnh, nên vững tâm mạnh dạn phấn khởi trở về quê hương không sợ hầm hố chông gai, lại cũng không ngại lạc lối. Sự hiểu biết của đứa bé ba tuổi so với kiến thức và kinh nghiệm của bà mẹ, có khác gì khả năng kiến thức của chúng sanh so với trí tuệ giác ngộ và thần lực của Phật?

Người không tin pháp môn niệm Phật hoặc chê bai pháp môn niệm Phật là tầm thường, chẳng khác nào đứa bé lên ba tuổi sanh ở nơi tha hương, nay muốn về quê cha đất tổ mà lại không cần cha mẹ dẫn đường. Đây mới thật là kẻ đáng thương vậy. Như kinh Thanh Tịnh Giác nói: "Nếu người nào đối với pháp môn Tịnh Độ nghe như không nghe, biết như không biết, tất nhiên kẻ ấy mới vừa ở trong ba ác đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh ra, hoặc còn nhiều tội chướng, nên không sanh được lòng tin tưởng pháp môn này. Như Lai nói kẻ ấy kém phước duyên trên đường giải thoát". Kinh lại nói: "Nếu người nào nghe pháp môn Tịnh Độ liền khởi tâm thương mừng rơi lệ, cảm động đến các chân lông nơi thân đều dựng đứng, nên biết kẻ ấy đời trước đã từng nghe, tin và tu tập pháp môn Tịnh Độ này. Nếu kẻ ấy chánh niệm tu hành thì nhất định vãng sanh".

Pháp môn niệm Phật là pháp môn bao gồm tự lực và tha lực, gọi tắt là Pháp tu tự tha viên mãn. Là pháp môn rất dễ tu, rất dễ chứng, rất hoàn bị, rất khó tin. Nên trong kinh A Di Đà, Đức Phật kêu Ngài Xá Lợi Phất nói: "Này Xá Lợi Phất ơi! Ông nên biết ta đang ở trong đời ngũ trược xấu ác này làm

việc thí pháp khó làm, mà được đạo quả Vô Thượng Bồ Đề. Ta vì tất cả chúng sanh trong thế gian mà nói pháp môn Tịnh Độ, là pháp môn khó tin, đối với họ thật là khó tin".

Ngẫu Ích đại sư nói, có được vãng sanh hay không là do hành giả có chuyên tâm chí thành tu niệm hay không. Phẩm vị cao hay thấp là tùy thuộc lòng tin của hành giả cạn hay sâu:

*Được vãng sanh cùng chẳng,
Tín nguyện có hay không,
Phẩm vị cao cùng thấp,
Tùy niệm Phật cạn sâu.*

Ngài Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát khuyên hành giả tu tịnh nghiệp rằng:

*Ít nói một câu chuyện,
Nhiều niệm một câu Phật,
Đánh chết được vọng niệm,
Pháp thân người hiển lộ.*

Đức Văn Thù Bồ Tát đối trước Đức Phật nói kệ khuyên lệ người tu Tịnh Độ rằng:

*Khi đi đứng nằm ngồi,
Thường niệm công đức Phật,
Ngày đêm chớ tạm quên,
Nên siêng tu như vậy.*

Hoàng Nhất đại sư khuyên ông bạn nên phát tâm quy y Tam Bảo, niệm Phật để tạo tư lương trên đường về Tây Phương Cực Lạc. Ông bạn hẹn chừng nào thu xếp xong việc rồi sẽ tính sau. Đại sư liền nói:

*Ngay giờ quyết dứt liền thôi dứt,
Chớ hẹn cho xong chẳng lúc xong.*

Thưa quý vị, người đời có thói quen thường hay khất hẹn, nhất là đối với việc làm phước thiện và việc tu hành. Khi được mời khuyên đóng góp phần công đức vào việc thiện như bố thí, cúng dường thì kêu than "kẹt, túng". Khi được khuyến khích tu tâm niệm Phật thì "khất hẹn" chừng nào thu xếp xong hãy tính.

Xin quý vị thử nghĩ, việc đời biết chừng nào mới hết "kẹt, túng", đến bao giờ mới "thu xếp xong"? Nên cổ đức có lời khuyên giác:

*Chớ đợi đến già mới niệm Phật,
Đồng hoang mồ trẻ thiếu chi người.*

--- o0o ---

PHẦN PHỤ LỤC

24. BƯỚC VÀO CỬA PHẬT

Sau những năm tù đầy dưới bàn tay bạo quyền ác nghiệt của cộng sản, rồi sau đó tôi đã phải sáu lần lận lội chui nhủi mới trốn thoát được đến đảo ty nạn và nay định cư ở Mỹ.

Sáu năm sống trên đất Mỹ, tôi đã dòi dòi gia đình đi khắp bảy tiểu bang. Từ tiểu bang ấm Cali đến tiểu bang lạnh Minnesota và giờ đây là Chicago. Nơi nào tôi cũng thấy xa lạ thiếu vắng tình quê hương, thiếu cả tình người.

Hôm nay rằm tháng mười, gia đình người bạn đến rủ tôi đi chùa lễ Phật. Nghe đi chùa, vợ con tôi vui mừng thúc dục tôi. Thế rồi, chúng tôi cùng lên xe. Chẳng mấy chốc từ xa tôi đã thấy cờ Phật giáo phất phới bay trên nóc cao của một building lớn. Lòng thầm nghĩ rằng nơi đó có lẽ là chùa. Quả thật, đúng như tôi đoán, ba chữ Chùa Quang Minh màu đỏ tiếp tục lớn hiện ra trên mặt tiền của một building. Chúng tôi cho đậu xe rồi cùng bước vào chùa.

Đây là lần đầu tiên trên đất Mỹ tôi đến chùa. Chùa Quang Minh Chicago không giống như chùa ở quê nhà có vườn cây hoa lá. Nhưng chùa khá rộng và khang trang. Chúng tôi vào đúng lúc buổi lễ bắt đầu. Chánh điện phía sau còn nhiều chỗ trống. Tôi nghĩ lạ, tại sao ngày rằm tháng mười lại ít người về chùa. Nhưng khoảng 15 phút sau, tôi quay lại nhìn phía sau thì thấy người ngồi đầy chật chánh điện. Ủ, té ra người ta đi chùa, làm việc phước thiện ít sốt sắng hăng hái. Nhưng đi nhảy, đi coi hát, tiệc tùng thì lúc nào cũng đi đúng giờ khắc, nhiều khi đi trước giờ nữa là khác. Thế thì bảo sao cuộc đời không đầy dẫy tội các phiền khổ.

Từ đó suy ngẫm, có lẽ người Việt mình vụng tu, nên phải chịu kiếp tha hương chăng?

Tôi đang miên man suy nghĩ, thì ba hồi chuông trống Bát Nhã chấm dứt, vị xướng ngôn viên kêu gọi mọi người trang nghiêm im lặng một phút để tưởng niệm những vị đã vì pháp vong thân, những anh hùng tử sĩ đã vì nước hy sinh và những đồng bào vì lý tưởng tự do mà đã bỏ mình trên khắp nẻo.

Ôi! Thật là giờ phút trang nghiêm và đầy ý nghĩa. Dù sống ở đâu và phương trời nào, chúng ta cũng nhớ đến những người đã hy sinh để chúng ta được sống còn. Ý nghĩa này, lần đầu tiên sau sáu năm trên đất Mỹ, tôi thấy sống lại trong ngôi chùa. Ngôi chùa ôm ấp hồn dân tộc. Với lời giới thiệu chững chạc của bác xướng ngôn viên, tôi được biết vị thầy đang đứng nơi điện Phật trước mặt chúng tôi là Thượng Tọa Thích Đức Niệm. Cái tên nghe rất quen thuộc, từ mấy mươi năm trước, khi còn ở quê nhà, tôi đã từng nghe đến danh của Thượng Tọa Thích Đức Niệm, và nếu không lầm, thì tôi cũng đã từng đọc những bài của Thầy đăng trong các báo Bách Khoa và Thông Thiên Học Sài Gòn. Trong khi tâm trí tôi đang miên man sống về những kỷ niệm của thời dĩ vãng nơi quê hương, thì giọng nói Thầy đỉnh đặc cất lên:

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, kính thưa quý Phật tử và quý đồng hương ... Và Thầy mở đầu bài thuyết pháp. Đây cũng là lần đầu tiên tôi đi chùa nghe thuyết pháp trên đất Mỹ. Lời giảng của Thầy thật trầm hùng bình dị thực tế, nhưng thật sâu sắc. Nếu nghiêm kỹ ra thì những lời giảng đó đem áp dụng vào đời sống sẽ đem lại kết quả hạnh phúc lợi ích vô cùng. Tôi còn nhớ một trong những đoạn của bài Thầy giảng hôm ấy, nay xin lược kể ra đây:

"... Sau thời 1963, tôi (tức Thầy Đức Niệm) đã có được phước duyên thường hầu cận Đức Tăng Thống Thích Tịnh Khiết ở chùa Ấn Quang. Những lúc thanh thản tôi quạt hầu, Ngài kể cho tôi nghe những chuyện cung miếu triều vua và những chùa viện cùng các bậc cao tăng ở đất thần kinh cố đô Huế. Trong lúc đó, Ngài có kể một câu chuyện về ông quan tri huyện kiêu mạn tự cao như thế này:

Có một ông tri huyện hán học uyên thâm chữ viết rồng bay phượng múa, nhưng có cái tật cậy tài thông minh, ý mình con nhà quyền thế, nên tánh tình cao ngạo, manh tâm gian ác lấy việc hãm hại người làm thú vui đặc chí. Tuy có tài, nhưng thiếu phẩm hạnh, dù luôn cúi khắp phương, nhưng trên đường

quan lộ, ông huyện không thăng tiến thêm được bước nào. Bạn bè ông huyện, tuy tài không bằng ông, họ lại cũng không phải xuất thân từ nhà quyền thế, nhưng ai nấy đều tiến thân, có người được dân chúng mến trọng.

Nhìn lại thân phận, ông huyện buồn đời, nên có ý muốn tìm nơi an ủi tâm hồn. Từ lâu, ông đã nghe nói đến kinh Kim Cang là bộ kinh ý nghĩa thâm thúy trong Phật giáo. Ông cũng đã nghe nói đến Lục Tổ Huệ Năng cũng nhờ câu kinh Kim Cang "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" mà ngộ đạo đắc Tổ. Ông huyện tự nhủ: Lục Tổ Huệ Năng không biết chữ, chỉ nhờ nghe một câu kinh Kim Cang mà ngộ đạo. Huống chi mình thâm nho bác học như thế này chắc phải thông suốt lý kinh đạt đạt đạo mau hơn.

Nghĩ vậy, ông huyện nhờ người tìm kinh, bắt đầu lập bàn thờ Phật, sớm hôm chuyên tụng kinh Kim Cang. Suốt gần 15 năm ông huyện trì tụng kinh Kim Cang không mấy khi bê trễ. Và cũng nhờ vậy mà ông vui nhẹ đi tũn thân phiền muộn, vợ con người ở trong nhà cũng nhờ đó mà đỡ bớt bị ông cau có la rầy đay nghiến đánh mắng. Từ ấy, trong nhà vợ con ai nấy đều lấy làm mừng.

Vợ ông huyện thấy ông cũng đã hơn năm mươi tuổi, kinh kệ cũng nhiều năm, nên đã nhiều lần thừa lúc ông vui, bà huyện khuyên ông nên tìm thầy quy y để nương tựa tinh thần, tu học đạo cho mau có kết quả. Cứ mỗi lần bà huyện khuyên như vậy, là bị ông huyện gạt phăng: "Đàn bà biết gì. Bà có biết cả xứ Huế ni không có ông thầy nào thông hiểu kinh Kim Cang bằng tui. Tui còn dạy những ông thầy ấy được nữa là khác. Đâu có ông nào xứng đáng để cho tôi bái làm thầy cầu đạo. Tôi không cần quy y tăng. Tôi chỉ quy y Phật pháp nhị bảo mà thôi" Có đôi lúc bạn bè cũng khuyên ông huyện nên tìm bậc cao tăng theo lời Phật dạy để mà quy y Tam Bảo. Nhưng ông nói cười xã giao cảm ơn lòng tốt của họ và từ chối khéo. Tánh tình ngạo mạn của ông huyện ngày một đồn lan xa.

Đề cảm hóa người sa cơ vào đường tội lỗi vì mạn tâm khinh tăng, Đức Tăng Thống Thích Tịnh Khiết vốn là bậc cao tăng trụ trì chùa Tường Vân Huế. Ngài là bậc cao tăng đức trọng được từ vua cho đến ngoài dân gian kính phục. Ngài đến nhà ông huyện thăm, nhằm lúc ông huyện đang bận tụng kinh Kim Cang, miệng tụng đọc theo tiếng chuông mõ gõ đều. Đức Tăng Thống lặng lẽ đứng phía sau cửa nhìn nghe thấy tiếng chuông mõ của ông huyện, Ngài lắc đầu thâm than: Chưa được! Chưa được!

Bà huyện thấy thế chấp tay kính cẩn thưa : Bạch Ôn, như thế nào?

Đức Tăng Thống lại lắc đầu nói: Chưa được! Chưa được!

Bà huyện không hiểu ắt giáp gì, chỉ biết thành tâm chấp tay thưa: Xin thỉnh Ôn ngồi chứng nước. Chút nữa ông nhà con tụng kinh xong ra hầu Ôn.

Đức Tăng Thống lắc đầu: Chưa được! Chưa được! Thôi, tôi xin cáo từ. Xin gửi lời thăm ông huyện.

Khi ông huyện tụng kinh xong, bà huyện kể lại đầu đuôi câu chuyện vừa xảy ra. Ông huyện nổi cơn thịnh nộ lôi đình nạt bà huyện, rồi to tiếng quát: Ông Thầy Tường Vân này dám nói ta tụng kinh chưa được. Dám cả gan thật! Hôm nay để ông thầy này biết tay ta! Ông huyện giận dữ vội vã kêu người hầu gọi xe đưa ông lên chùa gấp để gặp Hòa Thượng Tăng Thống ăn thua đủ một phen. Thấy ông huyện quá nóng, sợ sẽ xảy ra việc không hay, nên bà huyện khúm núm đến chấp tay bái xá ông huyện lia lịa miệng khẩn nài: Tôi van xin ông! Việc có chi nà! Việc đâu còn đó! Nhưng bị ông huyện dùng tay hất mạnh làm bà phải văng ra xiềng liềng suýt té nhào xuống bực thêm tam cấp. Ông hấp tấp lên xe, không ngót thúc dục người đánh xe chạy gấp gấp.

Vừa đến cửa chùa, ông huyện vội nhảy phóc xuống xe, xông thẳng vào chùa, miệng quát to: Có ông thầy Tường Vân ở chùa không? – Nghe có tiếng quát lớn, chú điệu liền chạy ra chấp tay: A Di Đà Phật, bẩm ông có việc chi cần gấp?

Ông huyện lớn tiếng nạt: Phật Phật gì? Có thầy mi ở chùa không, bảo có quan huyện đến cần việc gấp. Mau lên!

Thấy thái độ giận dữ của ông huyện, chú điệu hoảng hốt vội chạy thẳng vào liêu phòng thỉnh bạch Đức Tăng Thống.

Ngài chậm rãi khoan thai bước ra. Ông huyện vừa thấy Đức Tăng Thống, cơn thịnh nộ cực độ liền chỉ tay lớn tiếng hăn học:

- Vừa rồi thầy đến nhà tôi, nói tôi tụng kinh chưa được, có phải thế không?

- Mô Phật đúng thế.

- Tại sao chưa được, nói, nói mau?

- Mô Phật! Nếu đã được thì quan huyện đâu cần phải gấp rút đến tìm tôi như thế này? Nơi cửa Phật thanh tịnh, quan huyện đã thấy lòng mình được thanh tịnh chưa? Bình thân vô sở trụ chưa?

Trước phong thái bình thân an nhiên uy nghiêm từ hòa của Đức Tăng Thống, ông huyện lại càng thêm bực tức.

Đức Tăng Thống từ hòa nói: Kinh dạy vô nhơn, vô ngã, vô chúng sanh, vô thọ giả! Vừa nghe Đức Tăng Thống nói đến câu này, ông Huyện như tỉnh ngộ, hô thẹn xá chào, quỳ sụp lạy, rồi xin kiếu lui.

Về sau, khi ông huyện chết, mắt mở trân tráo, máu miệng trào ra, thân xác bị hành hạ dầy dụa đau đớn vô cùng, không làm cách nào hết được. Người nhà phải thỉnh Đức Tăng Thống đến tụng kinh khấn nguyện, ông huyện mới nhắm mắt êm ái trút hơi thở cuối cùng vĩnh biệt!

Kết luận câu chuyện trên, Thượng Tọa Đức Niệm nói: Tài trí mà không đạo đức chẳng khác nào con dao bén nhọn trong tay kẻ trộm cướp. Người tu học Phật chỉ biết chú trọng hình thức tụng kinh hay, lý thuyết giỏi, mà tâm tham lam, sân hận, si mê, đố kỵ, không đoạn trừ thì chẳng khác nào nấu cát thành cơm, con dao trong tay kẻ ác. Nếu kẻ vào chùa mà không thật lòng tu tâm dưỡng tánh lại ý đồ lợi danh, thì chùa luôn luôn bị xáo trộn, thì chậm mau gì rồi cũng sẽ phải nhận lấy quả báo đau thương đen tối đời này và đời sau.

*"Tham sân tật xấu không chừa,
Bo bo mà giữ tương đũa làm gì?"*

Xuyên tạc chùa chiền, mạ nhục Tăng bảo, lợi dụng chiếc áo Phật, có tâm phá hoại người, thì nhất định không tránh khỏi quả báo đen tối. Bà Hy Thị vợ vua Lương Võ Đế xem thường Tăng mà làm thân măng xà. Anh em Ngô Đình Diệm vì độc ác khinh chê phá Phật Pháp mà mạng họa đón đầu.

"Ngày xưa quả báo còn lâu,

Ngày nay quả báo bắt đầu nhĩn tiền".

Cổ đức dạy: "Người ác hại người hiền như ngựa mặt lên trời phun nước miếng. Nước miếng chưa đến trời thì đã rơi vào mặt mình". Người Phật tử nên sống chân thành, tu hạnh hỷ xả, cùng nhau lo cho chùa cho đạo để vun

bồi cội phước. "Nhứt nhứt tại thiên, nhứt niên tại ngoại". Nghĩa là: Người ở chùa chơn chánh tu hành bằng người ở ngoài đời tu một năm.

Đề kết luận bài giảng rằm tháng mười hôm ấy, Thượng Tọa Đức Niệm nói: Tất cả mọi người không phân biệt thân sơ, có việc gì cần sự giúp đỡ của nhà chùa xin cho chùa hay, thầy trải rộng lòng thương tùy khả năng chân tình đáp ứng. Chúng ta mất hết tất cả, chỉ còn niềm tin và tình thương, nên đùm bọc lấy nhau, tình con Phật từ bi trong tình đồng bào ruột thịt, nên thông cảm gắn bó nhau trong những ngày còn sống tha hương.

Người Phật tử chớ nên để lợi danh khuynh đảo, chớ nên vì sự bất đồng ý kiến mà đổ kỵ hận thù để rồi tạo cho nhau đau lòng phiền khổ. Cổ đức dạy: "Ngậm máu phun người, trước dơ miệng mình". Là đệ tử Phật, học theo tâm hạnh Phật, tập sống đời vị tha hỷ xả:

*Người có lỗi làm ta thứ tha,
Khoan dung đại độ tánh ôn hòa,
Đã không buồn tức mà yên tĩnh,
Mở rộng lòng thương sống vị tha.*

* * *

*Ta oán giận người, người không đau
Mà tâm ta nổi sóng ba đào
Nhiều đêm buồn tức, ta không ngủ
Ta tự giam mình giữa vực sâu.*

Xin quý vị hãy về đây hòa vui trong ánh đạo từ bi, để cùng nhau xây dựng ngôi chùa làm nơi gửi gắm tâm hồn. Xin quý vị hãy về đây đáp tiếng gọi của Đức Thích Ca Mâu Ni, để cùng xiết chặt tay nhau duy trì phát triển niềm tin truyền thống đạo nhiệm màu của tổ tiên dân tộc. Xin quý vị hãy về đây trong tình thầy trò huynh đệ, trong tình con Phật vị tha, để cùng chia sẻ cho nhau nỗi vui buồn ngõ hầu xây dựng đời sống hạnh phúc, nung đúc ý chí, chờ ngày quang phục tổ quốc Việt Nam thân yêu:

*Dù cho giông tố bão bùng,
Quê hương còn vững tượng đồng Thích Ca,
Á ơi! Bền cũ cây đa,
Ngôi chùa còn đó thì ta còn mình.*

Trân trọng kính chào và cảm ơn liệt quý vị.

25. KỂ MÊ NGU CHẤP

Thưa bạn! Tôi là kẻ đến với Đạo chậm sau. Tuổi đời và kinh nghiệm về cuộc sống cũng chưa được là bao so với các bạn ở cùng lứa tuổi tôi. Thế thì đâu dám múa rìu qua mắt các bậc anh chị, cô bác thâm niên học Phật, để nói chuyện đạo đức? Nhất là cái thân phận đất khách quê người đơn độc lẻ loi, mỗi lần nghĩ đến mẹ cha anh em bà con ở lại quê nhà, lòng tôi quặn đau thương nhớ không xiết! Nếu không có niềm tin nơi Đức Phật từ bi với giáo lý nhiệm màu vi diệu của Ngài, thì chắc tôi không còn niềm tin lý tưởng để can đảm tiếp tục sống đến ngày nay.

Nhưng Đạo đời muôn ngã, tìm cho ra đường sáng để đi, đạo sáng để tin, giáo chủ vẹn toàn để tôn thờ, vốn đã là điều rất khó. Tìm cho được bậc Thầy sáng suốt để hướng đạo cho mình, một cảnh thiền môn thanh tịnh để tâm hồn được thoải mái học đạo tu tập, lại càng khó hơn đối với giữa vật chất máy móc ích kỷ thiếu tình người này. Chắc bạn cũng quan niệm như tôi: Có Phật tượng, có kinh sách mà thiếu bậc minh sư giảng dạy đạo lý, chỉ bày phương pháp tu hành, thì người đời làm sao hiểu được lý đạo nhiệm màu, lẽ sống thăng hoa thánh thiện để đến bờ giác ngộ. Có được bậc Thầy đạo hạnh hiểu biết căn tánh của mình để hướng đạo mình trong cảnh thanh tịnh giải thoát, thì niềm tin của mình mới vững chắc trên bước đường hướng thiện, để thăng hoa cuộc sống.

May mắn thay cho tôi có được chút thiện duyên với Phật Pháp, hằng tuần tôi về Học Viện Quốc Tế, là lúc tôi được sống trong những khóa lễ cầu nguyện thiền vị trang nghiêm, nghe những thời thuyết pháp đầy ý nghĩa đạo màu sắc khế hợp tình người, với những thời khóa niệm Phật, tọa thiền tu tập, cùng những mẫu chuyện đạo nho nhỏ nhưng lại có năng lực lớn lao thức tỉnh tâm hồn tôi tìm ra được định hướng, hiểu thêm được tâm nguyện của Đức Phật. Những thứ ấy làm cho tôi khó quên. Một trong những chuyện đạo mà Thượng Tọa Đức Niệm giảng, đã tạo cho tôi có được một niềm tin kiên cố, một định hướng sâu sắc, và một lý tưởng để tôi vui sống trong niềm tin lành thiện ấy, nay xin lược kể ra đây để thân tặng các bạn trong mùa Phật Đản:

- Xưa có người đến hỏi Ngài Xá Lợi Phất: Thưa Ngài, con đến đây học đạo với Đức Phật, được nghe giáo pháp nhiệm màu vi diệu, cõi lòng con được an ổn, tâm hồn con cởi mở thanh thoát. Nhưng trước khi đến gặp Ngài

và bái kiến Phật, con cũng lại muốn đến các vị đó để học đạo nữa. Không biết việc làm của con có tạo được nhiều phước đức và hiểu đạo sớm hơn không?

Ngài Xá Lợi Phật trả lời: Như người muốn đến núi Linh Thứu để ra Phật, cầu hiểu đạo lý giác ngộ nhiệm mầu, nhưng lại phân vân giữa hai lối đi, không biết phải đi thuyền hay đi xe. Vốn người này trước đã đi thuyền, nhưng khi gặp xe, người này liền bỏ thuyền để đi xe với lòng mong ước sớm đến núi Linh Thứu để yết kiến Phật, nghe Phật thuyết pháp. Vừa đi được một quãng đường xe, người này nghĩ bụng rằng, hay tốt hơn ta cũng nên đi thuyền nữa. Như thế có lẽ mau hơn. Nghĩ vậy rồi, người này liền bỏ xe trở lại đi thuyền. Đang đi thuyền lại chuyển đi xe, đang đi xe lại đổi đi thuyền. Cứ như thế kẻ mê chấp kia thay đổi không ngừng, tiêu phí thời gian và sức lực. Đi được một khúc sông, nghe người ta nói đi xe dĩ nhiên mau chóng, tiện lợi hơn. Kẻ mê chấp lại phân vân nghĩ rằng, ta trước kia đã đi thuyền rồi sau ta mới đi xe. Nay ta bỏ thuyền chỉ đi xe không thôi, thế sao cho đành. Tốt hơn, ta nên đi cả hai, thuyền lẫn xe. Như thế ta sẽ không bỏ bên nào, và có lẽ còn mau đến núi Linh Thứu gặp Phật hơn mọi người khác.

Nhưng khi đến núi Linh Thứu thì Đức Phật đã thuyết pháp xong, và Ngài đã đi hóa độ nơi khác với những đại đệ tử của Ngài, nên kẻ mê chấp kia đã không yết kiến được Phật, và không được nghe Phật thuyết pháp.

Ngài Xá Lợi Phật hỏi kẻ mê chấp kia rằng: " Có khi nào nhà người thấy kẻ miệng vừa nhai thức ăn, lại vừa hát trên sân khấu mà tiếng tăm giọng điệu hát của họ được mọi người nhiệt liệt tán thưởng không?". Người học đạo cần phải chọn lựa pháp môn tu rồi chuyên tâm hành trì và tập sống đời hỷ xả vị tha, thì mới đạt được đạo quả Vô Thượng Bồ đề.

Học đạo mà cố chấp, cầu giác ngộ giải thoát mà để tình cảm thế gian ngự trị tâm hồn, không biết dùng trí tuệ để phân định hướng đi cho mình, chẳng khác nào người ngu khăng khăng giữ chặt chiếc áo bận rách trên mình chứ không chịu thay đổi để mặc chiếc áo mới sạch sẽ có sẵn. Người tu hành mà không biết chọn lựa phương pháp và sống đời hỷ xả với tâm hồn rộng mở, ý chí quả cảm, không biết dùng trí tuệ để hướng đời mình, không biết lựa chọn pháp môn để tu, chọn người lành để kết bạn, tìm minh sư học đạo, chẳng khác nào kẻ mê chấp không chịu bỏ củi gai để nhận lấy quả trầm, không chịu lìa bỏ con đường hẻm tối tăm để bước lên đại lộ quang minh. Kẻ ngu mê chấp như thế trọn đời cam phận đi xe bò, bỏ xe ngựa, giữ xe đạp, bỏ xe hơi. Kẻ này thường có quan niệm đạo nào cũng tốt!

Cổ non dạy rằng: Hạng người mê chấp như vậy, tuy có hành đạo, có tham gia những công tác phước đức, nhưng chỉ có thể hưởng được quả vị phàm phu Tiểu thừa hoặc phước báo hữu lậu cõi non thiên là cao lắm rồi, chứ khó đạt được đạo quả Vô Thượng Bồ đề, giác ngộ giải thoát.

Nhưng tâm nguyện của Phật quyết đưa chúng sanh đến quả vị Bồ Tát, quả vị Phật, chứ không muốn để lưu trệ ở Tiểu thừa phàm phu.

Tổ Qui Sơn dạy rằng: "Nhu Sư thật bất minh, đương biệt cầu lương đạo". Nghĩa là: Trên đường hành đạo, nếu thầy mình không đủ khả năng hướng dẫn mình, thì xin bái biệt Thầy để đi tìm minh sư khác, cho hạnh nguyện và đạo quả sớm viên thành. Nhưng Thầy mình là bậc minh sư, lại bỏ đi nghe lời kẻ khác thì đó là kẻ thác loạn, không bao giờ chơn chánh thể nhập được căn bản cội nguồn của đạo giác ngộ.

Chúng ta phải tinh tấn trong niềm tin và vận dụng hết ý chí kiên nhẫn với lý tưởng đã tôn thờ, thì chúng ta mới có cơ hội đạt được đạo giác ngộ giải thoát ngay trong đời hiện tại này chứ không tìm đâu xa. Kinh Pháp Hoa dạy rằng:

*Nhuợc non tán loạn tâm,
Nhập ư tháp miếu trung,
Nhứt niệm Nam Mô Phật
Giai dĩ thành Phật đạo.
Nghĩa là:
Nếu người tâm tán loạn,
Còn biết vào chùa tháp,
Thành tâm niệm Mô Phật
Đều được thành Phật đạo.*

Tu mà còn chấp chặt, thì dù tu trăm nghìn kiếp cũng khó có thể thấy được Phật tánh chơn tâm, khó thoát khỏi kiếp trầm luân sanh tử khổ lụy.

---o0o---

26. NĂM TAY TIỀN VÀNG

Thưa bạn,

Cứ mỗi độ Vu Lan, Phật Đản hay Xuân về, là tôi lại có dịp hầu chuyện cùng các bạn.

Sự thật, tôi có đáng giá vào đâu để nói câu chuyện đạo màu cùng các bạn, Nhưng từ ngày tôi tìm về Phật Học Viện Quốc Tế đến nay, hằng tuần được nghe Thầy thuyết pháp, theo tu học tọa thiền, niệm Phật, lòng cảm thấy nhẹ nhàng thanh thoát nhiều lắm.

Thầy tôi, Thượng Tọa Thích Đức Niệm, bậc Thầy đạo hạnh quý kính của chúng tôi, không ngừng khuyến khích cố lẹ sách tấn chúng tôi gắng tu học Phật. Thầy tận tụy hướng dẫn chúng tôi không một chút tỏ ra chán nản. Trước nghĩa cử từ bi bao dung của Thầy đã làm cho chúng tôi vừa cảm động, vừa dũng chí tin tưởng ở khả năng mình trên đường tu học. Từ đấy, tôi mới cảm thấy phấn khởi tin tưởng vào khả năng của mình hơn, bớt đi sự ái ngại rụt rè. Nhờ vậy mà tôi có thể hầu chuyện đạo với quý vị ngày hôm nay. Cũng chính nơi đây, tôi cảm thấy thấm thía lời cổ nhân dạy: "Ngọc kia chẳng giữa chẳng mài, trở thành vô dụng cũng hoài ngọc đi. Con người ta có khác gì ...", "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng".

Tu học cần phải tìm bậc minh sư. Đức Phật dạy: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh". Đủ thấy ai cũng có khả năng để trở thành bậc thánh thiện. Ai cũng có thể kiên nhẫn gắng chí tu học để trở thành người hữu dụng cho đời. Điều quan trọng là khéo chọn bạn thiện tri thức. Thận trọng chọn thờ bậc minh sư, để gần gũi và để y nương học hỏi. Cổ đức nói: "Viễn hành yếu giả lương bằng, sát sát tương ư nhĩ mục". Nghĩa là đi xa phải nương bạn lành, từng giờ từng khắc tâm niệm cử chỉ tốt của bậc minh sư, bạn đạo thấm vào tâm mắt mình. Đừng nên sống theo cảm tình, quá nể vì nghe theo lời dụ êm ái ngọt ngào mà lao mình vào bẫy.

Thưa bạn, hôm nay tôi hầu chuyện với bạn, trong làn khói trầm hương quyện tỏa của ngày Phật Đản. Đời tôi đã đổi khác hẳn với những năm xưa, ngày chưa về nương tựa bóng từ bi. Từ ngày tôi biết Phật Học Viện Quốc Tế, tôi thường đến để nghe thuyết pháp, theo học đạo thiền, thân gần Thầy Đức Niệm, tâm tôi không còn phiền muộn theo chuyện thế gian thị phi thăng trầm thành bại. Tôi cũng không còn nặng tính đua đòi theo hình thức tốt xấu thời trang bên ngoài. Mọi sự suy tư lo tính hơn thua, khen chê, tôi không để ý đến. Tôi cảm thấy thân tâm tôi nhẹ nhàng lắm. Tôi không mất thì giờ vì bạn bè rủ rê hò hẹn ở rạp hát, ở siêu thị, tiệc tùng. Tôi không còn lãng phí tiền bạc vào việc sắm sửa áo quần thời trang. Tôi vẫn đi làm việc, vẫn ngày hai bữa cơm, vẫn dùng xe để làm phương tiện tới lui. Nhưng tôi cải đổi quan niệm sống. Sống đời đơn giản, lợi mình, lợi người, lợi đạo pháp. Tôi không còn truy cầu tham đắm, chụp giựt, thắng thì vui mừng hỷ hạ, thua thì bực tức

buồn khổ như xưa nữa. Tất cả đều nhờ giáo lý từ bi giác ngộ của Phật tạo nên mẫu người tôi ngày hôm nay.

Ngày trước chưa biết đạo, chưa gặp Thầy, dù làm có tiền bao nhiêu cũng thấy thiếu, cũng không vừa ý. Chỉ biết lo cho mình, bà con mình, mặc kệ người đời, tôi chẳng để tâm đoái hoài đến. Mỗi ngày làm hai job cũng vẫn không thấy đủ, không thấy có tiền để làm một việc thiện nhỏ. Đến nỗi không có thì giờ để nghĩ đến việc thiện. Lúc chưa biết đạo đồng tiền cho việc từ thiện giúp đỡ người nghèo thiếu bao giờ cũng thấy quá to. To hơn cả mạng sống, cả giá trị đạo đức danh dự! Khi chưa biết đến đạo Phật, chưa gặp Thầy, tôi luôn luôn thấy thiếu, thấy khổ, tâm thần thường bất an.

Nhưng giờ đây, sau những tháng năm theo Thầy học đạo, hiểu lời Phật dạy, nhớ lời Thầy khuyên, tôi không còn đua đòi hơn thiệt, mà lúc nào cũng thấy đủ, làm được nhiều điều lành, bố thí, phóng sanh, in kinh ấn tống, cúng dường chư tăng, cúng chùa, giúp đỡ bà con, còn có thì giờ thương nhớ quê hương đồng bào v.v... Những việc từ thiện lợi tha ít nhiều tôi đều làm được cả. Lòng tôi cảm thấy an nhàn vui vẻ lạ thường. Tình thương mở rộng, xem nhẹ việc đời. Có lúc tôi cảm thấy thư thái tự tại trước mọi việc đời trôi qua trước mắt. Khi nghe tin Mẹ tôi mất, tôi xin nghỉ việc không lương. Tôi đem tất cả tiền dành dụm và mượn thêm của bạn bè để làm lễ trai tăng cúng dường Tam Bảo, in kinh ấn tống, cúng tiền đúc tượng Phật để hồi hướng siêu độ cho mẹ tôi. Đúng là giáo lý Đức Phật đã gội rửa sạch lòng tôi. Đạo hạnh của Thầy đã cảm hóa đời tôi, khai tâm mở trí tôi, giờ đây tôi đã bỏ bớt tham sân si, không còn ham muốn xi nê nhảy nhót dạ hội.

Mỗi khi ngồi trong giảng đường trước tượng Phật, dưới bóng hào quang trang nghiêm, lời giảng pháp trầm hùng hiền hòa của Thầy khi bỗng lúc trầm, bằng những bài kinh, lời kệ của Phật của Tổ, với những bài thơ mang hương vị đạo mâu, những câu chuyện đạo lý đơn giản, nhưng thâm thúy, bao hàm ý nghĩa, dạy đời khuyên tu. Lời nào lời nấy đơn giản, nhưng rõ ràng, bao hàm giáo lý thâm sâu chỉ bày phương pháp tu hành. Chẳng hạn, nguyên nhân nào hình thành những hiện tượng giàu nghèo ở thế gian. Tại sao có kẻ thông minh, người ngu đần, kẻ sang trọng, người bần tiện. Tất cả không ngoài nhân quả phước báo.

Để giải nghĩa những hiện tượng đó, một trong những câu chuyện mà tôi được nghe Thầy giảng và còn nhớ rõ nơi lòng. Câu chuyện này đã khai trí tôi, khiến cho tôi biết làm nhiều việc bố thí, cúng dường, rộng rãi giúp đỡ

mọi người. Nay xin được lược thuật để hầu chuyện cùng quý bạn trọng ngày Phật Đản:

Khi Đức Thích Ca còn tại thế, ở thành Xá Vệ có một thiếu phụ hạ sanh một đứa con trai. Đứa trẻ này từ khi sanh ra, lúc nào hai bàn tay cũng nắm chặt lại. Người mẹ lấy làm lạ, lo ngại tưởng bàn tay con mình có tật, nên gỡ tay nó ra xem, thì thấy trong hai nắm tay của nó, nắm tay nào cũng có vàng. Người mẹ rất đỗi ngạc nhiên, mừng rỡ, liền lấy tiền vàng từ tay đứa trẻ ra, nhưng điều kinh ngạc tiếp liền sau đó là, khi tiền vàng lấy đi thì bàn tay cậu bé nắm trở lại như cũ, và đồng thời lại sanh ra tiền vàng khác. Cứ thế lấy vàng mãi mà không hết. Người mẹ nghĩ rằng, đây chắc là nhờ phước báo đời trước của nó mà có, nên đặt tên cho cậu bé là Kim Tiền.

Em bé Kim Tiền này trông khôi ngô đĩnh ngộ, đoan chánh, tâm tánh từ hòa hiền dịu của em khiến cho ai nấy mỗi khi thấy em đều mến thích. Em bé Kim Tiền sanh lúc Đức Phật còn ở đời. Ngày tháng trôi qua, theo đà thời gian xuôi chảy em khôn lớn. Khi nghe tin có Đức Phật thuyết pháp độ sanh, người người hâm mộ tin theo, em khẩn khoản cầu xin cha mẹ cho em được đi thăm Đức Phật. Trước tấm lòng thành khẩn cầu xin tha thiết của em, cha mẹ đồng ý cho em đi. Một mình em tìm đến chỗ Phật, được nghe Phật thuyết pháp. Em xin đánh lễ và cầu xin Đức Phật cho em được xuất gia, nhập chúng. Đức Phật hoan hỷ nhận lời.

Đức Phật cho em xuống tóc, thọ giới, mặc áo cà sa làm tỳ kheo. Khi thọ giới xong, Kim Tiền đã đi đánh lễ từng vị một khắp trong hàng tăng chúng. Nơi nào tỳ kheo Kim Tiền chắm hai bàn tay xuống đất lễ lạy là nơi đó lưu lại hai thỏi vàng.

Sau khi thọ giới xong, Kim Tiền tinh tấn tu hành, không khi nào tỏ ra dãi dãi, chậm trễ. Chẳng bao lâu, vị tân tỳ kheo Kim Tiền này chứng được đạo quả A La Hán.

Một ngày nọ, Tôn giả A Nan thấy vậy bạch hỏi Đức Phật: "Bạch Thế Tôn, tỳ kheo Kim Tiền đời trước đã vun trồng những phước đức gì mà đời này trong nắm tay cứ mãi sanh ra vàng, lấy hoài chẳng hết, dùng mãi vẫn còn, lại gặp được Phật, xuất gia không bao lâu, chứng được đạo quả A La Hán? Cúi mong Đức Thế tôn từ bi khai thị, cho chúng con được hiểu rõ".

Đức Phật hoan hỷ, vì đại chúng mà nói về một đoạn nhân quả như sau:

"Cách đây 91 kiếp về trước, khi Đức Phật Tỳ Bà Thi thuyết pháp độ sanh khắp nơi. Nơi nào Ngài và tăng chúng đến thuyết pháp cũng đều có thí chủ thiết trai cúng dường. Lúc đó, có một người thanh niên nghèo, nhưng lòng ước ao rất muốn được cúng dường Đức Phật Tỳ Bà Thi và đại chúng, nhưng lại không có tiền của. Anh ta mới nghĩ ra cách kiếm tiền bằng sự quyết định vào núi ngày đêm cố gắng hết sức đốn củi để đem ra chợ bán. Bán dành dụm được hai chục đồng, số tiền có được là do từ công lao mồ hôi nước mắt đốn củi của anh. Anh rất vui mừng được số tiền hai chục, liền đến chỗ Đức Phật Tỳ Bà Thi, thành kính dâng trọn lên cúng dường Phật và chư tăng. Anh nghèo này đã đem hết tâm dạ chí thành, thực hành việc tịnh tài cúng dường Phật và chư tăng. Trải qua 91 kiếp đến nay, bởi do lòng thành cúng dường mà được phước báu, nên tay sanh ra tiền vàng, dùng mãi không hết. Người nghèo lúc đó không ai xa lạ, mà chính là tiền thân của tỳ kheo Kim Tiền hôm nay".

Một hạt giống được gieo trồng thì sau đó có thể sanh ra muôn ngàn hạt giống. Chẳng khác nào một hạt ổi được ươm trồng sẽ sanh ra hàng trăm trái ổi và có hàng ngàn vạn hạt ổi. Chỉ cần thành tâm bố thí cúng dường như anh tỳ phu nghèo kia, mà sau đó gặt hái được cái phước báu có vàng dùng mãi không hết. Theo luật nhân quả phước báu, bố thí cúng dường là nguồn gốc để được phát tài giàu sang phú quý.

Qua câu chuyện trên đây, cho ta thấy rõ nhân nào quả nấy. Tâm tạo nhân bố thí, cúng dường Tam Bảo thì nhất định phước báu giàu sang. Tâm tánh keo kiệt bòn sẻn ích kỷ bo bo giữ của thì sẽ phải chịu quả báo nghèo đói bần cùng. Cổ đức dạy: "Thiên võng khô khô, sơ nhi bất lậu". Nghĩa là: "Lưới trời lồng lộng, người phạm không thấy, nhưng không một mảy lông nào thoát khỏi".

Khi gặp phải cảnh trái ý nghịch lòng, đừng nên oán trời trách đất, giận đời, hờn người, mà phải cố gắng tu, cố gắng làm việc bố thí, cố gắng làm việc thiện. Bởi nhân nào quả nấy, tôi thấy chỉ có tu mới được hạnh phúc. Tu hành mà hện, hện thì không thành. Hoàng Nhất đại sư dạy rằng: Bởi mạng sống con người đâu dễ biết ngày mai. Bố thí, cúng chùa, đừng đợi giàu, Vì giàu thì thường hay sanh tâm keo kiệt, bủn xỉn, tham lam muốn vợ vét để cho giàu thêm. Chớ nên phân bì, so đo hơn thiệt. Ai có phần nấy. Cây lúa thì được lúa. Gieo cỏ thì được cỏ. Tâm của ta như đất. Nên thường gọi là "Tâm địa". Đất không trồng cây hoa trái thì đất sẽ sanh cỏ gai dại. Tâm không biết tu hành lành thiện, thì tâm sẽ sanh tham sân si, nghi, mạn, đambê dục lạc, tạo nên tội ác.

Để kết luận bài này, Thầy đã mượn lời kệ của cổ nhân:

*Dục trí tiên thế nhơn
Kim sanh thọ giả thị.
Dục trí lai thế quả
Kim sanh tác giả thị.*

Tạm dịch:

*Muốn biết việc làm đời trước của người,
Nên xem đời này họ thọ hưởng.
Muốn biết quả báo đời sau của người,
Nên xem hành vi đời này họ tạo.*

---o0o---

27. ĐỊNH HƯỚNG THUYỀN ĐỜI

Thưa quý bạn,

Biển Phật Pháp mênh mông. Rừng thiền sâu thăm thẳm. Nếu không có minh sư bạn hiền thiện tri thức hướng đạo giúp đỡ thì thật là khó tránh khỏi lầm đường lạc lối.

Chúng ta sanh vào thời pháp nhược ma cường này. Chánh tà lẫn lộn, thánh phàm khó phân. Nếu người học đạo, không quán sát kỹ, không suy nghĩ chín chắn, không thận trọng trong việc tìm thầy hướng đạo cho mình, mà chỉ biết chạy theo sự kêu gọi rủ rê rỉ tai, thì về sau khó tránh khỏi cái nạn mất định hướng, không tìm được thầy hiền bạn tốt, do đó không tìm đâu ra phương pháp chân chánh để tu học, mất căn bản nương tựa, rồi mù mịt không biết về đâu, phải chuốc lấy thất vọng khổ đau oan uổng một đời, lúc đó dù có muốn hướng thiện tu hành mà vẫn không thành đạt!

Đã bao thánh năm tôi âm thầm thành tâm lạy Phật, đọc tụng kinh sách Phật giáo, theo Thầy Đức Niệm nghe giảng thuyết kinh Phật, tư tưởng của Phật từ từ thấm sâu vào lòng tôi, tâm trí tôi cũng theo đó mà sáng sủa hơn. Khi biết Phật Pháp rồi, có những lúc hồi quang phản chiếu thấy rõ điều sai lẽ phải. Tôi tui hận phạt mình sanh nhầm vào thời cách Phật quá xa, pháp nhược ma cường, lại thêm nước mất nhà tan, mang thân sống gởi đất khách quê người, mà còn chút thiện duyên hằng tuần đến Phật Học Viện Quốc Tế nghe thầy giảng kinh thuyết Phật. Tôi tỉnh ngộ, đời là mộng huyễn, là biển

khổ triền miên. Tôi sớm dứt khoát tư tưởng quay lái thuyền đời, không còn hời hợt để thời gian trôi qua một cách vô ích. Không chạy theo thú vui dục lạc ở đời như trước nữa. Tôi đã tìm ra định hướng cho niềm tin qua một trong những bài thuyết pháp của Thầy. Tôi đã tìm được hướng đi cho lẽ sống thẳng hoa thánh thiện. Một trong những câu chuyện được lồng vào trong bài thuyết pháp của Thượng Tọa Đức Niệm nay tôi xin đem công hiến quý bạn.

Bạn ơi! Vào một chiều Chủ nhật như bao chiều Chủ nhật. Nhưng hôm nay nhằm ngày Vu Lan thắng hội. Ngày báo hiếu! Với đức độ uy nghi điềm đạm, nơi điện Phật, Thầy hướng về thiện tín thập phương, cất giọng đồng lãnh lót bắt đầu thời pháp, Thầy nói:

"Hôm nay tôi xin nói về đề tài, chọn đường tu học". Thầy tiếp:

Thưa quý vị! Thường tình con người lúc nào cũng tham được nhiều, cầu hoàn mỹ, thích mới chán cũ, quên phũ ân, bội bạc nghĩa, sùng thần bái thánh, tranh quyền đoạt lợi, thích tự xưng mình là kẻ cả để làm thầy tổ ăn trên ngồi trước thiên hạ. Đó là căn bệnh trầm kha của hầu hết mọi người! Những tánh đó là căn tánh phàm tục trói buộc con người, khiến cho con người phải giống ruồi vong thân, truy cầu cho thỏa lòng tham vọng. Nhưng nghĩ cho kỹ thì, trong thế gian này có mấy người được trọn vẹn theo như ước muốn của mình đâu? Phải không thưa quý vị!

Con người là một động vật nhỏ bé trong muôn loài động vật. Sức chịu đựng nắng mưa thời tiết của con người so với loài động vật cũng thua kém xa. Chẳng hạn trâu, dê, hươu, nai, chim chóc v.v... phần nhiều sanh ra đều thích ứng ngay với hoàn cảnh tự lực cánh sanh, tự tìm lấy thức ăn để sống. Trong khi đó, con người phải suốt ba bốn năm nhờ sự bú mớm săn sóc của mẹ cha. Thế mà lắm người miệng thường tự phô trương, không chút e dè, đối với bề trên mình không biết sợ phạm thượng với các bậc ân nhân, các đấng thánh hiền. Đối với dưới mình không biết tự hổ với lương tâm và tự thẹn với muôn loài. Lòng tham quá độ mà không mấy khi biết đủ. Tự để mình sống tự cao tự đại mà lại lặn hụp trong ngũ dục sắc, danh, tình ái, uổng ăn, chơi ngủ. Người học Phật thiếu minh sư hướng dẫn, không thực tâm chân chánh hành trì, cũng sẽ không ra ngoài công lệ tham tạp đó. Nghĩa là lợi dụng đạo để tạo danh lợi cho mình.

Phương pháp tu hành của Phật có muôn vạn pháp môn. Có số người tu Phật muốn gồm tất cả chùa miếu, nên chùa miếu nào cũng đi, thầy bà nào cũng đến, Không có pháp môn tu rõ rệt. Hạng người này thường được gọi

là tu lòng vòng tin đạo lang bang. Đó là những hạng người không hiểu biết Phật Pháp là gì, chỉ ở ngoài cổng rào nghe ngóng, rồi nói hùa theo. Như thế chẳng khác nào kẻ chèo đò phớt lẹ qua mặt nước sông hồ, chỉ biết thoáng qua trên mặt nước chứ đâu thể nào biết được chiều sâu ở lòng đáy ao hồ. Hạng tu lòng vòng này đối với việc trong thiên hạ thì sáng, trong lúc đó, việc tu của chính bản thân thì quờ quạng.

Bởi lẽ suốt ngày chỉ đề tâm chạy rong tìm biết việc tạp của thiên hạ, xem thiên hạ dở hay, tốt xấu, mà tự quên đi tìm biết chọn thầy, chọn bạn, chọn pháp môn đề chuyên tâm hành trì, suốt ngày thảng cứ chạy đôn chạy đáo chỗ nào cũng có mặt, để nghe thử ông thầy này, ông sư kia, bà Phật tử nọ, rồi phê bình chỉ trích, trong lúc đó lại quên quán sát phê bình chỉ trích những lỗi lầm phạm tục của chính mình. Đó là hạng người xách nước cho người tắm, mà tự mình quên tắm. Bung nước cho người uống mà tự mình khát. Kinh Thủ Lăng Nghiêm Phật nói: Hai mươi lăm thứ viên thông, Di Lạc Bồ Tát chỉ quán thức tâm viên thông, đích chứng lý duy thức. Quán Thế Âm chỉ tu nhĩ căn viên thông, chứng nhập tam ma địa. Đại Thế Chí Bồ Tát chỉ niệm Phật viên thông, mà chứng đắc lục căn thanh tịnh. Trì Địa Bồ Tát quán tánh đất bằng phẳng mà nhập trí viên thông. Nguyệt Quang đồng tử do quán tánh nước mà chứng được vô sanh nhẫn. Lưu Ly Quang đồng tử quán tánh gió mà chứng tam ma địa. Ngài Ô Sô Sắc Ma do quán tánh lửa mà chứng được trí huệ vô thượng. Hư Không Tạng Bồ Tát do quán tánh hư không mà được diệu lực viên mãn. Xá Lợi Phất do quán nhãn thức mà chứng được kiến tánh viên thông. Tu Bồ Đề do quán ý căn mà đạt đến tánh năng phi sở phi, chứng nhập ý căn viên thông v.v... (xin quý vị xem kinh Thủ Lăng Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm thì sẽ rõ). Do đó, chúng ta chưa thấy vị Bồ Tát nào cùng lúc tu nhiều pháp môn, giông ruổi bên ngoài mà quên chiếu chính mình, lại có thể chứng đắc được nhiều môn viên thông, đạt nhiều quả vị.

Người học đạo ngày nay tâm trí thiếu chuyên tinh. Đã học tu tham thiền, lại quay ra muốn niệm Phật. Niệm Phật chưa đến đâu, lại đòi tu mật. Thiền, Tịnh, Mật chưa hiểu biết gì thì liền tu phép Quán Âm, thiền xuất hồn, nhứt thượng thừa v.v... tạp nạp đủ thứ! Tin học Phật Pháp thấy chưa đủ, lại khẩn cầu thần tiên. Cầu khẩn thần tiên chưa xong, lại quay ra giông ruổi chạy đi tìm bùa mê, phép lạ, bát quái sách truyền bói quẻ bói tướng v.v... Suốt tháng năm, cứ lo chạy đôn chạy đáo, dáo dác khắp tìm, tán tâm loạn tưởng, lãng phí thì giờ, chỉ cầu được chút danh, chỗ nào cũng có mặt, để được quen chùa này, người nọ. Cứ thế tuổi đời chồng chất, tóc bạc sức mòn, mà họ vẫn còn chưa tỉnh ngộ, nào có lợi ích gì cho con đường tu tiến đâu?! Rốt cuộc không

đi đến đâu mà thân tàn sức yếu, quay lại trách người, giận thầy, oán trời, rồi sanh tâm chán nản xa chùa, rời bỏ đạo.

Trải hơn mười năm giông ruồi trên đường đời ở xứ Mỹ này, tôi đã thấy bày ra trước mắt bao nỗi phiền toái của tình người làm cho tôi bàng hoàng tỉnh thức. Tôi không để mình lặn hụp trong biển đời mộng huyễn nữa. Tôi biết tất cả đều là mộng huyễn bất tịnh. Dù cho có suốt đời năm bảy mươi năm lặn lội đuổi bắt lợi danh, rồi cuối cùng có để lại được gì cho ta? Hay khi buông xuôi đôi tay rồi cũng lại giống hệt như ngày trong bụng mẹ mới ra chào đời với hai bàn tay trắng, mà nghiệp mình phải tự mang! Nhà cửa vợ con danh vọng có cứu ta sống lại được không? Khi hơi thở chấm dứt, những thứ đó có chịu theo ta không? Hay chỉ một mình ta phải chịu quả báo nghiệp khổ? Rõ ràng như thế, tại sao ta không sớm thức tỉnh giác ngộ, nghe lời Phật dạy, nghe lời thầy khuyên, để gắng tu tâm sửa mình. Không ai thương ta bằng ta thương ta. Không ai biết ta bằng ta biết ta. Không ai cứu ta bằng chính ta tự cứu lấy ta. Chồng vợ con cái chỉ thêm trói buộc, chỉ làm phiền cho nhau. Ông cha mẹ như trời biển, ta cố gắng báo đền. Tình đồng loại nghĩa quốc gia, ta cố gắng phục vụ. Còn tất cả lợi danh, ái ân, tình đời là giả tạm, buộc ràng, phiền lụy. Nhà thơ đã nói:

*Trần thế đã nhiều oan nghiệp lắm,
Lệ lòng mong cạn chốn am không,
Cửa thiền một đóng duyên trần dứt,
Quên hết người thân chốn bụi hồng.*

Sanh ra đời chịu phải mấy mươi năm chinh chiến. Cuối cùng nước biển nhà tan, thân bằng quyến thuộc phải ly tán, kẻ ở người đi, sống trong cảnh sanh ly. Người sống trên đất khách quê người cũng như ở quê hương, đều phải nhọc nhằn tìm cái sống. Sống không thoải mái, khổ nhiều vui ít, đủ thứ đày đọa kiếp người. Còn gì nữa mà chưa tỉnh thức? Còn gì nữa mà phải công kích nói xấu hủy báng nhau? Rắn độc phun nọc hại mạng người. Kẻ vu khống hủy báng người hiền, nguy hiểm hơn rắn độc. Cổ đức nói: "Ôi! Luận người ở đời búa để trong miệng. Ngậm máu phun người, trước dơ miệng mình". Vu khống hủy báng người hiền là việc làm tán tận lương tâm, thiếu mất nhân cách con người. Tin vào hạng người này là ta vô tình mở ngõ vào hầm chông tội ác, bước gần sát đến cảnh giới của quỷ la sát, yêu ma, sa đọa địa ngục.

Những kẻ hay dòm ngó, soi bói, nói xấu người hiền, để thỏa mãn lòng ganh tị, để tỏ ra ta đây hiểu biết hơn người, là những kẻ niềm tin và thiện

duyên đạo đức đã khô cạn. Theo sách Thánh hiền Ngũ lục thì những kẻ như trên thuộc về hai hạng người sau đây: Một là vừa mới thoát kiếp từ ngục quỷ, la sát. Hai là tuy là mang hình người, nhưng tâm địa của họ là yêu tinh ma mị, tìm cách phá hại người hiền đức".

Nhiều khi họ tỏ ra ham tụng kinh Đại thừa để thỏa mãn lòng hiếu kỳ với tà tâm kiêu mạn. Họ tụng kinh ăn chay tưởng là hơn hết, vọng cầu người khen, tưởng việc làm của mình như thế là hơn cả. Những hạng người này sống trong hư danh vọng tưởng, tự mình đào huyệt chôn mình, tự mình mở cửa ba đường ác đạo để vào.

Nói cùng gốc rễ, đáo để có thể tóm một lời: "Những kẻ thích danh lợi, dục vọng là những kẻ ưa vu khống hủy báng người hiền", Bởi họ muốn người khác chú ý đến họ. Họ muốn đồng hóa người hiền đức cũng thấp hèn ô uế như họ. Họ là những con người không sợ tội lỗi, không có lòng tin nhân quả luân hồi, nghiệp báo. Phật nói: "Không tội tã nào bằng người không biết tin nhân quả. Không tội ác nào bằng kẻ dám hủy báng người hiền, mà không biết ăn năn sám hối". Hạng người như thế, họ sống không có ích lợi gì cho chính bản thân của họ, mà còn lại làm hại cho đời. Đối với tín ngưỡng, họ chỉ làm tổn thương cho đạo. Họ sùng tín vị nào, trước sau gì vị đó cũng bị họ vu khống. Họ gần bạn bạn đạo, chậm mau gì rồi cũng đặt điều rĩ tai nói xấu. Đó là lẽ tự nhiên.

Vậy thì còn có ý nghĩa gì nữa để gọi là Phật tử học đạo? Nói cho cùng, những hạng người như thế chưa đủ tư cách làm một con quỷ biết quy đầu chánh pháp, chớ đừng nói là có đủ tư cách của một môn đồ kính ngưỡng tôn giáo, thì làm sao có đủ tư cách là đệ tử Phật?

Cổ đức tiên hiền hành đạo thành công. Cái bí quyết là ở chỗ biết chọn pháp môn thích hợp với khả năng của mình, rồi chuyên tâm tu hành trì thâm nhập. Từng ngày từng phút phải cẩn trọng giữ gìn thân miệng ý ba nghiệp cho được thanh tịnh. Không dám hé miệng phóng tâm, buông lung hành vi cử chỉ. Thủ khẩu như bình. Tâm tâm niệm niệm hướng thiện nhớ Phật. Phong độ nghiêm túc. Đạo hạnh quán thông. Người niệm Phật thì chuyên tâm trì danh hiệu Phật đến tận cùng tâm ý, không còn lo nghĩ buông lung. Người tham thiền thì ý chí phải định tĩnh, phải quả quyết để xa lìa sanh tử, một lòng thiền quán, cho dù trời đất ngửa nghiêng, lòng vẫn quyết không giao động nao núng, chứ không phải tu thiền văn nghệ ngâm thơ, uống trà cho vui, tà tà hưởng thụ, giả trang thiền tướng.

Đức Phật suốt 6 năm thiền định trong rừng khổ hạnh. Ngày ngày vói hạt bắp hạt mè để độ nhật. Chim chóc trùng dế, làm ổ trên người Ngài. Thú rừng rắn rết đủ thứ hiểm nguy vây bủa, nhưng Ngài vẫn bất động.

Người tu trì chú phải nhất niệm, chuyên tâm hành trì đến chỗ tâm chú hợp nhất, năng sở không hai. Người tu hành phải nhất tâm quyết chí trước sau như một. Phải luôn luôn thúc liễm thân tâm, kiểm soát hành vi tâm niệm của mình từng giờ từng phút. Không thể tự dễ dãi với mình. Không thể tha thứ cho mình. Phải lấy hạnh nguyện tu hành của Đức Phật, của chư vị thánh hiền làm gương soi sáng cho chính mình. Phải giữ trọn nhiệt tình tâm thành của buổi ban sơ đến với đạo cho đến ngày lâm chung nhắm mắt lìa đời, trước sau như một, thì đạo quả có cơ đạt thành ngay trước mắt, trong tầm tay trước mặt. Cổ đức nói: "Xuất gia sơ tâm, thành đạo hữu dư". Có nghĩa là người tu hành nhiệt tình tinh tấn với đạo, với lý tưởng của mình đã tôn thờ, suốt trọn cuộc đời nhiệt tình hành trì như độ nhiệt tâm lúc ban đầu mới phát tâm, thì người đó công đức thừa dư để trở thành bậc giác ngộ thánh thiện. Người tu hành một lòng với lý tưởng của mình, chuyên tâm phụng trì giới hạnh, tiến bước không lùi, cho dù vấp phải lần thứ một ngàn, vẫn mạnh dạn đứng dậy tiến bước như lần đầu, thì không có mục đích nào mà không đạt, một nơi nào mà không đến. hành đạo như thế thì không tội lỗi nào mà không tiêu diệt, không phước đức nào mà không sanh trưởng, không tâm nguyện nào mà không thành, không đạo quả nào mà không chứng.

Khi Đức Phật còn ở đời, đệ tử của Ngài là Tôn Giả Châu Lợi Bàn Đà, trọn đời chỉ chuyên niệm hai chữ: "chối quét", mà được nhưt tâm bất loạn, chứng thánh quả A La Hán. Lục Tổ Huệ Năng chỉ biết nhớ đến hai chữ "gạo trắng", mà được đắc Pháp, kế thừa Tổ Vị. Gần đây, Bồ Tát Quảng Đức một đời tu hành rất bình dị, chỉ nhớ đến câu "Nam Mô A Di Đà Phật, hiến thân này cho đạo Pháp", mà dũng khí hùng tâm, khi ngồi trong lửa hồng vẫn bất động, lửa thành hoa sen. Sức định tâm của Ngài đã kết thành quả tim Kim Cang bất hoại, sách sử muôn đời còn ghi, nhân loại thế giới đã phải kinh hoàng bá phục.

Ngày nay có kẻ nhận mình là Phật tử, tự xưng trì kinh Đại thừa, học đạo lâu năm, nhưng vẫn chưa tỏ ra thấm chút nào giáo pháp của Phật. Vẫn chưa nhận ra đâu là minh sư để cầu học đạo. Vẫn chưa tạo cho mình cái chỗ đứng vững chắc trong niềm tin. Vẫn chưa tìm cho mình một phương pháp để tu, một định hướng để đến. Cứ mãi rượt bắt lợi danh, lang bang khắp chốn suốt năm tháng, tiêu hao năng lực vào chỗ loạn tâm tà tín thiên kiến tin theo hình dáng bên ngoài sùng bái tà sư ác thần, đi chùa chỉ để cầu vui gặp bạn bàn

luyện những chuyện quàng xiên đầu đầu, không dính dấp gì đến ý nghĩa cầu đạo tiến tu giác ngộ. Những người như thế thật oan uổng một đời luống qua, đánh mất cả chánh tâm chánh tín chánh niệm. Đó là những hạng người không chịu cần trọng tìm thầy chọn bạn, không biết quý tiếc thời gian và không sáng suốt lượng định sức khỏe tuổi tác của mình. Cứ lang thang theo danh lợi hảo huyền, để rồi bị bạn bè quyến rũ kéo vào đường tu bất chánh. Kết quả, ngày tháng trôi qua đầu đã bạc, mà chưa chọn lấy pháp môn tu! Chưa có bậc thầy đạo hạnh để nương tựa.

Không thực lòng chơn chánh làm việc phước đức, thì làm sao đạo nghiệp chánh chuyên, thân tâm được an định, để thể nhập Phật lý, làm tư lương hạt giống lành, ngõ hầu được bước vào cửa ngõ giác ngộ giải thoát. Tụng kinh thọ giới cho nhiều, mà tà tâm trước tướng, đi đủ chùa này am khác, không có lập trường định hướng, nghe theo lời rỉ tai lôi kéo, chẳng khác nào như bèo trôi trên mặt nước, như kẻ hát bội trên sân khấu. Hạng người này suốt năm tháng giông ruổi bên ngoài, học đòi hình thức mê tín, mà quên đi thanh sạch hóa nội tâm, khi gặp việc trái ý nghịch lòng thì tâm không được định tĩnh, há miệng lộng lộng kêu than, bởi tại lang bang không định hướng. Cổ nhân có câu rằng:

*"Tham sân nghiệp chướng không chừa,
Bo bo mà giữ tương đưa làm gì".*

Hoặc:

*Có tật thì vái bốn phương trời,
Vô tật đồng lương chẳng mất.*

Xuất tiền góp của ra công mất thì giờ mà không y theo lời Phật dạy để thực hành chánh đạo, không kính trọng quy Tam Bảo, không cầu thâm nhập pháp môn tu hành, suốt đời vẫn phải chạy quanh quẩn ngoài vòng rào của biển giáo pháp giải thoát, thì không bao giờ được ngồi vào tháp giác ngộ. Bà Thanh Đề cũng tin Tam Bảo, nhưng khinh thường sư tăng, mà phải đọa vào ngạ quỷ. Vợ vua Lương Võ Đế chỉ vì xem thường chư tăng và lòng nhiều đố kỵ, mà phải bị đọa vào loài súc sanh làm con mãng xà. Chú Sa di chỉ lỡ lời chê vị Tỳ kheo già tụng kinh tiếng ồ ề như chó sủa, mà phải đọa làm thân chó. Mẹ của vị Tỳ kheo trụ trì một ngôi già lam tu viện nọ, vì nghĩ mình là mẹ của trụ trì, nên không cần xin phép, tự ý lấy cái y cũ của con mình dùng đắp che thân đỡ lạnh, mà phải đọa vào loài súc sanh, làm con rùa đến 500

kiếp. Những chuyện đố kỵ, khinh tăng, coi thường của Tam Bảo phải chịu quả báo ác, còn ghi tạc rất nhiều trong tam tạng kinh điển.

Phật dạy rằng: "Tin ta mà không hiểu giáo lý của ta, thì sẽ hủy báng ta". Hành đạo giác ngộ của Phật mà không biết tìm minh sư học đạo, không chọn thiện tri thức để kết thiện duyên không làm theo lời Phật dạy, lại chạy đôn chạy đáo nghe theo ông này bà nọ tự xưng là thánh, phải biết những người như thế là thiếu nhân duyên lành, khó tránh được những lỗi lầm trên bước đường tu tập, vô tình tự họ mở cửa vào hang động của ác tri thức, ma vương.

Sau khi thành đạo, Đức Phật quán sát căn tánh chúng sanh, Ngài đồng đạ tuyên bố: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Ta là Phật đã thành. Chúng sanh là Phật sẽ thành, nếu mọi người đều biết dốc lòng học đạo tu hành như ta".

Hễ ai dốc chí y theo lời dạy của Phật mà phát tâm tu học, đều có thể thành Phật. Nên trong kinh Pháp Hoa, Ngài Thường Bất Khinh Bồ Tát, tiền thân của Đức Thích Ca Mâu Ni, đã tu mật hạnh mỗi khi thấy người nào, thì liền chấp tay đánh lễ, miệng nói lớn: "Tôi không dám khinh Ngài. Bởi Ngài sẽ là Đức Phật tương lai". Lúc bấy giờ, người đòi cho Ngài Thường Bất Khinh là anh chàng điên ăn nói quàng xiên, nên đánh rượt mắng nhiếc! Nhưng vị Bồ Tát này vẫn trì chí thật hành theo hạnh thường bất khinh. Vì thấy mọi người đều có thể thành Phật, đức tánh trí tuệ giác ngộ của Phật có đủ trong tất cả mọi người, nên Phật quả quyết xác nhận "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật".

Do đó, nên biết, hễ có tâm khinh người tức là khinh chư Phật tương lai. Trong lúc tu hạnh Bồ Tát, hay sau khi thành Phật, Ngài Thường Bất Khinh vẫn cẩn trọng tôn kính chúng sanh. Không việc phước đức nhỏ mà Ngài bỏ qua. Không việc ác nhỏ nào mà Ngài dám làm. Cử chỉ Đức Phật cúi lưng xỏ kim dùm cho bà cụ già bên vệ đường thì đủ thấy điều đó. Khinh chê hủy báng bản tánh Phật tâm của mình. Khinh chê sư tăng chân tu tức là khinh chê Tam Bảo, tự đào hố sâu hố thăm tội lỗi chôn mình, tự hủy diệt giống Bồ Đề của mình vậy.

Thưa quý vị, Đức Phật vì chúng sanh nhân loại, mà Ngài đã xả bỏ tất cả để vào rừng sâu núi tuyết tu hành. Sau khi thành đạo chứng quả, Ngài đem trọn đời mình rày đây mai đó thuyết pháp giáo hóa để cho chúng sanh sớm tỏ ngộ đạo lý chơn thường, biết đường tu hành giải thoát nỗi khổ sanh tử luân hồi. Suốt 50 năm, Ngài đem hết tâm lực cho công cuộc hoằng pháp lợi

sanh. Không pháp môn tu nào mà Ngài không nói. Không phương tiện hành trì nào mà Ngài không khai thị sử dụng. Không lời khuyên nhủ dụ hiền giải thoát nào mà Ngài không tha thiết bày tỏ với chúng sanh. Không thắc mắc hoài nghi nào mà Ngài không từ hòa cặn kẽ giải đáp. Không có phương thức nào cho việc hoàn thành nhân các trên đường thánh thiện tiến hóa mà Ngài không phân tích trình bày. Tất cả những gì đáng nói, Ngài đều nói hết. Tất cả những hạnh lành, Ngài đã thực hành viên mãn. Ngài như mẹ hiền dạy con, như ánh trăng rằm chiếu mát trên vạn vật. Cha mẹ hiền còn có thể buồn phiền giận tức từ bỏ những đứa con bất hiếu. Ánh trăng rằm còn có khi tỏ khi mờ. Chứ lòng từ bi hỷ xả bao dung của Đức Phật không bao giờ bỏ quên bất cứ một chúng sanh nào, dù đó là những chúng sanh căn tánh ác độc ám độn đến đâu. Đến như Đề Bà Đạt Đa nhiều lần quyết tâm hại Phật mà Phật vẫn độ. Bởi thế, kinh Pháp Hoa nói: "Phật thương chúng sanh như mẹ hiền thương con nhỏ". Nhà thơ đã ca ngợi tình thương bao la của Đức Phật đối với chúng sanh:

*Phật động lòng thương kiếp đọa đày,
Hóa thân làm tuyết bốn trời bay,
Kết hoa sáu cánh sen mười trượng,
Giọt tịnh bình xoa dịu đắng cay.*

Đức Phật lấy nỗi khổ đau của chúng sanh làm nỗi khổ đau của chính mình. Các chân tăng đã hy sinh xả bỏ tất cả ân tình dục lạc của thế gian, không còn gần gũi dưng cúng những đồ ngon ngọt cho cha mẹ, sáu hàng bà con trọn đã bỏ lia, cũng chỉ mục đích duy nhất là quyết chí đi trọn trên con đường giác ngộ lợi tha và giải thoát. Ấy là các thầy theo gót chân Đức Phật, nguyện hy sinh đời mình cho đại nghĩa từ bi giác ngộ. Đức Phật chẳng những Ngài hy sinh cho từ bi giác ngộ, mà Ngài còn khuyến khích dẫn dò hàng Bồ Tát, hàng đệ tử của Ngài phải đồng mãnh phát Bồ Đề tâm, dấn thân vào công cuộc lợi tha giải thoát, để hướng dẫn chúng sanh được hạnh phúc an lạc giác ngộ giải thoát.

Nào, các bạn đợi đến bao giờ mới chọn lựa hướng đi cho mình, để giải cứu mình? Ngày tháng trôi qua mau như nước chảy xuống dốc. Sự sanh già bệnh chết không hẹn với người. Đợi đến bao giờ mới hết ân ái bạn bè, hết lận lợi trên đường đời? Ân nghĩa sanh thành của cha mẹ lẽ nào chúng ta xem nhẹ không lo báo đền?! Sự có mặt của chúng ta trên cõi đời này lại để bận rộn lợi danh luống qua ư? Khả năng Phật tánh thánh thiện của chúng ta lại có thể dễ dãi để nhàn không luống trôi qua theo thời gian năm tháng ư? Đời này không tỉnh ngộ sớm chọn đường tu, chúng ta phải đợi đến bao giờ? Cỗ

đức dạy: Đời này không độ lấy thân, lại đợi đến đời nào mới độ? Cửa thiên môn thanh tịnh vẫn mở rộng để đón người trần thế. Thuyền Bát Nhã đang chờ để cứu vớt kẻ trầm luân, tinh thức tiến bước lên đi hỡi bạn:

*"Con thuyền Bát Nhã thânh thânh,
Này nơi cửa Phật mông mênh liên trì,
Nước trong trăng ánh quang huy,
Kìa nơi đức hạnh uy nghi vẹn toàn".*

---o0o---

28. TA LÀ AI?

Thưa bạn,

Thỉnh thoảng, tôi lại được hầu chuyện đạo cùng bạn. Ấy là nhờ tôi thường đến Phật Học Viện Quốc Tế nghe Thượng Tọa Đức Niệm giảng kinh mà tôi hiểu biết được chút ít giáo lý để tu tập. Những lời tôi nói ra đây là thâm nhuần giáo lý từ bậc thầy hiền đức.

Thông thường, người hay nói thì hay gặp phải những điều sơ suất. Người hay viết thì thường mắc phải lỗi lầm về văn tự hoặc ý tưởng. Chắc tôi lại mắc phải cả hai điều trên nặng hơn. Nhưng tôi tin tưởng các bạn thông cảm mà rộng lượng tha thứ cho, để cho tôi còn có dịp tiếp tục hầu chuyện với các bạn.

Riêng về tôi, thưa bạn, từ ngày nguyện theo thầy tinh tấn học đạo, tôi cố gắng gạt phăng hết tất cả những cảm dỗ phù hoa tình cảm của trần đời tục lụy. Tôi liên tục không ngừng cho lý tưởng cầu đạo giác ngộ giải thoát. Rồi tiếp đó, một thiện duyên thù thắng đến, vào một ngày rằm tháng bảy, năm Tân Dậu 1981, sau nhiều lần thành khẩn, thiết tha cầu xin thầy cho tôi được xuất gia. Thầy đã gan hỏi tôi kỹ lưỡng về gia thế và tâm nguyện. Suốt hơn nửa tháng. Thầy quán căn duyên tôi, rồi Thầy mới hứa khả. Khi được Thầy gọi đến hứa nhận cho tôi xuất gia. Ôi! Tôi mừng khôn kể xiết! Nỗi vui mừng đó không thể dùng bút mực lời lẽ nào diễn tả cho hết. Có lẽ đây là nỗi vui mừng nhất đời tôi. Tôi liền bỏ hết tất cả, chỉ đem theo mình một chiếc xe để làm phương tiện đi lại, và hai bộ đồ vạc hò màu lam đã cũ mà khi còn là cư sĩ tại gia tôi đã sắm để hằng tuần đi chùa học đạo, làm công quả, hằng tháng tu bát quan trai.

Thầy tôi, Thượng Tọa Đức Niệm, người trầm lặng ít nói. Nhưng là mẫu người cần mẫn, quán xuyên cương nghị, quả quyết, nghiêm minh và rất hiền hòa. Tôi chưa từng thấy Thầy để thời gian nhàn rỗi trôi qua. Hết tụng kinh niệm Phật, Thầy ngồi viết sách, nghiên cứu, phiên dịch kinh điển. Hết đi giảng thuyết pháp đó đây, Thầy dạy giáo lý cho chúng tôi. Khi chúng tôi ngủ, Thầy vẫn còn cặm cụi dưới ánh đèn để nghiên cứu kinh luật.

Đời sống của Thầy rất là bình dị. Thầy ăn, Thầy mặc, chấp tác như chúng tôi. Trong khi làm việc, trong lúc học, cũng như trong giờ hướng dẫn niệm Phật tham thiền, Thầy thường khuyên huynh đệ chúng tôi: 'Mình là trưởng tử Như Lai, là con Phật, là bậc xuất gia phải lấy tâm Phật làm tâm mình; lấy hạnh Phật làm hạnh mình; lấy nguyện Phật làm nguyện mình. Phải thể hiện tinh thần nhẫn nhục, từ bi, hỷ xả, lợi tha. Đối với người, mình nên luôn luôn khiêm nhường, nhận sự thua kém. Phải tận diệt lòng ích kỷ đồ kỵ tham lam. Không nên đàm tiếu những điều thị phi của người khác. Còn mắc phải ý niệm lợi danh thì không xứng đáng dự vào hàng trưởng tử Như Lai, chớ đừng nói chi có ý phạm phải những lỗi lầm căn bản giới luật. Người không thích hợp với mình, thì mình nên tránh xa, nhưng không nên hủy báng chê bai nói xấu. Nhìn thấy người làm được việc lợi ích, thì phải khởi tâm tùy hỷ công đức. Thấy người thua kém thất bại, thì nên đem lòng trắc ẩn tội nghiệp, tìm cách giúp đỡ, cầu nguyện cho họ'.

Những lời khuyên dạy của Thầy tôi ngày một thấm sâu vào tâm khảm tôi. Thầy tôi có đức tánh thật là từ bi đại lượng. Nhưng rất mực nghiêm minh cương nghị. Người thể hiện cung cách của bậc Thầy từ bi trí tuệ hùng lực giáo hóa đệ tử. Người thể hiện bậc cha mẹ đùm bọc thương dạy săn sóc các con. Nhưng nhiều lúc chúng tôi vì tánh háo thắng đã làm cho Thầy âm thầm phiền khổ, như bà mẹ hiền phiền khổ vì muốn đàn con khó dạy nên người. Người thể hiện ân đức của bậc Thầy luôn luôn ngự trị trong tâm trí chúng tôi. Thầy là lẽ sống của huynh đệ chúng tôi. Đúng thực "Thầy là bóng cây che mát chúng tôi. Thầy là dòng sông trong lành tắm mát đời chúng tôi. Thầy là con thuyền thanh lương đưa chúng tôi đến bờ thanh hương". Ngôn ngữ, cử chỉ, tâm niệm, đời sống của Thầy là thể hiện ý nghĩa vị tha độ sanh của Phật. Trong khi khuyên dạy chúng tôi, Thầy thường dẫn những mẫu chuyện đạo để chứng minh cho lời giảng dạy của mình. Một trong những mẫu chuyện đạo mà tôi hằng ghi nhớ sâu đậm ưa thích, và cũng để tự cảnh tỉnh đời mình, nay xin lược kể để hầu chuyện cùng quý bạn:

Có chàng tráng sĩ vào rừng xanh săn bắn, Trong lúc hăng say đi tìm mồi, trời tối lúc nào không hay. Giữa khu rừng tăm tối mông mênh, anh ta mất

phương hướng không tìm được lối ra. Trời tăm tối, rừng mênh mông đầy chông gai và đá nhọn. Trong khi lang thang tìm phương hướng, bỗng anh nghe phía sau lưng có tiếng động, nhìn lại thì đó là một con voi to lớn đang rượt đuổi theo anh. Sợ quá, anh đâm đầu chạy để tìm nơi ẩn tránh. Chạy đến gặp một cái giếng cạn, anh định nhảy xuống giếng để tránh voi dữ. Nhưng ở dưới đáy giếng một con rắn độc nằm sẵn từ lúc nào, đang há to miệng thè lưỡi khà khà phun nọc độc. Trong lúc hoảng hốt, anh nhìn lên miệng giếng thấy một sợi dây leo lòng thòng từ cây cổ thụ bên hông giếng. Không cần suy nghĩ đắn đo, anh nhảy thót lên nắm lấy dây leo. Dây leo đầy gai nhọn đâm vào tay chân thân mình anh. Máu chảy đau nhức. Trong khi hết sức bám chặt đeo lấy sợi dây leo, anh ngược nhìn lên cành cây cổ thụ phía trên, thấy một tổ ong. Con run sợ của anh làm cho dây leo đong đưa mỗi lúc thêm mạnh, lay động đến cành cây, khiến cho mật ong từ tổ ong rơi thành từng giọt. Anh há miệng to hứng nuốt những giọt mật đó với cỏi lòng tự mãn sung sướng, mà quên đi bầy ong bị động tổ ùn ùn bay đến vây chích anh tới tấp. Đeo phía trên có hai con chuột một trắng một đen đang lặng lẽ thi nhau nghiêng cắn dây leo. Bên dưới thót voi vẫn đứng cạnh giếng hằm hừ. Rắn độc ở đáy giếng vẫn tiếp tục há miệng khè răng phun nọc. Gai nhọn vẫn tiếp tục đâm sâu vào người anh. Đàn ong vẫn tiếp tục đánh chích anh mỗi lúc một mạnh một nhiều. Hai con chuột vẫn thi đua cắn nghiêng sợi dây mỗi lúc mỗi mau.

Trong lúc hiểm nguy khôn đồn đồn dập như vậy, thì một hiền nhân xuất hiện, thấy anh đang trong tình cảnh vô cùng nguy kịch, lấy làm thương xót khuyên anh nên theo Ngài để Ngài hướng đạo dẫn đường đưa anh ra khỏi khu rừng tăm tối, đầy chông gai hằm hỏ, thoát ly tình cảnh kinh hoàng hiểm nguy. Nhưng chàng tráng sĩ khất hẹn chôi từ: "Thưa Ngài, xin cảm ơn lượng từ bi cao cả của Ngài đã đoái thương. Nhưng tôi không thể theo Ngài được. Bởi vì tôi còn phải thưởng thức những giọt mật thơm ngon này".

Thưa bạn! Chàng tráng sĩ say sưa đuổi bắt mồi kia, chính là chúng ta đang đuổi bắt phù hoa, thú vui của cuộc đời. Khu rừng tăm tối đầy sỏi đá và gai nhọn, chính là cuộc đời chúng ta đang sinh sống đầy đầy bao nỗi khổ đau thăng trầm hằm hỏ chông gai nguy hiểm. Con voi dữ là tượng trưng cho tử thần lúc nào cũng rình rập đuổi bắt chúng ta. Con rắn phun nọc độc là chỉ cho sự già nua ần núp thâm lặng tàn phá sự tươi trẻ khỏe mạnh của kiếp người chúng ta. Sợi dây đầy gai nhọn mà tráng sĩ đang đeo chặt là tượng trưng cho mạng sống. Hai con chuột trắng và đen là chỉ cho ngày và đêm. Những giọt mật là tiêu biểu cho ngũ dục lạc ở đời. Đàn ong là tượng trưng

cho nỗi khổ đau sâu phiền lụy đeo đuổi suốt kiếp người. Hiền nhân kia chính là tượng trưng Đức Phật.

Thưa các bạn! Câu chuyện trên đây đã làm cho tôi suy nghĩ rất nhiều về thân phận của kiếp người. Càng đi sâu vào cuộc đời, chúng ta thấy suốt kiếp người được gói trong câu chuyện trên đây. Lời khuyên dạy của Đức Phật, gương hiếu hạnh của Mục Kiền Liên Tôn giả, hình bóng hiền hòa giải thoát của Thầy tôi, làm cho tôi chọn lấy con đường giác ngộ giải thoát, bằng cách xuất gia đầu Phật để tu hành cầu giải thoát.

*Cuộc đời nhiều nỗi gay go
Mau mau nhẹ bước qua đò sông mê
Sự đời quanh quẩn tử thê
Công danh sự nghiệp trở về trắng tay.*

Thầy tôi, Thượng Tọa Đức Niệm đã tận tình khuyến khích, giúp đỡ, sửa văn giúp ý, tôi mới có đủ can đảm hầu chuyện với các bạn hôm nay.

Chúc các bạn an vui và tiến bộ trong niềm tin truyền thống dân tộc, để hưởng nguồn sống đạo nhiệm mầu.

--- o0o ---

Hết